NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 240

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NĂM UẨN

240

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*

- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*

- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

dấu,* *tô màu *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. *Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?*

- *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

- *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

- *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

– *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*

– *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*

– *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*

– *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

- *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

- *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Định nghĩa - 5 uẩn còn được gọi là gì - Kinh Màra – Tương III, 339

Màra – *Tương* III, 339

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Màra, Màra", bạch Thế Tôn, như vậy được gọi đến. Thế nào là Màra, bạch Thế Tôn?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là Màra. **Thọ** là Màra. **Tưởng** là Màra. **Hành** là Màra. **Thức** là Màra.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Tánh Chất Của Màra. – *Tương* III, 340

(Như kinh trước,chỉ thay Màra bằng tánh chất của Màra (Màradhamma)).

Vô Thường – *Tương* III, 340

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Vô thường, vô thường", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô thường?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là vô thường. **Thọ** là vô thường. **Tưởng** là vô thường. **Hành** là vô thường. **Thức** là vô thường.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Vô Thường Tánh – *Tương* III, 340

*(Kinh như trên, chỉ thay "vô thường" bằng "**vô thường tánh**").*

Khổ – *Tương* III, 341

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Khổ, khổ", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là khổ?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là khổ. **Thọ** là khổ. **Tưởng** là khổ. Các **hành** là khổ. **Thức** là khổ.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

Khổ Tánh – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**khổ tánh**").*

Vô Ngã – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**vô ngã**").*

Vô Ngã Tánh – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**vô ngã tánh**").*

Tận Pháp – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**tận pháp**" (khayadhamma: chịu sự đoạn tận)).*

Diệt Pháp – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**diệt pháp**" (vayadhamma: chịu sự đoạn diệt)).*

Tập Khởi Pháp (Samudayadhamma) – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**tập khởi pháp**").*

Đoạn Diệt Pháp (Nirodhadhamma) – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**đoạn diệt pháp**").*

2 Định nghĩa - 5 uẩn và 5 thủ uẩn là gì - Kinh Các Uẩn – Tương III, 92

Các Uẩn – *Tương* III, 92

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng **năm uẩn và năm thủ uẩn,** hãy lắng nghe...

4) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là năm uẩn?*

5) Này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; đây gọi là sắc uẩn.

6-8) Này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có các hành gì...

9) Này các Tỷ-kheo, phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; đây gọi là thức uẩn.

10) Những cái này, này các Tỷ-kheo, được gọi là năm uẩn.

11) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thủ uẩn?*

12) Này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì quá khứ vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần, ***có lậu hoặc, được chấp thủ***; đây gọi là sắc thủ uẩn.

13-15) Này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có các hành gì...

16) Này các Tỷ-kheo, phàm có thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ; đây gọi là thức thủ uẩn.

17) Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là năm thủ uẩn.

Nội – *Tương* III, 319

1-2) Ở Sàvatthi...

3) -- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì,* ***nội lạc, khổ*** *khởi lên?*

4) -- Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...,...

5) -- Này các Tỷ-kheo, do có **sắc**, do chấp thủ **sắc**, nội lạc, khổ khởi lên.

6-8)... **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

9) Do có **thức**, do chấp thủ thức, nội lạc, khổ khởi lên.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, nội lạc, khổ có thể khởi lên không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

11-13) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

14) -- **Thức** là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời nội lạc, khổ có thể sanh khởi không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

3 Định nghĩa - 7 xứ và 3 cách - Kinh Bảy Xứ – Tương III, 116

Bảy Xứ – *Tương* III, 116 (Sattatthàna)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Vị Tỷ-kheo thiện xảo trong **bảy** xứ, này các Tỷ-kheo, quán sát theo **ba** cách, được gọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn, **một bậc tối thượng nhân.**

4) **Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ?**

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **biết rõ** (pajànati) sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, biết rõ vị ngọt của sắc, biết rõ sự nguy hiểm của sắc, biết rõ sự xuất ly của sắc.

6-8). .. biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành...

9). .. biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường

đưa đến thức đoạn diệt, biết rõ vị ngọt của thức, biết rõ sự nguy hiểm của thức, biết rõ sự xuất ly của thức.

10) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc?*

- **Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sắc.
- Do các món ăn tập khởi nên sắc tập khởi.
- Do các món ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt.
- Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến sắc đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định...

11) Duyên sắc khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc, đây là sự nguy hại của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn tận dục tham đối với sắc, đây là xuất ly của sắc.

12) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri con

đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của sắc là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy, thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, **những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.**

13) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của sắc là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy, thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai vẹn toàn, **thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ**.

14) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ?*

– Này các Tỷ-kheo, có **sáu thọ thân** này: Thọ do nhãn xúc sanh... thọ do

ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ.

– Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi.
– Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt.
– Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

15) Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gì, đây gọi là vị ngọt của thọ. Cảm thọ vô thường, khổ, vô ngã, đây gọi là nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thọ, đây gọi là xuất ly của thọ.

16) Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thọ là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thọ là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thọ là như vậy; họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. **Những ai khéo thực**

hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

17) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thời **không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.**

18-20) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng?*

- Này các Tỷ-kheo, có sáu tưởng thân này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tưởng.
- Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi.
- Do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt.
- Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

21) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các hành?*

– Này các Tỷ-kheo, có **sáu tư thân**: Sắc tư... pháp tư. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là các hành.
– Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi.
– Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt.
– Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

22) Do duyên hành khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của hành. Các hành vô thường, khổ, vô ngã, đây là nguy hiểm của hành. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với các hành, đây là xuất ly của các hành.

23-24) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo

thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này... Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

25) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức?*

- Này các Tỷ-kheo, có **sáu thức thân** này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức.
- Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi.
- Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt.
- Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thức đoạn diệt đối với thức, tức là chánh tri kiến... chánh định.

26) Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của thức. Thức vô thường, khổ, vô ngã, đây là nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thức, đây là xuất ly của thức.

27) Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy,

thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, **những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.**

28) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ giải thoát, không chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời **không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.**

29) Này các Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ.

30) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát theo giới, quán sát theo xứ, quán sát theo duyên khởi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách.

31) Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, quán sát theo ba cách, được gọi là một **vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn, một vị tối thượng nhân.**

Thuộc Sở Hữu – *Tương* IV, 354

1) ...

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con

đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

4) -- Có ba thọ này, này Ananda, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Ananda, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo Tám ngành là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào, đấy là vị ngọt của thọ. Sự vô thường, khổ, biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục và tham (chandaràga) đối với thọ, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.

5) Này Ananda, **Ta tuyên bố rằng đoạn diệt (nirodho) các hành là tuần tự.** Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt. Khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được đoạn diệt... Khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được đoạn diệt. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn diệt, sân được đoạn diệt, si được đoạn diệt.

6) Này Ananda, **Ta tuyên bố rằng tịnh chỉ (vùpasamo) các hành là tuần tự**. Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được tịnh chỉ. Khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được tịnh chỉ... Khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được tịnh chỉ. Đối với Tỷ-kheo đã

đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

7) Này Ananda, **Ta tuyên bố rằng khinh an (passadhi) các hành là tuần tự.** Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an. Khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được khinh an... Khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

4 Định nghĩa - Kinh Thủ Chuyển – Tương III, 11

Thủ Chuyển – *Tương* III, 11

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, có **năm thủ uẩn** này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4) Này các Tỷ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri **năm thủ uẩn** này theo **bốn chuyển**, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

5) Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri **năm thủ uẩn** này theo **bốn chuyển**, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

6) *Và thế nào là **bốn chuyển**?*

- **Ta đã thắng tri sắc**,
- Ta đã thắng tri **sắc tập khởi**,
- Ta đã thắng tri **sắc đoạn diệt**,
- Ta đã thắng tri **con đường đưa đến sắc đoạn diệt**.

Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành...

- Ta đã thắng tri **thức**,
- Ta đã thắng tri **thức tập khởi**,
- Ta đã thắng tri **thức đoạn diệt**,
- Ta đã thắng tri **con đường đưa đến thức đoạn diệt.**

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **sắc**?*

- Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỷ-kheo, đấy được gọi là sắc.
- Do **các thức ăn** tập khởi nên sắc tập khởi.
- Do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt.
- Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

8) *Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do* ***thắng tri sắc như vậy****; do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc.* ***Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.***

9) *Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào* ***thắng tri sắc là như vậy****, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc,* ***họ được giải thoát, không có chấp thủ****. Họ được khéo giải thoát.* ***Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.***

10) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***thọ****?*

- Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ.
- Do **xúc** tập khởi nên thọ tập khởi.
- Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt.

- Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

11) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

12) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ!

13-15) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tưởng**?*

- Này các Tỷ-kheo, có sáu tưởng thân này: sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tưởng.
- Do **xúc** tập khởi nên tưởng tập khởi.
- Do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt.
- Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư

duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

16) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hành**?*

- Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.
- Do **xúc** tập khởi nên các hành tập khởi.
- Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt.
- Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

18) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành, họ giải thoát, không có chấp thủ. Họ được

khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

19) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **thức**?*

- Có sáu thức thân này, này các Tỷ -kheo, (tức là) nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức.
- Do **danh sắc** tập khởi nên thức tập khởi.
- Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt.
- Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

20) *Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào **thắng tri thức là như vậy**, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, **họ hướng về thực hiện** yếm ly, ly tham, đoạn diệt **thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.***

21) *Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào **thắng tri thức là như vậy**, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là*

như vậy; ***do*** *yếm ly, ly tham, đoạn diệt* ***thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.***

5 Định nghĩa - Kinh Trăng Rằm – Tương III, 182

Trăng Rằm – *Tương* III, 182

1) Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Đông Viên, Lộc Mẫu giảng đường, cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhân ngày lễ Bố-tát, ngày rằm, đêm trăng tròn, giữa trời, có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

3) Rồi có Tỷ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề, nếu Thế Tôn cho phép, và trả lời câu hỏi của con.

- Này Tỷ-kheo, hãy ngồi tại chỗ và hỏi theo ý Ông muốn.

4) Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, ngồi tại chỗ ngồi của mình và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải có năm thủ uẩn này: tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn?

- Này Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) - Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, rồi hỏi thêm Thế Tôn một câu khác:

- Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này lấy gì làm căn bản?

- Này Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này lấy **dục** làm căn bản.

6) - Lành thay, bạch Thế Tôn...

- Bạch Thế Tôn, chấp thủ ấy là năm thủ uẩn ấy hay chấp thủ ngoài năm thủ uẩn?

- Này Tỷ-kheo, chấp thủ ấy không tức là năm thủ uẩn ấy và chấp thủ cũng không phải ngoài năm thủ uẩn. Nhưng **chỗ nào có tham và dục, chỗ ấy có chấp thủ.**

7) - Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác:

- *Có thể chăng, bạch Thế Tôn, trong năm thủ uẩn, có sự sai khác về dục và tham?*

Thế Tôn đáp:

- Có thể **có**, này Tỷ-kheo.

Ở đây, này Tỷ-kheo, có người nghĩ như sau: "Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có sắc như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có thọ như vậy! Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có tưởng như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có các hành như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có thức như vậy!" Như vậy, này Tỷ-kheo, có thể **có sự sai khác về dục và tham** trong năm thủ uẩn.

8) Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu hỏi nữa:

- *Dưới hình thức nào, bạch Thế Tôn, có định nghĩa về **uẩn** của các uẩn?*

- Phàm **sắc** gì, này Tỷ-kheo, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; đây gọi là sắc uẩn. Phàm **thọ** gì... Phàm **tưởng** gì... Phàm các **hành** gì...

Phàm **thức** gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; đây gọi là thức uẩn. Dưới hình thức như vậy, này Tỷ-kheo, có định nghĩa về uẩn của các uẩn.

9) - Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu hỏi nữa:

*- Bạch Thế Tôn**, do nhân gì, do duyên gì, được gọi là sắc uẩn**? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là hành uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thức uẩn?*

- Do nhân **bốn đại**, này Tỷ-kheo, do duyên bốn đại, được gọi là **sắc uẩn**.
- Do nhân **xúc**, do duyên xúc, được gọi là **thọ uẩn**.
- Do nhân **xúc**, do duyên xúc, được gọi là **tưởng uẩn**.
- Do nhân **xúc**, do duyên xúc, được gọi là **hành uẩn**.
- Do nhân **danh sắc**, do duyên danh sắc, được gọi là **thức uẩn**.

10) Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu khác:

- Như thế nào, bạch Thế Tôn, là có thân kiến?

- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán **sắc** như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có sắc, hay quán sắc ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong sắc... **thọ**... **tưởng**.. **hành**... quán **thức** như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có thức, hay quán thức ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là có thân kiến.

11) - Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu nữa:

- Như thế nào, bạch Thế Tôn, là không có thân kiến?

- Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, khéo thuần thục pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, khéo thuần thục pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán **sắc** như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay

không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc, không quán **thọ**... không quán **tưởng**... không quán các **hành**... không quán **thức** như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không có thân kiến.

12) - Lành thay, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm một câu nữa:

*- Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của **sắc**?... của **thọ**... của **tưởng**... của các **hành**? Cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của **thức**?*

- Này Tỷ-kheo, do duyên **sắc**, khởi lên lạc hỷ gì, đó là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc, đó là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với sắc, đó là sự xuất ly của sắc. Do duyên thọ... Do duyên tưởng... Do duyên các hành... Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì, đó là vị ngọt của thức. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thức, đó là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với thức, đó là sự xuất ly của thức.

13) - Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, lại hỏi Thế Tôn thêm câu nữa:

- Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, do thấy như thế nào, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (quan điểm): ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên?

- Này Tỷ-kheo, phàm **sắc** gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả sắc, Tỷ-kheo **như thật quán với chánh trí tuệ như sau**: *"Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi".* Phàm **thọ** gì... Phàm **tưởng** gì... Phàm các **hành** gì... Phàm **thức** gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: *"Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi!"* Này Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (quan điểm): ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên.

14) *Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo khác khởi lên suy nghĩ sau đây: "Nếu Ngài nói sắc là vô ngã, thọ... tưởng...*

*các hành... thức là vô ngã**, thời các nghiệp do vô ngã tạo ra, thời ngã nào lãnh thọ**?"*

15) Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết rõ suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

- Sự kiện này xảy ra, này các Tỷ-kheo, là có kẻ ngu si, vô trí, chìm đắm trong vô minh, tâm bị khát ái chi phối, nghĩ rằng có thể vượt qua lời dạy bậc Đạo Sư, nghĩ rằng: *"Nếu Ngài dạy rằng **sắc** là vô ngã, thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã, thời các nghiệp do vô ngã làm, các nghiệp ấy do ngã nào lãnh thọ?"* Này các Tỷ-kheo, các câu vấn nạn đã được Ta khéo dạy cho các Ông, chỗ này, chỗ kia trong các pháp ấy.

16) Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

17-19) Thọ... tưởng... các hành...

20) Thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng, nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

6 Định nghĩa - Kinh Đáng Được Ăn – Tương III, 161

Đáng Được Ăn – *Tương* III, 161

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có nhớ đến các đời sống ở các kiếp trước, **tất cả họ đều nhớ đến năm thủ uẩn** hay nhớ đến một trong những uẩn này.

4) Thế nào là năm?

- Này các Tỷ-kheo, có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, thân ta như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến **sắc**.
- Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, ta có cảm thọ như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến **thọ**.
- Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ ta có tưởng... có các hành... có thức như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến **thức**.

5) *Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là sắc?*

Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo**,** nên gọi là sắc. Bị thay đổi bởi cái gì? Bị thay đổi bởi lạnh, bị thay đổi bởi nóng, bị thay đổi bởi đói, bị thay đổi bởi khát, bị thay đổi bởi sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng và rắn. Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc.

6) *Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thọ?*

Được cảm thọ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ. Cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ phi khổ phi lạc. Được cảm thọ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ.

7) *Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là tưởng?*

Nhận rõ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng. Nhận rõ gì? Nhận rõ màu xanh, nhận rõ màu vàng, nhận rõ màu đỏ, nhận rõ màu trắng. Nhận rõ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng.

8*) Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là hành?*

Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi nên gọi là hành. Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi gì? Làm cho hiện hành sắc với sắc tánh, làm cho hiện hành thọ với thọ tánh, làm cho hiện hành tưởng với tưởng tánh, làm cho hiện hành các hành với hành tánh, làm cho hiện

hành thức với thức tánh. Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là các hành.

9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thức?*

Rõ biết, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thức. Rõ biết gì? Rõ biết chua, rõ biết đắng, rõ biết cay, rõ biết ngọt, rõ biết chất kiềm... rõ biết không phải chất kiềm, rõ biết mặn, rõ biết không mặn. Rõ biết, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thức.

10) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: *"Nay ta bị sắc chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị sắc chinh phục, như ta bị sắc hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với sắc vị lai, thời trong vị lai, ta sẽ bị sắc chinh phục, như nay ta bị sắc hiện tại chinh phục"*. Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với sắc quá khứ, không có hoan hỷ đối với sắc vị lai, và thực hành sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc hiện tại.

12) *"Ta nay bị thọ chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thọ chinh phục như vậy, như nay ta bị thọ hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với thọ vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thọ chinh phục, như nay ta bị thọ hiện tại chinh phục"*. Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không luyến tiếc đối với thọ quá khứ, không có

hoan hỷ đối với thọ vị lai, và thực hành sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ hiện tại.

13) *"Ta nay bị tưởng chinh phục..".*

14) *"Ta nay bị các hành chinh phục..".*

15) *"Ta nay bị thức chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thức chinh phục như vậy, như nay ta bị thức hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với thức vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thức chinh phục, như nay ta bị thức hiện tại chinh phục".* Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với thức quá khứ, không có hoan hỷ đối với thức tương lai, và thực hành sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức hiện tại.

16) Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, **sắc** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

17-19) Thọ... Tưởng... Các hành...

20) Thức là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

21) Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng... xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

22) Đối với thọ...

23) Đối với tưởng...

24) Đối với các hành..

25) Đối với thức quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức đều phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

26) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử giảm thiểu, không tăng trưởng, từ bỏ, không chấp thủ, xa lánh, không thân cận, phân tán, không huân tập.

27) Giảm thiểu, không tăng trưởng cái gì? Giảm thiểu, không tăng trưởng sắc..., giảm thiểu, không tăng trưởng thọ...tưởng...các hành...giảm thiểu, không tăng trưởng thức.

28) Từ bỏ, không chấp thủ cái gì? Từ bỏ, không chấp thủ sắc...thọ... tưởng... các hành... từ bỏ, không chấp thủ thức.

29) Xa lánh, không thân cận cái gì? Xa lánh, không thân cận sắc... thọ... tưởng... các hành... xa lánh, không thân cận thức.

30) Phân tán, không huân tập cái gì? Phân tán, không huân tập sắc... thọ... tưởng... các hành... phân tán, không huân tập thức.

31) Thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

32) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Tỷ-kheo không tăng trưởng, không giảm thiểu. **Sau khi giảm thiểu,** vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ. Sau khi **từ bỏ**, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận. Sau khi **xa lánh**, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập.

33) ***Sau khi phân tán****, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu cái gì?* Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu sắc. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu thọ... tưởng... các hành... không tăng trưởng, không giảm thiểu thức.

34) ***Sau khi giảm thiểu****, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ cái gì?* Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ sắc; sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ thọ... tưởng... các hành... không từ bỏ, không chấp thủ thức.

35) ***Sau khi từ bỏ**, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận cái gì?* Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận sắc; sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận thọ... tưởng... các hành... không phân tán, không huân tập thức.

36) ***Sau khi xa lánh**, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập cái gì?* Sau khi phân tán, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập sắc; sau khi phân tán, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập thọ...tưởng...các hành...không phân tán, không huân tập thức.

37) Sau khi phân tán, vị ấy trú, với tâm giải thoát như vậy. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy được chư Thiên với Thiên chủ, Phạm thiên chúng với Phạm thiên đảnh lễ, dầu cho ở xa:

38) Ôi, ta đảnh lễ Ông,
Bậc người như lương mã!
Ôi, ta đảnh lễ Ông,
*Là bậc **tối thắng nhân**!*
Ta không có chấp trước,
Đối tượng Ông Thiền tư!

7 Định nghĩa - Uẩn là gì - ĐẠI Kinh MÃN NGUYỆT – 109 Trung III, 135

ĐẠI KINH MÃN NGUYỆT

(Mahapunnama suttam)

– Bài kinh số 109 – Trung III, 13

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Pubbarama (Đông Viên), Migaramatupasada (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bấy giờ trong ngày Bố-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăng rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi một Tỷ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay vái Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề đặc biệt, nếu Thế Tôn cho con được phép nói lên câu hỏi.

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy ngồi trên chỗ của Ông và hỏi như ý Ông muốn.

Rồi vị Tỷ-kheo ấy, sau khi ngồi xuống trên chỗ

ngồi của mình, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn?

– Này Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

– Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác:

– Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này, lấy gì làm căn bản?

– Này Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này **lấy dục làm căn bản.**

– Bạch Thế Tôn, có phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, hay là ngoài năm thủ uẩn, có một chấp thủ (khác)?

– Này Tỷ-kheo, không phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, cũng không phải ngoài năm thủ uẩn có sự chấp thủ. Này Tỷ-kheo, **khi nào có lòng dục, lòng**

<u>tham đối với năm thủ uẩn</u>, ở đấy chính là chấp thủ.

– Bạch Thế Tôn, phải chăng có thể có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm thủ uẩn?

Thế Tôn trả lời:

– Này Tỷ-kheo, có thể có. Ở đây, này Tỷ-kheo có người nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như thế này trong tương lai! Mong rằng có thọ như thế này trong tương lai! Mong rằng có tưởng như thế này trong tương lai! Mong rằng có hành như thế này trong tương lai! Mong rằng có thức như thế này trong tương lai!" Như vậy, này Tỷ-kheo, **<u>có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm uẩn.</u>**

– Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn?

– Này Tỷ-kheo, phàm sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, như vậy là sắc uẩn. Phàm cảm thọ gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, như vậy là thọ uẩn. Phàm tưởng gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại.. (như trên)... xa hay gần, như vậy là tưởng uẩn. Phàm những hành gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên).. xa hay gần,

như vậy là hành uẩn. Phàm thức gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại.. (như trên)... xa hay gần, như vậy là thức uẩn. Cho đến như vậy, này Tỷ-kheo **là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn.**

– Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì được chấp nhận gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi hành uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thức uẩn?

– Bốn đại là nhân, này Tỷ-kheo, bốn đại là duyên được chấp nhận gọi là sắc uẩn.
– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là thọ uẩn.
– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là tưởng uẩn.
– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là hành uẩn.
– Danh sắc là nhân, này Tỷ-kheo, danh sắc là duyên được chấp nhận gọi là thức uẩn.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu

không hiểu rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không hiểu rõ các bậc Chơn nhân, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhân, không tu tập pháp các bậc Chơn nhân, xem sắc như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có sắc, hay xem sắc như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong sắc; xem thọ như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thọ, hay xem thọ như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thọ; xem tưởng như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có tưởng, hay xem tưởng như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong trưởng; xem hành như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có hành, hay xem hành như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong hành; xem thức như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thức, hay xem có thức như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thức.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là không thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chơn nhân, thuần thục pháp các bậc Chơn nhân, tu tập pháp các bậc Chơn nhân, không xem sắc như là tự ngã, hay không xem tự ngã như là có sắc, hay

không xem sắc như là trong tự ngã, hay không xem tự ngã như là trong sắc; không xem thọ như là tự ngã.... không xem tự ngã như là trong thọ, không xem tưởng như là tự ngã.. , hay không xem tự ngã như là trong tưởng; không xem hành như là tự ngã... hay không xem tự ngã như là trong hành; không xem thức như là tự ngã.. không xem tự ngã như là trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không thân kiến.

– Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt của **sắc**, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Cái gì là vị ngọt của **thọ**, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Cái gì là vị ngọt của **tưởng**, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Cái gì là vị ngọt của **hành**, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Cái gì là vị ngọt của **thức**, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên sắc khởi lên, như vậy là vị ngọt của sắc. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong sắc như vậy là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của sắc. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thọ khởi lên, như vậy là vị ngọt của

thọ... như vậy là sự xuất ly của thọ. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên tưởng khởi lên như vậy là vị ngọt của tưởng.... là sự xuất ly của tưởng. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên hành khởi lên như vậy là vị ngọt của hành... là sự xuất ly của hành. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thức khởi lên, như vậy là vị ngọt của thức. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong thức, như vậy là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham đối với thức, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của thức.

– Bạch Thế Tôn, do biết gì, do thấy gì, mà không có mạn tùy miên rằng: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với cả tưởng ở ngoài?

– Này Tỷ-kheo, phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả sắc, thấy được như thật với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm có thọ gì... tưởng gì... hành gì... phàm có thức gì, quá khứ vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả thức, thấy được như thật với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi". Này Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như

vậy, nên không có mạn tùy miên rằng: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với tất cả tướng ở ngoài.

Rồi một Tỷ-kheo khác khởi lên sự suy tư như sau: "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả?"

Thế Tôn biết được tâm tư của Tỷ-kheo ấy với tâm tư của mình liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, sự kiện này xảy ra, khi ở đây có kẻ ngu si, vô tri, vô minh, với tâm bị tham dục chi phối, lại nghĩ cần phải vượt qua lời dạy của bậc Đạo sư với (câu hỏi): "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả?" Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được Ta huấn luyện tìm kiếm nhân duyên, chỗ này chỗ kia, đối với những pháp này, pháp khác. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem: "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thọ.. (như trên).. tưởng.. hành... thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại... tất cả loại sắc, cần phải như thật quán: "***Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không***

phải tự ngã của tôi". Phàm có thọ gì, phàm có tưởng gì, phàm có hành gì, phàm có thức gì quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại.. tất cả loại thức, cần phải như thật quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, vị ấy biết được vị ấy đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm. Từ nay không còn trở lại đời sống thế này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự giảng giải này được nói lên, tâm của sáu mươi vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

8 4 Thánh đế về 5 uẩn - Kinh Uẩn – Tương V, 617

Uẩn – *Tương* V,617

1) ...

2) -- **Này các Tỷ-kheo, có bốn Thánh đế này**. Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **Thánh đế về Khổ**?* Cần phải được nói là **năm thủ uẩn**. Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **Thánh đế về Khổ tập**?* Chính là **ái** này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **Thánh đế về Khổ diệt**?* Chính là sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt**?* Đây là **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

7) **Này các Tỷ-kheo, Các pháp này là các Thánh đế.**

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

9 4 Trí tế nhị đv sắc, thọ, tưởng, hành - Kinh TRÍ TẾ NHỊ – Tăng I, 580

TRÍ TẾ NHỊ – *Tăng* I, 580

❖ Này các Tỷ-kheo, có **bốn trí tế nhị** này. Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu trí tế nhị đối với sắc, không thấy một trí tế nhị đối với sắc tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với sắc nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy.
- Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với thọ, không thấy một trí tế nhị đối với thọ nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với thọ nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy.
- Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với tưởng …
- Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với các hành, không thấy một trí tế nhị đối với hành nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí

tế nhị đối với hành nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn trí tế nhị.

Biết trí tế nhị sắc
Biết hiện hữu các thọ
Từ đâu tưởng sanh khởi
Tại đâu tưởng chấm dứt
Biết các hành biến khác
Là không, không là ngã
Nếu Tỷ-kheo thấy chánh
Tịch tịnh, ưa tịch tịnh
Thọ trì thân tối hậu
Thắng Ma và Ma quân.

10 4 con rắn độc, 5 tên giết người thù đich.. - Kinh Rắn Độc – Tương IV, 283

Rắn Độc – *Tương* IV, 283

1-2) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi... gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau:

3) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo*, có *bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt. Rồi có người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt. Thỉnh thoảng hãy thức chúng dậy, thỉnh thoảng hãy tắm cho chúng, thỉnh thoảng hãy cho chúng ăn, thỉnh thoảng hãy cho chúng vào huyệt (để ngủ). Này Bạn, nếu một trong bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, tức giận, thời này Bạn, Bạn sẽ đi đến chết, hay đau khổ gần như chết. Vậy này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ cần phải làm".*

4) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, chạy trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người*

ấy: "Này Bạn, có năm kẻ sát nhân thù địch này, đang đi theo sau lưng Bạn. Chúng nói: "Khi nào chúng ta thấy nó, chúng ta sẽ giết nó". Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".

5) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc ấy, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch ấy, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có một tên thứ sáu cướp nhà, giết người, với ngọn kiếm dơ lên, đang đi theo sau lưng Bạn. Nó nói: "Khi nào ta thấy nó, ta sẽ chém đầu nó". Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm ".*

6) *Rồi, này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm dơ lên, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một ngôi làng trống không. Nhà nào người ấy đi vào, người ấy vào chỗ trống không, vào chỗ rỗng không, vào chỗ tuyệt không. Người ấy sờ đến đồ dùng nào, người ấy sờ chỗ trống không, người ấy sờ chỗ rỗng không, người ấy sờ chỗ tuyệt không. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, bọn cướp phá hoại làng, sẽ đánh cướp ngôi làng trống không này. Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".*

7) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên giết người thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm dơ lên, quá sợ hãi các tên cướp làng, liền chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một đầm nước lớn, bờ bên này đầy những sợ hãi nguy hiểm, bờ bên kia được an ổn, không có sợ hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại.*

8) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy suy nghĩ như sau: "Đây là vùng nước đọng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn, không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, cũng không có cầu bắc qua từ bờ bên này đến bờ bên kia. Nay ta hãy thâu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, ta có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn".*

9) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy thâu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, người ấy vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia, đứng trên đất liền.*

10) **Ví dụ này,** này các Tỷ-kheo**, Ta làm để giải thích ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa:**

11) Bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***bốn đại chủng***: địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.

12) Năm tên giết người thù địch, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***năm thủ uẩn***: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

13) Tên thứ sáu cướp nhà, giết người với cây kiếm giơ lên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***dục tham***.

14) Ngôi làng trống không, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***sáu nội xứ***. Này các Tỷ-kheo, nếu một người hiền, kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.

15) Bọn cướp phá làng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***sáu ngoại xứ***. Này các Tỷ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và

không khả ái. Này các Tỷ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái.

16) Vùng nước lớn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***bốn bộc lưu:*** dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu và vô minh bộc lưu.

17) Bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***thân kiến*** này.

18) Bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***Niết-bàn.***

19) Cái bè, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***Thánh đạo Tám ngành***.

20) Tinh tấn dùng tay và dùng chân, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***tinh tấn, tinh cần***.

21) Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia và đứng trên đất liền, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***bậc A-la-hán.***

11 4 hạng Samôn - Kinh CÁC HẠNG SA MÔN 4 – Tăng I, 724

CÁC HẠNG SA MÔN 4 – *Tăng* I, 724

1. - Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Sa-môn bất động,
- Sa-môn sen trắng,
- Sa-môn sen hồng,
- Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị hữu học, ý chưa đạt được mục đích, đang sống hướng đến vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ ... đây là tưởng ... đây là các hành ... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt". Nhưng vị ấy chưa

an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống, tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc ... đây là thức chấm dứt". Và vị ấy an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu ...

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, người ấy này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

12 4 định - Định nào đưa đến đoạn tận các lậu hoặc - Kinh ĐỊNH – Tăng I, 634

ĐỊNH – *Tăng* I, 634

1. - Này các Tỷ-kheo, có **bốn định tu tập** này. Thế nào là bốn?

- *Có định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú.*
- *Có định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chứng được tri kiến.*
- *Có định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.*
- *Có định tu tập, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.*

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến ***hiện tại lạc trú?***

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly các pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến ***chứng được tri kiến****?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý tưởng ánh sáng, an trú tưởng ban ngày, ngày như thế nào thời đêm như vậy, đêm như thế nào thời ngày như vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có bị bao phủ, tu tập tâm đến chỗ sáng chói. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chứng được tri kiến.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến ***chánh niệm tỉnh giác****?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo, thọ khởi lên được rõ biết, thọ an trú được rõ biết, thọ chấm dứt được rõ biết; tưởng khởi lên được rõ biết, tưởng an trú được rõ biết, tưởng chấm dứt được rõ biết; tầm khởi lên được rõ biết, tầm an trú được rõ biết, tầm chấm dứt được rõ biết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến ***đoạn tận các lậu hoặc****?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: *"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ chấm dứt; đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng chấm dứt; đây là các hành, đây là các hành tập khởi, đây là các hành chấm dứt; đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt"*. Này các Tỷ-kheo, đây là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, có bốn định tu tập này. Và cũng về vấn đề này, Ta có nói đến trong phẩm về mục đích, trong kinh gọi là: Các câu hỏi của Punnaka.

6. Do tư sát, ở đời,
Các sự vật thắng, liệt,
Không vật gì ở đời,
Làm vị ấy dao động.
An tịnh, không mời mịt,
Không phiền não, không tham,
Ta nói vị ấy vượt,
Qua khỏi sanh và già,

13 5 tâm triền phược - Kinh TÂM TRIỀN PHƯỢC – Tăng II, 711

TÂM TRIỀN PHƯỢC – *Tăng* II, 711

1. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phược này. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các dục, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt não, không phải không khát ái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với cái dục, không phải không tham ái... không phải không khát ái, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhất.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với thân không phải không tham ái... đối với sắc... Tỷ-kheo nào ăn cho đến thỏa thê, cho đến bụng chứa đầy, sống thiên nặng về khoái lạc sàng tọa, về khoái lạc ngủ nghỉ, về khoái lạc thụy miên... Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh với mong cầu được sanh Thiên giới, với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, với Phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên

này hay chư Thiên khác!". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh... như vậy là tâm triền phược thứ năm.

Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phược này.

14 5 xuất ly giới - Kinh XUẤT LY – Tăng II, 703

XUẤT LY – *Tăng* II, 703

1. - Này các Tỷ-kheo, có năm giới đưa đến xuất ly này. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về dục, tâm không phấn chấn trong các dục, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến viễn ly, tâm liền phấn chấn trong viễn ly, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tụ tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến dục. Và do duyên với dục, khởi lên các lậu hoặc não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly khỏi các dục.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về sân, tâm không phấn chấn trong sân, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến vô sân, tâm liền phấn chấn trong vô sân, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tụ tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến sân. Và do duyên với sân, khởi lên các lậu hoặc não hại, nhiệt não, vị ấy

giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly khỏi sân.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về hại, tâm không phấn chấn trong hại, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến vô hại, tâm liền phấn chấn trong vô hại, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tụ tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến hại. Và do duyên với hại, khởi lên các lậu hoặc não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly khỏi hại.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về sắc, tâm không phấn chấn trong sắc, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến vô sắc, tâm liền phấn chấn trong vô sắc, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tụ tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến sắc. Và do duyên với sắc, khởi lên các lậu hoặc não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly khỏi sắc.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về có thân, tâm không phấn chấn trong có thân, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý

đến đoạn diệt có thân, tâm liền phấn chấn trong đoạn diệt có thân, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tụ tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến có thân. Và do duyên với có thân, khởi lên các lậu hoặc não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly khỏi có thân.

Đối với vị ấy, dục hỷ không có tùy miên, sân hỷ không có tùy miên, hại hỷ không có tùy miên, sắc hỷ không có tùy miên, hữu thân hỷ không có tùy miên.

Vị ấy không có tùy miên đối với dục hỷ, không có tùy miên đối với sân hỷ, không có tùy miên đối với hại hỷ, không có tùy miên đối với sắc hỷ, không có tùy miên đối với hữu thân hỷ.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi tùy miên, đã chặt đứt khát ái, giải tỏa kiết sử, do chánh quán nhiếp phục kiêu mạn, đoạn tận khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, có năm giới đưa đến xuất ly này.

15 8 nhân duyên đưa đến chứng đắc căn bản Phạm hạnh - Kinh TUỆ – Tăng III, 491

TUỆ –*Tăng* III, 491

1. *- Này các Tỷ-kheo, có tám nhân này, có tám duyên này,* ***khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ,*** *nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.*

Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống dựa trên bậc Đạo sư hay bậc đồng Phạm hạnh đóng vai trò y chỉ sư, ở đây được *an trú tàm quý* một cách sắc sảo, được ái mộ, được kính trọng. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.

3. Vị ấy do sống dựa trên bậc Đạo sư hay bậc đồng Phạm hạnh đóng vai trò y chỉ sư, ở đây được an trú tàm quý một cách sắc sảo, được ái mộ, được kính trọng, *thường đi đến họ hỏi đi hỏi lại*: "Thưa Tôn giả,

cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì? " Các Tôn giả ấy mở rộng cái gì không được mở rộng, phơi bày những gì không được phơi bày, và đối với những pháp còn đang nghi vấn, họ giải tỏa những nghi vấn. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.

4. Vị ấy *sau khi nghe pháp, cố gắng thành tựu hai sự an tịnh: **Thân an tịnh và tâm an tịnh***. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ ba … được viên mãn.

5. Vị ấy *có giới đức*, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ tư … được viên mãn.

6. Vị ấy *nghe nhiều*, thọ trì điều đã nghe, chất chứa điều đã nghe; những pháp ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý văn cú cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh; những pháp ấy, vị ất đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thể nhập chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ năm … được viên mãn.

7. Vị ấy *tinh cần tinh tấn,* để đoạn tận các pháp bất thiện, đề làm sanh khởi các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các pháp thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ sáu… được viên mãn.

8. Vị ấy đi đến chư Tăng, *không là người nói nhiều, không nói chuyện phù phiếm, tự mình nói pháp hay mời người khác nói, không khinh thường sự im lặng của bậc Thánh.* Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ bảy … được viên mãn.

9. Vị ấy sống *tùy quán sanh diệt trong **năm thủ uẩn***: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi; đây là sắc chấm dứt; Đây là thọ, đây là thọ tập khởi; đây là thọ chấm dứt; đây là tưởng … đây là hành … Đây là thức, đây là thức tập khởi; đây là thức chấm dứt". Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.

10. **Các vị đồng Phạm hạnh quý mến vị ấy như sau**: *"Tôn giả này sống nương tựa vào bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò y chỉ sư, ở đây được an trú tàm quý một cách sắc sảo, được ái mộ, được kính trọng. Thật vậy, Tôn giả này biết điều đáng biết thấy điều đáng thấy".* Đây là pháp đưa đến

được ái mộ, được cung kính, được tu tập, đưa đến Sa-môn hạnh, nhứt tâm thuần nhất.

11. Tôn giả này sống nương tựa vào bậc Đạo Sư, hay bậc đồng Phạm hạnh đóng vai trò y chỉ sư, ở đây được an trú tàm quý một cách sắc sảo, được ái mộ, được kính trọng … (như số 3 ở trên) … họ giải tỏa những nghi vấn ấy. Đây là pháp đưa đến được ái mộ, được cung kính, được tu tập, đưa đếm Sa-môn hạnh, nhứt tâm thuần nhất.

12. Tôn giả này sau khi nghe pháp (như số 4 ở trên) … tâm an tịnh. Đây là pháp đưa đến được ái mộ, được cung kính, được tu tập, đưa đếm Sa-môn hạnh, nhứt tâm thuần nhất.

13. Tôn giả này có giới đức … (như số 5 ở trên) … học tập trong các học pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp … thuần nhất.

14. Tôn giả này nghe nhiều … (như số 6) … khéo thành tựu chánh kiến. Đây là pháp … thuần nhất.

15. Tôn giả này sống tinh cần tinh tấn … (như số 7 ở trên) … đối với các pháp thiện. Đây là pháp … thuần nhất.

16. Tôn giả này đi đến Tăng chúng … (như số 8 ở trên) … sự im lặng của bậc Thánh. Đây là pháp … thuần nhất.

17. Tôn giả này sống tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn… (như số 9 ở trên) … đây là thức chấm dứt, đây là pháp đưa đến được ái mộ, được cung kính, được tu tập, đưa đến Sa-môn hạnh, nhứt tâm thuần nhất.

Này các Tỷ-kheo, tám nhân này, tám duyên này **khiến cho căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ**, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.

16 9 chỗ an trú của loài hữu tình - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG

– *Bài kinh số 33* – Trường *II, 567*

(Trích đoạn)

1. **Chín chỗ an trú của loài hữu tình:**

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tưởng sai biệt,* như loài **Người**, một số chư Thiên, một số ở tại các đọa xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tưởng đồng nhất*, như **Phạm Chúng thiên** khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

- Này các Hiền giả, có loài hữu tình, *thân đồng nhất, tưởng sai biệt* như chư **Quang Âm thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

- Này các Hiền giả, có loài hữu tình, *thân đồng nhất, tưởng đồng nhất* như chư

Tịnh Cư thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình *không có tưởng, không có thọ*, như chư **Vô Tưởng thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tưởng một cách hoàn toàn, diệt trừ các sân tưởng, không có tác ý sai biệt tưởng, chứng được Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có gì tất cả". Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn

toàn, chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

17 9 chỗ cư trú của loài hữu tình - Kinh CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tăng IV, 141

CÁC LOÀI HỮU TÌNH – *Tăng* IV, 141

1. - *Này các Tỷ-kheo, có* ***chín*** *chỗ cư trú của loài hữu tình.*

2. Thế nào là chín?

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tưởng sai biệt*, như loài **Người**, một số chư Thiên, một số ở các đọa xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

3. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tưởng đồng nhất,* chư **Phạm Chúng thiên, khi mới tái sanh**. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

4. Này các Tỷ-kheo, có loại hữu tình, *thân đồng nhất, tưởng sai biệt* như **Quang Âm thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

5. Này các Tỷ-kheo, có loài hữu tình, *thân đồng nhất, tưởng đồng nhất,* như **Tịnh Cư thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

6. Này các Tỷ-kheo, có những loại hữu tình *không có tưởng, không có thọ* như **Vô Tưởng thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

7. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tưởng một cách hoàn toàn, diệt trừ các đối ngại tưởng, không có tác ý sai biệt tưởng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng được ***Không vô biên xứ***. Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

8. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, vượt khỏi hư Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng được ***Thức vô biên xứ***. Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

9. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có gì tất cả", chứng được ***Vô sở hữu xứ***. Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

10. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng ***Phi tưởng phi phi tưởng xứ***. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín chỗ cư trú của các loài hữu tình.

18 9 thiền và 9 thứ đoạn diệt - Kinh CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT – Tăng IV, 152

CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT – *Tăng* IV, 152

1. - Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ diệt.

2. Thế nào là chín?

1. *Thành tựu sơ Thiền thì các dục tưởng bị đoạn diệt.*
2. *Thành tựu đệ nhị Thiền thì các tầm tứ bị đoạn diệt.*
3. *Thành tựu đệ tam Thiền thì hỷ bị đoạn diệt.*
4. *Thành tựu đệ tứ Thiền thì hơi thở vào, hơi thở ra bị đoạn diệt.*
5. *Thành tựu Không vô biên xứ thì sắc tưởng bị đoạn diệt.*
6. *Thành tựu Thức vô biên xứ thì Không vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt.*
7. *Thành tựu Vô sở hữu xứ thì Thức vô biên xứ bị đoạn diệt.*
8. *Thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì Vô sở hữu xứ bị đoạn diệt.*
9. *Thành tựu Diệt thọ tưởng định thì các tưởng và các cảm thọ bị đoạn diệt.*

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ diệt.

THỨ ĐỆ TRÚ 1 – 154tc4

1. - Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ trú này.

2. Thế nào là chín?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo:

1. *Ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm và tứ.*
2. *Diệt tầm và tứ... đệ nhị Thiền...*
3. *...đệ tam Thiền...*
4. *...chứng và trú Thiền thứ tư.*
5. *Sau khi vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ.*
6. *Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ.*

7. *Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có sự gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ.*
8. *Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.*
9. *Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định.*

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ trú.

THỨ ĐỆ TRÚ 2 – <u>155tc4</u>

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín Thiền chứng thứ đệ trú này. Hãy lắng nghe...*

2. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là chín thứ đệ trú Thiền chứng?*

*Chỗ nào các **dục** đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào các dục được đoạn diệt?

*Những ai sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú: "Ta không biết vậy, Ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly các dục... chứng và an **trú Thiền thứ nhất**. Tại đây, các dục được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay" người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

3. *Chỗ nào các **tầm và tứ** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào các tầm và tứ được đoạn diệt?

*Những ai sau khi đoạn diệt tầm và tứ sống an trú:"Ta không biết vậy, Ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú **Thiền thứ hai**. Tại đây, các tầm và tứ được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

4. *Chỗ nào **hỷ** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào hỷ được đoạn diệt?

*Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ, sống an trú. "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chứng và trú **Thiền thứ ba**. Tại đây, hỷ được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt hỷ, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

5. *Chỗ nào **xả lạc** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái,*

được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".

Chỗ nào xả lạc được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ,... chứng và trú ***Thiền thứ tư****. Tại đây, xả lạc được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt xả lạc, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không giả dối, không lường gạt sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

6. *Chỗ nào* ***sắc tưởng*** *được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào sắc tưởng được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở

*đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý các sai biệt tưởng, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú **"Không vô biên xứ"**. Ở đây, các sắc tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt các sắc tưởng, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

7. Chỗ nào Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: *"Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt?

*Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ tưởng một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **"Thức vô biên xứ".** Tại đây, Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt.*

Các vị ấy sau khi đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú".

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hậu hạ.

8. Chỗ nào Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: *"Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ tưởng một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú "Vô sở biên xứ". Tại đây, Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy, sau khi đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú".

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành

thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hậu hạ.

9. Chỗ nào Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: *"Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt?

*Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**". Tại đây, Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy sau đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú.*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hậu hạ.

10. Chỗ nào Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, sống an trú, Ta

nói rằng: *"Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn... chứng và trú Diệt thọ tưởng định". Tại đây, Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, sống an trú.

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hậu hạ.

Này các Tỷ-kheo, đây chín là thứ đệ trú Thiền chứng.

19 Ai hoan hỷ sắc, người ấy hoan hỷ khổ - Kinh Hoan Hỷ – Tương III, 63

Hoan Hỷ – *Tương* III, 63

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ sắc, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói, người ấy không giải thoát khỏi khổ.

4) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thọ...

5) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ tưởng...

6) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ các hành...

7) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thức, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói, người ấy không giải thoát khỏi khổ.

8) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ sắc, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói, người ấy giải thoát khỏi khổ.

9) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thọ...

10) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ tưởng...

11) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ các hành...

12) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thức, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói, người ấy giải thoát khỏi khổ.

20 Ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng - Kinh Thủ – Tương II, 154

Thủ – *Tương* II, 154

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống, thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ (upàdàniya dhammà), ái được tăng trưởng****. Do duyên ái nên thủ có mặt. Do duyên thủ nên hữu có mặt. Do duyên hữu nên sanh có mặt. Do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.*

3) *Này các Tỷ-kheo, ví như một đống lửa lớn làm bằng mười xe củi, hay hai mươi xe củi, hay ba mươi xe củi, hay bốn mươi xe củi đang cháy đỏ. Tại đây có người thỉnh thoảng ném cỏ khô vào, và ném củi khô vào. Này các Tỷ-kheo, như vậy đống lửa lớn ấy được nuôi dưỡng, được tiếp tế, có thể cháy đỏ trong một thời gian dài.*

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

5) *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt.*** *Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.*

6) *Này các Tỷ-kheo, ví như một đống lửa lớn làm bằng mười xe củi, hay hai mươi xe củi, hay ba mươi xe củi, hay bốn mươi xe củi đang cháy đỏ. Tại đấy không có người thỉnh thoảng ném cỏ khô vào, hay phân khô, hay củi khô vào. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đống lửa lớn ấy do (nhiên liệu) được tiếp tế trước tiêu diệt, do (nhiên liệu) khác không được đem lại, không được nuôi dưỡng, bị tắt.*

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Kiết Sử – 156tu2

1)... Trú ở Sàvatthi.

2)... *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng.*** *Do duyên ái nên thủ có mặt. Do duyên thủ nên hữu có mặt. Do duyên hữu nên sanh có mặt. Do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.*

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ. Tại đây có người thỉnh thoảng rót dầu thêm và khơi tim lên. Này các Tỷ-kheo, ngọn đèn dầu ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể cháy đỏ trong một thời gian dài.*

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng. Do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

5) *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt.*** *Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.*

6) *Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu và do duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ. Tại đây*

không có người thỉnh thoảng rót thêm dầu vào và không khơi tim lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngọn đèn ấy do (nhiên liệu) được tiếp tế trước tiêu diệt và do (nhiên liệu) khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Cây Lớn – 158tu2

1). .. Trú tại Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng****. Do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.*

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm sâu xuống dưới và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt

trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt****. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.*

5) *Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có một người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ các rễ lớn cho đến các rễ con, các rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc. Sau khi chặt cây thành từng khúc, người ấy bửa, sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn hay đổ tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.*

6) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy được sự nguy hiểm trong các pháp chấp thủ, ái được đoạn

diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Cây Lớn – 160tu2

1)... Trú tại Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo, ví như có một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm sâu xuống dưới và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài.*

3) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng.** Do duyên ái nên thủ sanh khởi...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) *Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào một cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ các rễ lớn... (như trên)... hay đổ tro vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây ta-la,

làm cho cây ấy không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt.** Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Cây Non – 161tu2

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng.*** *Do duyên ái, thủ được sanh khởi...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.*

3) *Này các Tỷ-kheo, ví như một cây non, có người thỉnh thoảng vun xới các rễ, thỉnh thoảng bỏ thêm phân, thỉnh thoảng tưới thêm nước. Này các Tỷ-kheo, cây non ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh.*

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

5) *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt****. Do ái diệt nên thủ diệt...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.*

6) *Này các Tỷ-kheo, ví như một cây non, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy, sau khi chặt đứt, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc. Sau khi chặt từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi phơi giữa nắng và gió, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn hay đổ tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cây non ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.*

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Danh Sắc – 163tu2

1) Trú ở Sàvatthi.

2)... *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, danh sắc được sanh khởi****. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.*

3) *Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm thẳng xuống dưới và đâm ngang ra, tất cả rễ ấy đem lên nhựa sống. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể được đứng vững trong một thời gian dài.*

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, danh sắc được sanh khởi...(như trên)...

5) *Này các Tỷ-kheo,* ***ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, danh sắc không có sanh khởi.*** *Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.*

6) *Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có một người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ...(như trên)... Trong tương lai không thể sống lại được.*

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, danh sắc không có sanh khởi. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Thức – 164tu2

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, **ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, thức được sanh khởi.** Do duyên thức, nên danh sắc sanh khởi...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

3) *Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, rễ của các cây ấy...(như trên)...*

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, thức được sanh khởi. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

5) Này các Tỷ-kheo, **ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, thức không sanh khởi.** Do thức diệt nên danh sắc diệt...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

6) *Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ...(như trên)... trong tương lai không thể sống lại được.*

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, thức không có sanh khởi. Do thức diệt nên danh sắc diệt...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Nhân – 165tu2

1) Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại một thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammàsadamma.

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- *Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, sâu xa thay là* ***định lý Duyên khởi*** *này, và sâu xa thật là định nghĩa này. Nhưng đối với con định lý ấy có vẻ rõ ràng, minh bạch!*

4) - *Chớ có nói vậy, này Ananda! Chớ có nói vậy, này Ananda! Sâu xa thay, này Ànanda là định lý Duyên khởi này, và sâu xa thật là định nghĩa này. Này Ànanda, chính vì không hiểu rõ pháp này, không giác ngộ, không chứng nhập (pháp này) mà chúng sanh nay bị rối ren như cuộn chỉ, bị phủ đầy bởi bệnh cằn cỗi, như cỏ munjà, như cây lau, không thoát khỏi sự luân hồi trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ.*

5) *Này Ananda*, ***ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng**. Do duyên ái, hữu có mặt. Do duyên hữu, sanh có mặt. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi.* ***Như vậy là toàn khổ uẩn này tập khởi.***

6) *Này Ananda, ví như một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm xuống và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều hút lên nhựa sống cho cây ấy. Này Ananda, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài.*

7) Cũng vậy, này Ananda, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ có mặt. Do duyên thủ, hữu có mặt...(như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

8) *Này Ananda,* ***ai sống thấy sự tai hại trong các pháp chấp thủ, ái được đoạn diệt.*** *Do ái diệt nên thủ diệt...(như trên)...* ***Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.***

9) *Này Ananda, ví như một cây lớn, rồi có người đi đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào một cái mương. Sau khi đào mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con, rễ phụ. Người ấy chặt cây ấy ra từng khúc. Sau khi chặt ra từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ ra từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ ra từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun lại thành đống tro. Sau khi vun lại thành đống tro, hoặc người ấy sàng trong gió lớn hay đổ vào dòng nước chảy mạnh để nước cuốn đi. Như vậy, này Ananda, cây lớn ấy sẽ bị chặt đứt, làm thành như cây ta-la, không thể nào tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.*

10) Như vậy, này Ananda, **ai sống thấy tai hại** trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt, nên già chết, sầu, bi, khổ,

ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

21 Ai sống tuỳ quán sanh diệt đv 5 uẩn - Kinh TÔN GIẢ NÀGITA – Tăng II, 347

TÔN GIẢ NÀGITA – *Tăng* II, 347

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn bộ hành giữa các người Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến một làng Bà-la-môn tên là Icchànangalam. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Icchànangalam, trong khóm rừng Icchànangalam.

Các Bà-la-môn gia chủ ở Icchànangalam được nghe: "Sa-môn Tôn giả Gotama là Thích tử xuất gia từ gia đình họ Thích, đã đến Icchànangalam, trú ở Icchànanagalam trong khóm rừng Icchànangalam. Về Tôn giả Gotama ấy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi: " « Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn các loài Trời và Người. Sau khi đã chứng ngộ, Ngài tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy

đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy! » " .

Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Icchànangalam, sau khi đêm ấy đã mãn, cầm theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm, đi đến khóm rừng Icchànangalam, sau khi đến, đứng ở ngoài cổng vào, và lớn tiếng làm huyên náo.

2. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nàgita là thị giả của Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Nàgita:

- Này Nàgita, những ai đã đến, và làm ồn ào như những hàng cá với đống cá lớn?

- Các người ấy, bạch Thế Tôn, là các Ba-la-môn gia chủ ở Icchànangalam, đang đứng ở ngoài cổng vào, đem theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm cho Thế Tôn và chúng Tăng.

- Này Nàgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nàgita, những ai tìm được không có khó khăn, tìm được không có mệt nhọc, tìm được không có phí sức, tìm được an ổn, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, mà Ta đã tìm được không có khó khăn, tìm được không có mệt nhọc, tìm được không có phí sức. Hãy

để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

3. - Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy chấp nhận! Thiện Thệ hãy chấp nhận! Nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ cũng sẽ đi đến với tâm hướng về cúng dường. Ví như trời mưa nặng hạt, và nước mưa được chảy tùy theo chiều dốc. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy các Ba-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ họ cũng sẽ đi đến, với tâm hướng về cúng đường. Vì cớ sao? Bạch Thế Tôn, do vì giới hạnh và trí tuệ của Thế Tôn.

4. - Này Nagita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng, và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nàgita, những ai tìm được không có khó khăn, tìm được không có mệt nhọc, tìm được không có phí sức, tìm được an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, mà Ta đã tìm được không có khó khăn, tìm được không phí sức. Hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

Này Nàgita,

- Với ai ăn, uống, nhai, nếm, thời đại tiện, tiểu tiện, là kết quả tất nhiên cho người ấy.

- **Với ai nặng nề về ái lạc**, thời sự biến hoại, đổi khác, sầu bi khổ ưu não khởi lên. Đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.
- Ai sống **chuyên chú tâm về tướng bất tịnh,** thời sự nhàm chán đối với tịnh tướng được an trú. Đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.
- Ai sống **tùy quán vô thường trong sáu xúc xứ,** thời sự nhàm chán đối với xúc được an trú. Đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.
- Ai sống **tùy quán sanh diệt đối với năm thủ uẩn**, thời sự nhàm chán đối với chấp thủ được an trú. Đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.

22 Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp - ĐẠI Kinh DỤ DẤU CHÂN VOI – 28 Trung I, 409

ĐẠI KINH DỤ DẤU CHÂN VOI

(Mahahatthipadopama suttam)

– Bài kinh số 28 – *Trung* I, 409

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất) gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

– Chư Hiền giả, ví như tất cả dấu chân của mọi loại động vật đều thâu nhiếp trong dấu chân voi, vì dấu chân này được xem là lớn nhất trong tất cả dấu

chân về phương diện to lớn. Cũng vậy, chư Hiền giả, tất cả các Thiện pháp đều tập trung trong Bốn Thánh đế. Thế nào là trong Bốn Thánh đế? Trong Khổ Thánh đế, trong Khổ tập Thánh đế, trong Khổ diệt Thánh đế, trong Khổ diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, thế nào là **Khổ Thánh đế?** - Sanh là khổ, già là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, điều gì cầu không được là khổ, tóm lại Năm thủ uẩn là khổ.

- Chư Hiền, thế nào là **Năm thủ uẩn**? - Chính là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

- Chư Hiền, thế nào là **sắc thủ uẩn**? - Bốn đại và sắc khởi lên từ bốn đại.

- Chư Hiền, thế nào là **bốn đại**? - Chính là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

- Chư Hiền, thế nào là **địa giới**? - Có nội địa giới, có ngoại địa giới.

- Chư Hiền, thế nào là **nội địa giới?** - Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thô phù, kiên cứng, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân,

xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thô phù, kiên cứng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội địa giới.

Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Cần phải như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như sau: ***"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"***. Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

Chư Hiền, một thời xảy ra khi ngoại thủy giới dao động, trong thời ấy ngoại địa giới bị biến mất. Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại địa giới xưa ấy có thể nêu rõ, tánh hủy hoại có thể nêu rõ, tánh đoạn diệt có thể nêu rõ, tánh biến dịch có thể nêu rõ. Như vậy *còn nói gì đến thân thể yểu thọ do khát ái chấp thủ này? Ở đây không có gì để có thể nói là tôi, là của tôi, hay tôi là.*

Chư Hiền, nếu có những người khác mắng nhiếc, chỉ trích, chọc tức, nhiễu não Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ như sau: *"Khổ thọ khởi lên nơi tôi, thọ này thuộc tai xúc chạm, thọ này do nhân duyên, không*

*phải không do nhân duyên, do nhân duyên gì? Do nhân duyên **xúc**".* Vị ấy thấy **xúc** là vô thường, thấy **thọ** là vô thường, thấy **tưởng** là vô thường, thấy **hành** là vô thường, thấy **thức** là vô thường. Tâm của vị này hoan hỷ, thích thú, tịnh chỉ, quyết định, tùy thuộc giới đối tượng.

Chư Hiền, nếu những người khác xử sự với Tỷ-kheo không có hoàn hảo, không có tốt đẹp, không có khả ái, hoặc dùng tay xúc chạm, hoặc dùng đá xúc chạm, hoặc dùng gậy xúc chạm, hoặc dùng gươm xúc chạm, vị ấy tuệ tri như sau: *"Sự thể của thân này là như vậy, nên tay có thể xúc chạm, đá có thể xúc chạm, gậy có thể xúc chạm, gươm có thể xúc chạm. Thế Tôn đã dạy như sau trong ví dụ cái cưa: "Chư Tỷ-kheo, nếu có kẻ trộm cướp hạ tiện lấy cái cưa hai lưỡi cắt từng phần tay và chân. Nếu ai ở đây sanh ý phẫn nộ, người ấy không làm đúng lời Ta dạy"*... *Ta sẽ tinh cần, tinh tấn, không dải đãi. Niệm được an trú không có loạn niệm, thân thể được khinh an, không dao động, tâm được định tỉnh nhất tâm. Nay mặc cho tay xúc chạm thân này, mặc cho đá xúc chạm thân này, mặc cho gậy xúc chạm thân này, mặc cho gươm xúc chạm thân này, lời dạy chư Phật cần phải được thực hành*. Chư Hiền, Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an

trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: *"Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, <u>nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú</u>"*.

Chư Hiền, ví như một người dâu, khi thấy ông nhạc, bị dao động, bị dao động mạnh. Cũng vậy, chư Hiền, nếu Tỷ-kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú". Chư Hiền, *nếu Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, và <u>xả tương ưng với thiện được an trú</u>, thì Tỷ-kheo ấy được hoan hỷ*. Chư Hiền, đến mức độ này, Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

- Chư Hiền, thế nào là **thủy giới**? -Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới.

- Chư Hiền thế nào là **nội thủy giới?** - Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, <u>thuộc nước, thuộc chất</u>

lỏng, bị chấp thủ, như mật, (viêm đàm dịch) mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội thủy giới.

Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới, đều thuộc về thủy giới. Cần phải như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Chư Hiền, một thời xảy ra khi ngoại thủy giới dao động, nước cuốn trôi làng, cuốn trôi thị trấn, cuốn trôi thành phố, cuốn trôi xứ, cuốn trôi quốc độ. Chư Hiền, một thời xẩy ra khi nước biển đại dương hạ thấp một trăm do-tuần, hạ thấp hai trăm do-tuần, hạ thấp ba trăm do-tuần, hạ thấp bốn trăm do-tuần, hạ thấp năm trăm do-tuần, hạ thấp sáu trăm do-tuần, hạ thấp bảy trăm do-tuần. Chư Hiền, một thời xẩy ra khi nước biển đại dương dâng cao đến bảy cây ta-la, dâng cao đến sáu cây ta-la, dâng cao đến năm cây ta-la, dâng cao đến bốn cây ta-la, dâng cao đến b ây ta-la, dâng cao đến hai cây ta-la, dâng cao chỉ đến một

cây ta-la. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương cao đến bảy đầu người, dâng cao đến sáu đầu người, dâng cao đến năm đầu người, dâng cao đến bốn đầu người, dâng cao đến ba đầu người, dâng cao đến hai đầu người, dâng cao chỉ đến một đầu người. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương dâng cao đến nửa thân người, dâng cao chỉ đến hông, dâng cao chỉ đến đầu gối, dâng cao chỉ đến gót chân. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương không có để thấm ướt đốt ngón chân. Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại thủy giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ... (như trên)... và xả tương ứng với thiện được an trú. Chư Hiền, cho đến mức độ này, vị Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

- Chư Hiền, thế nào là **hỏa giới?** - Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới.

- Chư Hiền, thế nào là **nội hỏa giới?** - Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như <u>cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy; cái gì khiến cho những vật được ăn uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa,</u>

thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội hỏa giới.

Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới, đều thuộc về hỏa giới. Cần phải như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Chư Hiền, một thời xảy ra khi hỏa giới dao động. Lửa thiêu cháy làng, thiêu cháy thị trấn, thiêu cháy thành phố, thiêu cháy xứ, thiêu cháy quốc độ. Lửa cháy cho đến cuối hàng cây cối, cho đến cuối hàng đường lớn, cho đến cuối hàng chân núi, cho đến cuối hàng thủy biên, hay cho đến cuối hàng khu đất khả ái, rồi lửa bị tắt vì không nhiên liệu. Chư Hiền, một thời xảy ra khi loài người đi kiếm lửa phải dùng lông gà và dây gân.

Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại hỏa giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu rõ; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ... (như trên)... và xả tương ưng với thiện được an trú. Chư Hiền, cho đến mức độ này, Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

- Chư Hiền, thế nào là **phong giới**? - Có nội phong giới, có ngoại phong giới.

- Chư Hiền, thế nào là **nội phong giới?** Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc động tánh, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các chi tiết (tay chân), hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội phong giới.

Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Cần phải như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi thấy như thật phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

Chư Hiền, một thời xẩy ra khi ngoại phong giới dao động, gió thổi bay làng, thổi bay thị trấn, thổi bay thành phố, thổi bay xứ, thổi bay quốc độ. Chư Hiền, một thời xẩy ra khi trong tháng cuối mùa hạ, loài người tìm cầu gió nhờ lá cây ta-la, nhờ cây quạt, và người ta không mong tìm được cỏ tại chỗ có rạch

nước chảy. Chư Hiền, ***tánh vô thường*** *của ngoại phong giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu rõ; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ. Như vậy còn nói gì đến thân thể yếu thọ do khát ái chấp thủ này? Ở đây không có gì để có thể nói là tôi, là của tôi, hay tôi là*.

Chư Hiền, *nếu có những người khác mắng nhiếc, chỉ trích, chọc tức, nhiễu não Tỷ-kheo*, vị ấy biết rõ như sau: *"Khổ thọ khởi lên nơi tôi này thuộc tai xúc chạm; thọ này do nhân duyên, không phải không do nhân duyên. Do nhân duyên gì? Do nhân duyên xúc vậy"*. Vị ấy thấy xúc là vô thường; vị ấy thấy thọ là vô thường; vị ấy thấy tưởng là vô thường; vị ấy thấy hành là vô thường; vị ấy thấy thức là vô thường; tâm của vị này hoan hỷ, thích thú, tịnh chỉ, quyết định, tùy thuộc giới đối tượng.

Chư Hiền, *nếu những người khác xử sự với Tỷ-kheo, không có hoàn hảo, không có tốt đẹp, không có khả ái, hoặc dùng tay xúc chạm, hoặc dùng đá xúc chạm, hoặc dùng gậy xúc chạm, hoặc dùng gươm xúc chạm*, vị ấy biết như sau: *"Sự thể của thân này là như vậy nên tay có thể xúc chạm, đá có thể xúc chạm, gậy có thể xúc chạm, gươm có thể xúc chạm". Thế Tôn đã dạy như sau trong ví dụ cái cưa: "Chư Tỷ-kheo, nếu có kẻ trộm cướp hạ tiện lấy cái cưa hai*

lưỡi cắt từng phần tay và chân, nếu ai ở đây sanh ý phẫn nộ thì người ấy không làm đúng lời ta dạy". Ta sẽ tinh cần, tinh tấn, không dải đãi, niệm được an trú, không có loạn niệm, thân thể được khinh an, không dao động, tâm được định tĩnh nhất tâm. Nay mặc cho tay xúc chạm thân này, mặc cho đá xúc chạm, mặc cho gậy xúc chạm, mặc cho gươm xúc chạm thân này. Lời dạy chư Phật cần phải được thực hành".

Chư Hiền, Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú". Chư Hiền, ví như một người dâu, khi thấy ông nhạc, bị dao động, bị dao động mạnh. Cũng vậy, chư Hiền, nếu Tỷ-kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không

được an trú".

Chư Hiền, nếu Tỷ- Kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, và xả tương ưng với thiện được an trú. Do vậy, Tỷ-kheo ấy được hoan hỷ. Chư Hiền, cho đến mức độ này, Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

Chư Hiền, như một khoảng trống được bao vây bởi cây gậy, bởi dây leo, bởi cỏ, bởi bùn, được biết là một nhà ở. Cũng vậy, Chư Hiền, một khoảng trống được bao vây bởi xương, bởi dây gân, bởi thịt, bởi da, được biết là một sắc pháp.

– Chư Hiền, nếu nội mắt không bị hư hại, nhưng ngoại sắc không vào trong tầm mắt, không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp không có hiện khởi.

– Chư Hiền, nếu nội mắt không bị hư hại, ngoại sắc vào trong tầm mắt, nhưng không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp không có hiện khởi.

– Chư Hiền, chỉ khi nào nội mắt không bị hư hại, ngoại sắc vào trong tầm mắt, có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp có hiện khởi.

– *Bất cứ sắc pháp gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong **sắc thủ uẩn**. Bất cứ cảm thọ gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thọ thủ uẩn. Bất cứ tưởng gì được hiện khởi như vậy đều được quy tụ trong tưởng thủ uẩn. Bất cứ hành gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong hành thủ uẩn. Bất cứ thức gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thức thủ uẩn. Vị ấy tuệ tri như sau: "Như vậy, như người ta nói, có sự quy tụ, sự tập hợp, sự hòa hợp của **năm thủ uẩn** này. Thế Tôn đã nói như sau: "Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp. Ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi". Những pháp này do duyên khởi lên chính là **năm thủ uẩn**. Sự tham dục, chấp trước, tham đắm, mê say trong năm thủ uẩn này tức là **khổ tập**. Sự nhiếp phục tham dục, sự từ bỏ tham dục tức là sự **khổ diệt**". Cho đến mức độ này, Chư Hiền, Tỳ-kheo đã làm rất nhiều.*

Chư Hiền, nếu nội tai không bị hư hại... nếu lỗ mũi không bị hư hại... nếu lưỡi không bị hư hại... nếu thân không bị hư hại...

– Chư Hiền, nếu nội ý căn không bị hư hại nhưng ngoại pháp không vào trong tầm của ý căn, không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì

thức phần thích hợp không có hiện khởi.

– Chư Hiền, nếu nội ý căn không bị hư hại, ngoại pháp vào trong tầm của ý căn, nhưng không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp không có hiện khởi.

– Chư Hiền, chỉ khi nào nội ý căn không bị hư hại, ngoại pháp vào trong tầm của ý căn, có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp có hiện khởi.

– *Bất cứ sắc pháp gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong **sắc thủ uẩn**; bất cứ cảm thọ gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thọ thủ uẩn; bất cứ tưởng gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong tưởng thủ uẩn; bất cứ hành gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong hành thủ uẩn; bất cứ thức gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thức thủ uẩn. Vị ấy tuệ tri như sau: "Như vậy, như người ta nói, có sự quy tụ, sự tập họp, sự hòa hợp của **năm thủ uẩn** này. Thế Tôn đã nói như sau: "Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi". Những pháp này do duyên khởi lên chính là **năm thủ uẩn**. Sự tham dục, chấp trước, tham đắm, mê say trong năm thủ uẩn này tức là **khổ tập**. Sự nhiếp phục tham dục, sự*

*từ bỏ tham dục tức là sự **khổ diệt**". Cho đến mức độ này, chư Hiền, Tỷ-kheo đã làm rất nhiều.*

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

23 Ba thời là vô thường, khổ, vô ngã - Kinh Ba Thời Là Vô Thường – Tương III, 41

Ba Thời Là Vô Thường – *Tương* III, 41

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Này các Tỷ-kheo, **sắc là vô thường**, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối (anapekkha), đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

3) Này các Tỷ-kheo, **thọ** là vô thường...

4) Này các Tỷ-kheo, **tưởng** là vô thường...

5) Này các Tỷ-kheo, các **hành** là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với các hành quá khứ không tiếc nuối, đối với các hành vị lai không hoan hỷ, đối với các hành hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

6) Này các Tỷ-kheo, **thức** là **vô thường** trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

Ba Thời Là Khổ – *Tương* III, 42

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) **Sắc**, này các Tỷ-kheo, **là khổ**, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc quá khứ không tiếc nuối, đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham đoạn diệt.

3) **Thọ**, này các Tỷ-kheo, là khổ...

4) **Tưởng**, này các Tỷ-kheo, là khổ...

5) Các **hành**, này các Tỷ-kheo, là khổ...

6) **Thức**, này các Tỷ-kheo, **là khổ**, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không

tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

Ba Thời Là Vô Ngã – *Tương* III, 43

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) **Sắc**, này các Tỷ-kheo, **là vô ngã**, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Vị Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối, đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

3) **Thọ**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

4) **Tưởng**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

5) Các **hành**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

6) **Thức**, này các Tỷ-kheo, **là vô ngã**, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Vị Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

24 Biết như thế nào, thấy như thế nào... - Kinh Kappa – Tương III, 301

Ràdha – *Tương* III, 149

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thế Tôn sau khi đến... bạch Thế Tôn:

*- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với **thân thể có thức** này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên"?*

4) Này Ràdha, phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5) Phàm có thọ...

6) Phàm có tưởng...

7) Phàm có các hành...

8) Phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Này Ràdha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên".

10). .. Tôn giả Ràdha trở thành một vị A-la-hán nữa.

Ràhula – *Tương* III, 244

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?

4) Phàm sắc gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng**: *"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".*

5-8) Phàm thọ gì... tưởng gì... các hành gì... Phàm thức gì, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Biết như vậy, này Ràhula, thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên.

Ràhula – *Tương* III, 245

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát?

4) Phàm sắc gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần; tất cả pháp, **sau khi** thấy với chánh trí tuệ là: *"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"*, **thì sẽ được giải thoát, không có chấp thủ.**

5-7) Phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm các hành gì...

8) Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp, sau khi thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", thì sẽ được giải thoát, không có chấp thủ.

9) Do biết như vậy, này Ràhula, do thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, được giải thoát, không có chấp thủ.

10) Do biết như vậy, này Ràhula, do thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.

Suràdha – *Tương* III, 150

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3). .. Rồi Tôn giả Suràdha bạch Thế Tôn:

- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", ***vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát****?*

4) Này Suràdha, phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; sau khi thấy với chánh trí tuệ như thật tất cả các sắc là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", (vị ấy) được giải thoát, không có chấp thủ.

5-7) Phàm có thọ gì... có tưởng gì... có hành gì...

8) Phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ tất cả các thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", (vị ấy) được giải thoát, không có chấp thủ.

9) Này Suràdha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát.

10) Rồi Tôn giả Suràdha... trở thành một vị A-la-hán nữa.

Kappa – *Tương* III, 301

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Kappa đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

-- *Do biết như thế nào, do thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả*

tướng ở ngoài, lại không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn?

4) -- Phàm có **sắc** gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc thắng hay liệt, hoặc xa hay gần; tất cả sắc ấy cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5-7) Phàm có **thọ** gì... **tưởng** gì... các **hành** gì...

8) Phàm có **thức** gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức cần phải như quán với chánh trí tuệ là: " Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

9) Do biết như vậy, do thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

Kappa – *Tương* III, 302

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

*-- Do biết như thế nào, thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không còn các tư tưởng ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, **vượt qua kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát**?*

3) -- Phàm có **sắc** gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... tất cả sắc, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", **được giải thoát, không có chấp thủ.**

4-6) Phàm có **thọ** gì... **tưởng**... các **hành**...

7) Phàm có **thức** gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", được giải thoát, không có chấp thủ.

8) Do biết như vậy, thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm

ý không có các tư tưởng ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt qua kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.

Cán Búa – Hay Chiếc Thuyền – *Tương* III, 272

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) - **Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc, không phải do không biết, do không thấy.**

4) Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.
- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.
- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi, đây là các hành đoạn diệt.
- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Do **biết** như vậy, do **thấy** như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

5) Này các Tỷ-kheo, như có Tỷ-kheo sống không chí tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: *"Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu, hoặc không có chấp thủ!".* Tuy vậy, tâm của vị ấy cũng **không** giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

6) Vì sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì?

- Không có tu tập **Bốn niệm xứ**.
- Không có tu tập **Bốn chánh cần**.
- Không có tu tập **Bốn như ý túc**.
- Không có tu tập **Năm căn**.
- Không có tu tập **Năm lực**.
- Không có tu tập **Bảy bồ đề phần**.
- Không có tu tập **Thánh đạo Tám ngành**.

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai* ***trứng gà****, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.*

8) *Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và*

đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

9) *Vì sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

10) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

11) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... Không có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

12) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ". Tuy vậy, tâm vị ấy **được giải thoát** khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

13) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì?

- **<u>Có</u>** tu tập **Bốn niệm xứ**.
- Có tu tập **Bốn chánh cần**.
- Có tu tập **Bốn như ý túc**.
- Có tu tập **Năm căn**.
- Có tu tập **Năm lực**.
- Có tu tập **Bảy giác chi**.
- Có tu tập **con đường Thánh đạo Tám ngành**.

14) *Ví như, này các Tỳ-kheo, có tám, mười hay mười hai* ***trứng gà.*** *Các trứng ấy <u>được</u> con gà mái ấp nằm một <u>cách đúng</u> đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

<u>Dầu</u> cho con gà mái ấy <u>không</u> khởi lên ước muốn: "Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy <u>có thể</u> với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

15) *Vì sao? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà <u>được</u> con gà mái ấy ấp nằm <u>một cách đúng đắn</u>, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

16) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy sống chí tâm tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ". Tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

17) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

18) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một **người thợ đá** hay đệ tử người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn; hôm nay từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.*

19) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập **không** có biết như sau: "Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được (các lậu hoặc) được hao mòn trên sự hao mòn (các lậu hoặc).

20) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một **chiếc thuyền** đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn*

sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng, rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát (?).

21) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát.

Pàrileyya – *Tương* III, 174

1) Một thời Thế Tôn ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambi để khất thực. Khất thực xong, sau buổi ăn, trên con đường khất thực trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

3) Rồi một Tỷ-kheo, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ànanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho

chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

4) - Này Hiền giả, trong khi Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành; trong khi ấy, Thế Tôn ưa sống một mình; trong khi ấy, Thế Tôn không muốn ai đi theo Ngài.

5) Rồi Thế Tôn tuần tự du hành, đi đến Pàlileyyaka. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pàlileyyaka, dưới gốc cây bhaddasàla.

6) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ananda:

- Đã lâu lắm, này Hiền giả Ananda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn, này Hiền giả Ananda, được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

8) Rồi Tôn giả Ananda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pàlileyyaka, gốc cây bhaddasàla, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9) Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo ấy, giảng giải, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

10) *Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau: "**Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?**"*

11) Thế Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, pháp **đã được giải thích, thuyết giảng**. **Bốn niệm xứ** đã được giải thích, thuyết giảng. **Bốn chánh cần** đã được giải thích, thuyết giảng. **Bốn như ý túc** đã được giải thích, thuyết giảng. **Năm căn** đã được giải thích, thuyết giảng. **Năm lực** đã được giải thích, thuyết giảng. **Bảy bồ-đề phần** đã được giải thích, thuyết giảng. **Thánh đạo Tám ngành** đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.

12) Dầu cho, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: *"Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"*

13-16) *Này các Tỷ-kheo,* ***biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phàm phu** không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, *quán **sắc** như là tự ngã*, **sự quán như vầy là hành.**

Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?

Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, **cảm xúc** bởi **thọ** sanh ra do **xúc chạm** với **vô minh**, **khát ái** sanh. Từ khát ái ấy, **hành** ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Thọ** ấy... **xúc** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể *quán tự ngã như là có sắc*. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể *quán sắc ở trong tự ngã*. Quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán

sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể *quán tự ngã ở trong sắc*. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể *quán **thọ** như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ*.

22-23). .. *có thể quán **tưởng**... có thể quán các **hành**...*

24). .. *có thể quán **thức** như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức*. **Sự quán ấy,** này các Tỷ-kheo, **là hành**. *Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?* Đối với kẻ vô văn phàm phu, do **cảm xúc** bởi **thọ** sanh ra

do **xúc chạm** với **vô minh**, khát **ái** sanh. Do khát ái ấy, **hành** ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy... **thọ** ấy... **xúc** ấy... **vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được **đoạn tận lập tức.**

25) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. *Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"*. Nhưng **thường kiến** ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại ". Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: *"Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta"*.

27) **Đoạn kiến** ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

28) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức; không có (tà) kiến như sau: *"Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"*; có thể không có (tà) kiến như sau: "*Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta"*. Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

29) Nhưng này các Tỷ-kheo, **sự nghi hoặc, do dự,** không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là **hành**. ***Hành ấy lấy gì làm nhân***, *lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?* Đối với kẻ vô văn

phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Thọ** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Xúc** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh.

30) Này các Tỷ-kheo, **do biết như vậy, thấy như vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

25 Bậc Alahán - Sẽ không có 6 căn khác khởi lên tại một chỗ nào - Kinh Hữu Học – Tương V, 356

Hữu Học – *Tương* V, 356

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- ***Có pháp môn nào****, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy,* ***Tỷ-kheo hữu học*** *đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học",* ***Tỷ-kheo vô học*** (asekha) *đứng trên vô học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) -- **Có** *pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học", Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

4) *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo **hữu** học trú trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học"?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học **như thật rõ biết**: **"Đây là khổ",** như thật rõ biết: "Đây là khổ tập khởi", như thật rõ biết: "Đây là khổ đoạn diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt". Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".*

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học suy nghĩ như sau: "Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn hay không?".

*Và vị ấy **rõ biết như sau**: **"Ngoài Tăng chúng này, không có** một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn". Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".*

6) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học **rõ biết năm căn**:* ***tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn. Nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục*

đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

7) *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo **vô** học đứng trên vô học địa rõ biết: "Ta là bậc vô học"?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học **rõ biết năm căn**: **tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn với sanh thú của chúng, với tối thắng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú, với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

8) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học **rõ biết sáu căn**: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: "Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào". Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

26 Bậc Dự lưu - Khi nào là bậc Dự lưu - Kinh Gió – Tương III, 349

Gió – *Tương* III, 349

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà)* ***kiến*** *này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có **thọ**... có **tưởng**... có các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) ... ***Thức*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết**, được **đạt** đến, được **tìm** cầu, được **ý tư duy**, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

27 Bậc Dự lưu - Kinh Tương Ưng Kiến – Tương III, 349

Tương Ưng Kiến

I. Phẩm Dự Lưu

Gió – *Tương* III, 349

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà)* ***kiến*** *này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có **thọ**... có **tưởng**... có các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến:*

"Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) ... ***Thức*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết**, được **đạt** đến, được **tìm** cầu, được **ý tư duy**, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

Cái Này Là Của Tôi – *Tương* III, 352

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

5-7) Do có **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) --. .. **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết**, được **tìm** cầu, được **ý tư duy**, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

Cái Này Là Tự Ngã – *Tương* III, 355

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

5-7) ... **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

8) Do có **thức**, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: " Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại ".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau*

khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-13) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết**, được **đạt** tới, được **tìm** cầu, được **ý tư duy**, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

Có Thể Không Phải Của Tôi – *Tương* III, 357

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, *này các Tỷ-kheo,* ***do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên:*** *"Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?*

(Như kinh trên, chỉ có sự sai khác về "tà kiến").

Không Có – *Tương* III, 358

-- *Do có cái gì,* *này các Tỷ-kheo,* ***do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên:*** *"Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn chánh hạnh, chánh hướng, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới; thủy đại trở về trả lại cho thủy giới; hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới; phong đại trở về trả lại cho phong giới; các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi (đến chỗ hỏa táng), thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí. Lời nói của họ trống không, giả dối, khi họ thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết"?*

3)-- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) *(Như kinh trên, chỉ khác ở "tà kiến").*

Đối Với Người Hành Động – *Tương* III, 359

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- ***Do có cái gì,*** *này các Tỷ-kheo****, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên****: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chận đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo. Bố thí, điều phục, cấm giới, tự chế, tôn trọng sự thật, không có phước đức, không đưa đến phước đức"?*

4) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến").

Nhân – *Tương* III, 360

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, *này các Tỷ-kheo**, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên:** "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả chúng sanh, tất cả hữu tình, tất cả sinh vật, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của họ, bởi cá tánh của họ. Họ hưởng thọ khổ, lạc, y theo sáu loại thác sanh của họ"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như các kinh trên, chỉ khác phần "tà kiến").

Đạt Tà Kiến – *Tương* III, 361

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, *này các Tỷ-kheo**, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, khởi lên (tà) kiến như sau**: "Có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lăng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc"?*

3) Bảy thân ấy là gì? - Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lăng nhau, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc.

4) Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi.

5) Có tất cả là 1.400.000 chủng loại thác sanh, lại có thêm 6.000 và có thêm 600 nữa. Có 500 loại nghiệp

và năm nghiệp (theo 5 căn), lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu), và bán nghiệp (ý), có 62 đạo, 62 trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, 4.900 sanh nghiệp, 4.900 kẻ du hành, 4.900 chỗ ở của loài Nàga, 2.000 căn, 3.000 cảnh địa ngục, 36 trần giới, 7 tưởng thai, 7 vô tưởng thai, 7 tiết thai, 7 loài Thiên, 7 loài Người, 7 loài quỷ, 7 hồ nước, 7 pavutas (rừng hay hồ nhỏ), 7 papàta (vực thẳm), 700 papàta (vực thẳm), 7 mộng, 700 mộng, có 8 trăm 40 vạn đại kiếp, trong thời gian ấy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau.

6) Không có lời nguyền: "Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thục, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thục bởi những nhẫn thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn.

7) Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ đoạn tận khổ đau ".

8) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến").

Thế Gian Là Thường – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến". Ở đây "tà kiến" được thay bằng "thế gian là thường").

Thế Gian Là Vô Thường (S.iii,214) – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến").

Hữu Biên – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Vô Biên – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Mạng Với Thân Là Một – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Mạng Với Thân Là Khác – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Như Lai Có Tồn Tại – *Tương* III, 364

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Như Lai Không Có Tồn Tại – *Tương* III, 364

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Như Lai Có Tồn Tại Và Không Có Tồn Tại – *Tương* III, 364

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Như Lai Không Tồn Tại Và Không Không Tồn Tại – *Tương* III, 364

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- *Này các Tỷ-kheo,* ***do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên:*** *"Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4-8) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"... ... **thọ**... **tưởng**... các **hành**... Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp

thức, khởi lên (tà) kiến này: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo,* ***sắc*** *là thường hay vô thường?*

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?"*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-13) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức**...

14) -- *Cái gì được* ***thấy****, được* ***nghe****, được* ***nghĩ*** *đến, được* ***biết*** *đến, được* ***đạt*** *tới, được* ***tìm*** *cầu, được* ***ý suy tư****; cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết "?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. Phẩm Trùng Thuyết (1)

I. Gió – *Tương* III, 367

(Những kinh I, II trong phẩm này là giống như những kinh trong Chương Ba, Kiến Tương Ưng từ số I cho đến số XVIII).

II. Phi Hữu Phi Vô (S.iii,218) – *Tương* III, 367

III. Phẩm Trùng Thuyết (2)

Tự Ngã Có Sắc – *Tương* III, 367

(Những kinh này giống như các kinh trước chỉ khác là "tà kiến" được thay bằng "Tự ngã có sắc, sau khi chết, không bệnh").

Tự Ngã Không Có Sắc.

(như trên, được thay bằng *"Tự ngã không có sắc, sau khi chết, không bệnh*").

Tự Ngã Có Sắc Và Không Sắc.

Tự Ngã Không Có Sắc Và Không Không Sắc

Thuần Lạc

(... *"Tự ngã là thuần lạc, sau khi chết, không bệnh*").

Thuần Khổ

Thuần Lạc Và Thuần Khổ

Chẳng Phải Khổ , Chẳng Phải Lạc (S.iii,220)

IV. Phẩm Trùng Thuyết (3)

I. (Như kinh Chương Một I, Kinh Nakulapità).

II- XXV. (Như kinh từ số I, Phẩm Trùng Thuyết 1, đến VII Phẩm Trùng Thuyết 2)

XXVI. Phi Lạc Phi Khổ (Như kinh VIII, Phẩm Trùng Thuyết 2).

V. Phẩm Trùng Thuyết (4)

I - XXVII. Như kinh (I-II) Phẩm Trùng Thuyết 3) (S.iii,222) – *Tương* III, 368

28 Bậc Dự lưu - Kinh Con Mắt – Tương III, 369

Con Mắt – *Tương* III, 369

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo,

- *Mắt là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Tai là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Mũi là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Lưỡi là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Thân là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Ý là vô thường, biến hoại, đổi khác.*

4) -- *Này các Tỷ-kheo, ai có lòng tin, có tín giải đối với những pháp này; vị ấy được gọi là **Tùy tín hành**, đã **nhập Chánh tánh**, đã **nhập Chân nhân địa**, đã **vượt phàm phu địa**. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng **quả Dự lưu**.*

5) *Với ai, này các Tỷ-kheo, kham nhẫn một ít Thiền quán, như vậy với trí tuệ về những pháp này; vị ấy được gọi là **Tùy pháp hành**, đã **nhập Chánh tánh**,*

*đã **nhập Chân nhân địa**, đã **vượt phàm phu địa**. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy, phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng **quả Dự lưu.***

6) *Với ai, này các Tỷ-kheo, đối với những pháp này, biết rõ như vậy, thấy như vậy, vị ấy được gọi là đã **chứng Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.*

II. Sắc – *Tương* III, 370

(Như kinh trên, chỉ thế "mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý" bằng "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp").

III. Thức – *Tương* III, 370

*(Như kinh trên, chỉ thế vào "*nhãn ***thức***, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức").*

IV. Xúc – *Tương* III, 370

*(Như kinh trên, chỉ thế vào "*nhãn ***xúc***, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc").*

V. Thọ - *Tương* III, 371

*(Như kinh trên, chỉ thế vào "**thọ** do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh").*

VI. Tưởng – *Tương* III, 371

*(Như kinh trên, chỉ thế vào "sắc **tưởng**, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng").*

VII. Tư – *Tương* III, 371

*(Như kinh trên, chỉ thế vào "sắc **tư**, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư").*

VIII. Ái – *Tương* III, 371

*(Như kinh trên, chỉ thế vào "sắc **ái**, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái").*

IX. Giới – *Tương* III, 371

*(Như kinh trên, chỉ thế vào "**địa** giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới").*

X. Uẩn (S.iii,227) – *Tương* III, 371

*(Như kinh trên, chỉ thế vào "sắc **uẩn**, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn").*

29 Bậc Dự lưu và bậc Alahán - Kinh Bậc Dự Lưu – Tương III, 336

Bậc Dự Lưu – *Tương* III, 336

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Này Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) Này Ràdha, khi nào bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **năm thủ uẩn** này. Vị này, này Ràdha, được gọi là vị Thánh đệ tử **đã chứng Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến cứu cánh bồ-đề.

Bậc ALaHán – *Tương* III, 337

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Này Rdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) -- Này Ràdha, khi nào Tỷ-kheo sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy

hiểm và sự xuất ly của **năm thủ uẩn** này, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy, gọi vị Tỷ-kheo là **bậc A-la-hán**, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn tận hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí.

30 Bậc Thánh - Thế nào là Tỷ kheo đạt địa vị bậc Thánh - Kinh NGÀY TRAI GIỚI – Tăng II, 168

NGÀY TRAI GIỚI – *Tăng* II, 168

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Pubbàràma trong lâu đài của mẹ Migàrà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhân ngày lễ trai giới, đang ngồi có chúng Tỷ-kheo vây quanh. Sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo đang im lặng, im lặng, rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- *Không nói lời phù phiếm, là hội chúng này; Không nói lời vô ích, này các Tỷ-kheo, là hội chúng này, thanh tịnh, an lập trên căn bản. Chúng Tỷ-kheo này như vậy, này các Tỷ-kheo, hội chúng này như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng như vậy khó tìm được ở đời!*
- *Chúng Tỷ-kheo này như vậy, hội chúng như vậy, đáng được tôn trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.*
- *Chúng Tỷ-kheo này như vậy, hội chúng này như vậy dầu cho ít, được lợi nhiều, còn cho nhiều, lại được lợi nhiều hơn nữa.*

- *Chúng Tỷ-kheo này như vậy, Hội chúng này như vậy, nếu phải đi do một tuần để được yết kiến cũng nên đi, dầu có phải mang theo trên vai túi đựng đồ ăn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chúng Tỷ-kheo này.*

2. Này các Tỷ-kheo,

– *Có những Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị chư Thiên.*
– *Có những Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị Phạm Thiên.*
– *Có những Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị Bất động.*
– *Có những Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được Thánh vị.*

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị chư Thiên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục … chứng và trú Sơ Thiền … Thiền thứ hai … Thiền thứ ba … chứng và trú Thiền thứ tư và an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đạt được địa vị chư Thiên.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Phạm Thiên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm cùng khởi với từ - biến mãn một phương và an trú … với tâm cùng khởi với bi … với tâm cùng khởi với hỷ … với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương và an trú. Cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên thế giới, vị ấy biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Phạm Thiên.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các tưởng chướng ngại, sau khi không tác ý các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên" chứng đạt và an trú "Không vô biên xứ". Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú "Thức vô biên xứ". Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Phi

tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo chứng đạt Bất động.

6. - Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chứng đạt địa vị bậc Thánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri: "***Đây là khổ"*** … như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đạt được địa vị bậc Thánh.

31 Bậc đạo sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì - Kinh Devadaha – Tương III, 16

Devadaha – *Tương* III, 16

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Devadaha.

2) Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo du hành ở phía Tây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Chúng con muốn xin Thế Tôn cho phép chúng con đi đến quốc độ phương Tây. Chúng con muốn trú ở quốc độ phương Tây.

- Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đã xin phép Sàriputta chưa?

- Bạch Thế Tôn, chúng con chưa xin phép Tôn giả Sàriputta.

- Này các Tỷ-kheo, vậy hãy xin phép Sàriputta. Sàriputta, này các Tỷ-kheo, là bậc Hiền trí, là người đỡ đầu các vị Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

4) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta đang ngồi dưới cây ba đậu (elagalà: cassia), không xa Thế Tôn bao nhiêu.

5) Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, các vị ấy nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

6) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sàriputta:

- Chúng tôi muốn, thưa Hiền giả Sàriputta, đi đến quốc độ phương Tây. Chúng tôi muốn trú ở quốc độ phương Tây. Bậc Đạo Sư đã cho phép chúng tôi.

7) - Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau:

Các Sát-đế-ly hiền trí, các Bà-la-môn hiền trí, các Gia chủ hiền trí, các Sa-môn hiền trí. Này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (sẽ hỏi): *"Bậc Đạo Sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì? Pháp có được chư Tôn giả khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thâm nhập với trí tuệ không?"* Để khi trả lời, các Tôn giả có thể lập lại các ý kiến của Thế Tôn, không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, có thể trả lời tùy pháp, đúng với Chánh pháp, và không để một vị đồng pháp nào, nói lời đúng pháp, có thể có lý do để quở trách.

8) - Chúng tôi có thể đi đến thật xa, thưa Tôn giả, để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta nói về ý nghĩa của lời nói này! Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

9) - Vậy này các Hiền giả, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

10) Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-ly hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Này các

Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (có thể hỏi): *"**Bậc Đạo Sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì?**"*. Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời: *"Này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến **sự điều phục dục và tham** ".*

11) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm câu hỏi như sau: Có những vị Sát-đé-ly hiền trí... có những Sa-môn hiền trí. Này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (có thể hỏi): ***"Đối với cái gì, bậc Đạo Sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham?"***. Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: *"Đối với **sắc**, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... đối với **thức**, **bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham**"*.

12) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-ly hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi*): "**Nhưng thấy sự nguy hiểm gì, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc**... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?"*. Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Ông cần

phải trả lời như sau: *"Này các Hiền giả, đối với* ***sắc****, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt tình, chưa viễn ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt tình, chưa viễn ly khát ái, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Này chư Hiền giả, do thấy sự nguy hiểm này đối với sắc mà bậc Đạo Sư của chúng tôi nói lên sự điều phục dục và tham".*

13) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-ly hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi): ***"Nhưng thấy sự lợi ích gì, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc****... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?".* Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: *"Đối với* ***sắc****, này các Hiền giả, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt tình, đã viễn ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các*

hành... đối với thức, này các Hiền giả, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt tình, đã viễn ly khát ái, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Do thấy sự lợi ích này, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức".

14) Và này các Hiền giả, đạt được và an trú trong các bất thiện pháp và ngay trong đời sống hiện tại, sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não, không bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú, đây không phải là sự đoạn tận các bất thiện pháp được Thế Tôn tán thán.

15) Nhưng này các Hiền giả, vì rằng đạt được và an trú trong các bất thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống bị đau khổ, bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Do vậy, đây là sự đoạn tận các bất thiện pháp được Thế Tôn tán thán.

16) Và này các Hiền giả, đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống đau khổ, bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não, và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Đây

không phải là sự thành tựu các thiện pháp được Thế Tôn tán thán.

17) Nhưng này các Hiền giả, vì rằng đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não, không bị nhiệt não, và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú. Do vậy, đây là sự thành tựu các thiện pháp được Thế Tôn tán thán.

18) Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta nói.

32 Bắn xa, bắn nhanh - Kinh KẺ CHIẾN SĨ – Tăng I, 519

KẺ CHIẾN SĨ – *Tăng* I, 519

1. - Đầy đủ ba đức tánh, này các Tỷ-kheo, một kẻ chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu nhà vua, là biểu tượng của vua. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ chiến sĩ là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng và đâm thủng được vật lớn. Đầy đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một kẻ chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu nhà vua, là biểu tượng của vua.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba đức tánh, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là ba?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là kẻ ***bắn xa, bắn như chớp nhoáng và đâm thủng được vật lớn.***

3. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo* ***bắn xa****?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần,

tất cả sắc, *vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".*

- Phàm có cảm thọ gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả cảm thọ, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
- Phàm có tưởng gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả tưởng, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
- Phàm có các hành gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả các hành, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
- Phàm có thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả các thức, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải

của tôi, cái này không phải của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo* ***bắn như chớp nhoáng****?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là Khổ", như thật tuệ tri: "Đây là Khổ tập"; như thật tuệ tri: "Đây là Khổ diệt"; như thật tuệ tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt"; Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng.

5. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo* ***đâm thủng vật lớn****?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đâm thủng vô minh uẩn to lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn.

➢ Đầy đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

33 Bắn xa, bắn nhanh - Kinh NGƯỜI CHIẾN SĨ – Tăng II, 141

NGƯỜI CHIẾN SĨ – *Tăng* II, 141

1.- Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ thiện xảo về xạ trình, là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng, và đâm thủng được vật lớn.

Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, Tỷ-kheo đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình, là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng, và đâm thủng được vật lớn.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là người có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Patimokkha, có uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ, chấp nhận và học tập các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn xa?

- *Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phàm sắc gì thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".*
- *Phàm có cảm thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả cảm thọ, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".*
- *Phàm có tưởng gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả tưởng, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của*

tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

- *Phàm có các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các hành, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".*
- *Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".*

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là khổ", như thật quán tri: "Đây là khổ tập"; như thật quán tri: "Đây là khổ diệt", như thật quán tri "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng.

6. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đâm thủng vô minh uẩn to lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn.

Đầy đủ bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

34 Bệnh - Kinh Assaji – Tương III, 226

Assaji – *Tương* III, 226

1) Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Assaji trú ở vườn Kassapa, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Assaji gọi các người thị giả:

- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn: "Tỳ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và thưa như sau: ‘Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỳ-kheo Assaji!’"

4) -Thưa vâng, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Assaji, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh đau đớn, trầm trọng... Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Assaji.

7) Tôn giả Assaji thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ nơi giường ngồi dậy. Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

- Thôi Assaji! Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy! Có chỗ ngồi đã soạn sẵn. Tại chỗ ấy, Ta sẽ ngồi.

9) Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

10) - Ông có kham nhẫn được không, này Assaji? Ông có chịu đựng được không?... Có phải có những dấu hiệu thuyên giảm, không có tăng trưởng?

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn!... Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có thuyên giảm!

11) Này Assaji, Ông có phân vân gì, có hối hận gì không?

- Chắc chắn, bạch Thế Tôn, con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận!

12) Này Assaji, Ông có điều gì tự trách mình về giới luật hay không?

- Bạch Thế Tôn, con không có điều gì tự trách mình về giới luật.

13) Này Assaji, nếu Ông không có điều gì tự trách mình về giới luật, Ông có phân vân gì, có hối hận gì không?

- Trước đây, bạch Thế Tôn, sau khi cố gắng làm cho lắng xuống cơn bịnh, con sống với thân hành, do vậy con không chứng được Thiền định. Dầu cho không chứng được Thiền định, con tự nghĩ: "Ta sẽ không thối thất".

14) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào kiên trì trong Thiền định, tập trung trong Thiền định, nếu họ không chứng đắc Thiền định, họ sẽ nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ không thối thất!"

15-21) Này Assaji, Ông nghĩ thế nào, **sắc** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi "?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự

giải thoát, trí khởi lên: ***"Ta đã được giải thoát"***. Vị ấy biết rõ: ***"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".***

22)

- Khi cảm giác **lạc thọ**, vị ấy **biết** rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ".
- Khi cảm giác **khổ thọ**, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ".
- Khi cảm giác **bất khổ bất lạc thọ**, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ".

23)

- Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy.
- Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy.
- Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy.

24)

- Nếu vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận về thân, vị ấy **biết** rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân".
- Nếu vị ấy cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng".
- Vị ấy **biết** rõ rằng: "Khi thân hoại mạng chung trên cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương!"

25) Ví như, này Assaji, do duyên dầu, do duyên tim bấc, một cây đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bấc của (ngọn đèn) ấy đoạn tận, không có mang lại nhiên liệu, ngọn đèn ấy sẽ tắt.

Cũng vậy, này Assaji, Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân". Khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng". Sau khi thân hoại mạng chung trên cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương!

35 Bệnh - Kinh Vakkàli – Tương III, 216

Vakkàli – *Tương* III, 216

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vakkali trú tại nhà một thợ gốm, đang bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Vakkali gọi những người thị giả:

- Đến đây, các Hiền giả! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, trầm trọng; (Vakkali) cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: 'Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỳ-kheo Vakkali.'"

4) Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và có thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali".

5) Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, đi đến Tỷ-kheo Vakkali.

7) Tôn giả Vakkali thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ giường ngồi dậy.

8) Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

- Thôi Vakkali, Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, Ta sẽ ngồi trên chỗ ngồi ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn.

9) Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

- Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn! Con không có thể chịu đựng! Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có tổn giảm. Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có tổn giảm.

10) Này Vakkali, Ông có gì **phân vân, hối hận** không?

- Bạch Thế Tôn, thật sự con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận!

11) Này Vakkali, Ông có gì **tự trách mình về giới luật** không?

- Bạch Thế Tôn, con không có gì tự trách mình về giới luật.

12) Này Vakkali, nếu Ông không có gì tự trách mình về giới luật, vậy Ông có gì phân vân, có gì hối hận?

- Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn.

13) -*Thôi vừa rồi, này Vakkali,* ***có gì đáng thấy*** *đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali,* ***ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp****. Này Vakkali,* ***đang thấy Pháp, là thấy Ta. Đang thấy Ta, là thấy Pháp.***

14) Này Vakkali, Ông nghĩ thế nào, **sắc** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi "?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15-16) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: ***"Ta đã được giải thoát"***. Vị ấy biết rõ: ***"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".***

17) Rồi Thế Tôn, sau khi giáo giới cho Tôn giả Vakkali với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến núi Gijjhakùta (Linh Thứu).

18) Rồi Tôn giả Vakkali, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các thị giả:

- Hãy đến ta, này chư Hiền, hãy nhắc cái giường ta và đi đến tảng đá đen (kàlasilà), tại sườn núi Isigili (hang của Tiên nhân). Làm sao người như ta, lại nghĩ đến mệnh chung trong một căn nhà?

19) -Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc chiếc giường với Tôn giả Vakkali đi đến tảng đá đen, tại sườn núi Isigili.

20) Thế Tôn, đêm ấy và ngày còn lại, trú tại núi Gijjhakùta.

21) Rồi hai vị Thiên, trong khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng núi Gijjakùta, đi đến Thế Tôn... liền đứng một bên.

22) Đứng một bên, một vị Thiên bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang có ý nghĩ muốn giải thoát.

23) Vị Thiên khác bạch Thế Tôn:

- Vị ấy muốn giải thoát, **chắc chắn được khéo giải thoát**.

24) Chư Thiên ấy nói như vậy xong; sau khi nói vậy, liền đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

25) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo:

- Hãy đến, này các Tỷ-kheo. Hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Vakkali như sau: "Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của hai vị Thiên nói với Thế Tôn. Này Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc

thù thắng, chói sáng toàn vùng Gijjhakùta, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali đang có ý nghĩ muốn giải thoát’. Vị Thiên khác bạch Thế Tôn: ‘Vị ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát". Và Hiền giả Vakkali, Thế Tôn nói với Hiền giả như sau: "Này Vakkali, chớ có sợ! Này Vakkali, chớ có sợ! **Cái chết của Ông sẽ không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải ác hạnh!"**

26) -Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Vakkali; sau khi đến, thưa với Tôn giả Vakkali:

- Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của Thế Tôn và hai vị Thiên.

27) Rồi Tôn giả Vakkali gọi các vị thị giả:

- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy nhắc tôi ra khỏi giường. Làm sao một người như tôi, có thể nghĩ ngồi trên chỗ ngồi cao để nghe Thế Tôn giảng dạy.

28) -Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc Tôn giả Vakkali ra khỏi giường.

29) - Này Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn... đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thế Tôn: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang nghĩ đến tự giải thoát". Vị Thiên kia bạch Thế Tôn: "Vị ấy, bạch Thế Tôn, muốn giải thoát sẽ được khéo giải thoát". Và Thế Tôn, này Hiền giả Vakkali, nói với Hiền giả như sau: "Chớ có sợ, này Vakkali! Chớ có sợ, này Vakkali! Cái chết của Ông không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hạnh!"

30) - Vậy này chư Hiền, hãy nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bệnh trầm trọng! Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: "**Sắc** là vô thường, bạch Thế Tôn. Con không có ngờ gì vấn đề này, bạch Thế Tôn! Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này. **Thọ** là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề

này. **Tưởng** là vô thường... Các **hành** là vô thường... **Thức** là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. **Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này."**

31) -Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali rồi ra đi.

32) Tôn giả Vakkali, khi các Tỷ-kheo ấy đi không bao lâu liền đem lại con dao.

33) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: "Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, bạch Thế Tôn, con

không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này".

34) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen. Ở đấy, Thiện gia nam tử đem lại con dao.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

35) Thế Tôn cùng với số đông Tỷ-kheo đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen.

36) Và ở đàng xa, Thế Tôn thấy Tôn giả Vakkali nằm trên giường, với vai co quắp lại.

37) Lúc bấy giờ, **một đám khói đen, một luồng ám khí** đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía trên, đi về phía dưới, đi về phía bốn góc.

38) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy đám khói đen ấy, luồng ám khí ấy đi về phía Đông... đi về phía bốn góc không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

39) - Đó là Ác ma, này các Tỷ-kheo, đang đi tìm **thức** của Thiện nam tử Vakkali và nói: "**Thức** của Thiện nam tử Vakkali an trú tại chỗ nào?"

40) Nhưng này các Tỷ-kheo, với **thức** không an trú tại một chỗ nào, Thiện nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn!

36 Bệnh - Thân bệnh và Tâm bệnh - Kinh BỆNH – Tăng II, 86

BỆNH – *Tăng* II, 86

❖ Này các Tỷ-kheo, có hai loại bệnh này. Thế nào là hai?

- Bệnh về thân
- Bệnh về tâm.

Này các Tỷ-kheo, chúng ta thấy có chúng sanh tự nhận mình là không thân bệnh được một năm, tự nhận mình là không thân bệnh được hai năm, được ba … được bốn … được năm … được mười … được hai mươi … được ba mươi … được bốn mươi … tự nhận mình là không thân bệnh được năm mươi năm, tự nhận mình là không thân bệnh được một trăm năm. Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, *rất khó tìm được ở đời là những chúng sanh tự nhận mình là không* ***tâm bệnh*** *dầu chỉ trong một khoảnh khắc, trừ những vị đã đoạn trừ các lậu hoặc.*

2. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại bệnh này cho người xuất gia. Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, người có **dục lớn**, bực bội tức tối, không tự bằng lòng với các đồ vật như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.
- Người ấy vì nhiều dục lớn, bực bội tức tối, không tự bằng lòng với các đồ vật như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, khởi lên thèm khát, ác dục, muốn được các điều không được tán thán, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng.
- Vị ấy nỗ lực, cố gắng, tinh tấn để được các điều không được tán thán, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng.
- Vị ấy sau khi tính toán, đi đến các gia đình; sau khi tính toán, ngồi xuống; sau khi tính toán, thuyết pháp; sau khi tính toán, ngưng nín tiểu tiện, đại tiện.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bốn chứng bệnh của người xuất gia.

3. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- **"Ta sẽ không có dục lớn, bực bội tức tối, tự bằng lòng với các đồ vật như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.**

- **Ta sẽ không khởi lên thèm khát, ác dục, muốn được các điều không đáng được tán thán, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng.**
- **Ta sẽ không nỗ lực, không cố gắng, không tinh tấn để được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng.**
- **Ta sẽ kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm với ruồi và muỗi, với gió và mưa và các vật bò sát, (kham nhẫn) các hình thức nói phô khó chịu, khó chấp nhận.**
- **Ta sẽ chịu đựng các khổ thọ về thân, khởi lên khổ đau, nhói đau, mãnh liệt, kịch liệt, không khả hỷ, không khả ý, đứt mạng sống".**

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

37 Bệnh - Thân bệnh và Tâm không bệnh - Kinh Nakulapità – Tương III, 9

Nakulapità – *Tương* III, 9

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhayga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesaka, vườn Nai.

2) Rồi gia chủ Nakulapità đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapità bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, trưởng lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các vị Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy, con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

4) - Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thân của Gia chủ, này Gia chủ, là bệnh hoạn, ốm đau, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ

trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập như sau: **"Dầu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh"**. Như vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập.

5) Rồi gia chủ Nakulapità sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Sàriputta rồi ngồi xuống một bên.

6) Tôn giả Sàriputta nói với gia chủ Nakulapità đang ngồi một bên:

- Này Gia chủ, tịch tịnh là các căn của Gia chủ; thanh tịnh và trong sáng là sắc diện của Gia chủ. Có phải hôm nay Gia chủ đối diện với Thế Tôn, được nghe pháp thoại?

- Làm sao không thể như vậy được, thưa Tôn giả? Hôm nay, thưa Tôn giả, con được **rưới với nước bất tử**, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại!

- Như thế nào, này Gia chủ, Gia chủ được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại?

7) - Ở đây, thưa Tôn giả, con đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thưa Tôn giả, con bạch Thế Tôn:

"- Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, trưởng lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn giảng dạy cho con! Nhờ vậy con được hạnh phúc, an lạc lâu dài!"

Được nghe nói vậy, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói với con:

"- Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thân của Gia chủ, này Gia chủ, là bệnh hoạn, ốm yếu, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập như sau: 'Dầu thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh!"

Như vậy, thưa Tôn giả, con được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại.

8) Nhưng này Gia chủ, Gia chủ có hỏi thêm Thế Tôn như sau: *"Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là*

thân bị bệnh và tâm cũng bị bệnh? Cho đến như thế nào là thân bị bệnh, nhưng tâm không bị bệnh không?"

9) -Thưa Tôn giả, con có thể đi đến thật xa để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta ý nghĩa của lời nói này. Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

10) -Vậy này Gia chủ, hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, ta sẽ nói.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Nakulapità vâng đáp Tôn giả Sàriputta.

11) Tôn giả Sàriputta nói như sau:

- Thế nào, này Gia chủ, là thân bệnh và tâm bệnh?

12) Ở đây, này Gia chủ, có **kẻ vô văn phàm phu** không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán **sắc** như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy **bị ám ảnh**: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta!" khi sắc biến hoại,

đổi khác; do sắc biến hoại, đổi khác, nên vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu não!

13) Vị ấy quán **thọ** như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta". Do bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên do thọ biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

14) Vị ấy quán **tưởng** như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy bị ám ảnh: " Tưởng là ta, tưởng là của ta ". Do bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên do tưởng biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

15) Vị ấy quán các **hành** như là tự ngã hay tự ngã như là có các hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta". Do bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta" khi các hành biến hoại, đổi khác; do các hành biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu não!

16) Vị ấy quán **thức** như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy **bị ám ảnh**: "Thức là ta, thức là của ta".

Do bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên do **thức** biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

17) Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh và tâm có bệnh.

18) *Thế nào, này Gia chủ, là thân có bệnh nhưng tâm không có bệnh?*

19) Ở đây, này Gia chủ, **vị đa văn Thánh đệ tử** hiểu rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, hiểu rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán **sắc** như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy **không bị ám ảnh**: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" khi sắc biến hoại, đổi khác; nên không do sắc biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

20) Không quán **thọ** như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên không do thọ biến hoại, đổi khác, mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

21) Không quán **tưởng** như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta ". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên không do tưởng biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

22) Không quán các **hành** như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta" khi các hành biến hoại, đổi khác; nên không do các hành biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

23) Không quán **thức** như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy **không bị ám ảnh**: "Thức là ta, thức là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên không do **thức** biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

24) Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh, nhưng tâm không có bệnh.

25) Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy, gia chủ Nakulapità hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta thuyết.

38 Bệnh - Thân bệnh và Tâm không bệnh - Kinh Với Mũi Tên – Tương IV, 336

Với Mũi Tên – *Tương* IV, 336

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu, cảm thọ cảm giác lạc thọ, cảm thọ cảm giác khổ thọ, cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

4) Này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử cũng cảm thọ cảm giác lạc thọ, cảm thọ cảm giác khổ thọ, cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

5) *Ở đây, này các Tỷ-kheo, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng, thế nào là* ***sai biệt giữa bậc Đa văn*** *Thánh đệ tử và* ***kẻ vô văn*** *phàm phu?*

6) -- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

7) -- Này các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phàm phu** khi cảm xúc ***khổ thọ***, sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. *Vị ấy cảm giác* ***hai cảm thọ****, cảm thọ về* ***thân*** *và cảm thọ về* ***tâm*****.**

8) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn với mũi tên, rồi họ bắn người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy cảm giác cảm thọ cả* ***hai mũi tên****.*

- *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo,* ***kẻ vô văn phàm phu*** *khi cảm xúc* ***khổ thọ****; thời sầu muộn,* than vãn, *khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Người ấy cảm giác* ***hai cảm thọ****, cảm thọ về* thân *và cảm thọ về* tâm.
- *Cảm xúc bởi khổ thọ ấy, người ấy* ***cảm thấy sân hận*** *(patigha). Do cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy,* **sân** *tùy miên đối với khổ thọ được tồn chỉ* tùy miên *(anuseti).*
- *Cảm xúc bởi khổ thọ, người ấy* ***hoan hỷ dục lạc.*** *Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không tìm thấy một sự xuất ly khổ thọ nào khác, ngoài dục lạc.*
- *Do hoan hỷ dục lạc ấy,* **tham** *tùy miên đối với lạc thọ tồn tại. Người ấy không như thật rõ biết* ***sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly*** *của các cảm thọ ấy.*
- *Do người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, nên* ***vô minh*** *tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ tồn tại. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, người ấy cảm thọ cảm giác* ***như***

người bị trói buộc *(sannutto). Nếu người ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phàm phu* ***bị trói buộc*** *bởi* ***sanh, già, chết****, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng người ấy bị trói buộc bởi* ***đau khổ.***

9) Và này các Tỷ-kheo, **bậc Đa văn Thánh đệ tử** khi cảm xúc khổ thọ thời không có sầu muộn, không có than vãn, không có khóc lóc, không có đấm ngực, không có đi đến bất tỉnh. *Vị ấy chỉ cảm thọ cảm giác* ***một cảm thọ****, tức là cảm thọ về thân,* ***không phải cảm thọ về tâm.***

10) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn một mũi tên. Họ không bắn tiếp người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy cảm giác cảm thọ của* ***một mũi tên****.*

- *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo,* ***bậc Đa văn Thánh đệ tử*** *khi cảm xúc* ***khổ*** *thọ; vị ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Vị ấy cảm giác chỉ* ***một cảm thọ****, cảm thọ về thân, không phải cảm thọ về tâm.*

- *Vị ấy không cảm thấy **sân hận** đối với **khổ** thọ ấy. Do không cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy, **sân** tùy miên đối với **khổ** thọ không có tồn tại.*
- *Cảm xúc bởi khổ thọ, vị ấy không hoan hỷ **dục lạc**. Vì sao? Vì bậc Đa văn Thánh đệ tử có tuệ tri một sự xuất ly khác đối với khổ thọ, ngoài dục lạc.*
- *Vì vị ấy không hoan hỷ dục lạc, **tham** tùy miên đối với **dục lạc** không có tồn tại. Vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của những cảm thọ ấy.*
- *Vì rằng, vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, đối với **bất** khổ bất lạc thọ, **vô minh** tùy miên không có tồn tại. Nếu vị ấy cảm thọ lạc thọ, vị ấy cảm thọ lạc thọ **như người không bị trói buộc**. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo **không** bị trói buộc bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, ão. Ta nói rằng vị ấy **không** bị trói buộc bởi đau khổ.*

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là thù thắng, đây là sự sai biệt giữa bậc Đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu.

1) Bậc Trí tuệ Đa văn,
Lạc khổ <u>không</u> chi phối,
Giữa kẻ trí, phàm phu,
Thiện sai biệt rất lớn.

2) Bậc Đa văn, Tầm pháp,
Thấy đời này, đời sau,
***Ái** pháp <u>không</u> phá tâm,*
*<u>Không</u> **ái**, <u>không</u> **sân** hận.*

3) Tùy thuận hay đối nghịch,
Tiêu tán, diệt, không còn,
Vị ấy biết con đường,
Đường không cấu, không sầu,
Chánh trí, đoạn tái sanh,
Đến được bờ giác ngộ.

39 Bồ-tát Vipassi sống quán sanh diệt trong 5 uẩn - Kinh ĐẠI BỔN – 14 Trường I, 431

KINH ĐẠI BỔN

(MAHA PADANA SUTTA)

– Bài kinh số 14 –* Trường *I, 431

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại nước Sãvatthi (Xá-vệ) rừng Jeta (Kỳ-đà), vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bấy giờ, số đông các Tỷ-kheo đi khất thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp lại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân".

2. Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người nghe được câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì, các người đang ngồi bàn? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các

người?

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đi khất thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con thời Thế Tôn đến.

3. - Này các Tỷ-kheo, các người có muốn nghe pháp thoại thuộc về tiền thân không?

- Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này các Tỷ-kheo, các người hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

4. - Này các Tỷ-kheo, **chín mươi mốt kiếp** về trước,

Thế Tôn Vipassĩ (Tỳ-bà-thi), bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Này các Tỷ-kheo, **ba mươi mốt kiếp** về trước, Thế Tôn Sikhĩ (Thi-khí) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Này các Tỷ-kheo, **cũng trong ba mươi mốt kiếp ấy**, Thế Tôn Vessabhũ (Tỳ-xá-bà) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Này các Tỷ-kheo **cũng trong hiền kiếp ấy,** Thế Tôn Kakusandha (Câu-lâu-tôn) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Này các Tỷ-kheo, **cũng trong hiền kiếp ấy**, Thế Tôn Konãgamana (Câu-na-hàm) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Này các Tỷ-kheo, **cũng trong hiền kiếp ấy**, Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Này các Tỷ-kheo, **cũng trong hiền kiếp ấy**, nay Ta, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

5. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn .

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konãgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn .

- Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

6. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-ly-nhã).

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán,

Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konàgamara, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.

- Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Gotama (Cù-đàm).

7. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassĩ bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **tám vạn năm**.

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bảy vạn năm.**

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **sáu vạn năm.**

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bốn vạn năm.**

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konãgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **ba vạn năm.**

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ của loài người là **hai vạn năm**.

- Này các Tỷ-kheo, nay tuổi thọ của Ta không bao nhiêu, ít oi, tuổi thọ loài người khoảng **một trăm năm hay hơn một chút.**

8. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây pãtali (bà-bà-la).

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây pundarika (phân-đà-ly).

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhù, bậc A-

la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây sirĩsa (thi-lợi-sa).

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konãkgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây udumbara (ô-tam-bà-la).

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây nigrodha (ni-câu-luật-đà).

- Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la).

9. Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhứt đệ tử của Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá).

- Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhứt đệ tử của Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Abhibhũ (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà).

- Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Sona (Phù-du) và Uttara (Uất-đa-la).

- Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Vidhũra (Tỳ-lâu) và Sanjĩva (Tát-ni).

- Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Konãgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bhiyyosa (Thư-bàn-na) và Uttara (Uất-đa-la).

- Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Tissa (Đề-xá) và Bhãradvãja (Bà-la-bà).

- Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Ta là Sãriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallãna (Mục-kiền-liên).

10. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám triệu Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassĩ bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, **tất cả đều là bậc Lậu tận.**

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhĩ,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội sáu vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội bốn vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konãgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội ba vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konãgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như

vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

- Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội hai vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc A-la-hán .

- Này các Tỷ kheo, nay trong thời của Ta có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, tất cả đều là bậc Lậu tận.

11. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Khemankara (Nhẫn Hành), vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Upasannaka (Tịch Diệt) vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc

A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Buddhija (Thiện Giác), vị này là thị giả đệ nhất.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konãgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sotthija (An Hòa), vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sabbamitta (Thiện Hữu), vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Này các Tỷ-kheo, nay Ta có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ànanda (A-nan), vị này là vị thị giả đệ nhất.

12. Này các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vipassĩ bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumã (Bàn-đầu); mẫu hậu tên là Bandhumati (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhumã tên là Bandhumatĩ.

- Này các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Aruna (Minh Tướng); mẫu hậu tên là Pabhãvatĩ

(Quang Huy); kinh thành của vua Aruna tên là Pabhãvatĩ.

- Này các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Suppatĩta (Thiện Đăng), mẫu hậu tên là Yasavati (Xứng Giới); Kinh thành của vua Suppatita tên là Anopama (Vô Dụ).

- Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Aggidatta (Tự Đắc); mẫu thân Bà-la-môn tên là Visãkhã (Thiện Chi). Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Khema (An Hòa); kinh thành vua Khema tên là Khemavatĩ (An Hòa).

- Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Konãgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Yannadatta (Đạt Đức) mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarã (Thiện Thắng; Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tịnh); kinh thành của vua Sobha tên là Sobhavatĩ (Thanh Tịnh).

- Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Brahmadatta (Phạm Thi) mẫu thân Bà-

la-môn tên là Dhanavatĩ (Tài Chủ). Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Kikĩ (Hấp Tỳ); kinh thành vua Kikĩ là Baranasĩ (Ba-la-nại).

- Này các Tỷ-kheo, nay phụ vương của Ta tên là Suddhodana (Tịnh Phạn); mẫu hậu của Ta tên là Mãyã (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá.

13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy:

- Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! **Này các liền giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai!** Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là

như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? ***Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn***, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy? ***Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này***, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?"

Như vậy là cuộc đàm thoại đang khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy.

14. Bấy giờ Thế Tôn, vào buổi chiều tối, sau khi xuất định, liền đến Hoa Lâm viên đường, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xong, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nay các Ngươi ngồi luận bàn vấn đề gì? Đề tài gì đã được luận bàn giữa các Ngươi?

Khi được hỏi vậy, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây đã khởi lên giữa chúng con: "Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các hiền giả thật kỳ diệu thay đại thần lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". *Này các Hiền giả, quý vị*

nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy?" *Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn* đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?" Bạch Thế Tôn, như vậy là vấn đề bàn luận giữa chúng con, khi Thế Tôn đến.

15. - Này các Tỷ-kheo, **như vậy là pháp giới ấy được khéo chứng đạt bởi Như Lai, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ,** những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Tỷ-kheo, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

16. - Này các Tỷ-kheo, **cách đây chín mươi mốt kiếp về trước**, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Này các Tỷ kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Patali (Ba-ba-la). Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng

Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Phụ Vương Thế Tôn Tỳ-bà-thi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumã (Bàn-đầu), mẫu hậu tên là Bandhumatĩ (Bàn-đầu-bà-đề), kinh thành của Bandhumã tên là Bandhumatĩ.

17. Này các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy**, **Bồ-tát Vipassĩ**, sau khi từ giã cảnh giới Đâu-suất thiên, *chánh niệm tĩnh giác* nhập vào mẫu thai. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy.

Khi Bồ-tát Vipassĩ từ giã cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tĩnh giác nhập vào mẫu thai, khi ấy một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. (1). Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và **mười ngàn**

thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu ấy, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

(1) Sadevamanussaya. Có chỗ dịch: chư Thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy**. Khi vị Bồ -tát nhập mẫu thai, **bốn vị Thiên tử** đứng canh gác bốn phương trời và nói: *"Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy".*

18. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *mẹ vị Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên*, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men, rượu nấu. Pháp nhĩ là như vậy.

19. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *mẹ vị Bồ-tát không khởi dục tâm* đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào dầu người này có tâm ái nhiễm đối với bà. Pháp nhĩ là gì vậy.

20. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *mẹ vị Bồ-tát có được năm món*

dục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy.

21. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.*

Này các Tỷ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xâu qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xâu qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lạt". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Pháp nhĩ là như vậy.

22. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi

sanh vị Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung và sanh lên cảnh trời Đâu suất. Pháp nhĩ là như vậy.

23. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng **mười tháng** trời mới sanh. Pháp nhĩ là như vậy.

24. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát **đứng mà sanh** vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy.

25. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, **chư Thiên đỡ lấy Ngài trước**, sau mới đến loài người. Pháp nhĩ là như vậy.

26. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ-tát **không đụng đến đất**. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: ***"Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân"***. Pháp nhĩ là như vậy.

27. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh,

không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh thịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

Này các Tỷ-kheo, như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, **hai dòng nước từ hư không hiện ra,** một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy.

29. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. **Vị Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thăng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra**

lời như sau: ***"Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa"***. Pháp nhĩ là như vậy.

30. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

31. Này các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sinh ra, vua Bandhumã được báo tin: "Đại vương đã được sinh một hoàng tử". Này các Tỷ-kheo, khi thấy

hoàng tử xong, vua Bandhumã liền cho mời các vị Bà-la-môn đoán tướng và nói: "Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho Hoàng tử". Này các Tỷ-kheo, khi xem tướng Hoàng tử Vipassĩ xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với vua Bandhumã: *"Đại vương hãy hân hoan; Đại vương đã sinh một bậc vĩ nhân! May mắn thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong gia đình. Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt này sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".*

32. "Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại

nhân là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt này sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc lộ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời?

1. "Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

2. "Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.

3. "Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... (như trước)

4. "Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...
5. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...
6. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có màn da lưới...
7. "Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...
8. "Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê rừng...
9. "Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không co lưng xuống, có thể rờ từ đầu gối với hai bàn tay...
10. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...
11. "Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng, màu sắc như vàng...
12. "Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mướt khiến bụi không thể bám dính vào...
13. "Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

14. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...

15. "Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng...

16. "Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy...

17. "Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như con sư tử...

18. "Đại vương, Hoàng tử này không có lõm khuyết giữa hai vai...

19. "Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như cây bàng (nigrodha: ni-câu-luật). Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...

20. "Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn...

21. "Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén...

22. "Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con

sư tử. .

23. "Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng...

24. "Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn...

25. "Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở...

26. "Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa (thái xỉ) trơn láng...

27. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài...

28. "Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tần-già (Karavika)...

29. "Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm...

30. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái...

31. "Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ.

32. "Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu,

tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân...

33. "Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".

Này các Tỷ-kheo, Vua Bandhumã ra lệnh cúng dường các vị Bà-la-môn đoán tướng ấy, các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn.

34. Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumã cho nuôi những người vú cho hoàng tử Vipassĩ. Người cho bú, người tắm, người lo bồng ẳm, người mang trên nách. Này các Tỷ-kheo, một lọng trắng ngày đêm được che

trên hoàng tử Vipassĩ, và lệnh được truyền ra: "Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi, hay sương làm phiền hoàng tử". Hoàng tử Vipassĩ được mọi người âu yếm. Này các Tỷ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassĩ được mọi người âu yếm, gần như được ẳm từ nách này qua nách người khác.

35. Này các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassĩ được sinh ra, hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, giống như con chim ca-lăng-tân-già sinh trong núi Hy-mã-lạp sơn, giọng chim rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Hoàng Tử Vipassĩ phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn.

36. Này các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassĩ sanh ra, Thiên nhãn hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhãn ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do tuần, ban ngày cũng như ban đêm.

37. Này các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassĩ sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp mắt không nhấp nháy, như hàng chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Vì hoàng tử Vipassĩ nhìn không nhấp nháy, nên này các Tỷ-

kheo, hoàng tử Vipassĩ được gọi tên là "Vipassì Vipassì", "**Vị đã nhìn thấy**". Này các Tỷ-kheo, khi vua Bandhumã ngồi xử kiện, vua cho đặt hoàng tử Vipassì ngồi bên nách mình để xử kiện. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nỗi tự mình cũng có thể phán đoán xử kiện. Này các Tỷ-kheo, do hoàng tử Vipassì "có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp" và danh từ "Vipassì Vipassì" càng được dùng để đặt tên cho Ngài.

38. Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumã cho xây dựng ba tòa lâu đài cho hoàng tử Vipassì, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa lạnh, và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống bốn tháng mưa trong lâu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ mua vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào, Ngài bước xuống khỏi lầu.

II

1. - Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh" - "Thưa vâng, Hoàng Tử". Này các Tỷ-

kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

2. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, **thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà**, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy hoàng tử hỏi người đánh xe:

- *"Này khanh, người đó là ai vậy? Sao thân người đó không giống các người khác?"*

- "Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy".

- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già?"

- "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa".

- "Này khanh, vậy rồi Ta có bị già không, một

người chưa qua tuổi già?"

- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già!"

- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ**. ***"Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy!"***.

3. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? "Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển?".

- "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ, tại vườn ngự uyển"

- "Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

- "Tâu đại vương, Hoàng tử trong khi đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy vừa đi vừa run rẩy, khổ não không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là vậy" - "Này khanh, sao người ấy được gọi là người già? - "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già, vì nay người ấy sống không bao lâu nữa". - "Này khanh, vậy rồi Ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng Tử!". Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassì, cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở về cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy".

4. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "**Không thể để** cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì. Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì khỏi phải xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và, này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng đầy đủ sung túc năm món dục lạc.

5. Này các Tỷ-kheo hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe... (như trước).

6. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, khi đang đi đến vườn ngự uyển, **thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch**, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà mắt của nó không giống mắt của những người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?"

- "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy".

- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một

người bệnh?"

- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình"

- "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?"

- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật".

- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: ***"Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!"***

7. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ không tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng

tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển" - "Này khanh, khi đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đến vườn ngự uyển thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của nó không giống mắt của người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?" - "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là môt người bệnh vậy". - "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh, vì người ấy chưa khỏi căn bệnh của mình!" - "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật". - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi! Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!".

- Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ:

"Không thể để cho Hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật". Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhuma, lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

9. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

10. - Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường

đi đến vườn ngự uyển, **thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau, và đang dựng một dàn hỏa táng**. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?"

- "Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung"

- "Này khanh, vậy ngươi hãy đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung!"

- "Thưa vâng, tâu Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe đến người vừa mới mệnh chung. Này các Tỷ-kheo, khi thấy thây người chết, hoàng tử Vipassì hỏi:

- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?"

- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết vì nay bà mẹ, ông cha, các người bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác!"

- "Này khanh, vậy Ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng, và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những bà con ruột thịt chăng?"

- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi sẽ cũng bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng Tử, và Hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác".

- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ:** ***"Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!".***

11. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ

không, tại vườn ngự uyển?"- "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển". - "Này khanh đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, vì sao đám đông người ấy, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?" - "Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung". - "Này khanh, vậy ngươi hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung". - "Thưa vâng, tâu Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thấy thây chết, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết, vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa! Và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác". - "Này khanh, vậy Ta chưa chết rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng? Và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chăng?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay những

người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy hoàng tử, và hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời hoàng tử Vipassì cho đánh xe trở về cung. Hoàng tử về trong cung đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!".

12. Nay các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "Không thể để cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

- Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

13. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi

người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

14. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến ngự uyển **thấy một vị xuất gia, đầu trọc, đắp áo cà sa**. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác?"

- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người xuất gia!"

- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia?"

- "Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh!"

- "Này khanh, hãy đánh xe đến gần vị xuất gia".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử Vipassì, đánh xe đến gần người xuất gia. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì hỏi vị xuất gia:

- "Thưa Hiền giả, Ngài đã làm gì, mà đầu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài không giống các người khác?"

- "Thưa Hoàng tử, tôi là một người xuất gia!"

- "Thưa Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia?"

- "Thưa Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuất gia, vì tôi khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".

- "Thưa Hiền giả, lành thay hạnh xuất gia của

Ngài, lành thay khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".

15. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì bảo người đánh xe:

- "Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung. Còn Ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì lấy xe và đánh xe về cung. Còn hoàng tử Vipassì, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatì có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: *"Hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình"*. Khi nghe tin, các vị ấy suy nghĩ: *"Pháp luật như vậy không phải tầm thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì hoàng tử Vipassì trong pháp luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất*

gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Nay hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình tại sao chúng ta lại không?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassì. Rồi Bồ-tát Vipassì cùng với đồ chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị.

17. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Sao Ta lại sống bị bao vây bởi đồ chúng này. Tốt hơn là Ta sống một mình, lánh xa đồ chúng này!"

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Bồ-tát Vipassì sống một mình, lánh xa đồ chúng, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassì đi một ngả.

18. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: ***"Thế giới này thật rơi vào cảnh khổ não, phải sanh rồi già, rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Không một ai biết một con đường giải thoát khỏi sự đau khổ này, thoát khỏi già và chết".***

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: ***"Cái gì có mặt, già chết mới có mặt? Do duyên gì, già chết sanh?"***. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **sanh** có mặt, nên già, chết có mặt. Do duyên sanh, nên già chết sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Cái gì có mặt, sanh mới có mặt? Do duyên gì, sanh phát khởi?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **hữu** có mặt nên sanh mới có mặt. Do duyên hữu, nên sanh phát khởi".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Cái gì có mặt, hữu mới có mặt? Do duyên gì, hữu phát sanh?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thủ** có mặt nên hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Cái gì có mặt, thủ mới có mặt? Do duyên gì, thủ phát sanh?"*. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** có mặt, thủ mới phát sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "*Cái gì có mặt, ái mới có mặt. Do duyên gì, ái phát sanh?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thọ** có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Cái gì có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên gì, thọ mới phát sanh?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ mới phát sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Cái gì có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên gì xúc mới phát sanh?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **lục nhập** có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc mới phát sanh ".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên gì, lục nhập mới phát sanh?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh**

sắc có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh sắc, lục nhập mới phát sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt? Do duyên gì, danh sắc mới phát sanh?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** có mặt, danh sắc có mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc mới phát sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thức mới có mặt. Do duyên gì, thức mới phát sanh?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức mới phát sanh".

19. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ như sau: **"Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ**

sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão, tử, sầu bi, khổ ưu não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này".

➔ "Tập khởi, tập khởi". Này các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

20. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: ***"Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Cái gì diệt, già chết diệt?"*** Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **sanh** không có mặt, già chết không có mặt, do sanh diệt, già chết diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt? Cái gì diệt, sanh diệt?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **hữu** không có mặt, sanh không có mặt, do hữu diệt, sanh diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "*Do cái gì không có mặt, hữu không có mặt? Cái gì diệt, hữu diệt?"*. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **thủ** không có mặt, hữu không có mặt, do thủ diệt, hữu diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Do cái gì không có mặt, thủ không có mặt? Cái gì diệt, thủ diệt?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** không có mặt, thủ không có mặt, do ái diệt, thủ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Do cái gì không có mặt, ái không có mặt? Cái gì diệt, ái diệt?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thọ** không có mặt, ái không có mặt, do thọ diệt, ái diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Do cái gì không có mặt, thọ không có mặt? Cái gì diệt, thọ diệt?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** không có mặt, thọ không có mặt, do xúc diệt, thọ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "*Do cái gì không có mặt xúc không có mặt? Cái gì diệt, xúc diệt?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **lục nhập** không có mặt, xúc không có mặt, do lục nhập diệt, xúc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Do cái gì có mặt, lục nhập không có mặt? Cái gì diệt, lục nhập diệt"*. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** không có mặt, lục nhập không có mặt, do danh sắc diệt, lục nhập diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Do cái gì không có mặt, danh sắc không có mặt? Cái gì diệt danh sắc diệt?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** không có mặt, danh sắc không có mặt, do thức diệt, danh sắc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: *"Cái gì không có mặt, thức không có mặt? Do cái gì diệt, thức diệt?"* Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** không có mặt, thức không có mặt, do danh sắc diệt, thức diệt".

21. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: **"Ôi, Ta đã chứng được con đường đưa đến Bồ-đề, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do danh sắc diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc**

diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt, do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, ưu, bi, khổ, sầu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diệt".

➔ "Diệt, diệt". Này các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

22. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn**: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt! Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt".

Và đối với Ngài, sau khi **sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn**, chẳng bao lâu các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát.

III.

1. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác liền suy nghĩ: "Nay Ta hãy thuyết pháp".

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưu ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý ida-paccayata paticca samuppàda: **Y tánh duyên khởi pháp**; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta!"

2. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên:

> ***Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn.***
>
> ***Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.***
>
> ***Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy pháp này.***
>
> ***Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.***

Này các Tỷ-kheo, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp**. Khi bấy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: "Than ôi, thế giới sẽ bị tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp!"

3. Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lực sĩ duỗi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay duỗi thẳng, cũng vậy vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đắp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chắp tay hướng về Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bạch rằng: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp".

4. Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói với vị

Đại Phạm thiên: "Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta". Này Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn?

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó mà thấy được pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động,

không muốn thuyết pháp.

5. Này các Tỷ-kheo, lần thứ hai vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên)...

6. Này các Tỷ-kheo, lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp, những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp!"

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác biết được lời khuyên thỉnh của vị Phạm Thiên, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

Như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không

vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đẫm ướt. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhìn quanh thế giới với Phật nhãn. Ngài thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

7. Rồi vị Đại Phạm thiên, với tâm mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, liền nói với Ngài, bài kệ sau đây:

> *Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới.*
>
> *Cũng vậy Ngài Sumedha lên lầu chánh pháp, bậc biến nhãn, thoát ly sầu muộn.*
>
> *Nhìn xuống quần chúng, âu lo sầu muộn bị sanh già áp bức.*
>
> *Hãy đứng lên, bậc anh hùng, bậc chiến thắng*

ở chiến trường!

Vị trưởng đoàn lữ khách, đấng thoát ly mọi nợ nần!

Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoằng dương chánh pháp.

Có người nhờ được nghe, sẽ thâm hiểu diệu nghĩa!

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trả lời vị Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

***Cửa bất diệt** đã được mở rộng,*

Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiến của mình.

Vì nghĩ đến mệt mỏi hoài công, này Phạm Thiên.

Ta không muốn giảng Chánh pháp vi diệu cho loài người!

Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên với ý nghĩ: "Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết pháp", rồi đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

8. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: *"Ta thuyết pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ mau hiểu chánh pháp này?"*

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Nay vương tử Khanda (Kiển-trà) và con vương sư Tissa (Đề-xá) trú ở kinh đô Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề) là bậc tri thức đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay ta hãy thuyết pháp cho vương tử Khanda và con vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu chánh pháp này".

Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác như một nhà lực sĩ duỗi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay duỗi thẳng, biến mất từ cây Bồ đề, hiện ra tại vườn Lộc Uyển Khenma, kinh đô Bhadhumatì.

9. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi người giữ vườn:

- "Này bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatì, nhắn với vương tử Khanda và con vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì, hiện trú ở Lộc Uyển Khema và muốn gặp hai vị!"

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatì và thưa với vương tử Khanda và con vương sư Tissa: "Thưa quý vị, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì và hiện ở Lộc Uyển Khema. Ngài muốn gặp quý vị!"

10. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khanda và con vương sư Tissa cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumati, đi đến Lộc Uyển Khema, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến trước Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

11. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng, và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của hai vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại

mà được chư Phật đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, vương tử Khanda và con vương sư Tissa, chính tại chỗ ngồi này chứng được Pháp nhãn xa trần ly cấu: **"Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt".**

12. Hai vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự, diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"Thật di diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới".

13. Này các Tỷ-kheo, vương tử Khanda và con vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassì,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy hai vị này, khuyến khích làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và hai vị nay nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, **không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.**

14. Này các Tỷ-kheo, trong khi kinh thành Bandhumatì có đại chúng khoảng tám vạn bốn ngàn vị được nghe: *"Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì và ở tại Lộc Uyển Khema. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn, Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác"*.

Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: *"Chắc chắn, pháp luật này không thể tầm thường, sự xuất gia này không thể tầm thường, vì vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc,*

đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vậy?".

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng ấy gồm khoảng tám vạn bốn ngàn vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatì đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở, Khi đến nơi, các vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

15. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh, không có tỳ vết rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt".

16. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn

Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, Như người dựng đứng lại, những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

17. Này các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassì bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan kỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

18. Này các Tỷ-kheo, nay tám vạn bốn ngàn các vị

xuất gia từ trước, được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì, ở tại Lộc Uyển Khema và thuyết pháp". Này các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, đi đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

19. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh, không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh ra rồi cũng phải diệt".

20. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Thật vi

diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

21. Này các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

22. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh đô

Bandhumatì. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: *"Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp.* ***Cứ sáu năm****, hãy đến tại kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bổn".*

23. Này các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ kheo, lúc bấy giờ vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh

Đẳng Giác và bạch Ngài:

- "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumati: "Này các Tỷ-kheo hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp". Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bổn".

Này các Tỷ-kheo, Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đảnh lễ Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, lưng bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

24. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào buổi chiều xuất định

đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhamatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bổn".

25. Này các Tỷ-kheo, một Đại Phạm thiên khác với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mắt Ta. Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Ta và bạch với ta: "Như vậy là phải, Bạch Thế Tôn! Như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ! Bạch Thế

Tôn! Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatì: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp, sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các Tỷ-kheo. Sau sáu năm các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bổn". Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đảnh lễ Ta, lưng bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

26. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các ngươi: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm

hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bổn".

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ.

27. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ tại Jambudĩpa (Diêm phù đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. Khi một năm vừa mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm năm, hãy đến tại kinh đô Bandhamatì để tụng đọc giới bổn!"

Hai năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau bốn năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bổn!".

Ba năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, ba năm đã mãn, nay còn lại ba năm. Sau ba năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bổn!".

Bốn năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, bốn năm đã mãn, nay còn hai năm. Sau hai năm, hãy đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bổn!".

Năm năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau một năm, hãy đến tại đô Bandhumati để tụng đọc giới bổn!"

Sáu năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bổn".

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy, một số vị với thần lực của mình, một số với thần lực của chư Thiên trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bổn.

28. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giữa chúng Tỷ-kheo, tụng đọc giới bổn này:

"Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất.

"Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn, là đệ nhất.

"Người xuất gia hại người xuất gia khác.

"Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn.

"Mọi điều ác không làm, hướng tâm các thiện nghiệp.

"Giữ tâm trí thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy.

"Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong giới bổn.

"Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình.

"Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy".

29. Này các Tỷ-kheo, một thời ta ở tại Ukkhattha (Úc-Già La), trong rừng Subhaga, dưới gốc cây ta-la vương. Này các Tỷ-kheo, trong khi Ta an lặng tịnh cư, tư tưởng sau đây khởi lên: "Có một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu! Đó là chư Thiên **Suddhàvàsa (Tịnh Cư thiên).** Vậy nay Ta hãy đến chư Thiên ở **Tịnh Cư thiên**!".

Này các Tỷ-kheo, như một lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, Ta biến mất ở Ukkattha, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Ta-La vương và hiện ra trước chư Thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư Thiên ấy một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau:

- "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi mốt kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh, thuộc chủng tánh Sát Đế Ly. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-Ly-Nhã). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pàtali (Ba-ba-la). Này Hiền giả, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội, một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhuma, mẫu hậu tên là Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhuma tên là Bandhumatì. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế

này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, **chúng con là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn Vipassì,** bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

30. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên...

... một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta:

- "Này Hiền giả, trong hiền kiếp này, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế -ly, thuộc gia tộc Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm**). Này Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít oi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa- la). Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử tên là Sàriputta và Moggallàna (Xá-lợi-phất và Mục kiền-liên). Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi

vị. Này Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Này Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ànanda (A-nan), vị này là thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu là Màyà (Ma-gia) kinh đô là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Này Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, **chúng tôi là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn**, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

31. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà (Vô Nhiệt thiên) đến chư Thiên Atappà (Vô Phiền thiên). Này các Tỷ-kheo, rồi cùng với chư Thiên Avihà và chư Thiên Atappà đến chư Thiên Sudassà (Thiện Kiến thiên). Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà và chư Thiên Sudassa đến chư Thiên Sudassi (Thiện Hiện thiên).

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà, chư Thiên Sudassà và chư Thiên Sudassì đến chư Thiên Akanitthà (Sắc Cứu Kính thiên). Này các Tỷ-kheo, lại trong Đại chúng chư

Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi mốt kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời... (như số 29)".

32. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên (như trước) một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời... (như số 30)".

33. Này các Tỷ-kheo, **như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn,** đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn này, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

40 Cho đến tột đỉnh của hữu, bậc tối thắng là những bậc ALahán - Kinh Các Vị ALaHán – Tương III, 155

Các Vị ALaHán – *Tương* III, 155

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6)... thọ... tưởng... các hành là vô thường...

7) Này các Tỷ-kheo, thức là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành. .. đối với thức.

9) Do nhàm chán nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

10) Này các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư (Sattavasa), cho đến **tột đảnh của hữu** (Bhavaggam), những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.

11) Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

1) An lạc, bậc La-hán,
Họ không có khát ái,
Ngã mạn khéo chặt đứt;
Lưới si bị phá rách.

*2) Họ đạt được **bất động**,*
Tâm viễn ly ô trược,
Không nhiễm trước thế gian,
Bậc Phạm thiên vô lậu.

*3) Họ biến tri **năm uẩn**.*
*Do hành **bảy Chánh pháp**.*

Bậc Chân nhân tán thán,
Con đích tôn chư Phật.

4) Đầy đủ ***bảy món báu****,*
Ba học *đều thành tựu,*
Bậc đại hùng du hành,
Đoạn tận mọi sợ hãi.

5) Đầy đủ ***mười uy lực****,*
Bậc Long tượng Thiền định.
Họ tối thắng ở đời,
Khát ái *được đoạn tận.*

6) Thành tựu ***vô học trí****,*
Thân này thân tối hậu,
Cứu cánh của Phạm hạnh,
Đạt được không nhờ ai.

7) Đối các tưởng, không động,
Giải thoát khỏi tái sanh,
Đạt được điều phục địa,
Họ chiến thắng ở đời.

8) Thượng, hạ cùng tả, hữu.
Họ không có hỷ lạc,
Họ rống sư tử rống,
Phật vô thượng ở đời!

41 Chuyển Pháp Luân về 5 thủ uẩn - Kinh Mười Lực – Tương II, 55

Mười Lực – *Tương* II, 55

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ **mười lực**, đầy đủ **bốn vô sở úy**, tự nhận vị trí Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa hội chúng, **chuyển Pháp luân và nói rằng:** *"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành đoạn diệt. Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt ".*

Như vậy do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt.

3) Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên)... **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.**

4) Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt**.

42 Chánh Trí Tuệ là gì - Kinh Tự Mình Làm Hòn Đảo – Tương III, 83

Tự Mình Làm Hòn Đảo – *Tương* III, 83

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình**, này các Tỷ-kheo, **hãy nương tựa nơi chính mình**, không nương tựa một ai khác. **Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa**, không nương tựa một ai khác.

4) Với những ai sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác, **hãy như lý quán sát**: ***"Sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?"***

5) Và này các Tỷ-kheo, sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các *bậc Thánh*, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh,

không thấy rõ các *bậc Chân nhân*, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán (samamupassati) sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi **sắc** của vị ấy biến hoại và đổi khác **thì** sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên.

7) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ...

8) Vị ấy quán tưởng như là tự ngã...

9) Vị ấy quán các hành như là tự ngã...

10) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Thức này của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi **thức** của vị ấy biến hoại và đổi khác **thì** sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên.

11) Này các Tỷ-kheo, **biết sắc là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt**; vị ấy thấy tất cả sắc xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khổ, ưu, não ***được đoạn tận***. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là

(Tadanganibbuto) **vị đã lắng dịu mọi tướng phần**, nhứt hướng Niết-bàn.

12) Này các Tỷ-kheo, biết **thọ** là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt, vị ấy thấy tất cả thọ xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phần.

13) Này các Tỷ-kheo, biết **tưởng** là vô thường...

14) Này các Tỷ-kheo, biết các **hành** là vô thường...

15) Này các Tỷ-kheo, **biết thức là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt**; vị ấy thấy **tất cả thức** xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, não ***được đoạn tận***. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là **vị đã lắng dịu mọi tướng phần**.

43 Chúng sanh - Thế nào là chúng sanh - Kinh Chúng Sanh – Tương III, 331

Chúng Sanh – *Tương* III, 331

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"**Chúng sanh, chúng sanh**", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là chúng sanh?*

4) -- Này Ràdha, **dục** nào (chanda), **tham** nào, **hỷ** nào, khát **ái** nào đối với **sắc**, triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh (sattà).

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với **thức**, triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh.

9) *Ví như, này Ràdha, các đứa con trai hay các đứa con gái **chơi với cái nhà bằng đất**. Cho đến khi đối với những nhà bằng đất ấy, lòng tham **chưa** thoát ly, lòng dục chưa thoát ly, lòng ái chưa thoát ly, lòng*

khát chưa thoát ly, lòng nhiệt tình chưa thoát ly, lòng khát ái chưa thoát ly, ***thời chúng còn tham dính vào,*** *thích chơi, chất chứa, và đắm trước những nhà bằng đất ấy.*

10) Nhưng khi nào các đứa con trai hay các đứa con gái ấy đối với những nhà bằng đất kia, lòng ***tham đã*** *thoát ly, lòng* ***dục*** *đã thoát ly, lòng* ***ái*** *đã thoát ly, lòng* ***khát*** *đã thoát ly, lòng* ***nhiệt tình*** *đã thoát ly, lòng* ***khát ái*** *đã thoát ly,* ***thời với tay và với chân, chúng phá tan****, phá vỡ, phá sập, không chơi với những căn nhà bằng đất ấy.*

11) Cũng vậy, này Ràdha, **Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với sắc**, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với **sắc**.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập và không chơi với **thức**, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với **thức**.

16) **Đoạn diệt khát ái,** này Ràdha, **là Niết-bàn**.

44 Chúng ta là vô thường - Kinh Sư Tử – Tương III, 158

Sư Tử – *Tương* III, 158

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, **con sư tử, vua các loài thú**, vào buổi chiều, đi ra khỏi hang. Sau khi ra khỏi hang, nó duỗi thân mình và chân. Sau khi duỗi thân mình và chân, nó nhìn xung quanh bốn phương. Sau khi nhìn xung quanh bốn phương, nó rống lên tiếng rống sư tử ba lần. Sau khi rống tiếng rống sư tử ba lần, nó đi tìm mồi. Này các Tỷ-kheo, các loài thú thuộc loại bàng sanh, nghe tiếng rống của con sư tử, vua các loài thú, phần lớn chúng trở thành sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Các loài ở hang tìm vào hang. Các loài ở nước tìm xuống nước. Các loài ở rừng tìm vào rừng. Các loài chim bay lên hư không.

5) Này các Tỷ-kheo, các loài voi chúa ở tại làng, thị trấn hay thành phố, bị trói bởi các cây đa cứng chắc, bứt đứt, giật đứt những sợi dây ấy, khiếp đảm cuồng chạy, tung cả phân và nước tiểu.

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của con sư tử, vua các loài thú; đối với loài bàng sanh, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **khi Như Lai xuất hiện ở đời**, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. **Vị ấy thuyết pháp**: *Đây là **sắc**. Đây là **sắc tập khởi**. Đây là **sắc đoạn diệt**. Đây là **con đường đưa đến sắc đoạn diệt.** Đây là **thọ**... Đây là **tưởng**... Đây là các **hành**... Đây là **thức**. Đây là thức tập khởi. Đây là thức đoạn diệt. Đây là con đường đưa đến thức đoạn diệt.*

8) Này các Tỷ-kheo, có những chư Thiên nào, tuổi thọ dài, có mỹ sắc, hưởng lạc nhiều, đã sống lâu trong các lâu đài to lớn. Các chư Thiên này, sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, phần lớn họ trở thành sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Họ nghĩ: "***Chúng ta là vô thường***, *này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường còn. Chúng ta là không thường hằng, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường hằng. Chúng ta không thường trú, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường trú. Này chư Tôn giả, chúng ta là vô thường,*

không thường hằng, không thường trú, bị thâu nhiếp trong một thân này".

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của Như Lai đối với chư Thiên và thế giới chư Thiên, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

10) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thuyết giảng như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

1) Khi Phật với thượng trí,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Cho Thiên giới, Nhân giới,
Bậc Đạo Sư vô tỷ.

2) Sự đoạn diệt tự thân,
Sự hiện hữu tự thân,
*Và **đường Thánh Tám ngành***
Đưa đến khổ diệt tận,

3) Chư Thiên được trường thọ,
Có mỹ sắc danh xưng,
Sanh khiếp đảm, sợ hãi,
Như thú thấy sư tử.

4) Vì chưa thoát tự thân,
"Chúng ta là vô thường",
Nghe lời bậc Ứng Cúng,

Đã giải thoát như vậy.

45 Chấp thủ và ưu não là gì - Kinh Chấp Thủ Và Ưu Não – Tương III, 35

Chấp Thủ Và Ưu Não – *Tương* III, 35

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **sự chấp thủ và ưu não, sự không chấp thủ và không ưu não**. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp thủ và ưu não?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phàm phu** không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, người ấy quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sắc ấy biến hoại và đổi khác.

- *Đối với vị ấy, khi **<u>sắc</u>** ấy biến hoại và đổi khác, **thức** <u>tùy chuyển</u> theo sự biến hoại của <u>sắc</u>.*
- *Các <u>pháp ưu não sanh khởi</u> do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc <u>sau khi xâm nhập tâm và an trú</u>.*
- *Do tâm bị xâm chiếm <u>nên</u> khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi <u>và</u> ưu não.*

5) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ trong tự ngã, hay tự ngã trong thọ. Đối với vị ấy, thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm nhập nên khủng bố, (uttàsavà) chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

6-7) Vị ấy quán tưởng như là tự ngã... vị ấy quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có các hành, hay các hành trong tự ngã, hay tự ngã trong các hành. Đối với vị ấy, các hành ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi các hành ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của các hành. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của các hành sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do

tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

8) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức trong tự ngã, hay tự ngã trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác.

- *Đối với vị ấy, khi **thức** ấy biến hoại và đổi khác, **thức** tùy chuyển theo sự biến hoại của thức.*
- *Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú.*
- *Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.*

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp thủ và ưu não.

10) ***Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là không chấp thủ và không ưu não?***

11) Ở đây, này các Tỷ-kheo, **vị Đa văn Thánh đệ tử** thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sắc ấy biến hoại và đổi khác.

- *Đối với vị ấy, khi **sắc** ấy biến hoại và đổi khác, **thức** <u>không tùy chuyển</u> theo sự biến hoại của **sắc**.*
- *Các <u>pháp ưu não</u> do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc <u>không</u> sanh khởi, <u>không</u> xâm chiếm tâm và an trú.*
- *Do tâm không bị xâm chiếm nên <u>không</u> có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.*

12) Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Đối với vị ấy, thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

13) Không quán tưởng như là tự ngã...

14) Không quán các hành như là tự ngã...

15) Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác.

- *Đối với vị ấy, khi **thức** ấy biến hoại và đổi khác, **thức** <u>không tùy chuyển</u> theo sự biến hoại của **thức**.*
- *Các <u>pháp ưu não</u> do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức <u>không</u> sanh khởi, <u>không</u> xâm chiếm tâm và an trú.*
- *Do tâm không bị xâm chiếm nên <u>không</u> có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.*

16) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự không chấp thủ, không ưu não.

46 Chỗ nào có hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai - Kinh Có Tham – Tương II, 180

Có Tham – *Tương* II, 180

1)...Trú ở Sàvatthi.

2) ***Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn đưa đến sự tồn tại hay sự chấp thủ tái sanh của các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.***

3) Thế nào là bốn?

- **Đoàn thực** thô hoặc tế,
- **Xúc thực** là thứ hai,
- **Tư niệm** là thứ ba,
- **Thức** là thứ tư.

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

4) Này các Tỷ-kheo,

- *Nếu đối với **đoàn thực**, **có tham, có hỷ, có ái**, thời có **thức** được an trú, tăng trưởng.*

- *Chỗ nào* ***thức*** *được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có* ***danh sắc*** *sanh.*
- *Chỗ nào có* ***danh sắc*** *sanh, chỗ ấy có các* ***hành*** *tăng trưởng.*
- *Chỗ nào có* ***các hành*** *tăng trưởng, chỗ ấy* ***hữu*** *được tái sanh trong tương lai.*
- *Chỗ nào* ***hữu*** *được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có* ***sanh, già chết*** *trong tương lai.*
- *Chỗ nào có* ***sanh, già chết*** *trong tương lai, Ta nói chỗ ấy* ***có sầu, có khổ****, có não.*

5) Này các Tỷ-kheo, *nếu đối với* ***xúc thực***... (như trên)...

6) Này các Tỷ-kheo, *nếu đối với* ***tư niệm thực***...

7) Này các Tỷ-kheo,

- *Nếu đối với* ***thức thực****,* ***có tham, có hỷ, có ái,*** *thời có* ***thức*** *được an trú, tăng trưởng.*
- *Chỗ nào có* ***thức*** *được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có* ***danh sắc*** *sanh.*
- *Chỗ nào có* ***danh sắc*** *sanh, chỗ ấy có các* ***hành*** *tăng trưởng.*
- *Chỗ nào có* ***các hành*** *tăng trưởng, chỗ ấy* ***hữu*** *được tái sanh trong tương lai.*

- *Chỗ nào* ***hữu*** *được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy* ***có sanh, già chết*** *trong tương lai.*
- *Chỗ nào có* ***sanh, già chết*** *trong tương lai, Ta nói chỗ ấy* ***có sầu, có khổ****, có não.*

8) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một người thợ vẽ. Nếu có thuốc nhuộm hay sơn màu nghệ, màu xanh, hay màu đỏ, có một tấm bảng khéo đánh bóng, một bức tường hay tấm vải, có thể phác họa hình người đàn bà hay người đàn ông có đầy đủ chân tay.*

9) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

10) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

11) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với niệm thực...

12) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào

có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già, chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

13) Này các Tỷ-kheo,

- Nếu đối với **đoàn thực** **không có tham, không có hỷ, không có ái**, thời không có **thức** an trú, tăng trưởng.
- Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh.
- Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng.
- Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai.
- Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già, chết trong tương lai.
- Chỗ nào không có sanh, già, chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.

14) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

15) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực ...

16) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.

17) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có mái hay một dãy hành lang có mái, có cửa sổ phía Bắc, phía Nam, hay phía Đông. Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng ngang qua cửa sổ chiếu vào, thời chiếu vào chỗ nào?*

- Bạch Thế Tôn, chiếu vào tường phía Tây.

18) - Này các Tỷ-kheo, nếu không có tường phía Tây, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, chiếu trên đất.

19) - Này các Tỷ-kheo, nếu không có đất, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, chiếu trên nước.

20) - Này các Tỷ-kheo, nếu không có nước, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, không có chiếu ở đâu cả.

21) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái. ..

22) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

23) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực...

24) Này các Tỷ-kheo,

- **Nếu đối với thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái,** thời không có **thức** an trú.
- Chỗ nào không có thức an trú, chỗ ấy không có danh sắc sanh.
- Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng.
- Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai.
- Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai.

- Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, **Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.**

47 Con đường đưa đến thân kiến tập khởi - Kinh SÁU SÁU – 148 Trung III, 629

KINH SÁU SÁU

(Chadhakka suttam)

– Bài kinh số 148 –* Trung *III, 629

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm) tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, Bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là **sáu sáu**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

→ **Sáu nội xứ** cần phải được biết.

→ **Sáu ngoại xứ** cần phải được biết.

→ **Sáu thức thân** cần phải được biết.

→ **Sáu xúc thân** cần phải được biết.

→ **Sáu thọ thân** cần phải được biết.

→ **Sáu ái thân** cần phải được biết.

Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết ", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến "**Sáu ngoại xứ** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Khi được nói đến "**Sáu thức thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến **"Sáu xúc thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Khi được nói đến "**Sáu thọ thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến "Sáu thọ thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Khi được nói đến "**Sáu ái thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến "Sáu ái thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là

sáu sáu thứ sáu.

Nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn xúc

đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Tai là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "Mũi là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "Lưỡi

là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "Thân là tự ngã"...

Nếu có ai nói rằng: "ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng: "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã.

Nếu có nói rằng: "Ý xúc là tự ngã ", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên

phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói: "Thọ là tự ngã", như vậy không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Vì rằng sự sanh.. Do vậy nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Này các Tỷ-kheo, nhưng **đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến**. Ai quán mắt là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" Ai quán các sắc là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn thức: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn xúc: "Cái này là của tôi ... là tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi". Ai quán ái:

"Cái này là của tôi ... là tự ngã của tôi". Ai quán tai: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán mũi: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán lưỡi: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán thân: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán các pháp: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý thức: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý xúc: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi".

Nhưng này các Tỷ-kheo, **đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến**. Ai quán mắt: ""Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Ai quán sắc: "Cái này không phải là của tôi.. không phải là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn thức: "Cái này không phải của tôi.. không phải là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn xúc: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này không phải là của tôi... không phải tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán tai: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán mũi: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán lưỡi: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi".

Ai quán thân: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán các pháp: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý thức: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý xúc: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi".

❖ Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

– Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước. Tham tùy miên của vị ấy tùy tăng.

– Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy tùy tăng.

– Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy, vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng.

☞ Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ.

Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước, tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muốn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy

chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

❖ Này các Tỷ-kheo do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

– Vị ấy cảm xúc lạc thọ, mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

– Vị ấy cảm xúc khổ thọ, mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

– Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

☞ Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên

> đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên cảm xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên,

có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử **yếm ly** mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức; yếm ly nhãn xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng, yếm ly mũi, yếm ly các hương; yếm ly lưỡi, yếm ly các vị; yếm ly thân, yếm ly các xúc; yếm ly ý, yếm ly các pháp; yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. **Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham vị ấy giải thoát**. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

48 Con đường đưa đến thân kiến tập khởi, hay đoạn diệt - Kinh Con Đường – Tương III, 86

Con Đường – *Tương* III, 86

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông con đường đưa đến ***thân kiến tập khởi*** và con đường đưa đến ***thân kiến đoạn diệt***. Hãy lắng nghe.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **con đường đưa đến thân kiến tập khởi**?*

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc.

6-8). .. quán thọ... quán tưởng... quán các hành...

9). . quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

10) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến tập khởi. Con đường đưa đến thân kiến tập khởi có nghĩa là: Sự quán sát đưa đến khổ tập khởi.

11) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt**?*

12) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc.

13-15). .. không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành...

16). .. không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức.

17) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt có nghĩa là: Sự quán sát đưa đến sự khổ đoạn diệt.

49 Cái gì là nhân cho sắc thọ tưởng sanh khởi cái ấy cũng là vô thường - Kinh Có Nhân Là Vô Thường – Tương III, 49

Có Nhân Là Vô Thường – *Tương* III, 49

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Sắc**, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi, cái ấy cũng vô thường. **Sắc đã được cái vô thường làm cho sanh khởi,** này các Tỷ-kheo**, từ đâu có thể thường được?**

4) **Thọ**, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thọ sanh khởi; cái ấy cũng vô thường. Thọ đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

5) **Tưởng**, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

6) Các **hành**, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) **Thức**, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi, cái ấy cũng vô thường. ***Thức đã được cái vô thường làm cho***

sanh khởi, *này các Tỷ-kheo,* ***từ đâu có thể thường được?***

8) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Có Nhân Là Khổ – *Tương* III, 40

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Sắc**, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi, cái ấy cũng khổ. **Sắc đã được cái khổ làm cho sanh khởi,** này các Tỷ-kheo**, từ đâu có thể lạc được?**

4) **Thọ**, này các Tỷ-kheo, là khổ...

5) **Tưởng**, này các Tỷ-kheo, là khổ...

6) Các **hành**, này các Tỷ-kheo, là khổ...

7) **Thức**, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi, cái ấy cũng khổ. ***Thức đã được cái khổ làm cho sanh khởi,*** *này các Tỷ-kheo,* ***từ đâu có thể lạc được?***

8) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Có Nhân Là Vô Ngã – *Tương* III, 51

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Sắc**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi, cái ấy cũng vô ngã. **Sắc đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi,** này các Tỷ-kheo, **từ đâu là ngã được?**

4-6) **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

7) **Thức**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi, cái ấy cũng vô ngã. ***Thức đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi,*** *này các Tỷ-kheo*, ***từ đâu là ngã được?***

8) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

50 Cái gì người ta thiên chấp tùy miên ... - Kinh Tỷ Kheo – Tương III, 69

Tỷ Kheo – *Tương* III, 69

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

I

2) Rồi một vị Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

3) -*Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy **thuyết pháp vắn tắt** cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) -*Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp tùy miên, người ta sẽ được xưng danh tùy theo thiên chấp tùy miên ấy. Cái gì người ta không thiên chấp tùy miên, người ta sẽ không được xưng danh tùy theo thiên chấp tùy miên ấy.*

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi điều Ta nói một cách vắn tắt?

6) Bạch Thế Tôn, nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp tưởng, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp các hành, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh.

7) Bạch Thế Tôn, nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Nếu không thiên chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Bạch Thế Tôn, với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8) -Lành thay, lành thay, Tỷ-kheo! Lành thay, với lời nói vắn tắt này của Ta, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh. Này Tỷ-kheo, nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh... Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, không

do thiên chấp ấy được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

9) Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

II

10) Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà con nhà lương gia chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa ".

11) Và vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

51 Cái gì người ta thiên chấp, cái ấy người ta được đo lường..- Kinh Vị Tỷ Kheo – Tương III, 72

Vị Tỷ Kheo – *Tương* III, 72

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

3) -*Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp một cách vắn tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) -*Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp (anuseti), cái ấy người ta được đo lường (anopuyti). Cái gì người ta được đo lường, cái ấy người ta được xưng danh (sankham gacchati). Cái gì người ta không thiên chấp, cái ấy người ta không được đo lường. Cái gì người ta không được đo lường, cái ấy người ta không được xưng danh.*

- Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

5) -Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

6) Nếu thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn, với sắc, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh.

7) Nếu không thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, bạch Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8) Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn tắt này của Ta, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy. Nếu thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta được đo lường. Với cái gì được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu

thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu không thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

9) Rồi vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

10) Rồi vị Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư...

11) Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

52 Cái gì được thấy, được nghe.. cái ấy là thường hay vô thường - Kinh Gió – Tương III, 349

Gió – *Tương* III, 349

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà)* ***kiến*** *này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có **thọ**... có **tưởng**... có các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) ... ***Thức*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được* ***thấy****, được* ***nghe****, được* ***nghĩ*** *đến, được* ***biết****, được* ***đạt*** *đến, được* ***tìm*** *cầu, được* ***ý tư duy****, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

53 Có sắc, thọ... nào là thường còn, thường hằng, thường trú.. - Kinh Phân Bò – Tương III, 257

Phân Bò – *Tương* III, 257

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có thể có ***sắc*** *nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?*

5-8) *Bạch Thế Tôn, có thể có* ***thọ*** *nào... có thể có tưởng nào... có thể có các hành nào... có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?*

9) Này Tỷ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

10-13) - Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có các hành nào... không có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú,

không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

14) Rồi Thế Tôn lấy tay cầm lên một miếng phân bò và nói với Tỷ-kheo ấy:

15) - Này Tỷ-kheo, cho đến được một ngã thể nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

16) Nếu được một ngã thể nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày.

Vì này Tỷ-kheo, cho đến được một ngã thể nhỏ bé như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; **do vậy đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.**

17) **Thuở xưa**, này Tỷ-kheo, Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh. Khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 đô thị, và đô thị Kusàvatì là bậc nhất.

18) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ, đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 cung điện, và cung điện Dhamma là bậc nhất.

19) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 trùng các, và là trùng các Mahàvyùha là bậc nhất.

20) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 sàng tọa làm bằng ngà, làm bằng lõi cây, làm bằng vàng, làm bằng bạc, trải bằng nệm len có lông dài, trải bằng chăn len trắng, trải bằng chăn len thêu bông, trải nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, có lầu che phía trên và có gối chân màu đỏ cả hai đầu.

21) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 con voi với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và voi chúa Uposatha là bậc nhất.

22) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 con ngựa với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và ngựa chúa Valàhaka là bậc nhất.

23) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 cỗ xe, với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và cỗ xe Vejayanta là bậc nhất.

24) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 châu báu, và Ma-ni châu là bậc nhất.

25) Này Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 phụ nữ, và hoàng hậu Subhaddà là bậc nhất.

26) Này Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 chư hầu Sát-đế-lỵ, và Binh chủ báu là bậc nhất.

27) Này Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 con bò cái, với những dây thừng bằng vải đay mịn màng, và chậu sữa bằng bạc.

28) Này Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 áo bằng vải gai tinh tế, bằng vải lụa tinh tế, bằng vải len tinh tế, bằng vải bông tinh tế.

29) Này các Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 dĩa bàn, và trên ấy các cơm sáng và cơm chiều được dọn lên.

30) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 đô thị ấy, đô thị Ta trú thời ấy là kinh đô Kusàvatì.

31) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 cung điện ấy, cung điện Ta trú thời ấy là cung điện Dhamma.

32) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 trùng các ấy, trùng các Ta trú là trùng các Mahàvyùha.

33) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 sàng tọa ấy, sàng tọa Ta thọ dùng thời ấy là sàng tọa bằng ngà, hay bằng lõi cây, hay bằng vàng, hay bằng bạc.

34) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 con voi ấy, con voi Ta cưỡi thời ấy là voi chúa Uposatha.

35) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 con ngựa ấy, con ngựa Ta cưỡi thời ấy là ngựa chúa Valàhaka.

36) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 cỗ xe ấy, cỗ xe Ta cưỡi thời ấy là cỗ xe Vejayanta.

37) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 phụ nữ ấy, phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy là Khattiyàni hay Velàmikà.

38) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 áo mặc ấy, đôi áo Ta mặc thời ấy, hoặc bằng vải gai tinh tế,

hay bằng lụa tinh tế, hay bằng len tinh tế, hay bằng vải bông tinh tế.

39) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 dĩa bàn ấy, một dĩa bàn Ta dùng để ăn một phần (nàlika) cơm, còn dĩa bàn thứ hai, Ta dùng để ăn đồ ăn tương đương.

40) *Như vậy, này các Tỷ-kheo, **tất cả các hành ấy là thuộc quá khứ, đoạn diệt, biến hoại.***

41) *Như vậy **vô thường**, này các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy **không thường hằng**, này các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy **không thường trú**, này các Tỷ-kheo, là các hành.*

42) ***Cho đến như vậy,** này các Tỷ-kheo, **là vừa đủ để nhàm chán đối với tất cả hành, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát.***

54 Cảm xúc bởi cảm thọ sanh ra do sự xúc chạm với vô minh - Kinh Quán Kiến – Tương III, 90

Quán Kiến – *Tương* III, 90

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tự ngã dưới nhiều hình thức sai khác, quán **cả** năm thủ uẩn hay quán **một** trong năm thủ uẩn.

4) Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, ở đây kẻ vô văn phàm phu không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Nếu quán như vậy, thời đi đến chấp kiến: "Tôi là".

5) Này các Tỷ-kheo, khi đi đến chấp kiến: "Tôi là", thời năm căn nhập vào avakkanti (hiện hữu), tức là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

6) Này các Tỷ-kheo, có ý, có các **pháp**, có **vô minh giới**. Cảm xúc bởi cảm thọ, (cảm thọ này) sanh do xúc chạm với vô minh; kẻ vô văn phàm phu đi đến chấp kiến: "Tôi là", đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ là", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ không là" đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với không tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do năm căn an trú ở đây, nhưng đối với vị Đa văn Thánh đệ tử, vô minh được đoạn trừ và minh khởi lên.

Do vô minh được viễn ly, do minh sanh khởi, không đi đến chấp kiến: "Tôi là", không đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu"... "Tôi sẽ không hiện hữu"... "Tôi sẽ hiện hữu với sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng"... "Tôi sẽ hiện hữu với vô tưởng", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".

Pàrileyya – *Tương* III, 174

1) Một thời Thế Tôn ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambi để khất thực. Khất thực xong, sau buổi ăn, trên con đường khất thực trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

3) Rồi một Tỷ-kheo, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ànanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

4) - Này Hiền giả, trong khi Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành; trong khi ấy, Thế Tôn ưa sống một mình; trong khi ấy, Thế Tôn không muốn ai đi theo Ngài.

5) Rồi Thế Tôn tuần tự du hành, đi đến Pàlileyyaka. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pàlileyyaka, dưới gốc cây bhaddasàla.

6) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ananda:

- Đã lâu lắm, này Hiền giả Ananda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn, này Hiền giả Ananda, được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

8) Rồi Tôn giả Ananda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pàlileyyaka, gốc cây bhaddasàla, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9) Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo ấy, giảng giải, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

10) *Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau: "**Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?**"*

11) Thế Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, pháp **đã được giải thích, thuyết giảng**. **Bốn niệm xứ** đã được giải thích, thuyết giảng. **Bốn chánh cần** đã được giải thích, thuyết giảng. **Bốn như ý túc** đã được giải thích, thuyết giảng. **Năm căn** đã được giải thích, thuyết giảng. **Năm lực** đã được giải thích, thuyết giảng. **Bảy bồ-đề phần** đã được giải thích, thuyết giảng. **Thánh đạo Tám ngành** đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.

12) Dầu cho, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: *"Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"*

13-16) *Này các Tỷ-kheo,* ***biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phàm phu** không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các

bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, *quán **sắc** như là tự ngã*, **sự quán như vầy là hành.**

Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?

Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, **cảm xúc** bởi **thọ** sanh ra do **xúc chạm** với **vô minh**, **khát ái** sanh. Từ khát ái ấy, **hành** ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Thọ** ấy... **xúc** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể *quán tự ngã như là có sắc*. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô

thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể *quán sắc ở trong tự ngã*. Quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể *quán tự ngã ở trong sắc*. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy,

thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể *quán **thọ** như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ*.

22-23). .. *có thể quán **tưởng**... có thể quán các **hành**...*

24). .. *có thể quán **thức** như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức*. **Sự quán ấy,** này các Tỷ-kheo, **là hành**. *Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?* Đối với kẻ vô văn phàm phu, do **cảm xúc** bởi **thọ** sanh ra do **xúc chạm** với **vô minh**, khát **ái** sanh. Do khát ái ấy, **hành** ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy... **thọ** ấy... **xúc** ấy... **vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được **đoạn tận lập tức.**

25) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán

tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. *Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"*. Nhưng **thường kiến** ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại ". Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: *"Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta"*.

27) **Đoạn kiến** ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên

sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

28) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức; không có (tà) kiến như sau: *"Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"*; có thể không có (tà) kiến như sau: "*Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta"*. Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

29) Nhưng này các Tỷ-kheo, **sự nghi hoặc, do dự,** không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là **hành**. ***Hành ấy lấy gì làm nhân***, *lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?* Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Thọ** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Xúc** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh.

30) Này các Tỷ-kheo, **do biết như vậy, thấy như vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

55 Do Hỷ tập khởi nên 5 uẩn tập khởi - Kinh Thiền Định – Tương III, 31

Thiền Định – *Tương* III, 31

1) Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi...

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **hãy tu tập Thiền định.** Vị Tỷ-kheo có Thiền định, này các Tỷ-kheo, **hiểu biết một cách như thật.**

3) Hiểu biết gì một cách như thật?

- **Sắc tập khởi và đoạn diệt**;
- **Thọ** tập khởi và đoạn diệt;
- **Tưởng** tập khởi và đoạn diệt;
- Các **hành** tập khởi và đoạn diệt;
- **Thức** tập khởi và đoạn diệt.

4) ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi?***

Thế nào là các hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú**. Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước và an trú gì?

6) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **sắc**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do hỷ đối với sắc, thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

7-10) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **thọ**... rồi an trú **tưởng**... rồi an trú các **hành**... rồi an trú **thức**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thức, hỷ khởi lên. Do hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi, đây là tưởng tập khởi, đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi.

12) ***Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc đoạn diệt, thế nào là thọ đoạn diệt, thế nào là tưởng đoạn diệt, thế nào là các hành đoạn diệt, thế nào là thức đoạn diệt?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy **không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú.**

13) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú gì?

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

14) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

15-16) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú các hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan

nghênh, không đắm trước và an trú các hành, hỷ đối với các hành đoạn diệt. Do hỷ đối với các hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

17) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú **thức**. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

18) Này các Tỷ-kheo, đây là **sắc** đoạn diệt, đây là **thọ** đoạn diệt, đây là **tưởng** đoạn diệt, đây là các **hành** đoạn diệt, đây là **thức** đoạn diệt.

56 Do duyên Xúc mà thọ, tưởng, hành, thức khởi lên - TIỂU Kinh GIÁO GIỚI LA–HẦU–LA – 147 Trung III, 623

TIỂU KINH GIÁO GIỚI LAHẦULA

(Cula Rahulovada suttam)

– *Bài kinh số 147* – Trung *III, 623*

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm) tại tinh xá ông Anathapindika. Rồi Thế Tôn trong khi nhàn tịnh độc cư, khởi lên tư niệm sau đây: "Đã thuần thục là những pháp đã đưa đến giải thoát cho Rahula. Vậy Ta hãy huấn luyện Rahula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc". Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Savatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, Thế Tôn cho gọi Tôn giả Rahula và nói:

– Này Rahula, hãy cầm tọa cụ, chúng ta sẽ đi đến Andhavana để nghỉ ban ngày.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Rahula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

Lúc bấy giờ hàng ngàn chư Thiên đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn sẽ huấn luyện cho Tôn giả Rahula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc".

Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andhavana và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn dưới một gốc cây. Tôn giả Rahula đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rahula đang ngồi một bên:

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Con mắt là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

_ Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

_Này Rahula. Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula. Ông nghĩ thế nào? Nhãn thức là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi,

cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn

– Này Rahula. Ông nghĩ thế nào? Nhãn xúc là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức**; pháp được khởi lên ấy là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Tai là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Mũi là thường hay vô thường?... (như trên)... Lưỡi là thường hay vô thường?... (như trên)... Thân là thường hay vô thường... (như trên)... Ý là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Pháp là thường hay vô thường?

_... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Ý thức là thường hay vô thường?

– .... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Ý xúc là

thường hay vô thường?

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức,** các pháp (được khởi lên) ấy là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, **do thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử **yếm ly con mắt**, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức, yếm ly nhãn xúc, do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly pháp (được khởi lên) ấy. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng... yếm ly mũi, yếm ly các hương... yếm ly các hương... yếm ly lưỡi, yếm ly các vị... yếm ly thân, yếm ly các xúc, .. yếm ly ý, yếm ly các pháp, yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc. Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly các pháp (được khởi lên) ấy. **Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết**: "Ta

đã được giải thoát ". Và vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của Tôn giả Rahula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và đối với hàng ngàn chư Thiên ấy, được khởi lên pháp nhãn ly trần, vô cấu: **"Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị diệt tận".**

57 Do duyên gì khởi lên các tư duy tầm - Kinh TÔN GIẢ SAMIDDHI – Tăng IV, 113

TÔN GIẢ SAMIDDHI – *Tăng* IV, 113

1. Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sàriputta, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Rồi Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Samiddhi đang ngồi xuống một bên:

*- **Do sở duyên gì**, này Samiddhi, một người khởi lên **các tư duy tầm**?*

- Do **danh sắc** làm sở duyên, thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?

- **Các giới,** thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?

- Lấy **xúc** làm tập khởi, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng qui tụ ở đâu?

- Chúng qui tụ ở các **cảm thọ,** thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?

- Chúng lấy *định* làm thượng thủ, thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?

- Chúng lấy *niệm* làm tăng thượng, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng lấy cái gì làm tối thượng?

- Chúng lấy *tuệ* làm tối thượng, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?

- Chúng lấy *giải thoát* làm lõi cây, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?

- Chúng thể nhập vào *bất tử*, thưa Tôn giả.

2. - Khi được hỏi: "Này Samiddhi, do sở duyên gì một người khởi lên các tư duy tầm?", Hiền giả đáp: "Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả".

Này Samiddhi, khi được hỏi: "Cái gì khiến chúng đi đến sai khác?", Hiền giả đáp:" Trong các giới, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?", Hiền giả đáp: "Lấy xúc làm tập khởi, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chỗ qui tụ của chúng là gì?", Hiền giả đáp: "Chỗ qui tụ của chúng là thọ, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy định làm thượng thủ, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy niệm tăng thượng, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy giải thoát làm lõi cây, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?", Hiền giả đáp: "Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả".

Lành thay, lành thay, này Samiddhi! Lành thay, này Samiddhi! Hiền giả đã trả lời các câu hỏi. Nhưng Hiền giả ***chớ có kiêu mạn về vấn đề này***.

58 Do duyên nội giới sai biệt nên Xúc, Thọ sai biệt sanh khởi - Kinh Giới – Tương II, 245

Giới – *Tương* II, 251

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **giới sai biệt**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng...

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới.

4) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Tưởng – *Tương* II, 251

1) Ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.

- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới** sai biệt?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi?*

5-9) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi...

10) Này các Tỷ-kheo, do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

Và Không Phải Như Vậy – *Tương* II, 253

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.

- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) **Không phải** do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

4-9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

10) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... tầm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

11) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc **giới**, sắc **tưởng** sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc **tư duy** sanh

khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc **dục** sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc **nhiệt tình** sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc **tầm cầu** sanh khởi.

Không phải do duyên sắc tầm cầu, sắc nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên sắc nhiệt tình, sắc dục sanh khởi. Không phải do duyên sắc dục, sắc tư duy sanh khởi. Không phải do duyên sắc tư duy, sắc tưởng sanh khởi. Không phải do duyên sắc tưởng, sắc giới sanh khởi.

12) Do duyên thanh giới...

13) Do duyên hương giới...

14) Do duyên vị giới...

15) Do duyên xúc giới...

16) Do duyên pháp **giới**, pháp **tưởng** sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp **tư duy** sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp **dục** sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp **nhiệt tình** sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp **tầm cầu** sanh khởi. **Không phải do duyên** pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi. Không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi. Không phải do duyên pháp tư duy, pháp

tưởng sanh khởi. Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

17) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi... Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Xúc – *Tương* II, 255

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **giới** sai biệt, **tưởng** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, **tư duy** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi.

- Do duyên thọ sai biệt, **dục** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, **nhiệt tình** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, **tầm cầu** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tầm cầu sai biệt, **sở đắc** sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... sở đắc sai biệt sanh khởi?*

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **sắc giới**, sắc tưởng sanh khởi.
- Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi.
- Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi.
- Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi.
- Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi.

- Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên **thanh** giới...

7) Do duyên **hương** giới...

8) Do duyên **vị** giới...

9) Do duyên **xúc** giới...

10)

- Do duyên **pháp** giới, pháp tưởng sanh khởi.
- Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi.
- Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi.
- Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi.
- Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi... Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

Xúc – *Tương* II, 257

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo,*

- **Do duyên** giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi
- Do duyên tư duy sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.
- Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.
- Do duyên thọ sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

- **Không phải do duyên** sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên nhiệt tính sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi, do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không*

phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi... dục... thọ... xúc... Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi.
- Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi.
- Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi.
- Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi.
- Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên thanh giới...

7) Do duyên hương giới...

8) Do duyên vị giới...

9) Do duyên xúc giới...

10) Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng... pháp tầm cầu sanh khởi. Do

duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi. Không phải do duyên pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi.

- **Do duyên** pháp giới, pháp tưởng sanh khởi.
- Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi.
- Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi.
- Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi.
- Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.
- **Không phải do duyên** pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp dục, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Không phải do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp xúc sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp xúc, pháp tư duy sanh khởi.

- Không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tư duy... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

59 Do giải thoát nên an trú, do an trú nên tri túc...- Kinh Vô Thường – Tương III, 88

Vô Thường – *Tương* III, 88

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, **tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.**

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo... Các hành, này các Tỷ-kheo...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì là vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

8) Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đối với sắc giới có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc, đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... đối với thức giới, có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

- Do giải thoát, vị ấy an trú.
- Do an trú, vị ấy tri túc.
- Do tri túc, vị ấy không ưu não.
- Do không ưu não, vị ấy tự mình tịch tịnh. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vô Thường – *Tương* III, 89

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: " Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy không có các tùy kiến về quá khứ. Do không có các tùy kiến về quá khứ nên không có các tùy kiến về tương lai. Do không có các tùy kiến về tương lai, kiên trì chấp thủ không có. Do không có kiên trì chấp thủ, đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, tâm ly tham, giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc.

- Do giải thoát, vị ấy an trú.
- Do an trú, vị ấy tri túc.
- Do tri túc, vị ấy không ưu não.
- Do không ưu não, vị ấy tự mình được tịch tịnh một cách viên mãn. Vị ấy biết: " Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa ".

60 Do hỷ được đoạn tận nên tham được đoạn tận - Kinh Hỷ Được Đoạn Tận 1 – Tương III, 99

Hỷ Được Đoạn Tận 1 – *Tương* III, 99

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, **khi một Tỷ-kheo thấy sắc vô thường là vô thường; đấy là chánh tri kiến của vị ấy**. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yếm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là **vị đã khéo giải thoát**.

4-6) Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thấy thọ vô thường là vô thường... tưởng vô thường... các hành vô thường...

7) Này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo thấy thức vô thường là vô thường; đấy là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yếm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, nên hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là vị đã được khéo giải thoát.

Hỷ Được Đoạn Tận 2 – *Tương* III, 99

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Hãy như lý tác ý sắc**, này các Tỷ-kheo, **hãy như thật quán (**samanupassati**) sắc là vô thường**. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý sắc, như thật quán sắc là vô thường, vị ấy yếm ly đối với sắc. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. **Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát**, vị ấy được gọi là **vị đã được khéo giải thoát**.

4) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thọ... tác ý tưởng... tác ý các hành...

5) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thức, như thật quán thức là vô thường, vị ấy yếm ly đối với thức. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là đã được khéo giải thoát

61 Do hỷ đối với sắc nên thủ đối với sắc khởi lên - Kinh Thiền Định – Tương III, 31

Thiền Định – *Tương* III, 31

1) Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi...

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **hãy tu tập Thiền định.** Vị Tỷ-kheo có Thiền định, này các Tỷ-kheo, **hiểu biết một cách như thật.**

3) Hiểu biết gì một cách như thật?

- **Sắc tập khởi và đoạn diệt**;
- **Thọ** tập khởi và đoạn diệt;
- **Tưởng** tập khởi và đoạn diệt;
- Các **hành** tập khởi và đoạn diệt;
- **Thức** tập khởi và đoạn diệt.

4) ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi? Thế nào là các hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi?***

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú**. Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước và an trú gì?

6) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **sắc**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do hỷ đối với sắc, thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

7-10) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **thọ**... rồi an trú **tưởng**... rồi an trú các **hành**... rồi an trú **thức**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thức, hỷ khởi lên. Do hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi, đây là tưởng tập khởi, đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi.

12) ***Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc đoạn diệt, thế nào là thọ đoạn diệt, thế nào là tưởng đoạn diệt, thế nào là các hành đoạn diệt, thế nào là thức đoạn diệt?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy **không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú.**

13) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú gì?

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

14) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

15-16) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú các hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú các hành, hỷ đối với các hành đoạn diệt. Do hỷ đối với các hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

17) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú **thức**. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

18) Này các Tỷ-kheo, đây là **sắc** đoạn diệt, đây là **thọ** đoạn diệt, đây là **tưởng** đoạn diệt, đây là các **hành** đoạn diệt, đây là **thức** đoạn diệt.

62 Do ngoại giới sai biệt nên Tưởng, Tư, Xúc, Thọ sai biệt sanh khởi - Kinh Giới – Tương II, 251

Giới – *Tương* II, 251

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **giới sai biệt**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng...

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới.

4) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Tưởng – *Tương* II, 251

1) Ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.

- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***giới*** *sai biệt?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi?*

5-9) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi...

10) Này các Tỷ-kheo, do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

Và Không Phải Như Vậy – *Tương* II, 253

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.

- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) **Không phải** do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

4-9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

10) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... tầm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

11) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc **giới**, sắc **tưởng** sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc **tư duy** sanh

khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc **dục** sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc **nhiệt tình** sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc **tầm cầu** sanh khởi.

Không phải do duyên sắc tầm cầu, sắc nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên sắc nhiệt tình, sắc dục sanh khởi. Không phải do duyên sắc dục, sắc tư duy sanh khởi. Không phải do duyên sắc tư duy, sắc tưởng sanh khởi. Không phải do duyên sắc tưởng, sắc giới sanh khởi.

12) Do duyên thanh giới...

13) Do duyên hương giới...

14) Do duyên vị giới...

15) Do duyên xúc giới...

16) Do duyên pháp **giới**, pháp **tưởng** sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp **tư duy** sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp **dục** sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp **nhiệt tình** sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp **tầm cầu** sanh khởi. **Không phải do duyên** pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi. Không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi. Không phải do duyên pháp tư duy, pháp

tưởng sanh khởi. Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

17) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi... Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Xúc – *Tương* II, 255

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **giới** sai biệt, **tưởng** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, **tư duy** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi.

- Do duyên thọ sai biệt, **<u>dục</u>** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, **<u>nhiệt tình</u>** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, **<u>tầm cầu</u>** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tầm cầu sai biệt, **<u>sở đắc</u>** sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... sở đắc sai biệt sanh khởi?*

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **<u>sắc giới</u>**, <u>sắc tưởng</u> sanh khởi.
- Do duyên sắc tưởng, <u>sắc tư duy</u> sanh khởi.
- Do duyên sắc tư duy, <u>sắc xúc</u> sanh khởi.
- Do duyên sắc xúc, <u>thọ do sắc xúc sanh</u> sanh khởi.
- Do duyên thọ do sắc xúc sanh, <u>sắc dục</u> sanh khởi.
- Do duyên sắc dục, <u>sắc nhiệt tình</u> sanh khởi.

- Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên **thanh** giới...

7) Do duyên **hương** giới...

8) Do duyên **vị** giới...

9) Do duyên **xúc** giới...

10)

- Do duyên **pháp** giới, pháp tưởng sanh khởi.
- Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi.
- Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi.
- Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi.
- Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi... Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

Xúc – *Tương* II, 257

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo,*

- **Do duyên** giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi
- Do duyên tư duy sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.
- Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.
- Do duyên thọ sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

- **Không phải do duyên** sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên nhiệt tính sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi, do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không*

phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi... dục... thọ... xúc... Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi.
- Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi.
- Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi.
- Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi.
- Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên thanh giới...

7) Do duyên hương giới...

8) Do duyên vị giới...

9) Do duyên xúc giới...

10) Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng... pháp tầm cầu sanh khởi. Do

duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi. Không phải do duyên pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi.

- **Do duyên** pháp giới, pháp tưởng sanh khởi.
- Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi.
- Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi.
- Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi.
- Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.
- **Không phải do duyên** pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp dục, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Không phải do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp xúc sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp xúc, pháp tư duy sanh khởi.

- Không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tư duy... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

63 Do nhàm chán nên viễn ly, do viễn ly nên giải thoát - Kinh Hạng Người Ít Nghe 1 – Tương II, 169

Hạng Người Ít Nghe 1 – *Tương* II, 169

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) *Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, viễn ly, giải thoát thân do bốn đại tạo thành này.*

3) Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì họ thấy được cái thân do bốn đại tạo thành này được tăng, được giảm, được thủ, được xả.

Do vậy, ở đây kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, viễn ly, giải thoát.

4) *Và này các Tỷ-kheo,* ***cái gọi là tâm, là ý, là thức, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.***

5) *Vì sao? Đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đắm trước, xem là của tôi, chấp thủ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".*

Do vậy, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.

6) *Này các Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho kẻ vô văn phàm phu đi đến với thân do bốn đại tạo thành này xem như là tự ngã, hơn là đối với tâm.*

7) Vì sao? Này các Tỷ-kheo, thân do bốn đại tạo thành này được thấy đứng vững một năm, đứng vững hai năm, đứng vững ba năm, đứng vững bốn năm, đứng vững năm năm, đứng vững mười năm, đứng vững hai mươi năm, đứng vững ba mươi năm, đứng vững bốn mươi năm, đứng vững năm mươi năm, đứng vững một trăm năm, đứng vững nhiều hơn nữa. **Còn cái gọi là tâm này, là ý này, là thức này, này các Tỷ-kheo, cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.**

8) *Này các Tỷ-kheo, **ví như một con khỉ trong khi đi lại trong rừng núi, nắm lấy một nhành cây, bỏ nhành cây ấy xuống, nó nắm giữ một nhành khác.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm, là ý, là thức này cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.

9) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử **khéo chơn chánh tư duy** định lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt". Ví như do duyên vô minh, các hành sanh khởi. Do duyên hành, thức sanh khởi... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

10) Do đoạn diệt, ly tham vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

11) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên viễn ly; do viễn ly nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết được: "Ta giải thoát", vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Hạng Người Ít Nghe 2 – *Tương* II, 172

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, có thể viễn ly, có thể giải thoát đối với cái **thân** do bốn đại tạo thành này.

3) Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì họ thấy thân do bốn đại tạo thành này được tăng, được giảm, được thủ, được xả. Do vậy, ở đây, kể vô văn phàm phu có thể nhàm chán, viễn ly, giải thoát.

4) Và này các Tỷ-kheo, ***cái gọi là tâm, là ý, là thức, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.***

5) Vì sao? *Đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đắm trước, xem là của tôi, chấp thủ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Do vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.*

6) Này các Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho kẻ vô văn phàm phu đi đến với thân do bốn đại tạo thành này, xem như là tự ngã, hơn là đối với tâm.

7) Vì sao? Này các Tỷ-kheo, thân do bốn đại tạo thành này được thấy đứng vững một năm, đứng vững hai năm, đứng vững ba năm, đứng vững bốn năm, đứng vững năm năm, đứng vững mười năm, đứng vững hai mươi năm, đứng vững ba mươi năm, đứng vững bốn mươi năm, đứng vững năm mươi năm, đứng vững một trăm năm, đứng vững nhiều hơn nữa. ***Còn cái gọi là tâm này, là ý này, là thức này, này các Tỷ-kheo, cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.***

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử **khéo chơn chánh tư duy lý duyên khởi**: " Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt ".

9) Này các Tỷ-kheo, *do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ, nên lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, lạc thọ ấy được chấm dứt.*

10) Này các Tỷ-kheo *do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ, nên khổ thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ ấy diệt, nên khổ thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến khổ thọ ấy diệt, khổ thọ ấy chấm dứt.*

11) Này các Tỷ-kheo, *do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ, nên bất khổ bất lạc thọ sanh khởi. Do xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, nên bất khổ bất lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc ấy diệt, bất khổ bất lạc thọ ấy chấm dứt.*

12) ***Ví như, này các Tỷ-kheo, do hai khúc cây cọ xát hòa hợp nên sức nóng được sanh, lửa được khởi lên. Do hai khúc cây ấy xa lìa tách biệt, nên sức nóng ấy đoạn diệt, sức nóng ấy chấm dứt.***

13) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ nên lạc thọ sanh khởi. Do xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, lạc thọ ấy chấm dứt.

14) Do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ...

15) Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ, nên bất khổ bất lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, nên bất khổ bất lạc thọ ấy được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, bất khổ bất lạc thọ ấy chấm dứt.

16) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với xúc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên viễn ly; do viễn ly nên giải thoát. Trong sự giải thoát trí khởi lên, biết rằng: "Ta đã giải thoát", vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa".

64 Do yểm ly đối với sắc, thọ.. nên ly tham, do ly tham nên giải thoát...- Kinh Vô Thường – Tương III, 45

Vô Thường – *Tương* III, 45

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvathi...

2) Tại đấy...

3-6) Này các Tỷ-kheo, **sắc** là **vô thường**... **thọ** là vô thường... **tưởng** là vô thường... các **hành** là vô thường... **thức** là vô thường.

7) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Khổ – *Tương* III, 46

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) Này các Tỷ-kheo, **sắc là khổ**..., **thọ** là khổ..., **tưởng** là khổ..., các **hành** là khổ..., **thức** là khổ...

8) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vô Ngã – *Tương* III, 46

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) Này các Tỷ-kheo, **sắc là vô ngã**..., **thọ** là vô ngã..., **tưởng** là vô ngã..., các **hành** là vô ngã..., **thức** là vô ngã...

8) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

65 Dư tàn sau khi đoạn diệt 5 hạ phần kiết sử - Kinh Khema – Tương III, 230

Khema – *Tương* III, 230

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo Trưởng lão sống ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Khemaka trú tại vườn Badarica, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi các Tỷ-kheo Trưởng lão, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy và gọi Tôn giả Dàsaka:

- Hãy đến đây, này Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Này Hiền giả Khemaka, các Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *‘Này Hiền giả, Hiền giả có kham nhẫn được không? Hiền giả có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?’*"

4) -Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến, nói với Tôn giả Khemaka:

- Các Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: "Hiền giả có kham nhẫn được không? Này Hiền giả Khemaka... không phải tăng trưởng?"

5) -Tôi không có thể kham nhẫn, thưa Hiền giả... tôi không có thể chịu đựng... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!

6) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Thưa chư Hiền, Tỷ-kheo Khemaka nói như sau: "Tôi không có thể kham nhẫn, này Hiền giả... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!"

7) Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Này Hiền giả Khemaka, các bậc Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *'Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến **năm thủ uẩn**, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?'"*

8) -Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến...

- Các bậc Trưởng lão, này Hiền giả, nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?"

9) -Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả.

10) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả!"

11) - Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Các vị Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: *'Hiền giả Khemaka, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức*

là sắc thủ uẩn...thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, nếu Tôn giả Khemaka không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả, thời Tôn giả Khemaka là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận".

12) -Thưa vâng, chư Hiền giả.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

- Này Hiền giả Khemaka, các bậc Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Nếu Tôn giả Khemaka, trong năm thủ uẩn này, không quán cái nào là tự ngã hay ngã sở, thời Tôn giả Khemaka là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc".

13). .. - Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả. Nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn này, **dầu cho tôi có chứng được:** "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".

14) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến Tỷ-kheo Trưởng lão... nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, thưa Hiền giả, tôi không quán cái gì là ngã hay là ngã sở. Tuy vậy, tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn, dầu cho tôi chứng được: "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: " Cái này là tôi ".

15) Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: Thưa Hiền giả Khemaka, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *"Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?" Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc?. ..; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?". Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì?"*

16) - Thưa vâng.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

17) - Thôi vừa rồi, Hiền giả Dàsaka chạy qua, chạy lại như thế này để làm gì? Hãy đem gậy lại đây! Ta sẽ đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão!

18) Rồi Tôn giả Khemaka chống gậy đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo Trưởng lão những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

19) Các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka đang ngồi một bên:

- Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"...; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?"; Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói "Tôi là", là cái gì?

20) - Thưa chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc". Tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác thức". Dầu rằng, này các Hiền giả, Tôi có chứng được (tư tưởng): "Tôi là", nhưng tôi không có quán: "Cái này là tôi".

21) *Ví như, này chư Hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa trắng, nếu có người nói: "Hương thuộc về lá hay thuộc về sắc, hay thuộc về nhụy hoa", nói như vậy có nói đúng không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

- Vậy chư Hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn?

Chư Hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn.

22) Cũng vậy, này chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc"; tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "Tôi là thọ"... "Tôi là tưởng"... "Tôi là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi không nói: "Tôi là khác thức". Nhưng này chư Hiền, dầu rằng đối với năm thủ uẩn của tôi được có này, tôi không có quán: "Cái này là tôi".

23) **Dầu cho** *đối với vị Thánh đệ tử, này chư Hiền,* ***năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận****, nhưng vị ấy còn nghĩ: "Đối với năm thủ uẩn,* ***vẫn còn dư tàn tế nhị"****. Dư tàn* ***kiêu mạn*** *"Tôi là", dư tàn* ***dục*** *"Tôi là", dư tàn* ***tùy miên*** *"Tôi là" chưa được vị ấy đoạn trừ.* ***Vị ấy sau một thời gian, sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn:*** *"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi,*

đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt"

24) *Vì rằng vị ấy sống,* ***quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn*** *này, các* ***dư tàn*** *ngã mạn (?) "Tôi là", các dư tàn ngã dục "Tôi là", các dư tàn ngã tùy miên (?) "Tôi là", mà vị ấy chưa được đoạn trừ, nay đi đến đoạn tận.*

25) *Này chư Hiền, ví như một tấm vải nhớp nhúa dính bụi, những người chủ giao nó cho một người thợ giặt. Người thợ giặt sau khi nhồi nó, đập nó trong nước muối, hay trong nước tô đã, trong nước phân bò rồi giặt sạch nó trong nước trong.* ***Dầu cho tấm vải ấy nay được sạch sẽ, trong trắng, nhưng nó vẫn còn dư tàn mùi muối hay mùi tô đã, hay mùi phân bò****. Người thợ giặt giao lại tấm vải cho những người chủ. Những người chủ đem bỏ nó vào trong* ***một cái hòm có ướp hương thơm****. Như vậy cái dư tàn mùi muối hay mùi tô đã bay mùi phân bò chưa được đoạn tận, nay được đoạn trừ.*

26-27) *Cũng vậy, này chư Hiền, dầu cho vị Thánh đệ tử* ***đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử****, nhưng với vị ấy, cái dư tàn trong năm thủ uẩn, dư tàn ngã mạn "Tôi là", dư tàn ngã dục "Tôi là", dư tàn ngã tùy miên: "Tôi là" chưa được đoạn trừ. Vị ấy sau một*

*thời gian, **sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn**: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt". Vì rằng vị ấy sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này nên các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "Tôi là", ngã dục "tôi là", ngã tùy miên "Tôi là" chưa được đoạn tận nay đi đến đoạn trừ.*

28) Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka:

- Không phải chúng tôi vì muốn phiền nhiễu Tôn giả Khemaka mà chúng tôi hỏi. Nhưng vì chúng tôi nghĩ rằng: "Tôn giả Khemaka có thể giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn".

29) Và rồi Tôn giả Khemaka đã giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn.

30) Tôn giả Khemaka thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo Trưởng lão hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Khemaka giảng.

31) Trong khi lời dạy này được nói lên, khoảng sáu mươi Tỷ-kheo được tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, kể cả Tôn giả Khemaka.

66 Dục tham đối với sắc uẩn là tùy phiền não của tâm - Kinh Tương Ưng Phiền Não – Tương III, 377

Tương Ưng Phiền Não

Con Mắt – *Tương* III, 377

1-2) Nhân duyên ở Sàvathi...

3) -- Này các Tỷ-kheo,

- **Dục tham** đối với mắt là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với tai là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với mũi là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với lưỡi là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với thân là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với ý là tùy phiền não của tâm.

4) Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với sáu xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời **tâm** vị ấy hướng về **ly dục**. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

II. Sắc – *Tương* III, 378

(Như kinh trên, chỉ thế vào ***sắc****, thanh, hương, vị, xúc, pháp*).

III. Thức – *Tương* III, 378

(Như kinh trên, chỉ thế vào *nhãn* ***thức****, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*).

IV. Xúc

(Như kinh trên, chỉ thế vào *nhãn* ***xúc****, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc*).

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thế vào ***thọ*** *do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh*).

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc* ***tưởng****, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng*).

VII. Tư

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc **tư**, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư*).

VIII. Ái – *Tương* III, 378

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc **ái**, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái*).

IX. Giới – *Tương* III, 379

(Như kinh trên, chỉ thế vào *địa **giới**, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới*).

Uẩn – *Tương* III, 379

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo,

- **Dục tham** đối với sắc uẩn là **tùy phiền não của tâm**.
- Dục tham đối với thọ uẩn là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với tưởng uẩn là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với hành uẩn là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với thức uẩn là tùy phiền não của tâm.

4) Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với năm xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, **thời tâm** vị ấy hướng về **ly dục**. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

67 Giải thoát cho các chúng sanh bằng cách nào - Kinh Giải Thoát – Tương I, 10

Giải Thoát – *Tương* I, 10

... Ở Sàvatthi. Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy bạch Thế Tôn:

- *Thưa Tôn giả, Ngài có biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh không?*

-- Này Hiền giả, Ta có biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh.

-- *Thưa Tôn giả, như thế nào Ngài biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh?*

Hỷ, tái sanh đoạn tận,
Tưởng, thức được trừ diệt,
Các thọ diệt, tịch tịnh,
Như vậy này Hiền giả,
Ta biết sự giải thoát,
Thoát ly và viễn ly,

Cho các loại chúng sanh.

68 Giải thoát khỏi cái gì - Kinh BÀHUNA – Tăng IV, 443

BÀHUNA – *Tăng* IV, 443

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Campà, trên bờ hồ Gaggarà. Rồi Tôn giả Bàhuna đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bàhuna bạch Thế Tôn:

- Từ bao nhiêu pháp, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc?

2. - Từ mười pháp, này Bàhuna, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc. Thế nào là mười?

1. Từ **sắc**, này Bàhuna, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc.
2. Từ **thọ**,...
3. Từ **tưởng**,...
4. Từ các **hành**,...
5. Từ **thức**,...
6. Từ **sanh**,...
7. Từ **già**,...
8. Từ **chết**,...
9. Từ **khổ**,...

10. Từ **các phiền não**, này Bàhuna, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc.

4. Ví như, này Bàhuna, hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên mặt nước và đứng, không có dính nước. Cũng vậy, này Bàhuna, từ mười pháp này, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc.

69 Giải thoát khỏi cái gì - Kinh Susìma – Tương II, 211

Susìma – *Tương* II, 211

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng con sóc.

I

2) Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và Ngài nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

3) Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và cũng nhận được các vật cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

4) Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, không được tôn trọng, không được kính lễ, không được cúng dường, không được tôn sùng và cũng không nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

II

5) Lúc bấy giờ du sĩ Susìma trú ở Ràjagaha cùng với đại chúng du sĩ.

6) Rồi hội chúng du sĩ của Susìma nói với du sĩ Susìma:

- *Thưa Hiền giả Susìma, ngài hãy đi đến và sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama. **Sau khi ngài học Chánh pháp xong hãy nói lại cho chúng tôi. Sau khi chúng tôi học pháp ấy chúng tôi sẽ nói lại với các gia chủ. Như vậy chúng tôi sẽ được cung kính**, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và chúng tôi sẽ nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.*

7) - Thưa vâng, các Hiền giả.

Du sĩ Susìma nghe theo hội chúng của mình, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Ananda; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

III

8) Ngồi xuống một bên, du sĩ Susìma nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này.

9) Rồi Tôn giả Ananda đưa du sĩ Susìma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, du sĩ Susìma này nói như sau: "Này Hiền giả Ananda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này".

11) Vậy Ananda, hãy cho Susìma xuất gia.

12) Và du sĩ Susìma được xuất gia dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn và được thọ đại giới.

13) Lúc bấy giờ nhiều vị Tỷ-kheo ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." "

IV

14) Tôn giả Susìma được nghe: Nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.'"

15) <u>Rồi Tôn giả Susìma đi đến các Tỷ-kheo</u>; sau khi đến nói lên với những Tỷ-kheo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

16) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susìma nói với các Tỷ-kheo ấy:

- *Có đúng sự thật chăng, chư Tôn giả ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng con biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa'"?*

- Thưa có vậy, này Hiền giả.

17) Nhưng, *chư Tôn giả* ***biết như vậy, thấy như vậy chắc chứng được*** *nhiều loại <u>thần thông</u> khác nhau:* Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước

không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ vào mặt trăng và mặt trời, những vật có oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?.

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

18) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, chứng được thiên nhĩ thông thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: chư Thiên và loài Người, xa và gần?*

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

19) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của các chúng sanh khác, các loài Người khác: Tâm có tham biết là tâm có tham; tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân; tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si; tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú; tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm biết không phải là đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định biết là tâm Thiền định; tâm không Thiền định biết là tâm*

không Thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát?

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

20) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, nhớ được nhiều đời quá khứ. Như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, chư Tôn giả nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết?*

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

21) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Chư Tôn giả biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người*

đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, làm những thiện hạnh về lời nói, làm những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, các vị thấy sự sống chết của chúng sanh. Các vị biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ?

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

22) *Vậy có phải chư Tôn giả* ***biết như vậy, thấy như vậy****, sau khi vượt khỏi Sắc giới, thân cảm xúc Vô sắc giới, an trú vào tịch tịnh giải thoát?*

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

23) *Hay ở đây, có phải chư Tôn giả vừa trả lời như vậy, vừa không chứng được các pháp này?*

24) --Này Hiền giả, không có chứng được gì.

25) *Như thế nào?*

- Thưa Hiền giả Susìma, chúng tôi chứng được **tuệ giải thoát.**

26) - Tôi không biết được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả. Lành thay nếu được chư Tôn giả nói lên cho tôi, để tôi có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả!

27) - Này Hiền giả Susìma, dù cho Ông có biết hay Ông không biết, chúng tôi chứng được **Tuệ giải thoát.**

V

28) Rồi Tôn giả Susìma từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

29) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susìma trình bày lên Thế Tôn tất cả câu chuyện với các Tỷ-kheo ấy.

30) - *Này Susìma,* ***trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.***

31) - Bạch Thế Tôn, con không hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn!

32) - Này Susìma, dù cho Ông có biết hay Ông không có biết, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.

Này Susìma, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

33) **Cái gì vô thường là khổ hay lạc?**

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, **có hợp lý chăng khi chúng ta quán vật ấy là:** " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

34) Thọ là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

35) Tưởng là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

36) Các hành là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

37) Thức là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu chúng ta quán vật ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

38) Do vậy, này Susìma, cái gì thuộc **sắc** pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc pháp cần phải được quán như chơn như sau: *"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".*

39) Cái gì thuộc thọ quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

40) Cái gì thuộc tưởng quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

41) Cái gì thuộc hành quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

42) Cái gì thuộc thức quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, **tất cả thức cần phải quán như chơn với chánh trí tuệ như sau:** *"Cái này **không** phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".*

43) *Này Susìma, thấy như vậy, **vị Đa văn Thánh đệ tử** nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

Này Susìma, Ông có thấy chăng: "Do duyên sanh, già chết sanh khởi"?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

44). ..

45) *"Do duyên thủ, hữu sanh khởi?" Này Susmìa, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

46) *Này Susìma, Ông có thấy chăng: "Do duyên ái, thủ sanh khởi"?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

47) *"Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên hành thức sanh khởi. Do duyên vô minh, hành sanh khởi". Này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

48) *"**Do sanh diệt, già chết diệt**", này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

49) *"**Do hữu diệt, nên sanh diệt**", này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

50) *"Do thủ diệt, nên hữu diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do danh sắc diệt, nên sáu xứ diệt. Do thức diệt, nên danh sắc diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do vô minh diệt, nên hành diệt!". Này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

51) ***Nhưng này, biết như vậy, thấy như vậy, Ông có chứng được các thần thông nhiều loại sai khác:*** Một thân hiện ra nhiều thân; nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

52) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với <u>thiên nhĩ</u> thanh tịnh siêu nhân, Ông có thể nghe hai loại tiếng, tiếng chư Thiên và tiếng loài Người, tiếng xa và tiếng gần?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

53) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, <u>với tâm của mình biết được tâm</u> của chúng sanh sai khác, của loài Người sai khác. Với tâm có tham, Ông biết được tâm có tham... với tâm không giải thoát, Ông biết được là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, Ông biết được là tâm giải thoát?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

54) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, Ông có thể <u>nhớ được nhiều đời quá khứ</u> sai khác. Như một đời... (như trên)... Ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác cùng với các nét đại cương và các chi tiết?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

55) *Này Susìma, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, với <u>thiên nhãn</u> thanh tịnh siêu nhân, Ông có thể thấy các chúng sanh chết đi sanh lại... Ông có thể biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

56) *Này Susma, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, có phải sau khi vượt khỏi các sắc pháp, với thân cảm thọ vô sắc pháp Ông an trú với tịch tịnh giải thoát?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

57) *Nay ở đây, này Susìma, với câu trả lời như vậy, với những pháp này không chứng được, này Susìma, có phải Ông không làm được điều này?*

VI

58) Rồi Tôn giả Susìma cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Một tội lỗi con đã vi phạm, bạch Thế Tôn, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. ***Con đã xuất gia như một người ăn trộm pháp*** *trong Pháp và Luật khéo giảng này. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai!*

59) Này Susìma, thật sự Ông đã phạm tội, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện, Ông đã xuất gia như người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này.

60) *Ví như, này Susìma, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho vua và thưa: "Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muốn". Vua ấy nói như sau: "Các Ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt về phía sau, cạo đầu người ấy đi, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngả ba này đến ngả ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam".*

Những người kia vâng theo lời vua dạy, lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngả ba này tới ngả ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam.

61) *Này Susìma, Ông nghĩ thế nào? Người ấy do nhân duyên như vậy có cảm thọ khổ ưu hay không?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

62) *Này Susìma, dù cho người ấy do nhân duyên như vậy cảm thọ khổ ưu, hay không cảm thọ khổ ưu, thời*

sự xuất gia với tư cách ăn trộm pháp *trong Pháp và Luật khéo thuyết này, do nhân duyên ấy phải rơi vào và chịu đựng khổ báo còn kịch liệt hơn và quả báo còn đau đớn hơn.*

63) Này Susìma, Ông thấy phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ, nên chúng ta chấp nhận tội ấy cho Ông. Này Susìma, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi thấy được phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai.

70 Giải thoát khỏi cái gọi là sắc, thọ.. - Kinh AGGIVACCHAGOTTA – 72 Trung II, 313

KINH AGGIVACCHAGOTTA

(Aggivacchagotta suttam)

– Bài kinh số 72 –* Trung *II, 313

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài

ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một,

chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy

là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

... (như trên)...

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư

vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

– Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết- bàn.

Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... (như trên)... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Như Lai có tồn tại sau khi chết"... "Như Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Này Vaccha, nghĩ rằng: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. **Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại**

này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, **đây là điều Như Lai đã thấy**: *"Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt"*. **Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.**

– Thưa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". *Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại,*

nay đã biến mất nơi tôi.

– Này Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Này Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác. Và này Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn. Này Vaccha, Ông nghĩ thế nào? *Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?"*

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".

– Nhưng nếu, này Vaccha, có người hỏi Ông như sau: *"Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?"*, nếu được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời như thế nào?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do

duyên nhiên liệu cỏ và củi".

– Này Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".

– Này Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: *"Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?",* được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, này Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.

– Cũng vậy, này Vaccha, do **sắc** pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **sắc**, này Vaccha, là Như Lai, thâm

sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do **thọ** này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **thọ**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương**,** khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do **tưởng** này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, tưởng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **tưởng**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do những **hành** này nhờ đó mà một người nhận

biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi những cái gọi là **hành**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng.

Do **thức** này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt được tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng,** không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh

chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại **lõi cây**.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

71 Giới, tâm, kiến, giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần - Kinh CÁC VỊ SÀPÙGIYÀ – Tăng II, 193

CÁC VỊ SÀPÙGIYÀ – *Tăng* II, 193

1. Một thời, Tôn giả Ànanda trú ở giữa các dân chúng Koliya tại một thị trấn các Koliya tên là Sàpùgà. Rồi rất nhiều Koliya tử ở Sàpùgà đi đến Tôn giả Ànanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ànanda rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ànanda nói với các Koliya tử ấy ở Sàpùgà:

- Này các Vyagghapajjà, có bốn thanh tịnh tinh cần chi phần này được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh, để vượt qua sầu bi, để chấm dứt khổ ưu, để đạt đến chánh lý, để chứng ngộ Niết-bàn. Thế nào là bốn?

- **Giới** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Tâm** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Kiến** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Giải thoát** thanh tịnh tinh cần chi phần.

2. *Và này các Vyagghapajjà, thế nào là **giới** thanh tịnh tinh cần chi phần?*

Ở đây, này Vyagghapajjà, Tỷ-kheo có giới …, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này các Vyagghapajjà, đây gọi là giới thanh tịnh; với lời nguyền: "Nếu giới thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu giới thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là giới thanh tịnh tinh cần chi phần.

Và này các Vyagghapajjà, thế nào là ***tâm** thanh tịnh tinh cần chi phần*?

3. Ở đây, này các Vyagghapajjà, vị Tỷ-kheo ly các dục … chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Vyagghapajjà, đây gọi là tâm thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu tâm thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu tâm thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là tâm thanh tịnh tinh cần chi phần.

4. *Và này các Vyagghapajjà, thế nào là* ***kiến** thanh tịnh tinh cần chi phần*?

Ở đây, này các Vyagghapajjà, Tỷ-kheo như thật quán tri: "**Đây là khổ";** như thật quán tri: "Đây là khổ tập"; như thật quán tri: "Đây là khổ diệt"; như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Này Vyagghapajjà, đây gọi là kiến thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu kiến thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu kiến thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là kiến thanh tịnh tinh cần chi phần.

5. *Và này các Vyagghapajjà, thế nào là **giải thoát** thanh tịnh tinh cần chi phần?*

Vị Thánh đệ tử nào, này các Vyagghapajjà, thành tựu với giới thanh tịnh tinh cần chi phần này, thành tựu với tâm thanh tịnh tinh cần chi phần này, thành tựu với kiến thanh tịnh tinh cần chi phần này, tâm được ly tham đối với các pháp hấp dẫn, tâm được giải thoát đối với các pháp cần được giải thoát. Vị ấy, sau khi tâm được ly tham đối với các pháp hấp dẫn, tâm được giải thoát đối với các pháp cần được giải thoát, cảm xúc chánh giải thoát. Này các Vyagghapajjà, đây gọi là giải thoát thanh tịnh. **Với lời nguyện**: *"Nếu giải thoát thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho*

đầy đủ. Nếu giải thoát thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần.

Bốn thanh tịnh tinh cần chi phần này, này các Vyagghapajjà, đã được Thế Tôn, bậc đã biết đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh, để vượt qua sầu bi, để chấm dứt khổ ưu, để chứng đắc chánh lý, để chứng ngộ Niết-bàn!

72 Hiểu sai lầm - Ác tà kiến về bậc Alahán - Kinh Yamaka – Tương III, 199

Yamaka – *Tương* III, 199

1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú tại Sàvatthi, Jetavena, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: *"Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".*

3) Nhiều Tỷ-kheo nghe Tỷ-kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".*

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Yamaka:

- Có thật chăng, này Hiền giả Yamaka, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

6) - Này chư Hiền, tôi đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp như vầy: "Như ta hiểu lời Thế Tôn... sau khi chết".

7) - Chớ có nói vậy, Hiền giả Yamaka! Chớ có xuyên tạc Thế Tôn! Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt lành. Thế Tôn không có nói như sau: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

8) Dầu được các Tỷ-kheo ấy nói như vậy, Tôn giả Yamaka vẫn kiên trì, kiên cố chấp nhận ác tà kiến ấy, nói rằng: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

9) Vì rằng các Tỷ-kheo không thể làm cho Tôn giả Yamaka rời bỏ ác tà kiến ấy, các Tỷ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, thưa với Tôn giả Sàriputta:

- Tỷ-kheo Yamaka, thưa Hiền giả Sàriputta, có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết". Lành thay, nếu Tôn giả Sàriputta vì lòng lân mẫn đi đến Tỷ-kheo Yamaka.

10) Tôn giả Sàriputta im lặng nhận lời.

11) Rồi Tôn giả Sàsriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

12) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Yamaka:

- Có thật chăng, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp... không còn gì nữa sau khi chết ".

13) - Thưa Hiền giả, tôi hiểu như vậy lời Thế Tôn thuyết pháp: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết ".

14) - *Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, **sắc** là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, này Hiền giả.

15-18) Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, này Hiền giả.

19-20) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: ***"Ta đã được giải thoát"***. Vị ấy biết rõ: ***"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".***

21) *Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai là **sắc** không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

22-26) - *Hiền giả có quán Như Lai là **thọ**... **tưởng**... **hành**... **thức** không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

27) *Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai ở trong **sắc** không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

- Hiền giả có quán Như Lai ở ngoài sắc không?

- Thưa không, này Hiền giả.

28) *Hiền giả, có quán Như Lai ở trong **thọ** không?...*

20) *Hiền giả có quán Như Lai ở trong* ***tưởng*** *không?...*

30) *Hiền giả có quán Như Lai ở trong* các **hành** *không?...*

31) *Hiền giả có quán Như Lai ở trong* ***thức*** *không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

- Hiền giả có quán Như Lai là ngoài ***thức*** *không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

32) *Hiền giả nghĩ thế* nào, *Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai* là *sắc, thọ, tưởng*, hành, *thức không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

33) *Hiền giả nghĩ thế* nào, *Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán cái không sắc, không thọ, không tưởng, không hành, không thức là Như Lai không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

34) -*Và ở đây, Hiền giả Yamaka, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không thể tìm được một Như Lai thường chơn, thường trú, thời hợp lý chăng khi Hiền giả trả lời: "Như ta đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại*

mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ tận diệt, không còn gì nữa sau khi chết".

35) -Trước đây tôi **vô trí** nên có ác tà kiến ấy. Nay sau khi nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ác tà kiến ấy được đoạn trừ, và pháp được tôi hoàn toàn chứng tri.

36) -*Hiền giả Yamaka, nếu có người hỏi Hiền giả: "Hiền giả Yamaka, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận,* ***sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì****?"; được hỏi như vậy, Hiền giả Yamaka, Hiền giả trả lời như thế nào?*

37) -Thưa Hiền giả, nếu có người hỏi tôi: "Này Hiền giả Yamaka, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì?"; được hỏi như vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời: "Sắc là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diệt. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diệt". Được hỏi vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời như vậy.

38-39) -Lành thay, lành thay, Hiền giả Yamaka! Hiền giả Yamaka, ta sẽ cho Hiền giả một **ví dụ** để ý nghĩa này được hiểu rõ thêm nữa.

Ví như, này Hiền giả Yamaka, một người gia chủ hay con của người gia chủ, là nhà hào phú, tiền nhiều,của nhiều, lại được bảo vệ. Rồi có người đến, muốn điều bất lợi, muốn điều bất hạnh, muốn điều bất an, muốn đoạt mạng sống người kia. Người ấy suy nghĩ: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. ***Thật không dễ gì đoạt mạng sống nó bằng sức mạnh. Vậy ta hãy tìm cách xâm nhập rồi sẽ đoạt mạng sống****". Người ấy đi đến người gia chủ hay con của người gia chủ kia, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, tôi xin được hầu hạ Tôn giả". Người gia chủ hay con của người gia chủ kia chấp nhận cho người ấy hầu hạ. Người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái. Người gia chủ hay con của người gia chủ kia tin tưởng người ấy, xem người ấy như thân hữu, tin tưởng người ấy, xem như tâm hữu, và đặt lòng tín cẩn vào người ấy. Này Hiền giả, khi người ấy đã tin tưởng rằng: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này đã tín cẩn ta", khi bắt gặp người con của gia chủ ở một chỗ thanh vắng, liền lấy con dao sắc bén, đoạt mạng sống người con của gia chủ.*

40) *Hiền giả Yamaka, Hiền giả nghĩ thế nào? Khi người ấy đến với người gia chủ hay con của người gia chủ kia và nói: "Thưa Tôn giả, tôi muốn hầu hạ*

Tôn giả"; khi ấy người ấy có phải là kẻ giết người không? Và dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người".

41) *Khi người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái, khi ấy dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người".*

- Thưa vâng, này Hiền giả.

42-43)- Cũng vậy, này Hiền giả, ***kẻ vô văn phàm phu***, không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, **quán sắc như là tự ngã**, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

44) "Sắc là **vô thường**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô thường"; "Thọ là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thọ là vô thường"; "Tưởng

là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Tưởng là vô thường"; "Các hành là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Các hành là vô thường"; "Thức là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô thường".

45) "Sắc là **khổ**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là khổ"; "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Các hành là khổ"... "Thức là khổ", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là khổ".

46) "Sắc là **vô ngã**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"; "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Các hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô ngã".

47) "Sắc là **hữu vi**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"; "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Các hành là hữu vi"; "Thức là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là hữu vi".

48) "Sắc là **kẻ giết người**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"; "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng là kẻ giết người"... "Các hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người ".

49) **Người ấy đến với sắc, chấp thủ, nhiếp trì:** "Sắc là tự ngã của ta". Người ấy đến với thọ... với tưởng... với các hành... người ấy đến với thức, chấp thủ và nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta". **Năm thủ uẩn** này được người ấy đi đến chấp thủ, sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu dài cho người ấy.

50) Này Hiền giả, ***bậc Đa văn Thánh đệ tử*** thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

51) "Sắc là **vô thường**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô thường"; "Thọ là vô thường"... "Tưởng là vô thường"... "Các hành là vô thường"... "Thức là vô thường", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô thường".

52) "Sắc là **khổ**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là khổ"... "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Các hành là khổ"... "Thức là khổ", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là khổ".

53) "Sắc là **vô ngã**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"... "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Các

hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô ngã".

54) "Sắc là **hữu vi**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"... "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Các hành là hữu vi"... "Thức là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là hữu vi".

55) "Sắc là **kẻ giết người**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"... "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng là kẻ giết người"... "Các hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người".

56) **Vị ấy không đến với sắc**, không chấp thủ, không nhiếp trì: "Sắc là tự ngã của ta". Không đến với thọ... với tưởng... với các hành... Không đến với thức, không chấp thủ, không nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta". Đối với **năm thủ uẩn** này, vị ấy không đi đến, không chấp thủ, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho vị ấy trong một thời gian dài.

57) -Như vậy, này Hiền giả Sàriputta, các Tôn giả ấy có được người như Hiền giả làm đồng Phạm hạnh, có lòng lân mẫn như vậy, muốn họ được hạnh phúc như vậy, bậc giáo giới như vậy, bậc giảng dạy như vậy.

58) Và nay, sau khi được nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

73 Hãy như thật quán sắc là vô thường...- Kinh Hỷ Được Đoạn Tận 1 – Tương III, 99

Hỷ Được Đoạn Tận 1 – *Tương* III, 99

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, **khi một Tỷ-kheo thấy sắc vô thường là vô thường; đấy là chánh tri kiến của vị ấy**. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yếm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là **vị đã khéo giải thoát**.

4-6) Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thấy thọ vô thường là vô thường... tưởng vô thường... các hành vô thường...

7) Này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo thấy thức vô thường là vô thường; đấy là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yếm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, nên hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là vị đã được khéo giải thoát.

Hỷ Được Đoạn Tận 2 – *Tương* III, 99

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Hãy như lý tác ý sắc**, này các Tỷ-kheo, **hãy như thật quán (**samanupassati**) sắc là vô thường**. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý sắc, như thật quán sắc là vô thường, vị ấy yếm ly đối với sắc. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. **Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát**, vị ấy được gọi là **vị đã được khéo giải thoát**.

4) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thọ... tác ý tưởng... tác ý các hành...

5) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thức, như thật quán thức là vô thường, vị ấy yếm ly đối với thức. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là đã được khéo giải thoát

74 Hãy phá tan, phá vở, phá sập không chơi với 5u, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đvới 5 uẩn - Kinh Chúng Sanh – Tương III, 331

Chúng Sanh – *Tương* III, 331

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- ***"Chúng sanh, chúng sanh"****, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là chúng sanh?*

4) -- Này Ràdha, **dục** nào (chanda), **tham** nào, **hỷ** nào, khát **ái** nào đối với **sắc**, triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh (sattà).

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với **thức**, triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh.

9) *Ví như, này Ràdha, các đứa con trai hay các đứa con gái* ***chơi với cái nhà bằng đất****. Cho đến khi đối với những nhà bằng đất ấy, lòng tham* ***chưa*** *thoát ly,*

*lòng dục chưa thoát ly, lòng ái chưa thoát ly, lòng khát chưa thoát ly, lòng nhiệt tình chưa thoát ly, lòng khát ái chưa thoát ly, **thời chúng còn tham dính vào,** thích chơi, chất chứa, và đắm trước những nhà bằng đất ấy.*

*10) Nhưng khi nào các đứa con trai hay các đứa con gái ấy đối với những nhà bằng đất kia, lòng **tham** **đã** thoát ly, lòng **dục** đã thoát ly, lòng **ái** đã thoát ly, lòng **khát** đã thoát ly, lòng **nhiệt tình** đã thoát ly, lòng **khát ái** đã thoát ly, **thời với tay và với chân, chúng phá tan**, phá vỡ, phá sập, không chơi với những căn nhà bằng đất ấy.*

11) Cũng vậy, này Ràdha, **Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với sắc**, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với **sắc**.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập và không chơi với **thức**, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với **thức**.

16) **Đoạn diệt khát ái,** này Ràdha, **là Niết-bàn**.

75 Hãy sống nhàm chán nhiều đối với sắc... - Kinh Thiện Nam Tử Khổ – Tương III, 317

Thiện Nam Tử Khổ – *Tương* III, 317

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo, đây là thuận pháp (anudhammam): **Hãy sống nhàm chán nhiều đối với sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**, hãy sống nhàm chán nhiều đối với **thức**.

4) Ai sống nhàm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, ai sống nhàm chán nhiều đối với thức thời sẽ biến tri sắc... thọ... tưởng... các hành, biến tri thức.

5) Vị nào biến tri **sắc**, biến tri **thọ**, biến tri **tưởng**, biến tri các **hành**, biến tri **thức**, thời được giải thoát khỏi sắc, được giải thoát khỏi thọ, được giải thoát khỏi tưởng, được giải thoát khỏi các hành, được giải thoát khỏi thức, được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

XII. Thiện Nam Tử Khổ - *Tương* III, 318

(Như kinh trên, chỉ khác là "thấy vô thường" thay thế "sống nhàm chán").

XIII. Thiện Nam Tử Khổ - *Tương* III, 318

(Như kinh trên, ở đây chỉ khác là "thấy vô ngã").

76 Hãy tu tập Vô tướng thiền định - Kinh Người Khất Thực – Tương III, 168

Người Khất Thực – *Tương* III, 168

1) Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ),ở vườn Cây Bàng (Nigrodhàràma)

2) Rồi Thế Tôn nhân một lỗi lầm, sau khi quở trách chúng Tỷ-kheo Tăng, đắp y vào buổi sáng, cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu để khất thực.

3) Đi khất thực ở Kapilavatthu xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, Thế Tôn đi đến Mahàvana (Đại Lâm) để nghỉ buổi trưa. Sau khi đi sâu vào rừng Mahàvana, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây veluvalatthikà.

4) Trong khi Thế Tôn độc cư Thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên:

5) *"Chúng Tỷ-kheo đã được Ta làm cho vững mạnh. Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ, có thể thay đổi, đổi khác.*

6) *Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hột giống non, nếu không có nước có thể đổi khác, biến đổi.*

7) *Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không được bao lâu, mới đến trong Pháp Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Ta giúp đỡ, cũng vậy, nay Ta hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo! "*

8) Rồi Phạm thiên Sahampati, với tâm của mình biết được tư niệm của Thế Tôn, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay duỗi ra, cũng vậy, biến mất từ Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thế Tôn.

9) Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn làm cho vững mạnh.

10) Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp Luật này. Nếu họ

không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ có thể đổi khác, biến đổi.

11) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước, có thể đổi khác, biến đổi.

12) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi.

13) Bạch Thế Tôn, Thế Tôn **hãy làm cho chúng Tỷ-kheo hoan hỷ**. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn **hãy thuyết giảng cho chúng Tỷ-kheo như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ**, cũng vậy, nay Thế Tôn hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo!

14) Thế Tôn im lặng nhận lời.

15) Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

16) Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến vườn Cây Bàng, sau khi đến, ngồi xuống

trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nghĩ rằng: ***"Ta hãy thị hiện thần thông một cách khiến cho** các vị Tỷ-kheo ấy đến Ta từng nhóm một hay hai người, <u>với tâm có tội lỗi</u>".*

17) Và các Tỷ-kheo ấy đến Thế Tôn, từng nhóm một hay hai người, với tâm có tội lỗi; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

18) Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

- Này các Tỷ-kheo, **đây là nghề sinh sống hèn hạ nhất, tức là nghề khất thực**. Đây là một lời nguyền rủa trong đời, này các Tỷ-kheo, khi nói: "Ông, kẻ khất thực với bát trên bàn tay, Ông đi chỗ này, chỗ kia và đấy là nghề sinh sống". Này các Tỷ-kheo, điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị sống <u>vì lý tưởng mục đích</u>, duyên với lý tưởng mục đích; không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống, mà với ý nghĩ: *"Ta bị chìm đắm trong sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; bị chìm đắm trong đau khổ, bị đoanh vây bởi đau khổ. Rất có thể, sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này được tìm ra".*

19) Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là thiện gia nam tử xuất gia. Vị ấy <u>có</u> tham dục đối với các dục vọng,

tham ái cuồng nhiệt, tâm tư sân hận, tư niệm ô nhiễm, thất niệm, không tỉnh giác, không định tỉnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, **một que củi từ chỗ hỏa táng, cả hai đầu đều cháy, ở giữa lại dính phân**, không được dùng làm củi trong làng, không được dùng làm củi trong rừng. Dùng ví dụ ấy, Ta tả cho các Ông con người ấy, **đã mất cả nhà và tài sản, lại không làm viên mãn mục đích của Sa-môn hạnh**.*

20) Này các Tỷ-kheo, có ba bất thiện tầm này: dục tầm, sân tầm, hại tầm. Và này các Tỷ-kheo, ba bất thiện tầm này được đoạn diệt không có dư tàn, đối với vị nào tâm đã khéo an trú vào **bốn Niệm xứ** hay tu tập **vô tướng Thiền định**.

21) Này các Tỷ-kheo, **hãy khéo tu tập vô tướng Thiền định**. Này các Tỷ-kheo, vô tướng Thiền định được tu tập, làm cho tăng thịnh, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn.

22) Này các Tỷ-kheo, có hai kiến này: hữu kiến, phi hữu kiến. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: *"Có cái gì ở trong đời, ta chấp trước mà không có phạm tội?"*

23) Và vị ấy biết: **"Không có cái gì ở trong đời ta chấp trước mà không có phạm tội"**. Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ sắc... thọ... tưởng... các hành... Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ thức, do duyên chấp thủ, hữu trở thành của ta. Do duyên hữu, có sanh. Do sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

24) Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, **sắc** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

25-28) Thọ... Tưởng... Hành... Thức....

Thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải

thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

77 Hãy từ bỏ nó - Kinh Dục Tham – Tương III, 56

Dục Tham – *Tương* III, 56

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Dục và tham (chandaràga) đối với sắc, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

4) Dục và tham đối với thọ, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thọ ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

5) Dục và tham đối với tưởng...

6) Dục và tham đối với các hành...

7) Dục và tham đối với thức, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

78 Hãy đoạn trừ lòng dục đối với 5 uẩn - Kinh Dục Được Đoạn Trừ – Tương III, 287

Dục Được Đoạn Trừ – *Tương* III, 287

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, phàm có **dục** nào, **tham** nào, **hỷ** nào, khát **ái** nào đối với sắc, hãy đoạn trừ nó. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

4-6) Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

7) Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thức, hãy đoạn trừ nó. Như vậy, thức sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

Dục Được Đoạn Trừ – *Tương* III, 288

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, phàm có **dục** nào, **tham** nào, **hỷ** nào, khát **ái** nào, phàm có những **chấp** thủ phương tiện, tâm **thủ** trước, thiên chấp tùy **miên** nào đối với sắc... hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ...

4-6)... Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

7) Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đối với thức, hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

79 Hý luận một vấn đề không thuộc về hý luận - Kinh KOTTHITA – Tăng II, 123

KOTTHITA – *Tăng* II, 123

1. Rồi Tôn giả Mahàkotthita đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón thăm hỏi … ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàkotthita thưa với Tôn giả Sàriputta:

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

2.- Thưa Hiền giả, khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa", Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả". Khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa", Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả". Khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, có và không có một cái gì khác nữa", Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả". Sau khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không có và không không có một cái gì khác nữa", Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả". Thưa Hiền giả, như thế nào cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?

3.-

- *"Thưa Hiền giả, Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa!"*, ***nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận***.

- *"Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ... không có dư tàn, không có cái gì khác nữa!", nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.*
- *"Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ... không có dư tàn, còn cái gì và không còn cái gì khác nữa!", nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.*
- *"Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ... không có dư tàn, không còn cái gì và không không còn cái gì!", nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.*

Thưa Hiền giả, ***cho đến khi nào có sự đi đến sáu xúc xứ, cho đến khi ấy có sự đi đến hý luận. Cho đến khi nào có sự đi đến hý luận, cho đến khi ấy có sự đi đến sáu xúc xứ.***

Thưa Hiền giả, ***do sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, hý luận được đoạn diệt, hý luận được chỉ tịnh.***

4. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Tôn giả Mahàkotthita, sau khi đến, nói với Tôn giả Mahàkotthita những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda nói với Tôn giả Mahàkotthita:

- Thưa Hiền giả, do sự đoạn diệt ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, có phải còn có vật gì khác?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

.. (giống như đoạn trước, khi Sàriputta trả lời cho Mahàkotthita) … cho đến hý luận được chỉ tịnh ".

80 Hý luận từ đâu sanh khởi - Kinh MẬT HOÀN – 18 Trung I, 247

KINH MẬT HOÀN

(Madhupindikasuttam)

– Bài kinh số 18 – *Trung* I, 247

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Thế Tôn sống giữa các vị dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở vườn Nigrodharama. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi khất thực ở Kapilavatthu, khi ăn xong, trên đường khất thực trở về, Thế Tôn đi đến Đại Lâm để nghỉ trưa. Sau khi vào rừng Đại Lâm, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới gốc cây beluvalatthika. Có vị Gậy cầm tay Sakka (Thích-ca), kéo bộ khắp nơi, ngao du thiên hạ, đến tại rừng Đại Lâm, đi sâu vào ngôi rừng, đến tại Beluvalatthika chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu, rồi đứng một bên, dựa trên cây gậy, đứng một bên. Gậy cầm tay Sakka nói với Thế Tôn:

- "Sa-môn có quan điểm thế nào, giảng thuyết

những gì?"

- *"Này Hiền giả, theo lời dạy của Ta, trong thế giới với chư Thiên, Mara và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời; các tưởng sẽ không ám ảnh vị Bà-la-môn sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu. Này Hiền giả, như vậy là quan điểm của Ta, như vậy là lời Ta giảng dạy"*. Khi nghe nói vậy, Gậy cầm tay Sakka lắc đầu, liếm lưỡi, với trán nổi lên ba đường nhăn, chống gậy rồi đi.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến vườn Nigrodha, khi đến xong, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, ở đây, Ta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi khất thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường khất thực trở về, Ta đi đến Đại Lâm để nghỉ trưa. Sau khi vào rừng Đại Lâm, Ta ngồi nghỉ trưa dưới gốc cây beluvalatthika. Có vị Gậy cầm tay Sakka kéo bộ khắp nơi, ngao du thiên hạ, đến tại rừng Đại Lâm, đi sâu vào ngôi rừng, đến tại Beluvalatthika chỗ Ta ở,

khi đến xong, nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu, rồi đứng một bên, dựa trên cây gậy. Đứng một bên, Gậy cầm tay Sakka nói với Ta như sau: "Sa-môn có quan điểm thế nào, giảng thuyết những gì?" Chư Tỷ-kheo, được nói vậy, Ta trả lời Gậy cầm tay Sakka: "Này Hiền giả, theo lời Ta dạy trong thế giới với chư Thiên, Mara, và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời. Các tưởng sẽ không ám ảnh vị Bà-la-môn sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu. Này Hiền giả, như vậy là quan điểm của Ta, như vậy là lời Ta giảng dạy". Khi nghe nói vậy, Gậy cầm tay Sakka lắc đầu, liếm lưỡi, với trán nổi lên ba đường nhăn, chống gậy rồi đi.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nhưng bạch Thế Tôn, lời dạy ấy là gì mà Thế Tôn, trong thế giới với chư Thiên, Mara và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời? Các tưởng sẽ không ám ảnh Thế Tôn, vị đã sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu?

– Này Tỷ-kheo, *do bất cứ nhân duyên gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người.* ***Nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham*** *tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy bước vào tịnh xá. Sau khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy tóm tắt này cho chúng ta, không giải thích rộng rãi ý nghĩa, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Nay ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa". Rồi những Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay có Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca- chiên-diên) là vị được Thế Tôn tán dương và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa

lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này".

Rồi những Tỷ-kheo ấy đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao với Tôn giả Mahakaccana rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– "Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy tóm tắt này và không giải thích rõ ràng ý nghĩa, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn".

Này Hiền giả Mahakaccana, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, chúng tôi suy nghĩ: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy vắn tắt này cho chúng ta... đã đi vào tịnh xá:" Do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy mà Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt... không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Này Hiền giả Mahakaccana, rồi chúng tôi suy nghĩ: "Nay Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời

giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, chúng ta hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này. Tôn giả Mahakaccana sẽ giải thích cho".

– Chư Hiền, cũng như một người ưa thích lõi cây, tìm tòi lõi cây, đi khắp mọi nơi tìm lõi cây, đến một cây to lớn, đứng thẳng và có lõi cây. Người này bỏ qua rễ, bỏ qua thân cây, nghĩ rằng phải tìm lõi cây ở nơi cành lá. Cũng vậy là hành động của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, quý vị bỏ qua Thế Tôn, nghĩ rằng phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy, Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Brahma, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Quý vị phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho quý vị, quý vị hãy như vậy thọ trì.

– Hiền giả Mahakaccana, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy, Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Brahma, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi

Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho chúng tôi, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Mong Tôn giả Mahakaccana hãy giải thích không có sự gì bất kính.

– Vậy chư Hiền hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ giảng.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahakaccana. Tôn giả Mahakaccana giảng như sau:

– Chư Hiền, Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt lời dạy này... và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo bất cứ vì nhân duyên gì... không còn dư tàn". Chư Hiền, với lời dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Tôi hiểu ý nghĩa một cách đầy đủ như sau:

– *Chư Hiền, do nhơn con mắt và các sắc pháp, nhãn thức khởi lên.*

– *Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.*

- *Do duyên xúc nên có cảm thọ.*
- *Những gì có cảm thọ thời có tưởng,*
- *Những gì có tưởng thời có suy tầm,*
- *Những gì có suy tầm thì có hý luận.*
- *Do hý luận ấy làm nhơn, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, đối với các sắc pháp do con mắt nhận thức, quá khứ, tương lai và hiện tại.*

Chư Hiền, do nhơn lỗ tai và các tiếng, nhĩ thức khởi lên... do nhơn lỗ mũi và các hương, tỷ thức khởi lên... do nhơn lưỡi và các vị, thiệt thức khởi lên... do nhơn thân và xúc, thân thức khởi lên;

- *Do nhơn ý và các pháp, ý thức khởi lên.*
- *Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.*
- *Do duyên xúc nên có các cảm thọ.*
- *Những gì có cảm thọ thời có tưởng.*
- *Những gì có tưởng thời có suy tầm.*
- *Những gì có suy tầm thời có hý luận.*
- *Do hý luận ấy làm nhơn, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, đối với các pháp do ý thức nhận thức, quá khứ, tương lai, hiện tại.*

- Chư Hiền, sự kiện này xảy ra: khi nào có mắt, khi nào có sắc pháp, khi nào có nhãn thức, thời sự thi thiết của xúc được hiển lộ.
- Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của xúc thời sự thi thiết của thọ được hiển lộ.
- Sự kiện này xảy ra: khi nào có thi thiết của thọ thời sự thi thiết của tưởng được hiển lộ.
- Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của tưởng, thời sự thi thiết của suy tầm được hiển lộ.
- Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của suy tầm thời sự thi thiết của sự ám ảnh một số hý luận vọng tưởng được hiển lộ.

Sự kiện này xảy ra: khi nào có tai, khi nào có các tiếng, khi nào có nhĩ thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có lỗ mũi, khi nào có các hương, khi nào có tỷ thức...

Sự kiện này xảy ra, khi nào có lưỡi, khi nào có các vị, khi nào có thiệt thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có thân, khi nào có các xúc, khi nào có thân thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có ý, khi nào có các

pháp, khi nào có ý thức thời sự thi thiết của xúc được hiển lộ.

– Chư Hiền, sự kiện này **không** xảy ra: khi nào không có mắt, khi nào không có các sắc, khi nào không có nhãn thức, sự thi thiết của xúc được hiển lộ.

– Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của xúc, sự thi thiết của thọ được hiển lộ.

– Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của thọ, sự thi thiết của tưởng được hiển lộ.

– Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của tưởng, sự thi thiết của suy tầm được hiển lộ.

– Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của suy tầm, thời sự thi thiết của sự ám ảnh một số hý luận vọng tưởng được hiển lộ.

Chư Hiền, sự kiện này không xảy ra: khi nào không có tai, khi nào không có các tiếng... khi nào không có mũi, khi nào không có các hương... khi nào không có lưỡi, khi nào không có các vị... khi nào không có thân, khi nào không có các xúc ... Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có ý, khi nào không

có các pháp, khi nào không có ý thức, sự thi thiết của xúc được hiển lộ...

Chư Hiền, Thế Tôn, sau khi nói lên lời dạy một cách vắn tắt... đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không dư tàn". Chư Hiền, đối với lời dạy Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt này, và nghĩa lý không được giải thích một cách rộng rãi, tôi đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. *Nếu quý vị muốn, hãy đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, hãy hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải đáp như thế nào, hãy như vậy thọ trì.*

Rồi những Tỷ-kheo ấy, hoan hỷ, tùy hỷ lời Tôn giả Mahakaccana nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nói lên lời dạy này một cách vắn tắt cho chúng con... đã vào tịnh xá. "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói cho chúng ta lời dạy tóm tắt này, không giải thích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên

gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn". Nay ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Bạch Thế Tôn, và chúng con suy nghĩ: "Nay có Tôn giả Mahakaccana là vị được Thế Tôn tán dương và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến sẽ hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, chúng con hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này. *Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mahakaccana đã giải thích ý nghĩa ấy cho chúng con với những phương pháp này, với những văn cú này, với những văn tự này.*

– Chư Tỷ-kheo, Tôn giả Mahakaccana là bậc Hiền trí. Chư Tỷ-kheo, Tôn giả Mahakaccana là bậc Đại tuệ. Chư Tỷ-kheo, nếu các Người hỏi Ta ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như Mahakaccana đã trả lời. Như vậy là chính nghĩa lời dạy ấy, hãy như vậy thọ trì.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, như một người bị đói lả và mệt mỏi, tìm được một bánh mật, cứ mỗi miếng vị ấy được nếm, cứ mỗi miếng vị ấy được thưởng thức vị ngọt thuần nhất. Bạch Thế Tôn, cũng vậy, Tỷ-kheo có tri thức biệt tài, cứ mỗi phần suy tư đến ý nghĩa pháp môn này với trí tuệ, cứ mỗi phần vị ấy được thưởng thức sự hoan hỷ, được thưởng thức sự thỏa mái tâm trí. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Do vậy, này Ananda, pháp môn này được gọi là pháp môn bánh mật (Mật hoàn). Hãy như vậy thọ trì!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn

81 Hữu tình chúng sanh do ai tạo tác - Do uẩn quy tụ, thông tục gọi là chúng sanh - Kinh Vajirà – Tương I, 297

Vajirà – *Tương* I, 297

1) Ở tại Sàvatthi. Tỷ-kheo-ni Vajirà vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về, Tỷ-kheo-ni Vajirà đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày, đi sâu vào rừng Andha và ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Vajirà run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ Thiền định, liền đi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Vajirà:

3) Do ai, hữu tình này,
Được sanh, được tạo tác?
Người tạo hữu tình này,
Hiện nay ở tại đâu?
Từ đâu hữu tình sanh?
Đi đâu hữu tình diệt?

4) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

5) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà lại suy nghĩ: "Chính là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ Thiền định, nên đã nói lên bài kệ này".

6) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà biết được: "Đây là Ác ma", liền trả lời Ác ma với bài kệ:

Sao Ông lại nói hoài,
Đến hai chữ chúng sanh?
Phải chăng, này Ác ma,
Ông rơi vào tà kiến?
*Đây quy tụ các **hành**,*
Chúng sanh được hình thành,
Như bộ phận quy tụ,
Tên xe được nói lên.
*Cũng vậy, **uẩn** quy tụ,*
Thông tục gọi chúng sanh.
Chỉ có khổ được sanh,
Khổ tồn tại, khổ diệt,
Ngoài khổ, không gì sanh,
Ngoài khổ không gì diệt.

7) Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Vajirà đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

82 Không có thần lực hay uy lực để ra lệnh... - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435

CẤP THIẾT – *Tăng* I, 435

1. - Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trổ hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trổ hạt và được chín.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm. Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

- Này các Tỷ-kheo, *Tỷ-kheo ấy*, ***không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh)***: *"Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy"*.
- *Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.*

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- *"Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học.*
- *Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.*
- *Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học".*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

83 Không tìm thấy dấu vết của Như Lai - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung I, 295

KINH VÍ DỤ CON RẮN

(Alaggadupamasutttam)

– Bài kinh số 22 – *Trung* I, 295

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: *"Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì".*

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng,

khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng như sau:

– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... không có chướng ngại gì.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

- "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chướng ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như một miếng thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như bó đuốc cỏ khô... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như hố than hừng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như cơn mộng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như vật dụng cho mượn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví

như trái cây... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như lò thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như gậy nhọn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, não nhiều và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn".

Tỷ-kheo Arittha xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, chất vấn thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì".

Vì các Tỷ-kheo không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên họ đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề

huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

"– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật chăng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, nói với chúng con như sau:

"– Thật sự là vậy. Chư Hiền, theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

– "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy! Chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy, Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn, thuyết chướng đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng

nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được chúng con cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng rằng: "Hiền giả Arittha, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Hiền giả Arittha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đang ngồi xuống một bên:

– Này Arittha, có thật chăng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì"?

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chướng ngại gì.

– *Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chướng ngại?*

– *Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó đuốc cỏ khô... được ví như hố than hừng... được ví như cơn mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã*

thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– *Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.*

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Này kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp; và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo!

Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ

bị chướng ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức*, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy*. Thật sự, này các Tỷ-kheo, **sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tầm.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. *Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.*

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỷ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. *Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.*

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước.

Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đè con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đè với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học pháp... chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy.** Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và

không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: *"Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thâu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn"*. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thâu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn"*. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sở dụng của chiếc bè chăng?

– Bạch Thế Tôn, không.

– *Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sở dụng của chiếc bè?* Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc*

bè này, ta tinh tấn dùng tay chân ***đã vượt qua*** *bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn".* Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sở dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... **Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp.**

Này các Tỷ-kheo, có **sáu kiến xứ**. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem sắc pháp: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: *"Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái*

này là tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ, trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Và này chư Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục các pháp bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem sắc pháp: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi",

xem như vậy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Vị này do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật có nên không có lo âu, phiền muộn.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy, có cái không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể không gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người không nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã

là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó không sầu muộn, than vãn, khóc lóc, không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Như vậy, này Tỷ-kheo, có cái không thực có ở ngoài, không gây lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú không biến chuyển. Tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Người đó có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người không có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái để đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Vị ấy không nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Vị ấy không sầu muộn, than vãn, khóc lóc; vị ấy không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể **nắm giữ một vật sở hữu** gì, và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?*

Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ

ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể chấp thủ **Ngã luận thủ** nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?*

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có **kiến y** nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu,*

bi, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy, lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã thời có ngã sở thuộc của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ngã và ngã sở thuộc không thể được chấp nhận là thường còn, thường hằng, thì kiến xứ này: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thành thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển tôi sẽ trú như thế này cho đến

mãi mãi". *Này các Tỷ-kheo, kiến xứ ấy là hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si được!

– Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, cảm thọ là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, tưởng là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường...?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, các hành là thường hay vô thường...

- Chư Tỷ-kheo, thức là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là

tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, *bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc pháp là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.* Bất cứ cảm thọ nào... Bất cứ tưởng nào... Bất cứ hành nào... Bất cứ thức nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.

Chư Tỷ-kheo, nhờ thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui tại đây với một đời sống khác".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã vất bỏ đi các chướng ngại vật, là vị đã lấp đầy các

thông hào, là vị đã nhổ lên cột trụ, là vị đã mở tung các lề khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo *đã vất bỏ đi các chướng ngại?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, là đã đoạn trừ vô minh, cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chướng ngại.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã lấp đầy các thông hào?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ tái sanh và sự luân chuyển sanh tử, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp đầy thông hào.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã nhổ lên cột trụ?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ

khát ái, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã mở tung các lề khóa?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các lề khóa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bậc Thánh, *đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ ngã mạn, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã giải thoát như vậy, thì chư Thiên ở Đế thích Thiên giới, Phạm thiên giới, Sanh chủ giới sẽ **không tìm được dấu vết của Tỷ-**

kheo ấy, nếu nghĩ rằng: "Y ở đây, có thức của Như Lai". Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, **Ta nói ngay ở hiện tại, một Như Lai không thể tìm thấy dấu vết".**

Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn xuyên tạc Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: *"Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình"*. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy, Ta không như các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã xuyên tạc một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thật: "Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình". **Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.**

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phẫn nộ.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không thích thú.

– Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: "Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm".

⇨ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phẫn nộ.**

⇨ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú.**

⇨ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: *"Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm"*.

⇨ Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

– Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

– Chư Tỷ-kheo, thọ không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

– Chư Tỷ-kheo, tưởng không phải của các Ông, hãy từ bỏ tưởng. Các Ông từ bỏ tưởng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

– Chư Tỷ-kheo, các hành không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

– Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhành, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chăng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... (như trên)... Chư Tỷ-kheo tưởng... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, hành... Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quấn cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quấn cũ, nên những vị Tỷ-kheo, là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh**

tử) của những vị này không thể chỉ bày. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, được loại trừ các vải quấn cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các **vị hóa sanh**, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quấn cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành **bậc Nhất lai**, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quấn cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ, nên những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành **bậc Dự lưu**, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ, nên những Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả những vị này **sẽ hướng về chánh giác**, chư Tỷ-kheo, như vậy pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ khỏi các vải quấn cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quấn cũ, nên những vị nào **chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

84 Không được chấp nhận là Samôn - Kinh Sona – Tương III, 97

Sona – *Tương* III, 97

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagala (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Sona, con vị gia chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên.

3) Thế Tôn nói với Sona, con vị gia chủ, đang ngồi một bên:

4) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, không biết rõ sắc, không biết rõ (nappajananti) sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ các hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-

môn ấy, này Sona, **không những không được chấp nhận** là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị ấy trong đời sống hiện tại, cũng không tự mình chứng tri với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

5) Còn những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Sona, **không những được chấp nhận** là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, còn tự mình chứng tri với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

SaMôn – *Tương* III, 335

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Thế Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- Này Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

5) Này Ràdha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết rõ **vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly** của **năm thủ uẩn** này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các vị Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các vị Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy không thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

6) Nhưng này Ràdha, những Sa-môn, hay Bà-la-môn nào như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn giữa các vị Sa-môn, và được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các vị Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

SaMôn – *Tương* III, 336

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Này Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn... *(như kinh trên, chỉ thêm* ***sự tập khởi và sự đoạn diệt*** *vào vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn)*.

85 Kinh Cội Gốc Của Đau Khổ – Tương III, 65

Cội Gốc Của Đau Khổ – *Tương* III, 65

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về **đau khổ và cội gốc của đau khổ**. Hãy lắng nghe...

4) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là **đau khổ**?*

Sắc, này các Tỷ-kheo, là đau khổ; thọ là đau khổ; tưởng là đau khổ; các hành là đau khổ; thức là đau khổ. Đây, này các Tỷ-kheo, gọi là đau khổ.

5) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là **cội gốc của đau khổ**?*

Chính là khát ái này hướng tới tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia; tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

86 Kinh Dây Thằng – Tương III, 267

Dây Thằng 1 – Hay Dây Buộc – *Tương* III, 267

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) - **Vô thỉ**, này các Tỷ-kheo, **là sự luân hồi này**. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

4) Có thể có một thời, này các Tỷ kheo, biển lớn đi đến khô cạn, hoàn toàn đi đến khô kiệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

5) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, Sineru(Tu-di), Vua các núi, đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi!

6) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, đại địa đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự

chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển luân hồi!

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có* ***con chó bị dây thằng trói chặt vào một cây cột*** *hay cột trụ vững chắc, chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh cây cột ấy hay cột trụ ấy.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã... quán thọ như là tự ngã... quán tưởng như là tự ngã... quán các hành như là tự ngã... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

- Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... *thọ... tưởng... các hành...* Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh *thức*.
- Vì rằng người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... người ấy chạy theo vòng theo, chạy tròn xung quanh thức; người ấy không giải thoát khỏi *sắc*, không giải thoát khỏi *thọ*, không giải thoát khỏi *tưởng*, không giải thoát khỏi các *hành*, không giải thoát khỏi *thức*, không giải thoát khỏi *sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.*
- Ta tuyên bố rằng: "Vị ấy **không** giải thoát khỏi khổ đau".

8) Nhưng bậc Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, được thấy các bậc Thánh... khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

- Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức.
- Vị ấy do không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... do không chạy vòng theo, chạy vòng tròn xung quanh thức, vị ấy được giải thoát khỏi *sắc*, được giải thoát khỏi *thọ*, được giải thoát khỏi *tưởng*, được giải thoát khỏi các *hành*, được giải thoát khỏi *thức*, được giải thoát khỏi *sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.*
- Ta nói: "Vị ấy **được** giải thoát khỏi đau khổ".

87 Kinh Dây Thằng – Tương III, 269

Dây Thằng 2 – Hay Giây Buộc – *Tương* III, 269

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) - **Vô thỉ**, này các Tỷ-kheo, **là sự luân hồi này**. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

4) **Ví như,** này các Tỷ-kheo, **có con chó bị dây thằng trói chặt vào một cây cột trụ vững chắc. Nếu nó có đi, nó chỉ đi tới cây cột hay cột trụ ấy.** Nếu nó đứng, nó chỉ đứng gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó ngồi, nó chỉ ngồi gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó nằm, nó chỉ nằm gần cây cột hay cột trụ ấy.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". **Nếu người ấy có đi, người ấy chỉ đi tới năm thủ uẩn này**. Nếu người ấy đứng, người ấy chỉ đứng gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy ngồi, người ấy chỉ ngồi gần năm thủ uẩn này. Nếu

người ấy nằm, người ấy chỉ nằm gần năm thủ uẩn này.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, **tâm** này bị tham, sân, si nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. **Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".**

7) *Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy một bức họa gọi là **danh họa** không?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, bức danh họa ấy do tâm tư họa mà thành. Do vậy, này các Tỷ-kheo, **tâm còn đa dạng hơn cả danh họa ấy**.

8) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

9) Này các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một bộ loại nào khác lại đa dạng như **tâm**. Như các hữu tình thuộc loại bàng sanh; các **hữu tình thuộc loại bàng sanh** ấy, này các Tỷ-kheo, do tâm tư duy (mà thành).

Do vậy, này các Tỷ-kheo, **tâm ấy lại đa dạng hơn các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy.**

10) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài,tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

11) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một họa sĩ, nếu người ấy có thuốc nhuộm, hay lạc (?), hay nghệ, hay màu xanh, hay màu đỏ tía, hay một tấm gỗ khéo bào, hay một bức tường, hay một tấm vải. Người ấy có thể vẽ hình người đàn bà hay hình người đàn ông với đầy đủ tất cả chi tiết. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phàm phu, liên tục làm cho hiện hữu sắc... thọ... tưởng... các hành... liên tục làm cho hiện hữu thức.**

12) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

13-14) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

88 Kinh Không Phải Của Các Ông – Tương III, 67

Không Phải Của Các Ông – *Tương* III, 67

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

4) *Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?*

5) Sắc, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

6) Thọ, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

7) Tưởng, này các Tỷ-kheo...

8) Các hành, này các Tỷ-kheo...

9) Thức, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang lại cỏ, củi, cành cây, lá của Jetavana này, và đốt chúng hay tùy theo duyên sử dụng chúng. Các Ông có nghĩ rằng: "Người (ấy) mang chúng tôi, hay đốt, hay tùy theo duyên sử dụng chúng tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì cái ấy không phải chúng con. Bạch Thế Tôn, cái ấy không phải thuộc tự ngã của chúng con.

11) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **sắc** không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. **Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông**. **Thọ** không phải của các Ông... **Tưởng** không phải của các Ông. Các **hành** không phải của các Ông... **Thức** không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

89 Kinh Khổ Pháp – Tương IV, 306

Khổ Pháp – *Tương* IV, 306

1-2) ...

3) -- *Này các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết **sự tập khởi, sự chấm dứt của tất cả khổ pháp**, khi ấy, các **dục** được thấy. Khi vị ấy thấy dục (kàmà), thời dục (kàmachanda), dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các **dục** không có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp* không *có tồn chỉ.*

4) *Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là Tỷ-kheo như thật rõ biết** sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp?*

Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là **tưởng**... Đây là các **hành**... Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

5) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục?*

Khi các **dục** được thấy, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, có một **hố than sâu hơn thân người**, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có khói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lực sĩ đến, kẹp người ấy vào trong các cánh tay, và kéo người ấy đến hố than hừng. Người ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết".*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các dục**, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.*

6) *Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri?*

Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, **một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc**, trước mặt người ấy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người ấy là gai,*

phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai".

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với *sự vật gì khả ái, khả lạc*, sự vật ấy được gọi là **gai** trong giới luật của bậc Thánh.

7) ***Sau khi biết vậy,*** *này các Tỷ-kheo*, ***hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.***

8) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là được hộ trì?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ

giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có hộ trì.

10) *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy, **đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát**, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. **Chậm chạp**, này các Tỷ-kheo, **là niệm được khởi lên**. **Mau lẹ**, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm **rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ nóng cả ngày**. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức

niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"*. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo,* ***sông Hằng hướng về phía Đông****, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với xuổng, cuốc, giỏ và nói: "Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có*

thể làm cho sông Hằng hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây và nghiêng nhập vào phía Tây không?

-- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

-- *Vì sao?*

-- *Vì sông Hằng này, bạch Thế Tôn, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông; không có dễ gì làm cho hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chuốc lấy mệt mỏi và thất vọng thôi.*

13) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn. Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"*. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly; do vậy **sự hoàn tục** không xảy ra.

Khổ – *Tương* III, 282

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về **Khổ, Khổ tập khởi, Khổ đoạn diệt, Con đường đưa đến khổ đoạn diệt**. Hãy lắng nghe.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ?*

Phải trả lời là **năm thủ uẩn**. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Đây gọi là Khổ, này các Tỷ-kheo.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ tập khởi?*

Chính là **khát ái** này, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Khổ tập khởi.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ đoạn diệt?*

Chính là **sự ly tham, đoạn diệt không dư tàn khát ái** ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Khổ đoạn diệt.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Con đường đưa đến khổ đoạn diệt?*

Chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

91 Kinh NIỆM XỨ – 10 Trung I, 131

KINH NIỆM XỨ

(Satipatthanasutta)

– Bài kinh số 10 – *Trung* I, 131

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở xứ Kuru (Câu-lâu), Kammassadhamma (Kiềm-ma sắt đàm) là đô thị của xứ Kuru. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn.

Thế Tôn thuyết như sau:

– Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây:

- Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời;
- Sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời;
- Sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời;
- Sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

⦿ ***Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân?***

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

- Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra.
- Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra dài";
- Hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn".
- "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập;
- "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập;
- "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập;

– "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Này các Tỷ-kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay thiện xảo khi quay dài, tuệ tri: "Tôi quay dài" hay khi quay ngắn, tuệ tri: "Tôi quay ngắn". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thở vô dài, tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, tuệ tri: "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập => *Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy không nương tựa, không chấp trước vật gì trên đời*. *Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi, tuệ tri: "Tôi đi", hay đứng, tuệ tri: "Tôi đứng", hay ngồi, tuệ tri: "Tôi ngồi", hay nằm, tuệ tri: "Tôi nằm". **Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy tuệ tri thân**

<u>như thế ấy</u>. => *Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, khi bước tới bước lui, **<u>biết rõ việc mình đang làm</u>**; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Sanghati (Tăng già lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm. => *Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy*

vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt.** Trong thân này: *"đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu"*. Này các Tỷ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hột như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hột ấy ra và quán sát: "Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu". => *Như*

vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân, hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới**: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại". Này các Tỷ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại". => *Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống*

không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa** một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy". => *Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất

là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy". ==> *Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.*

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại…

... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại...

…với các bộ xương không còn dính thịt, dính máu, còn được các đường gân cột lại…

…chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây

là xương đầu. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy". ==> *Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.*

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc...

…chỉ còn một đống xương lâu hơn ba năm...

…chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy". ==> *Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt*

tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. ***"Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời.*** *Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.*

◉ *Này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ?*

Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo:

- *Khi cảm giác lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ";*
- *Khi cảm giác khổ thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ";*
- *Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ".*

- *Hay khi cảm giác* ***lạc thọ <u>thuộc</u> vật chất****, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất";*
- *Hay khi cảm giác* ***lạc thọ <u>không</u> thuộc vật chất****, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất".*
- *Hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất";*
- *Hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất".*

- *Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất";*
- *Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất".*

=> Như vậy, vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán thọ trên các nội thọ, ngoại thọ. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các thọ, hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ; hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ. **"Có thọ đây"**, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ.

⦿ ***Này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm?***

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo,

1. Với tâm có tham, tuệ tri: "Tâm có tham";
2. Hay với tâm không tham, tuệ tri: "Tâm không tham".
3. Hay với tâm có sân, tuệ tri: "Tâm có sân"

4. Hay với tâm không sân, tuệ tri: "Tâm không sân".
5. Hay với tâm có si, tuệ tri: "Tâm có si";
6. Hay với tâm không si, tuệ tri: "Tâm không si".
7. Hay với tâm thâu nhiếp, tuệ tri: "Tâm được thâu nhiếp".
8. Hay với tâm tán loạn, tuệ tri: "Tâm bị tán loạn".
9. Hay với tâm quảng đại, tuệ tri: "Tâm được quảng đại";
10. Hay với tâm không quảng đại, tuệ tri: "Tâm không được quảng đại".
11. Hay với tâm hữu hạn, tuệ tri: "Tâm hữu hạn".
12. Hay với tâm vô thượng, tuệ tri: "Tâm vô thượng".
13. Hay với tâm có định, tuệ tri: "Tâm có định";
14. Hay với tâm không định, tuệ tri: "Tâm không định".
15. Hay với tâm giải thoát, tuệ tri: "Tâm có giải thoát";
16. Hay với tâm không giải thoát, tuệ tri: "Tâm không giải thoát".

=> *Như vậy vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm. Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm; hay sống quán tánh diệt tận trên tâm; hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm.* ***"Có tâm***

đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. *Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm.*

- ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp?***

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với **Năm triền cái.** *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái?*

Này các Tỷ-kheo, ở đây:

– Tỷ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi có ái dục";
– Hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ái dục".
– Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
– Và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;
– Và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

- Hay nội tâm có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi có sân hận";

- Hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có sân hận".
- Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
- Và với sân hận đã sanh, nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;
- Và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

– Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên";
– Hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên".
– Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
– Và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;
– Và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

▪ Hay nội tâm có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi có trạo hối";
▪ Hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có trạo hối".
▪ Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
▪ Và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;

- ▪ Và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.
- – Hay nội tâm có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có nghi";
- – Hay nội tâm không có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có nghi".
- – Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
- – Và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;
- – Và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

==> *Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với **năm thủ uẩn**. *Này các Tỷ-*

kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy tư:

– "Đây là <u>sắc</u>, đây là <u>sắc tập</u>, đây là <u>sắc diệt</u>.
– Đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt.
– Đây là tưởng, đây là tưởng tập; đây là tưởng diệt.
– Đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt.
– Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt".

==> *Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với **sáu nội ngoại xứ**. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ?*

Này các Tỷ-kheo, ở đây:

- Tỷ-kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc, do duyên hai pháp này, **kiết sử sanh khởi**, vị ấy tuệ tri như vậy;
  - Và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
  - Và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;
  - Và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy
  - ... tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng...
  - … tuệ tri mũi và tuệ tri các hương...
  - …tuệ tri lưỡi... và tuệ tri các vị...
  - …tuệ tri thân và tuệ tri các xúc…
- Tỷ-kheo tuệ tri ý và tuệ tri các pháp; do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
  - Và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
  - Và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;
  - Và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

==> *Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay*

sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với **Bảy Giác chi**. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi?*

Này các Tỷ-kheo, ở đây:

- Tỷ-kheo nội tâm có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có niệm giác chi";
- Hay nội tâm không có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ý niệm giác chi".
- Và với niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy,
- Và với niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.
- Hay nội tâm có trạch pháp giác chi... (như trên)...

- … hay nội tâm có tinh tấn giác chi... (như trên)...
- … hay nội tâm có hỷ giác chi... (như trên)...

- … hay nội tâm có khinh an giác chi... (như trên)...
- … hay nội tâm có định giác chi... (như trên)...

– Hay nội tâm có xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có xả giác chi";
– Hay nội tâm không có xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có xả giác chi".
– Và với xả giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy,
– Và với xả giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

==> *Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với **Bốn Thánh đế**. *Này các Tỷ-kheo,*

thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế?

Này các Tỷ-kheo, ở đây:

- Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là Khổ";
- Như thật tuệ tri: "Đây là Khổ tập";
- Như thật tuệ tri: "Đây là Khổ diệt";
- Như thật tuệ tri: "Đây là Con đường đưa đến Khổ diệt".

==> *Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "**Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời.** Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế.*

- *Này các Tỷ-kheo, vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.*

– Này các Tỷ-kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này như vậy *trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm*, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

– Này các Tỷ-kheo, không cần gì đến một năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này *trong bảy tháng*, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

– Này các Tỷ-kheo, không cần gì bảy tháng, một vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này *trong sáu tháng, trong năm tháng, trong bốn tháng, trong ba tháng, trong hai tháng, trong một tháng*, trong nửa tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

– Này các Tỷ-kheo, không cần gì nửa tháng, một vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này ***trong bảy ngày***, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỷ-kheo, đây là **con đường độc nhất** đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

92 Kinh PHẨM TƯỚNG – Tăng I, 152

PHẨM TƯỚNG – *Tăng* I, 152

1. Này các Tỷ-kheo, các pháp **ác, bất thiện** khởi lên *có tướng, không phải không có tướng*. **Do đoạn tận chính tướng ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.**

2. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có nhân duyên, không phải không có nhân duyên. Do đoạn tận chính nhân duyên ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.

3. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có nhân, không phải không có nhân. Do đoạn tận chính nhân ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.

4. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có các hành, không phải không có hành. Do đoạn tận chính các hành ấy, như vậy, các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.

5. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có duyên, không phải không có duyên. Do đoạn tận chính duyên ấy, các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.

6-9. … có sắc, không phải không có sắc

… có thọ, không phải không có thọ

… có tưởng, không phải không có tưởng

… có thức, không phải không có thức …

10. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có sở duyên hữu vi, không phải không có sở duyên hữu vi. **Do đoạn tận hữu vi ấy, như vậy, các pháp ác bất thiện ấy, không có mặt.**

93 Kinh Quán Kiến – Tương III, 90

Quán Kiến – *Tương* III, 90

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào **quán tự ngã** dưới nhiều hình thức sai khác, quán cả năm thủ uẩn hay quán một trong năm thủ uẩn.

4) Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, ở đây kẻ vô văn phàm phu không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. **Nếu quán như vậy, thời đi đến chấp kiến: "Tôi là".**

5) Này các Tỷ-kheo, khi đi đến chấp kiến: "Tôi là", **thời năm căn nhập vào avakkanti (hiện hữu)**, tức là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

6) ***Này các Tỷ-kheo,*** *có* ***ý,*** *có các* ***pháp,*** *có* ***vô minh giới. Cảm xúc bởi cảm thọ, (cảm thọ này) sanh do xúc chạm với vô minh; kẻ vô văn phàm phu đi đến chấp kiến:*** *"Tôi là", đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ là", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ không là" đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với không tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".*

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do năm căn an trú ở đây, nhưng đối với vị Đa văn Thánh đệ tử, vô minh được đoạn trừ và **minh** khởi lên. Do vô minh được viễn ly, do minh sanh khởi, **không** đi đến chấp kiến: "Tôi là", không đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu"... "Tôi sẽ không hiện hữu"... "Tôi sẽ hiện hữu với sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng"... "Tôi sẽ hiện hữu với vô tưởng", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".

94 Kinh THẮNG TRÍ – Tăng II, 287

THẮNG TRÍ – *Tăng* II, 287

❖ Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải liễu tri với thắng trí;
- Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí;
- Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải tu tập với thằng trí;
- Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri với thắng trí?

➡ **Năm thủ uẩn,** những pháp này được gọi là những pháp cần phải liễu tri với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí?

➡ **Vô minh và hữu ái**, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải tu tập với thắng trí?

➡ **Chỉ và quán**, những pháp này được gọi là những pháp cần phải tu tập với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí?

➡ **Minh và giải thoát**, những pháp này được gọi là những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này.

95 Kinh Tissa – Tương III, 193

Tissa – *Tương* III, 193

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Tissa, cháu trai Thế Tôn, nói với một số đông Tỷ-kheo:

- *Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt (nặng nề và bại hoại). Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp. Thụy miên, hôn trầm xâm chiếm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp.*

3) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Tissa, cháu trai Thế Tôn, có nói với một số đông Tỷ-kheo: " Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt (nặng nề và bại hoại). Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp. Thụy miên, hôn trầm xâm chiếm

tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp".

5) Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

- Đến đây, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Tissa: "Hiền giả Tissa, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!"

6) -Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Tissa; sau khi đến, nói với Tôn giả Tissa:

- Hiền giả Tissa! Bậc Đạo Sư gọi Hiền giả.

7) -Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Tissa vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Thế Tôn nói với Tôn giả Tissa đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này Tissa, Ông đã nói như sau cho một số đông Tỷ-kheo: "Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt... và ta nghi ngờ đối với các pháp"?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

9) - Ông nghĩ thế nào, này Tissa? Đối với người chưa ly tham, chưa ly dục, chưa ly ái, chưa ly khát, chưa ly nhiệt tình, chưa ly khát ái đối với **sắc**, thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

10-13) Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... Như người chưa ly tham đối với các hành, thời khi các hành ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

14) - Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đối với thức, người chưa ly tham, chưa ly dục, chưa ly ái, chưa ly khát, chưa ly nhiệt tình, chưa ly khát ái đối với thức, thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

15) - Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người chưa ly tham đối với thức.

16) - Này Tissa, Ông nghĩ thế nào, đối với người **đã** ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái, đã ly nhiệt tình, đã ly khát ái đối với sắc, thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não có khởi lên không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

17)- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với sắc. Đối với người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái, đã ly nhiệt tình, đã ly khát ái đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... Như người đã ly tham đối với các hành, người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái đối với thức, thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não có khởi lên không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

18) Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với thức.

19) - Này Tissa, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

20-23) Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

24-25) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: ***"Ta đã được giải thoát"***. Vị ấy biết rõ: ***"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".***

26) Ví như, này Tissa, **có hai người**. Một người không giỏi về đường sá, một người giỏi về đường sá. Trong hai người ấy, người không giỏi về đường sá này hỏi người giỏi về đường sá kia về con đường. Người ấy trả lời:

*"**Hãy đi, này Bạn, đây là con đường. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian.** Sau khi đi theo*

con đường ấy một thời gian, Bạn sẽ thấy con đường ấy chia làm hai. Ở đây, hãy bỏ con đường phía trái, và lấy con đường phía mặt. Rồi đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một khu rừng rậm. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một đầm nước lớn. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một vực nước sâu. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một khoảnh đất bằng khả ái! "

27-30) Đây là ví dụ của Ta dùng, này Tissa, để nêu rõ ý nghĩa. Và ý nghĩa như sau:

- Người không giỏi về đường sá, là ví cho **kẻ phàm phu**.
- Người giỏi về đường sá, là ví cho **Như Lai**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- Con đường chia làm hai, là ví cho trạng thái **nghi hoặc**.
- Con đường tay trái, là ví cho con đường **tà đạo tám ngành**, tức là tà tri kiến... tà định.
- Con đường tay mặt, là ví cho con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định.

- Khu rừng rậm, là ví cho **vô minh**.
- Các đầm nước thấp, là ví cho các **dục**.
- Vực nước sâu, là ví cho **phẫn nộ, ưu não**.
- Khoảnh đất bằng phẳng khả ái, là ví cho **Niết-bàn**.

31) - Hãy hoan hỷ, này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Ta giáo giới (cho Ông), Ta giúp đỡ (cho Ông), Ta giảng dạy (cho Ông).

32) Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Tissa hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

96 Kinh TÔN GIẢ SAMIDDHI – Tăng IV, 113

TÔN GIẢ SAMIDDHI – *Tăng* IV,113

1. Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sàriputta, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Rồi Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Samiddhi đang ngồi xuống một bên:

*- **Do sở duyên gì**, này Samiddhi, một người khởi lên **các tư duy tầm**?*

- Do **danh sắc** làm sở duyên, thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?

- **Các giới,** thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?

- Lấy **xúc** làm tập khởi, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng qui tụ ở đâu?

- Chúng qui tụ ở các **cảm thọ,** thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?

- Chúng lấy *định* làm thượng thủ, thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?

- Chúng lấy *niệm* làm tăng thượng, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng lấy cái gì làm tối thượng?

- Chúng lấy *tuệ* làm tối thượng, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?

- Chúng lấy *giải thoát* làm lõi cây, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?

- Chúng thể nhập vào *bất tử*, thưa Tôn giả.

2. - Khi được hỏi: "Này Samiddhi, do sở duyên gì một người khởi lên các tư duy tầm?", Hiền giả đáp: "Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả".

Này Samiddhi, khi được hỏi: "Cái gì khiến chúng đi đến sai khác?", Hiền giả đáp:" Trong các giới, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?", Hiền giả đáp: "Lấy xúc làm tập khởi, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chỗ qui tụ của chúng là gì?", Hiền giả đáp: "Chỗ qui tụ của chúng là thọ, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy định làm thượng thủ, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy niệm tăng thượng, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy giải thoát làm lõi cây, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?", Hiền giả đáp: "Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả".

Lành thay, lành thay, này Samiddhi! Lành thay, này Samiddhi! Hiền giả đã trả lời các câu hỏi. Nhưng Hiền giả ***<u>chớ có kiêu mạn về vấn đề này</u>***.

97 Kinh Tương Ưng Vacchagota – Tương III, 415

Tương Ưng Vacchagota – *Tương* III, 415

Vô Tri 1 – *Tương* III, 415

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagota đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagota bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì*, do duyên gì, này Tôn giả Gotama, một số* ***tà kiến sai khác*** *như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là không thường còn"; hay "Thế giới hữu biên" hay "Thế giới vô biên"; hay "Sinh mạng và thân thể là một" hay "Sinh mạng và thân thể là khác"; hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?*

4) -- **Do vô tri** đối với **sắc**, này Vaccha, do vô tri đối với **sắc tập khởi**, do vô tri đối với **sắc đoạn diệt**, do vô tri đối với **con đường đưa đến sắc đoạn diệt**, cho nên có những (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên đời: "Thế giới là thường còn"... hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Do nhân này, do duyên này, này Vaccha, có một số (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn"... hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Vô Tri (2)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **thọ**").

Vô Tri (3)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **tưởng**").

Vô Tri (4)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với các **hành**").

Vô Tri (5)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **thức**").

II. Vô Kiến (1-5)

(Như trên, ở đây là "vô kiến đối với sắc" ... "...thọ, ...tưởng, ...các hành, ...thức").

III. Không Hiện Quán (anabhisamaya) **(1-5)**

(Như trên, ở đây là "không hiện quán năm uẩn").

IV. Không Liễu Tri (anubodha) **(1-5)**

(Như trên, ở đây là "không liễu tri năm uẩn")

V. Không Thông Đạt (appativebha) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không thông đạt năm uẩn")

VI. Không Đẳng Quán (asallakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đẳng quán năm uẩn")

VII. Không Tùy Quán (anupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không tùy quán năm uẩn")

VIII. Không Cận Quán (appaccupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận quán năm uẩn")

IX. Không Đẳng Sát (asamapekkana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đẳng sát năm uẩn").

X. Không Cận Sát (appaccupekkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận sát năm uẩn")

XI. Không Hiện Kiến (appaccakkhakamma) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không hiện kiến năm uẩn")

Vị Thuyết Pháp – *Tương* III, 290

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sau khi ngồi xuống, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- *"Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, được gọi là vị thuyết pháp?*

4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với **sắc**; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp.

Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

5-7) Nếu Tỷ-kheo đối với **thọ**... Nếu Tỷ-kheo đối với **tưởng**... Nếu Tỷ-kheo đối với các **hành**...

8)

- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với **thức**; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.
- Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp.
- Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Vị Thuyết Pháp – *Tương* III, 292

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là vị thuyết pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị thực hành pháp tùy pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị đã đạt đến Niết-bàn ngay trong hiện tại?

3-4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với **sắc**; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

- Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp.
- Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

5-7) Nếu Tỷ-kheo đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**...

8) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với **thức**; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

- Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp.
- Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

99 Kinh ĐẠI DUYÊN – 15 Trường I, 511

KINH ĐẠI DUYÊN

(MAHA NIDANA SUTTA)

– Bài kinh số 15 –* Trường *I, 511

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trụ tại bộ lạc Kuru (Câu-lâu), ở ấp Kuru tên là Kammassadhamma (Kiếm-ma-sắt-đàm). Tôn giả Ananda (A Nan) đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- *Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, **giáo pháp Duyên khởi** này thâm thúy, thật sự thâm thúy, và giáo pháp này đối với con hết sức minh bạch rõ ràng.*

- *Này Ananda, chớ có nói vậy! Này Ananda chớ có nói vậy! Này Ananda, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Này Ananda, **chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén**, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la), không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.*

2. Này Ananda, nếu có ai hỏi: "**Già và chết** do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Già và chết do duyên gì?" Hãy đáp: "Già và chết do duyên **sanh**".

- Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Sanh có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên **hữu"**.

- Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không? Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên **thủ**".

- Này Ananda, nếu có ai hỏi. "Thủ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thủ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thủ do duyên **ái**".

- ~~Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Sanh có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên hữu".~~

- ~~Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không? Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên thủ". (2 đoạn này dư)????~~

- Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Ái có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Ái do

duyên gì?" Hãy đáp: "Ái do duyên **thọ**".

- Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Thọ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thọ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thọ do duyên **xúc**".

- Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Xúc có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Xúc do duyên gì?" Hãy đáp: "Xúc do duyên danh sắc"????. (Xúc do duyên Sáu nhập)

- (Thiếu Sáu nhập do duyên Danh sắc)????

- Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Danh sắc có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Danh sắc do duyên gì? Hãy đáp: **"Danh sắc do duyên thức".**

- Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Thức có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thức do duyên gì?" Hãy đáp: **"Thức do duyên danh sắc".**

3. Này Ananda, như vậy do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, xúc sanh~~,(??? do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh)~~; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ; ái sanh; do duyên ái, thủ sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do

duyên sanh, lão tử sanh, do duyên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu não sanh. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi.

4. Trước đã nói: "Do duyên sanh; lão tử sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên sanh; lão tử sanh?"

→ Này Ananda, **nếu sanh không có bất cứ loại nào**, bất cứ chỗ nào, như chư Thiên hay Thiên giới, Càn-thát-bà hay Càn-thát-bà-giới, Dạ-xoa hay Dạ Xoa giới. Quỷ thần hay Quỷ thần giới, loài Người hay Nhân giới, loại bốn chân hay tứ túc giới, loài chim hay điểu giới, loài trùng xà hay trùng xà giới. *Này Ananda, nếu không có sanh cho tất cả, do sanh diệt, thời lão tử có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lão tử, tức là sanh.

5. Trước đã nói: "Do duyên hữu, sanh sanh ra". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hữu, sanh sanh ra?"

→ Này Ananda, **nếu hữu không có bất cứ loại**

nào, giới nào, bất cứ chỗ nào xứ nào, như dục hữu, sắc hữu hay vô sắc hữu. *Nếu không có hữu cho tất cả, do hữu diệt, thời sanh có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của sanh, tức là hữu.

6. Trước đã nói: "Do duyên thủ, hữu sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu hỏi: "Do duyên thủ, hữu sanh?"

→ Này Ananda, **nếu thủ không có bất cứ loại nào**, bất cứ chỗ nào, như dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ hay ngã chấp thủ. *Nếu không có thủ cho tất cả, do thủ diệt, thời hữu có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hữu, tức là thủ.

7. Trước đã nói: "Do duyên ái, thủ sanh". Này

Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, thủ sanh".

→ Này Ananda, nếu ái không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái hay pháp ái. *Nếu không có ái cho tất cả, do ái diệt thời thủ có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ, tức là ái.

8. Trước đã nói: "Do duyên thọ, ái sanh".

→ Này Ananda, nếu thọ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ. *Nếu không có thọ cho tất cả, nếu thọ diệt thời ái có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên

của ái, tức là thọ.

9. Này Ananda, như vậy do duyên **thọ**, **ái** sanh;

- Do duyên ái, **tìm cầu** sanh;
- Do duyên tìm cầu, **lợi** sanh;
- Do duyên lợi, **quyết định** (sở dụng của lợi) sanh;
- Do duyên quyết định, **tham dục** sanh;
- Do duyên tham dục, **đam trước** sanh;
- Do duyên đam trước, **chấp thủ** sanh;
- Do duyên chấp thủ, **hà tiện** sanh;
- Do duyên hà tiện, **thủ hộ** sanh;
- Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ.

10. Trước đã nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ". *Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh*

luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ"?

→ Này Ananda, nếu thủ hộ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có thủ hộ cho tất cả, *nếu thủ hộ diệt, thời một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ, tức là thủ hộ.

11. Trước đã nói: "Do duyên hà tiện, thủ hộ sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hà tiện thủ hộ sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu hà tiện không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào***, *nếu không có hà tiện, cho tất cả, nếu hà tiện diệt thời thủ hộ có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ hộ, tức là hà tiện.

12. Trước đã nói: "Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu chấp thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không chấp thủ cho tất cả***, *nếu chấp thủ diệt thời hà tiện có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hà tiện, tức là chấp thủ.

13. Trước đã nói: "Do duyên đam trước, chấp thủ sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên đam trước, chấp thủ sanh "?

→ Này Ananda, ***nếu đam trước không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có đam trước cho tất cả***, *nếu đam trước diệt thời chấp thủ có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của chấp thủ, tức là đam mê.

14. Trước đã nói: "Do duyên tham dục, đam trước sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên tham dục, đam trước sanh "?

→ Này Ananda, ***nếu tham dục không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có tham dục cho tất cả***, *nếu tham dục diệt, thời đam trước có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của đam trước, tức là tham dục.

15. Trước đã nói: "Do duyên quyết định, tham dục sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên quyết định tham dục sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu quyết định không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có quyết định cho tất cả,*** *nếu quyết định diệt, thời tham*

dục có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của tham dục tức là quyết định.

16. Trước đã nói: "Do duyên lợi, quyết định sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên lợi quyết định sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu lợi không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu lợi không có cho tất cả,*** *nếu **lợi** diệt thời **quyết định** có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của quyết định, tức là lợi.

17. Trước đã nói: "Do duyên tìm cầu, lợi sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên tìm cầu, lợi sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu tìm cầu không có bất cứ loại***

nào, bất cứ chỗ nào, nếu tìm cầu không có cho tất cả, *nếu* ***tìm cầu*** *diệt, thời* ***lợi*** *có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lợi, tức là tầm cầu.

18. Trước đã nói: "Do duyên ái, tìm cầu sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, tầm cầu sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu ái không có cho tất cả,*** *nếu* ***ái*** *diệt thời,* ***tầm cầu*** *có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của tầm cầu, tức là ái.

Này Ananda, như vậy hai phương diện (của ái) tuy hai nhưng hòa hợp thành một, nhờ thọ (làm duyên sanh).

19. Trước đã nói: "**Do duyên xúc, thọ sanh"**. Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên xúc, thọ sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu xúc không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, nếu xúc không có cho tất cả,*** *nếu xúc diệt, thời thọ có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thọ, tức là xúc.

20. Trước đã nói: "**Do duyên danh sắc, xúc sanh"**. Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên danh sắc, xúc sanh"?

→ Này Ananda, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo, **nhờ đó mà danh thân và sắc thân thi thiết;** *nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có, thời danh mục xúc trong sắc thân có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy nhờ đó mà sắc thân được thi thiết, *nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có, thời hữu đối xúc trong danh thân có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo nhờ đó mà danh thân và sắc thân được thi thiết, *nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có, thời danh mục xúc hay hữu đối xúc có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo nhờ đó mà danh sắc được thi thiết, *nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có thì **xúc** có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của xúc, tức là danh sắc.

21. Trước đã nói: "Do duyên thức, danh sắc sanh".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thức, danh sắc sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu thức không đi vào trong bụng*** của người mẹ, thời danh sắc có thể hình thành trong bụng bà mẹ không?

- Bạch Thế Tôn, không!

→ Này Ananda, ***nếu thức đi vào trong bụng bà mẹ rồi bị tiêu diệt,*** thời danh sắc có thể hình thành trạng thái này, trạng thái khác không?

- Bạch Thế Tôn, không!

→ Này Ananda, ***nếu thức bị đoạn trừ trong đứa con nít***, hoặc là đồng nam hay đồng nữ, thời danh sắc có thể lớn hơn, trưởng thành và thành mãn được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của danh sắc, tức là thức.

22. Trước đã nói: "Do duyên danh sắc, thức sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do

duyên sanh sắc thức sanh "?

→ Này Ananda, ***nếu thức không an trú được trong danh sắc, thời trong tương lai, có thể hiện hữu sự hình thành của sanh, lão, tử,*** khổ tập không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thức, tức là danh sắc.

- **Này Ananda, trong giới hạn con người được sanh, con người được già, con người được chết, con người được diệt, hay con người được tái sanh, trong giới hạn ấy là danh mục đạo, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ đạo, trong giới hạn ấy là thi thiết đạo, trong giới hạn ấy là tuệ giới, trong giới hạn ấy là lưu chuyển luân hồi hiện hữu trạng thái này trạng thái khác nghĩa là danh sắc và thức.**

23. ***Này Ananda, có bao nhiêu lời tuyên bố về ngã?***

- Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và hạn lượng".

- Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng".

- Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng".

- Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và vô lượng".

24. Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và vô lượng người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời lời tuyên bố về **tà kiến ngã có sắc và vô lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai... hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Này Ananda, như vậy, là có bấy nhiêu lời tuyên bố về ngã.

25. ***Này Ananda, có bao nhiêu lời không tuyên bố về ngã?***

- Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và có hạn lượng".

- Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng".

- Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng".

- Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của

tôi không có sắc và vô lượng".

26. Này Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bố, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này. "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến

ngã không có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, như vậy là có bấy nhiêu lời không tuyên bố về ngã.

27. ***Này Ananda, dưới bao nhiêu hình thức, ngã được quan niệm?***

- Này Ananda, **ngã được quan niệm như thọ** trong câu: *"Ngã của tôi là thọ"*. Hay trái lại: *"Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ".*

- Này Ananda, hoặc ngã được quan niệm như trong câu: *"Ngã của tôi không phải là thọ, cũng không phải là không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ"*. Như vậy, này Ananda, ngã được quan niệm.

28. Này Ananda, **ai nói: "ngã của tôi là thọ"**. *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, có ba loại cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.* ***Trong ba loại thọ này, loại nào ông xem là ngã?"***

- Này Ananda, **khi cảm giác một lạc thọ, chúng ta không cảm giác một khổ thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một lạc thọ thôi**.

- Này Ananda, khi cảm giác một khổ thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một khổ thọ thôi.

- Này Ananda, khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một khổ thọ, khi ấy chỉ cảm giác một bất khổ bất lạc thọ thôi.

29. Lại nữa, này Ananda, lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp biến hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

- Này Ananda, khổ thọ là **vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận**.
- Này Ananda, bất khổ bất lạc thọ là vô thường,

hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

- ⦿ Khi cảm giác một lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi lạc thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".
- ⦿ Khi cảm giác một khổ thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi khổ thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".
- ⦿ Khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi bất khổ bất lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

Vậy những ai nói rằng: "Ngã của tôi là thọ", người ấy sẽ xem ngã của mình như một cái gì trong hiện tại, cái gì ấy là vô thường, lạc khổ xen lẫn, là pháp sanh diệt. Do vậy, này Ananda, không thể chấp nhận quan niệm "Ngã của tôi là thọ".

30. Này Ananda, **ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ"**. *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, chỗ nào không có một cảm thọ gì cả, chỗ ấy có thể xem là "Tôi có" được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, không thể chấp nhận quan niệm "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ".

31. Này Ananda, **ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ, ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ".** *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả nếu tất cả mọi loại cảm thọ đều đoạn diệt hoàn toàn, khi không còn một loại cảm thọ nào cả, khi thọ đã tận diệt, thời ở tại chỗ ấy, có thể nói: "Tôi là như vậy" chăng?"*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, không thể chấp nhận quan niệm "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ".

32. Này Ananda, **khi có một vị Tỷ-kheo không quan niệm ngã là thọ,** không quan niệm ngã không phải thọ, không quan niệm: "Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ", **khi ấy vị này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời, vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt**. Vị ấy biết sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời

này không còn đời nào khác nữa.

Này Ananda, **với vị Tỷ-kheo có tâm giải thoát như vậy, nếu có ai nói vị Tỷ-kheo ấy có tà kiến như sau:** "Như Lai có tồn tại sau khi chết" thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Tại sao vậy? Này Ananda, ví dầu có bao nhiêu danh mục, bao nhiêu danh mục đạo, dầu có bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu ngôn ngữ đạo, dầu có bao nhiêu thi thiết, bao nhiêu thi thiết đạo, dầu có bao nhiêu trí tuệ, bao nhiêu trí tuệ giới, dầu có bao nhiêu luân chuyển, bao nhiêu vận hành, **với thắng trí hiểu biết tất cả, vị Tỷ-kheo được giải thoát**. Với vị Tỷ-kheo thắng trí giải thoát như vậy mà nói rằng vị Tỷ-kheo ấy không biết, không thấy, thời thật là một sự phi lý.

33. ***Này Ananda, có bảy trú xứ của thức và hai xứ. Thế nào là bảy?***

- Này Ananda, có những loại hữu tình, *thân dị loại và tưởng dị loại*, như loài Người, một số chư

Thiên và một số trong địa ngục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức.

- Này Ananda, có những loại hữu tình, *thân dị loại nhưng tưởng nhất loại*, như các vị **Phạm Chúng thiên** được sanh vào cõi ấy, nhờ sơ Thiền. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

- Này Ananda, có những loại hữu tình, *thân nhất loại nhưng tưởng dị loại*, như các vị **Quang Âm thiên (Abhassarà)**. Đó là trú xứ thứ ba của thức.

- Này Ananda, có những loại hữu tình, *thân nhất loại và tưởng cũng nhất loại*, như các vị **Biến Tịnh thiên (Subhakinna).** Đó là trú xứ thứ tư của thức.

- Này Ananda, có những loại hữu tình, vượt ra khỏi tất cả sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không suy tư đến mọi dị loại tưởng, chỉ có tưởng "Hư không là vô biên", được sanh vào cõi **Hư Không vô biên xứ.** Đó là trú xứ thứ năm của thức.

- Này Ananda, có những loại hữu tình hoàn toàn vượt ra khỏi Không vô biên xứ, chỉ có tưởng "Thức là vô biên", được sanh vào cõi **Thức vô biên xứ.** Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

- Này Ananda, có những loại hữu tình, hoàn toàn

vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tưởng "Vô sở hữu", được sanh vào cõi **Vô sở hữu xứ**. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

- Hai xứ là **Vô tưởng hữu tình xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ.**

34. Này Ananda, trong thức trú xứ thứ nhất có thân dị loại và tưởng dị loại này, như loài Người, một số chư Thiên và một số hữu tình trong địa ngục. *Này Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, **một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

... (như trước)...

- Này Ananda, trong thức trú xứ thứ bảy, hoàn toàn vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tưởng "Vô sở hữu", được sanh vào cõi Vô sở hữu xứ. *Này Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, **một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ***

này không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, với Vô tưởng hữu tình xứ này, này Ananda, *nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này*, ***một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, với Phi tưởng phi phi tưởng xứ này, này Ananda, *nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này*, ***một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, **bởi bảy thức trú xứ và hai xứ này,** nếu có vị Tỷ-kheo đã như chơn hiểu được tập khởi, đoạn trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm, xuất ly của chúng, nhờ không còn chấp thủ, vị này được giải thoát. Này Ananda, **vị Tỷ-kheo như vậy được gọi là Tuệ giải thoát.**

35. ***Này Ananda, có tám giải thoát. Thế nào là tám?***

1. Tự mình có sắc, thấy các sắc pháp. Đó là giải thoát thứ nhất.

2. Không biết tự mình có sắc, thấy các sắc ngoài tự thân. Đó là giải thoát thứ hai.

3. Tâm mạnh hướng đến thanh tịnh. Đó là giải thoát thứ ba.

4. Hoàn toàn vượt khỏi mọi sắc tưởng, đoạn diệt mọi hữu đối tưởng, không suy tư đến mọi tưởng dị biệt, với tư tưởng: "Hư không là vô biên", chứng và an trú Hư không vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ tư.

5. Hoàn toàn vượt khỏi Hư không vô biên xứ, với tư tưởng: "Thức là vô biên", chứng và an trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm.

6. Hoàn toàn vượt khỏi Thức vô biên xứ, với tư tưởng: "Vô sở hữu" chứng và an trú Vô sở hữu xứ. Đó là giải thoát thứ sáu.

7. Hoàn toàn vượt khỏi Vô sở hữu xứ, chứng và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là giải thoát thứ bảy.

8. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng

xứ, chứng và an trú Diệt thọ tưởng định. Đó là giải thoát thứ tám. Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

36. Này Ananda, khi một vị Tỷ-kheo thuận thứ thể nhập tám giải thoát này, có thể nhập và có thể xuất khỏi bất cứ giải thoát nào khi nào mình muốn, chỗ nào mình muốn và dài bao lâu mình muốn - và với **các lậu hoặc được đoạn trừ**, vị Tỷ-kheo chứng và an trú trong tám giải thoát và **tuệ** giải thoát, không còn lậu hoặc ngay trong thời hiện tại, tự mình thấu đạt và chứng ngộ. Này Ananda, không còn có một Câu giải thoát nào khác cao hơn và thù thắng hơn Câu giải thoát này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

100 Kinh ĐẠI NIỆM XỨ – 22 Trường II, 185

KINH ĐẠI NIỆM XỨ

(MAHA SATIPATTHANA SUTTANTA)

– Bài kinh số 22 –* Trường *II, 185

1. Một thời, Thế Tôn ở xứ Kuru, (Câu lâu). Kammàssadhamma (Kiềm ma sắt đàm) là đô thị của xứ Kuru. Rồi Thế Tôn gọi các vị Tỷ kheo:

- "Này các Tỷ kheo." Các Tỷ kheo trả lời Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn." Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ kheo, đây là **con đường độc nhất**, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh lý chứng ngộ Niết bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ.

Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo sống, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời;
- Sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác,

chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời;

- Sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời;
- Sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời.

2. Này các Tỷ kheo, thế nào là Tỷ kheo sống quán thân trên thân?

Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ***ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.***

– Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra.

– Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri; "Tôi thở ra dài";

– Hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn";

– Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập;

– "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Này các tỷ kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay tuệ tri thiện xảo, khi quay dài, tuệ tri

rằng: "Tôi quay dài"; hay khi quay ngắn, tuệ tri rằng: "Tôi quay ngắn."

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo thở vô dài, tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài tuệ tri: "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn"; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập; "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. ==> *Như vậy, vị ấy sống, quán thân trên nội thân hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân.* ***"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời****. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán thân trên thân.*

3. Lại nữa, này các Tỷ keo, Tỷ kheo đi, tuệ tri: "Tôi đi"; hay đứng, tuệ tri: "Tôi đứng"; hay ngồi, tuệ tri: "Tôi ngồi"; hay nằm , tuệ tri: "Tôi nằm". ***Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết thân như thế ấy***. ==> *Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy*

sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

4. Lại nữa, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo, khi bước tới, bước lui, **biết rõ việc mình đang làm**. Khi ngó tới, ngó lui, biết rõ việc mình đang làm. Khi co tay khi duỗi tay biết rõ việc mình đang làm. Khi mang áo Sanghàti (Tăng già lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm. Khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, biết rõ việc mình đang làm.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống

quán thân trên thân.

5. Lại nữa này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ***quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc,*** bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: ***"Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm (niệm dịch), mủ, máu, mồi hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, ở khớp xương, nước tiểu."***

Này các Tỷ kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hột như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hột ấy ra và quan sát: "Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi."

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: "Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước

tiểu."

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

6. Lại nữa này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ***quán sát thân này về vị trí các giới và sự sắp đặt các giới***: **"Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại."**

Này các Tỷ kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường. Cũng vậy này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại."

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân;

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm, và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

7. Lại nữa này các Tỷ kheo, Tỷ kheo, **như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa** *một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra*. Tỷ kheo quán thân ấy như sau: ***"Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."***

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. **"Có thân đây"**, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

8. Lại nữa này các Tỷ kheo, Tỷ kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa *bị các loài quạ ăn,*

hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn; hay bị các loài chó ăn; hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỷ kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thên trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

9. Này các Tỷ kheo, lại nữa Tỷ kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa; *với các xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cốt lại*;

...*với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại*,

...*với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại*;

...*chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân*, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. **Tỷ kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".**

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

10. Lại nữa này các Tỷ kheo, Tỷ kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa, *chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc*...

...*chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm*...

...*chỉ còn là xương thối trở thành bột*. Tỷ kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

11. Này các Tỷ kheo, như thế nào Tỷ kheo sống quán thọ trên các thọ?

Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo:

- Khi cảm giác lạc thọ, biết rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ";
- Khi cảm giác khổ thọ, biết rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ";
- Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, biết rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ".

* Hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất".
* Hay khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ không thuộc

vật chất"

- Hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất".
- Hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất ".
- Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất."
- Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất ".

Như vậy vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán thọ trên các nội thọ, ngoại thọ. Hay sống quán tánh sanh khởi trên các thọ; hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ; hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ. "Có thọ đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán thọ trên các thọ.

12. Này các Tỷ kheo, như thế nào Tỷ kheo sống quán tâm trên tâm?

Này các Tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo:

1. "Với tâm có tham, biết rằng tâm có tham";
2. Hay "Với tâm không tham, biết rằng tâm không tham";
3. Hay "Với tâm có sân, biết rằng tâm có sân";
4. Hay "Với tâm không sân, biết rằng tâm không sân";
5. Hay "Với tâm có si, biết rằng tâm có si";
6. Hay "Với tâm không si, biết rằng tâm không si";
7. Hay "Với tâm thâu nhiếp, biết rằng tâm được thâu nhiếp";
8. Hay "Với tâm tán loạn, biết rằng tâm bị tán loạn";
9. Hay "Với tâm quảng đại, biết rằng tâm được quảng đại";
10. Hay "Với tâm không quảng đại, biết rằng tâm không được quảng đại";
11. Hay "Với tâm hữu hạn, biết rằng tâm hữu hạn";
12. Hay "Với tâm vô thượng, biết rằng tâm vô thượng";
13. Hay "Với tâm có định, biết rằng tâm có định";

14. Hay "Với tâm không định, biết rằng tâm không định";
15. Hay "Với tâm giải thoát, biết rằng tâm có giải thoát";
16. Hay "Với tâm không giải thoát, biết rằng tâm không giải thoát".

Như vậy vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm. Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm; hay sống quán tánh diệt tận trên tâm; hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm. "Có tâm đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo sống quán tâm trên tâm.

13. Này các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp?

❖ Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với **Năm triền cái**. *Và này các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái?*

Này các Tỷ kheo, ở đây:

- Tỷ kheo, nội tâm có **tham dục**, tuệ tri: "Nội tâm có tham dục";
- Hay nội tâm không có tham dục, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có tham dục".
- Và với tham dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy.
- Và với tham dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy.
- Và với tham dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

- Hay nội tâm có **sân hận**, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có sân hận";
- Hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có sân hận."
- Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy.
- Và với sân hận đã sanh, nay được đoạn diệt,
- Và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

- Hay nội tâm có **hôn trầm thụy miên**, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên";
- Hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy

miên".

- Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy.
- Và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy.
- Và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

- Hay nội tâm có **trạo hối**, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có trạo hối";
- Hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có trạo hối".
- Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy.
- Và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy.
- Và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

- Hay nội tâm có **nghi**, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có nghi";
- Hay nội tâm không có nghi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có nghi."
- Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ

tri như vậy.

- Và với nghi đã sanh, nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy,
- Và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ kheo, như vậy Tỳ kheo sống quán pháp trên các pháp, đối với năm triền cái.

14. Lại nữa, này các Tỳ kheo, Tỳ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với **Năm Thủ uẩn**. *Này các Tỳ kheo, thế nào là Tỳ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Năm Thủ uẩn?*

Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo suy tư:

- "Đây là sắc, đây là sắc sanh, đây là sắc diệt.

- Đây là thọ, đây là thọ sanh, đây là thọ diệt.
- Đây là tưởng, đây là tưởng sanh, đây là tưởng diệt.
- Đây là hành, đây là hành sanh, đây là hành diệt.
- Đây là thức, đây là thức sanh, đây là thức diệt".

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp; hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Năm Thủ uẩn.

15. Lại nữa này các Tỷ kheo, Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với **Sáu Nội Ngoại xứ.** *Này các Tỷ kheo, thế nào là Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Sáu Nội Ngoại xứ?*

Này các Tỷ kheo, ở đây:

- Tỷ kheo **tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc**, **do**

duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;

- Và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
- Và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;
- Và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

... và tuệ tri tai, và tuệ tri các tiếng...

...và tuệ tri mũi và tuệ tri các hương...

... và tuệ tri lưỡi, và tuệ tri các vị...

... và tuệ tri thân và tuệ tri các xúc...

- Tỷ kheo tuệ tri ý và tuệ tri các pháp; do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
- Và với kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy;
- Và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy;
- Và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp; hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ kheo, như vậy Tỳ kheo sống quán pháp trên các pháp, đối với Sáu Nội Ngoại xứ.

16. Lại nữa này các Tỷ kheo, Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi. *Này các Tỷ kheo, thế nào là Tỷ kheo sống quán pháo trên các pháp đối với Bảy Giác chi?*

Này các Tỷ kheo, ở đây:

- Tỷ kheo nội tâm có Niệm Giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có Niệm Giác chi",
- Hay nội tâm không có Niệm Giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có Niệm Giác chi";
- Và với Niệm Giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy,
- Và với Niệm Giác chi đã sanh, nay được tập

viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

... Hay nội tâm có Trạch pháp Giác chi..

... hay nội tâm có Tinh tấn Giác chi...

... hay nội tâm có Hỷ Giác chi...

... hay nội tâm có Khinh an Giác chi...

... hay nội tâm có Định Giác chi...

... hay nội tâm có Xả Giác chi; tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có Xả Giác chi"; hay nội tâm không có Xả Giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có Xả Giác chi." Và với Xả Giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với Xả Giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp..Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây"; vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nượng tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ

kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi.

17. Lại nữa này các Tỷ kheo, vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Sự thật. *Này các Tỷ kheo, thế nào là Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Sự thật?*

Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ"; như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập"; như thật tuệ tri: "Đây là khổ diệt"; như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

18. Và này các Tỷ kheo, thế nào Khổ Thánh đế?

– Sanh là khổ, già là khổ, (bệnh là khổ), chết là khổ, sầu, bi. khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ.

*Này các Tỷ kheo thế nào là **sanh**?*

– Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của họ, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là sanh.

*Này các Tỷ kheo, thế nào là **già**?*

– Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới hạn, sự niên lão, sự hủy hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn

hủy hoại. Này các Tỷ kheo, như vậy là già.

Này các Tỷ kheo, thế nào là ***chết?***

– Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là chết.

Này các Tỷ kheo, thế nào gọi là ***sầu****?*

– Này các Tỷ kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu, sự sầu lo, sự sầu muộn, nội sầu, mọi khổ sầu của người ấy. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là sầu.

Này các Tỷ kheo, thế nào là ***bi?***

– Này các Tỷ kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là bi.

Này các Tỷ kheo, thế nào là ***khổ****?*

– Này các Tỷ kheo, sự đau khổ về thân, sự không sảng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sảng khoái do thân cảm thọ. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là khổ.

Này các Tỷ kheo, thế nào là ***ưu?***

– Này các Tỷ kheo, sự đau khổ về tâm, sự không sảng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sảng khoái do tâm cảm thọ. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là ưu.

*Này các Tỷ kheo, thế nào là **não?***

– Này các Tỷ kheo, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là não.

*Này các Tỷ kheo, thế nào là **cầu bất đắc khổ**?*

– Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối, mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh". Lời cầu mong ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ! Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối.. chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối! Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu, não". Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy là cầu bất đắc khổ.

*Này các Tỷ kheo, như thế nào là **Tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ**?*

– Như Sắc thủ uẩn, Thọ thủ uẩn, Tưởng thủ uẩn, Hành thủ uẩn, Thức thủ uẩn. Này các Tỷ kheo, như vậy tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ.

19. Này các Tỷ kheo, thế nào là Khổ tập Thánh đế?

– Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Như dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

▶ *Này các Tỷ kheo, sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đâu, khi an trú thì an trú ở đâu?*

– Ở đời, **các sắc** gì thân ái, các sắc gì khả ái, sự tham ái này khi sanh khởi thời sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

▶ *Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái?*

– Ở đời **con mắt** là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời **cái tai**... ở đời mũi... ở đời lưỡi... ở đời thân... ở đời ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

– Ở đời **các sắc**... ở đời các tiếng... ở đời **các hương**... ở đời các vị... ở đời các cảm xúc... ở đời các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú

thì an trú ở đấy.

– Ở đời **nhãn thức**... ở đời **nhĩ thức**... ở đời tỷ thức... ở đời thiệt thức... ở đời thân thức... ở đời ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

– Ở đời **nhãn xúc**... ở đời nhĩ xúc... ở đời tỷ xúc... ở đời thiệt xúc... ở đời thân xúc... ở đời ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

– Ở đời **nhãn xúc sở sanh thọ**... ở đời nhĩ xúc sở sanh thọ... ở đời tỷ xúc sở sanh thọ... ở đời thiệt xúc sở thanh thọ... ở đời thân xúc sở sanh thọ... ở đời ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

– Ở đời **sắc tưởng**... ở đời thanh tưởng... ở đời hương tưởng... ở đời vị tưởng... ở đời xúc tưởng... ở đời pháp tưởng là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

– Ở đời **sắc tư**... ở đời thanh tư... ở đời hương tư... ở đời vị tư... ở đời xúc tư... ở đời pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ai. Sự tham ái này khi sanh khởi

thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

– Ở đời **sắc ái**... ở đời thanh ái... ở đời hương ái... ở đời vị ái... ở đời xúc ái... ở đời pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

– Ở đời **sắc tầm** ... ở đời thanh tầm... ở đời hương tầm... ở đời vị tầm... ở đời xúc tầm... ở đời pháp tầm là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

– Ở đời **sắc tứ**... ở đời thanh tứ... ở đời hương tứ... ở đời vị tứ... ở đời pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

20. Này các Tỷ kheo, và thế nào là Khổ diệt Thánh đế?

– Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy).

▶ *Này các Tỷ kheo, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đâu, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đâu?*

– Ở đời các sắc gì thân ái, các sắc gì khả ái, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt

trừ thì diệt trừ ở đấy.

▶ *Ở đời sắc gì thân ái, sắc gì khả ái?*

– Ở đời con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời lỗ tai... ở đời mũi... ở đời lưỡi... ở đời thân... ở đời ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời các sắc... ở đời các tiếng... ở đời các mùi hương... ở đời các vị.. ở đời các xúc... ở đời các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời nhãn thức... ở đời nhĩ thức... ở đời tỷ thức... ở đời thiệt thức... ở đời ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời nhãn xúc... ở đời nhĩ xúc... ở đời tỷ xúc... ở đời thiệt xúc... ở đời thân xúc... ở đời ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời nhãn xúc sở sanh thọ... ở đời nhĩ xúc sở sanh thọ... ở đời tỷ xúc sở sanh thọ... ở đời thiệt xúc sở sanh thọ... ở đời thân xúc sở sanh thọ..

ở đời ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời sắc tưởng... ở đời thanh tưởng... ở đời hương tưởng... ở đời vị tưởng... ở đời xúc tưởng... ở đời pháp tưởng là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời sắc tư... ở đời thanh tư... ở đời hương tư...ở đời vị tư …ở đời xúc tư… ở đời pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời sắc ái... ở đời thanh ái... ở đời hương ái... ở đời vị ái... ở đời xúc ái... ở đời pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời sắc tầm... ở đời thanh tầm... ở đời hương tầm... ở đời vị tầm... ở đời xúc tầm... ở đời pháp tầm là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

– Ở đời sắc tứ... ở đời thanh tứ... ở đời hương tứ... ở đời vị tứ... ở đời xúc tứ... ở đời pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly

thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

21. Này các Tỷ kheo, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế?

– Đó là bát chi Thánh đạo, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tin tấn, Chánh niệm, Chánh định.

▶ *Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tri kiến?*

– Này các Tỷ kheo, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

▶ *Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tư duy?*

– Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này các tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy.

▶ *Này các Tỷ kheo thế nào là Chánh ngữ?*

– Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ.

▶ *Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh nghiệp?*

– Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cướp, tự chế không tà dâm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp.

▶ *Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh mạng?*

– Này các Tỷ kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh mạng.

▶ *Này các Tỷ kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn?*

– Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nổ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.

– Đối cới các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nổ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.

– Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.

– Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn. Vị này nổ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

▶ *Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh niệm?*

– Này các Tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời; trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, tinh cần tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh niệm.

▶ *Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh định?*

– Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.

– Tỷ kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm.

– Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

– Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh định.

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Khổ diệt đạo thánh đế.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. **"Có những pháp ở đây"**, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ kheo, như vậy Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế.

22. Này các Tỷ kheo, vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: **Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn**.

Này các Tỷ kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong sáu năm... trong năm năm... trong bốn năm... trong ba năm... trong hai năm... trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỷ kheo, không cần gì đến một năm, một vị

nào tu tập Bốn Niệm xứ này trong bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỷ kheo, đây là con đường độc nhất, đưa đến sự thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh lý, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ.

Thế Tôn thuyết pháp đã xong. Các Tỷ kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

101 Kinh Đầu Ngón Tay – Tương III, 263

Đầu Ngón Tay – *Tương* III, 263

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

4) *Bạch Thế Tôn, có thể có **sắc** nào là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?*

5) Bạch Thế Tôn, có thể có **thọ** nào...

6) Bạch Thế Tôn, có thể có **tưởng** nào...

7) Bạch Thế Tôn, có thể có các **hành** nào...

8) Bạch Thế Tôn, có thể có **thức** nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

9) Này Tỷ-kheo, không có **sắc** nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

10-13) Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có các hành nào... không có thức nào, thức ấy lại thường còn, thường hằng, thường trú,

không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

14) Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trong đầu ngón tay và nói với Tỷ-kheo ấy:

15) - Này Tỷ-kheo, cho đến một sắc nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

Nếu một sắc nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày.

Nhưng vì rằng, này Tỷ-kheo, cho đến một sắc nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, do vậy, đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

16) Cho đến một thọ nhỏ như thế này, này các Tỷ-kheo, cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn, thường hằng, vĩnh trú. Nếu thọ nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là

thường còn, thường hằng, thường trú... có thể trình bày.

17) Cho đến một tưởng...

18) Cho đến một hành...

19) Cho đến một thức nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú. Nếu một thức nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhưng vì rằng, này Tỷ-kheo, cho đến một thức nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, do vậy đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

20) Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

21-22) Thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

102 Ly tham đối với cái gì 5 uẩn - Kinh Bình Bát – Tương I, 249

Bình Bát – *Tương* I, 249

1) Trú ở Sàvatthi. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về **năm thủ uẩn**, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

2) Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về năm thủ uẩn, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt (các Tỷ-kheo ấy)".

3*) Lúc bấy giờ có nhiều bình bát được đặt ra ngoài trời (để phơi cho khô).*

4) Rồi Ác ma biến hình thành con bò đực và đi đến các bình bát ấy.

5) Rồi một Tỷ-kheo nói với một Tỷ-kheo khác:

-- Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, con bò đực này sẽ làm bể các bình bát.

6) Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

-- Này Tỷ-kheo, nó không phải con bò đực. Nó chính là Ác ma muốn đến làm mờ mắt các ông.

7) Và Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Cái ấy không phải tôi,
Cái ấy không của tôi,
Như vậy đây ly tham,
Ly tham vậy, tâm an,
Mọi kiết sử siêu thoát,
Dầu tìm mọi xứ sở,
Ma quân không gặp được.

8) Ác ma biết được: " Thế Tôn đã biết ta...", liền biến mất tại chỗ ấy.

103 Là 5 khổ pháp - Kinh Khổ Pháp – Tương IV, 306

Khổ Pháp – *Tương* IV, 306

1-2) ...

3) -- *Này các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết* ***sự tập khởi, sự chấm dứt của tất cả khổ pháp****, khi ấy, các* ***dục*** *được thấy. Khi vị ấy thấy dục (kàmà), thời dục (kàmachanda), dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các* ***dục*** *không có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành* và *sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.*

4) *Và này các Tỷ-kheo,* ***thế nào là Tỷ-kheo như thật rõ biết*** *sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp?*

Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là **tưởng**... Đây là các **hành**... Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

5) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục?*

Khi các **dục** được thấy, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, có một **hố than sâu hơn thân người**, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có khói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lực sĩ đến, kẹp người ấy vào trong các cánh tay, và kéo người ấy đến hố than hừng. Người ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết".*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các dục**, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.*

6) *Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri?*

Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, **một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc**, trước mặt người ấy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người ấy là gai, phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai".*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với *sự vật gì khả ái, khả lạc*, sự vật ấy được gọi là **gai** trong giới luật của bậc Thánh.

7) ***Sau khi biết vậy,*** *này các Tỷ-kheo*, ***hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.***

8) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là được hộ trì?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các

sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là có hộ trì.

10) *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy,* ***đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát,*** *khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử.* ***Chậm chạp****, này các Tỷ-kheo,* ***là niệm được khởi lên****.* ***Mau lẹ****, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm ***rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ nóng cả ngày****. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"*. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo,* ***sông Hằng hướng về phía Đông****, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với xuổng, cuốc, giỏ và nói: "Chúng ta hãy làm cho*

sông Hằng này hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có thể làm cho sông Hằng hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây và nghiêng nhập vào phía Tây không?

-- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

-- *Vì sao?*

-- *Vì sông Hằng này, bạch Thế Tôn, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông; không có dễ gì làm cho hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chuốc lấy mệt mỏi và thất vọng thôi.*

13) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn. Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức".* Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly,

xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly; do vậy **sự hoàn tục** không xảy ra.

104 Là Vô thường, Khổ, Vô ngã - Kinh Vô Thường – Tương III, 45

Vô Thường – *Tương* III, 45

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvathi...

2) Tại đấy...

3-6) Này các Tỷ-kheo, **sắc** là **vô thường**... **thọ** là vô thường... **tưởng** là vô thường... các **hành** là vô thường... **thức** là vô thường.

7) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Khổ – *Tương* III, 46

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) Này các Tỷ-kheo, **sắc** là **khổ**..., **thọ** là khổ..., **tưởng** là khổ..., các **hành** là khổ..., **thức** là khổ...

8) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vô Ngã – *Tương* III, 46

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) Này các Tỷ-kheo, **sắc** là **vô ngã**..., **thọ** là vô ngã..., **tưởng** là vô ngã..., các **hành** là vô ngã..., **thức** là vô ngã...

8) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với

thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

105 Là có thân - Kinh Có Thân – Tương IV, 415

Có Thân – *Tương* IV, 415 (Sakkàya)

1-2) ... du sĩ Jambukhàdaka nói với Tôn giả Sàriputta:

3) -- *"**Có thân**, có thân", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là có thân?*

-- Năm uẩn này, này Hiền giả, được Thế Tôn gọi là có thân: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Này Hiền giả, những thủ uẩn này được Thế Tôn gọi là có thân.

4) -- *Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri có thân ấy?*

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri có thân ấy.

5) -- *Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến liễu tri có thân ấy?*

-- Này Hiền giả, đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh

ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến liễu tri có thân ấy.

6) -- Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến liễu tri có thân ấy. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, để **không phóng dật**.

106 Là gánh nặng - Kinh Gánh Nặng – Tương III, 53

Gánh Nặng – *Tương* III, 53

1-2) Ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **gánh nặng, mang gánh nặng lên, đặt gánh nặng xuống**. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

4) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là gánh nặng?* **Năm thủ uẩn** là câu trả lời.

Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là gánh nặng.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ mang gánh nặng?*

Người, là câu trả lời. Vị Tôn giả này có tên như thế này, dòng họ như thế này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ mang gánh nặng!

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mang gánh nặng lên?*

Chính là **tham ái** này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, đi tìm hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là mang gánh nặng lên.

7) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là đặt gánh nặng xuống?*

Đây là sự ly tham, đoạn diệt **ái** ấy một cách hoàn toàn, sự từ bỏ, sự xả ly, sự giải thoát, sự không chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đặt gánh nặng xuống.

8) Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

__Năm uẩn__ là gánh nặng,
Kẻ gánh nặng là __người__;
Mang lấy gánh nặng lên,
Chính là khổ ở đời.
Còn đặt gánh nặng xuống,
Tức là lạc (không khổ),
Đặt gánh nặng xuống xong,
Không mang thêm gánh khác.
Nếu nhổ __khát ái__ lên,
Tận cùng đến gốc rễ,
Không còn đói và khát,
Được giải thoát tịnh lạc!

107 Là hoại pháp - Kinh Hoại Pháp – Tương III, 66

Hoại Pháp – *Tương* III, 66

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về **hoại pháp và bất hoại pháp**. Hãy lắng nghe...

4) *Và này các Tỷ-kheo, cái gì là hoại pháp? Cái gì là bất hoại pháp?*

5-9) Này các Tỷ-kheo,

- Sắc, là *hoại pháp*.
- **Sự đoạn diệt** của sắc ấy, **sự an chỉ, biến mất** là *bất hoại pháp*.
- Thọ, là hoại pháp.
- Sự đoạn diệt của thọ ấy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.
- Tưởng, là hoại pháp.
- Sự đoạn diệt của tưởng ấy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.
- Hành, là hoại pháp.
- Sự đoạn diệt của hành ấy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.

- Thức, là hoại pháp.
- Sự đoạn diệt của thức ấy, sự an chỉ, biến mất là *bất hoại pháp*.

108 Là pháp cần phải liễu tri - Kinh Các Khách – Tương V, 81

Các Khách – *Tương* V, 81

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, có một nhà khách, ở đấy có người từ phương Đông tới ở, có người từ phương Tây tới ở, có người từ phương Bắc tới ở, có người từ phương Nam tới ở, có người Sát-đế-lị tới ở, có người Bà-la-môn tới ở, có người Phệ-xá tới ở, có người Thủ-đà tới ở.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **Thánh đạo Tám ngành**, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, với các pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí, họ nhờ thắng trí liễu tri các pháp ấy; với các pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí, họ đoạn tận các pháp ấy nhờ thắng trí; với các pháp cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, họ chứng ngộ các pháp ấy nhờ thắng trí; với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, họ tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí?* Cần phải được trả lời là **năm thủ uẩn**. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn,

thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là những pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí?* **Vô minh, hữu và ái** (bhavatanhà), những pháp này cần phải đoạn tận nhờ thắng trí.

5) *Và này các Tỷ-kheo, những pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí?* **Minh và giải thoát**, này các Tỷ-kheo, những pháp này cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí.

6) *Và này các Tỷ-kheo, những pháp nào cần phải tu tập nhờ thắng trí?* **Chỉ và quán**, này các Tỷ-kheo, những pháp này cần phải tu tập nhờ thắng trí.

7) *Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành; đối với các pháp cần phải liễu tri, họ liễu tri được các pháp ấy nhờ thắng trí; đối với các pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí, họ đoạn tận các pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, họ chứng ngộ những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, họ tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí?*

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành; đối với các pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí, vị ấy liễu tri những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí, vị ấy đoạn tận những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy chứng ngộ những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, vị ấy tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí.

109 Là pháp cần phải liễu tri - Kinh THẮNG TRÍ – Tăng II, 287

THẮNG TRÍ – *Tăng* II, 287

❖ Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải liễu tri với thắng trí;
- Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí;
- Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải tu tập với thằng trí;
- Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri với thắng trí?

➡ **Năm thủ uẩn,** những pháp này được gọi là những pháp cần phải liễu tri với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí?

➡ **Vô minh và hữu ái**, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải tu tập với thắng trí?

➡ **Chỉ và quán**, những pháp này được gọi là những pháp cần phải tu tập với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí?

➡ **Minh và giải thoát**, những pháp này được gọi là những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này.

110 Là pháp cần phải liễu tri - ĐẠI Kinh SÁU XỨ - 149 Trung III, 643

ĐẠI KINH SÁU XỨ

(Muhasalayatanika suttam)

– *Bài kinh số 149* – Trung *III, 643*

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo",

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng Đại Kinh Sáu Xứ**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

Này các Tỷ-kheo, **không biết, không thấy như chơn** mắt, không biết không thấy như chơn các sắc, không biết không thấy như chơn nhãn thức, không biết không thấy như chơn nhãn xúc; do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, không biết không thấy như chơn cảm thọ ấy, vị ấy ái trước đối với mắt, ái trước đối với các sắc, ái trước đối với nhãn thức, ái trước đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy ái trước đối với cảm thọ ấy. Khi vị ấy trú, quán sát vị ngọt, bị ái trước, hệ lụy và tham đắm, **nên năm thủ uẩn đi đến tích trữ trong tương lai**. Và ái của vị ấy đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm sự hoan lạc chỗ này, chỗ kia; **ái ấy được tăng trưởng**; những thân ưu não tăng trưởng; những tâm ưu não tăng trưởng; những thân nhiệt não tăng trưởng; những tâm khổ não tăng trưởng. Vị ấy cảm thọ thân khổ và tâm khổ.

Này các Tỷ-kheo, **không thấy và không biết như chơn tai**; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn mũi; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn lưỡi; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn thân; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn ý; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn các pháp; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết

như chơn ý thức; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; không thấy và không biết như chơn cảm thọ ấy, vị ấy ái trước đối với ý, ái trước đối với pháp, ái trước đối với ý thức, ái trước đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, ... (như trên)... vị ấy cảm thọ thân khổ và tâm khổ.

Này các Tỷ-kheo, **thấy và biết như chơn mắt**, thấy và biết như chơn các sắc, thấy và biết như chơn nhãn thức, thấy và biết như chơn nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, thấy và biết như chơn cảm thọ ấy; vị ấy **không ái trước** đối với con mắt, không ái trước đối với các sắc, không ái trước đối với nhãn thức, không ái trước đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không ái trước đối với cảm thọ ấy. Khi vị ấy trú, quán sát vị ngọt, không bị ái trước, hệ lụy và tham đắm, nên **năm thủ uẩn đi đến tàn diệt trong tương lai**. Và ái của vị ấy, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm sự hoan lạc chỗ này chỗ kia; **ái ấy được đoạn tận**; những thân ưu não của vị ấy được đoạn tận; những tâm ưu não được đoạn tận; những thân nhiệt não được đoạn tận; những tâm nhiệt não

được đoạn tận; những thân khổ não được đoạn tận; những tâm khổ não được đoạn tận; vị ấy cảm thọ thân lạc và tâm lạc.

- **Kiến <u>gì như chơn của vị ấy, kiến ấy là chánh kiến.</u>**
- Tư duy gì như chơn của vị ấy, tư duy ấy là chánh tư duy.
- Tinh tấn gì như chơn của vị ấy, tinh tấn ấy là chánh tinh tấn.
- Niệm gì như chơn của vị ấy, niệm ấy là chánh niệm.
- Định gì như chơn của vị ấy, định ấy là chánh định.
- Thân nghiệp, ngữ nghiệp, sinh mạng của vị ấy được thanh tịnh tốt đẹp.
- Và **Thánh đạo Tám ngành** này đi đến tu tập và phát triển sung mãn cho vị ấy.

→ Do sự tu tập Thánh đạo Tám ngành này như vậy, **Bốn niệm xứ** đi đến tu tập và phát triển sung mãn; **Bốn chánh tinh tấn** cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; **Bốn như ý túc** cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; **Năm căn** cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; **Năm lực** cũng đi đến

tu tập và phát triển sung mãn; **Bảy giác chi** cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn.

→ Và nơi vị ấy, hai pháp này được chuyển vận song hành: **chỉ và quán**.

→ Với thượng trí, vị ấy liễu tri những pháp cần phải liễu tri với thượng trí. Với thượng trí, vị ấy đoạn tận những pháp cần phải đoạn tận với thượng trí. Với thượng trí vị ấy, tu tập những pháp cần phải tu tập với thượng trí. Với thượng trí, vị ấy chứng ngộ những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri với thượng trí?* Cần phải trả lời là năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này là những pháp cần phải liễu tri với thượng trí.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải đoạn tận với thượng trí?* Vô minh và hữu ái, những pháp này cần phải đoạn tận với thượng trí.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần*

phải tu tập với thượng trí? Chỉ và quán, những pháp này cần phải tu tập với thượng trí.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí?* Minh và giải thoát, những pháp này cầu phải chứng ngộ với thượng trí.

Này các Tỷ-kheo, **thấy và biết như chơn tai**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **mũi**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **lưỡi**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **thân**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **ý**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **các pháp**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **ý thức**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **ý xúc**. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; thấy và biết như chơn **cảm thọ** ấy, nên vị ấy **không ái trước** đối với ý, không ái trước đối với các pháp, không ái trước đối với ý thức, không ái trước đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không ái trước đối với cảm thọ ấy... (như trên)... tâm khổ não được đoạn tận. Vị ấy cảm thọ thân lạc và tâm lạc. Kiến gì như chơn của vị ấy, kiến ấy là chánh kiến. Tư duy gì như chơn của vị ấy... (như trên)... hoạt mạng của vị ấy đi đến thanh tịnh tốt đẹp. Và Thánh đạo Tám ngành này đi đến tu

tập và phát triển sung mãn cho vị ấy. Do sự tu tập Thánh đạo Tám ngành này như vậy... (như trên)... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí? **Minh và giải thoát**, những pháp này cần phải chứng ngộ với thượng trí.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

111 Là pháp do duyên khởi lên - ĐẠI Kinh DỤ DẤU CHÂN VOI – 28 Trung I, 409

ĐẠI KINH DỤ DẤU CHÂN VOI

(Mahahatthipadopama suttam)

– Bài kinh số 28 – *Trung* I, 409

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất) gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

– Chư Hiền giả, ví như tất cả dấu chân của mọi loại động vật đều thâu nhiếp trong dấu chân voi, vì dấu chân này được xem là lớn nhất trong tất cả dấu chân về phương diện to lớn. Cũng vậy, chư Hiền giả,

tất cả các Thiện pháp đều tập trung trong Bốn Thánh đế. Thế nào là trong Bốn Thánh đế? Trong Khổ Thánh đế, trong Khổ tập Thánh đế, trong Khổ diệt Thánh đế, trong Khổ diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, thế nào là **Khổ Thánh đế?** - Sanh là khổ, già là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, điều gì cầu không được là khổ, tóm lại Năm thủ uẩn là khổ.

- Chư Hiền, thế nào là **Năm thủ uẩn**? - Chính là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

- Chư Hiền, thế nào là **sắc thủ uẩn**? - Bốn đại và sắc khởi lên từ bốn đại.

- Chư Hiền, thế nào là **bốn đại**? - Chính là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

- Chư Hiền, thế nào là **địa giới**? - Có nội địa giới, có ngoại địa giới.

- Chư Hiền, thế nào là **nội địa giới?** - Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thô phù, kiên cứng, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách,

phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thô phù, kiên cứng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội địa giới.

Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Cần phải như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như sau: ***"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"***. Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

Chư Hiền, một thời xảy ra khi ngoại thủy giới dao động, trong thời ấy ngoại địa giới bị biến mất. Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại địa giới xưa ấy có thể nêu rõ, tánh hủy hoại có thể nêu rõ, tánh đoạn diệt có thể nêu rõ, tánh biến dịch có thể nêu rõ. Như vậy *còn nói gì đến thân thể yểu thọ do khát ái chấp thủ này? Ở đây không có gì để có thể nói là tôi, là của tôi, hay tôi là.*

Chư Hiền, nếu có những người khác mắng nhiếc, chỉ trích, chọc tức, nhiễu não Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ như sau: *"Khổ thọ khởi lên nơi tôi, thọ này thuộc tai xúc chạm, thọ này do nhân duyên, không phải không do nhân duyên, do nhân duyên gì? Do*

*nhân duyên **xúc**"*. Vị ấy thấy **xúc** là vô thường, thấy **thọ** là vô thường, thấy **tưởng** là vô thường, thấy **hành** là vô thường, thấy **thức** là vô thường. Tâm của vị này hoan hỷ, thích thú, tịnh chỉ, quyết định, tùy thuộc giới đối tượng.

Chư Hiền, nếu những người khác xử sự với Tỷ-kheo không có hoàn hảo, không có tốt đẹp, không có khả ái, hoặc dùng tay xúc chạm, hoặc dùng đá xúc chạm, hoặc dùng gậy xúc chạm, hoặc dùng gươm xúc chạm, vị ấy tuệ tri như sau: *"Sự thể của thân này là như vậy, nên tay có thể xúc chạm, đá có thể xúc chạm, gậy có thể xúc chạm, gươm có thể xúc chạm. Thế Tôn đã dạy như sau trong ví dụ cái cưa: "Chư Tỷ-kheo, nếu có kẻ trộm cướp hạ tiện lấy cái cưa hai lưỡi cắt từng phần tay và chân. Nếu ai ở đây sanh ý phẫn nộ, người ấy không làm đúng lời Ta dạy"*... *Ta sẽ tinh cần, tinh tấn, không dải đãi. Niệm được an trú không có loạn niệm, thân thể được khinh an, không dao động, tâm được định tỉnh nhất tâm. Nay mặc cho tay xúc chạm thân này, mặc cho đá xúc chạm thân này, mặc cho gậy xúc chạm thân này, mặc cho gươm xúc chạm thân này, lời dạy chư Phật cần phải được thực hành*. Chư Hiền, Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh:

"Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú".

Chư Hiền, ví như một người dâu, khi thấy ông nhạc, bị dao động, bị dao động mạnh. Cũng vậy, chư Hiền, nếu Tỷ-kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú". Chư Hiền, *nếu Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, và xả tương ưng với thiện được an trú, thì Tỷ-kheo ấy được hoan hỷ*. Chư Hiền, đến mức độ này, Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

- Chư Hiền, thế nào là **thủy giới**? -Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới.

- Chư Hiền thế nào là **nội thủy giới?** - Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, (viêm đàm dịch) mủ,

máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội thủy giới.

Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới, đều thuộc về thủy giới. Cần phải như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Chư Hiền, một thời xảy ra khi ngoại thủy giới dao động, nước cuốn trôi làng, cuốn trôi thị trấn, cuốn trôi thành phố, cuốn trôi xứ, cuốn trôi quốc độ. Chư Hiền, một thời xẩy ra khi nước biển đại dương hạ thấp một trăm do-tuần, hạ thấp hai trăm do-tuần, hạ thấp ba trăm do-tuần, hạ thấp bốn trăm do-tuần, hạ thấp năm trăm do-tuần, hạ thấp sáu trăm do-tuần, hạ thấp bảy trăm do-tuần. Chư Hiền, một thời xẩy ra khi nước biển đại dương dâng cao đến bảy cây ta-la, dâng cao đến sáu cây ta-la, dâng cao đến năm cây ta-la, dâng cao đến bốn cây ta-la, dâng cao đến b ây ta-la, dâng cao đến hai cây ta-la, dâng cao chỉ đến một cây ta-la. Chư Hiền, một thời xẩy ra khi nước biển

đại dương cao đến bảy đầu người, dâng cao đến sáu đầu người, dâng cao đến năm đầu người, dâng cao đến bốn đầu người, dâng cao đến ba đầu người, dâng cao đến hai đầu người, dâng cao chỉ đến một đầu người. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương dâng cao đến nửa thân người, dâng cao chỉ đến hông, dâng cao chỉ đến đầu gối, dâng cao chỉ đến gót chân. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương không có để thấm ướt đốt ngón chân. Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại thủy giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ... (như trên)... và xả tương ứng với thiện được an trú. Chư Hiền, cho đến mức độ này, vị Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

- Chư Hiền, thế nào là **hỏa giới? -** Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới.

- Chư Hiền, thế nào là **nội hỏa giới? -** Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy; cái gì khiến cho những vật được ăn uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy

gọi là nội hỏa giới.

Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới, đều thuộc về hỏa giới. Cần phải như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Chư Hiền, một thời xảy ra khi hỏa giới dao động. Lửa thiêu cháy làng, thiêu cháy thị trấn, thiêu cháy thành phố, thiêu cháy xứ, thiêu cháy quốc độ. Lửa cháy cho đến cuối hàng cây cối, cho đến cuối hàng đường lớn, cho đến cuối hàng chân núi, cho đến cuối hàng thủy biên, hay cho đến cuối hàng khu đất khả ái, rồi lửa bị tắt vì không nhiên liệu. Chư Hiền, một thời xảy ra khi loài người đi kiếm lửa phải dùng lông gà và dây gân.

Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại hỏa giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu rõ; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ... (như trên)... và xả tương ưng với thiện được an trú. Chư Hiền, cho đến mức độ này, Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

- Chư Hiền, thế nào là **phong giới**? - Có nội phong giới, có ngoại phong giới.

- Chư Hiền, thế nào là **nội phong giới?** Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc động tánh, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các chi tiết (tay chân), hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội phong giới.

Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Cần phải như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi thấy như thật phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

Chư Hiền, một thời xẩy ra khi ngoại phong giới dao động, gió thổi bay làng, thổi bay thị trấn, thổi bay thành phố, thổi bay xứ, thổi bay quốc độ. Chư Hiền, một thời xẩy ra khi trong tháng cuối mùa hạ, loài người tìm cầu gió nhờ lá cây ta-la, nhờ cây quạt, và người ta không mong tìm được cỏ tại chỗ có rạch

nước chảy. Chư Hiền, ***tánh vô thường*** *của ngoại phong giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu rõ; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ. Như vậy còn nói gì đến thân thể yếu thọ do khát ái chấp thủ này? Ở đây không có gì để có thể nói là tôi, là của tôi, hay tôi là*.

Chư Hiền, *nếu có những người khác mắng nhiếc, chỉ trích, chọc tức, nhiễu não Tỷ-kheo*, vị ấy biết rõ như sau: *"Khổ thọ khởi lên nơi tôi này thuộc tai xúc chạm; thọ này do nhân duyên, không phải không do nhân duyên. Do nhân duyên gì? Do nhân duyên xúc vậy"*. Vị ấy thấy xúc là vô thường; vị ấy thấy thọ là vô thường; vị ấy thấy tưởng là vô thường; vị ấy thấy hành là vô thường; vị ấy thấy thức là vô thường; tâm của vị này hoan hỷ, thích thú, tịnh chỉ, quyết định, tùy thuộc giới đối tượng.

Chư Hiền, *nếu những người khác xử sự với Tỷ-kheo, không có hoàn hảo, không có tốt đẹp, không có khả ái, hoặc dùng tay xúc chạm, hoặc dùng đá xúc chạm, hoặc dùng gậy xúc chạm, hoặc dùng gươm xúc chạm*, vị ấy biết như sau: *"Sự thể của thân này là như vậy nên tay có thể xúc chạm, đá có thể xúc chạm, gậy có thể xúc chạm, gươm có thể xúc chạm". Thế Tôn đã dạy như sau trong ví dụ cái cưa: "Chư Tỷ-kheo, nếu có kẻ trộm cướp hạ tiện lấy cái cưa hai*

lưỡi cắt từng phần tay và chân, nếu ai ở đây sanh ý phẫn nộ thì người ấy không làm đúng lời ta dạy". Ta sẽ tinh cần, tinh tấn, không dải đãi, niệm được an trú, không có loạn niệm, thân thể được khinh an, không dao động, tâm được định tĩnh nhất tâm. Nay mặc cho tay xúc chạm thân này, mặc cho đá xúc chạm, mặc cho gậy xúc chạm, mặc cho gươm xúc chạm thân này. Lời dạy chư Phật cần phải được thực hành".

Chư Hiền, Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú". Chư Hiền, ví như một người dâu, khi thấy ông nhạc, bị dao động, bị dao động mạnh. Cũng vậy, chư Hiền, nếu Tỷ-kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không

được an trú".

Chư Hiền, nếu Tỷ- Kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, và xả tương ưng với thiện được an trú. Do vậy, Tỷ-kheo ấy được hoan hỷ. Chư Hiền, cho đến mức độ này, Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

Chư Hiền, như một khoảng trống được bao vây bởi cây gậy, bởi dây leo, bởi cỏ, bởi bùn, được biết là một nhà ở. Cũng vậy, Chư Hiền, một khoảng trống được bao vây bởi xương, bởi dây gân, bởi thịt, bởi da, được biết là một sắc pháp.

- Chư Hiền, nếu nội mắt không bị hư hại, nhưng ngoại sắc không vào trong tầm mắt, không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp không có hiện khởi.
- Chư Hiền, nếu nội mắt không bị hư hại, ngoại sắc vào trong tầm mắt, nhưng không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp không có hiện khởi.
- Chư Hiền, chỉ khi nào nội mắt không bị hư hại, ngoại sắc vào trong tầm mắt, có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp có hiện khởi.

– *Bất cứ sắc pháp gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong* ***sắc thủ uẩn****. Bất cứ cảm thọ gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thọ thủ uẩn. Bất cứ tưởng gì được hiện khởi như vậy đều được quy tụ trong tưởng thủ uẩn. Bất cứ hành gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong hành thủ uẩn. Bất cứ thức gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thức thủ uẩn. Vị ấy tuệ tri như sau: "Như vậy, như người ta nói, có sự quy tụ, sự tập hợp, sự hòa hợp của* ***năm thủ uẩn*** *này. Thế Tôn đã nói như sau: "Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp. Ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi". Những pháp này do duyên khởi lên chính là* ***năm thủ uẩn****. Sự tham dục, chấp trước, tham đắm, mê say trong năm thủ uẩn này tức là* ***khổ tập****. Sự nhiếp phục tham dục, sự từ bỏ tham dục tức là sự* ***khổ diệt****". Cho đến mức độ này, Chư Hiền, Tỷ-kheo đã làm rất nhiều.*

Chư Hiền, nếu nội tai không bị hư hại... nếu lỗ mũi không bị hư hại... nếu lưỡi không bị hư hại... nếu thân không bị hư hại...

– Chư Hiền, nếu nội ý căn không bị hư hại nhưng ngoại pháp không vào trong tầm của ý căn, không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì

thức phần thích hợp không có hiện khởi.

– Chư Hiền, nếu nội ý căn không bị hư hại, ngoại pháp vào trong tầm của ý căn, nhưng không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp không có hiện khởi.

– Chư Hiền, chỉ khi nào nội ý căn không bị hư hại, ngoại pháp vào trong tầm của ý căn, có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì **thức** phần thích hợp có hiện khởi.

– *Bất cứ sắc pháp gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong **sắc thủ uẩn**; bất cứ cảm thọ gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thọ thủ uẩn; bất cứ tưởng gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong tưởng thủ uẩn; bất cứ hành gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong hành thủ uẩn; bất cứ thức gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thức thủ uẩn. Vị ấy tuệ tri như sau: "Như vậy, như người ta nói, có sự quy tụ, sự tập họp, sự hòa hợp của **năm thủ uẩn** này. Thế Tôn đã nói như sau: "Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi". Những pháp này do duyên khởi lên chính là **năm thủ uẩn**. Sự tham dục, chấp trước, tham đắm, mê say trong năm thủ uẩn này tức là **khổ tập**. Sự nhiếp phục tham dục, sự*

*từ bỏ tham dục tức là sự **khổ diệt**". Cho đến mức độ này, chư Hiền, Tỷ-kheo đã làm rất nhiều.*

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

112 Là điều Như Lai đã thấy - Kinh AGGIVACCHAGOTTA – 72 Trung II, 313

KINH AGGIVACCHAGOTTA

(Aggivacchagotta suttam)

– Bài kinh số 72 –* Trung *II, 313

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài

ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một,

chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy

là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

... (như trên)...

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư

vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

– Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết- bàn.

Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... (như trên)... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Như Lai có tồn tại sau khi chết"... "Như Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Này Vaccha, nghĩ rằng: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. **Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại**

này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, **đây là điều Như Lai đã thấy**: *"Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt"*. **Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.**

– Thưa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". *Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại,*

nay đã biến mất nơi tôi.

– Này Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Này Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác. Và này Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn. Này Vaccha, Ông nghĩ thế nào? *Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?"*

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".

– Nhưng nếu, này Vaccha, có người hỏi Ông như sau: *"Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?"*, nếu được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời như thế nào?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do

duyên nhiên liệu cỏ và củi".

– Này Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".

– Này Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: *"Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?",* được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, này Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.

– Cũng vậy, này Vaccha, do **sắc** pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **sắc**, này Vaccha, là Như Lai, thâm

sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do **thọ** này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **thọ**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do **tưởng** này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, tưởng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **tưởng**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do những **hành** này nhờ đó mà một người nhận

biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi những cái gọi là **hành**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng.

Do **thức** này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt được tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng,** không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh

chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại **lõi cây**.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

113 Là đối tượng xuyên suốt trong quá trình tu tập - Kinh Vị Giữ Giới – Tương III, 298

Vị Giữ Giới – *Tương* III, 298

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

2-3) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta... thưa như sau:

-- Thưa Hiền giả Sàriputta, những pháp gì **Tỷ-kheo giữ giới** cần phải như lý tác ý?

4) -- Này Hiền giả Kotthika, Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

5) Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Hiền giả Kotthika, vị Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

6) Này Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỷ-kheo giữ giới **do** như tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Dự lưu.**

7) -- *Với **Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu**, này Hiền giả Sàriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý?*

8-9) -- Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Nhứt lai.**

10) -- *Nhưng **Tỷ-kheo Nhứt lai**, này Hiền giả Sàriputta, phải như lý tác ý các pháp gì?*

11) -- Tỷ-kheo Nhứt lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Nhứt lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Bất lai.**

12) -- *Nhưng **Tỷ-kheo Bất lai**, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì?*

13-15) -- Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Bất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả A-la-hán.**

16) -- *Nhưng **vị A-la-hán**, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì?*

17) -- Vị A-la-hán, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

18) Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Vị Có Nghe – *Tương* III, 300

(Hoàn toàn như kinh trước, chỉ thay thế vị có nghe cho vị giữ giới).

114 Lậu hoặc - Do biết, do thấy, các lậu hoặc được đoạn tận - Kinh Duyên – Tương II, 58

Duyên – *Tương* II, 58

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, đối với người **biết**, này các Tỷ-kheo, đối với người **thấy**, **Ta nói các lậu hoặc được đoạn diệt**, không phải đối với người không biết, không phải đối với người không thấy.

3) Và này các Tỷ-kheo, *như thế nào đối với người biết, đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt?*

Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với người biết, như vậy đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt.

4) Này các Tỷ-kheo, trong đoạn diệt ấy, **trí về đoạn diệt**, Ta nói rằng **trí** ấy có duyên, không phải không có duyên.

5) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của trí về đoạn diệt là gì?*

- Giải thoát là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng giải thoát có duyên, không phải không có duyên.

6) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của giải thoát là gì?*

- Ly tham là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ly tham có duyên, không phải không có duyên.

7) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của ly tham là gì?*

- Yếm ly là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng yếm ly có duyên, không phải không có duyên.

8) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của yếm ly là gì?*

- Tri kiến như chân là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng tri kiến như chân có duyên, không phải không có duyên.

9) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của tri kiến như chân là gì?*

- Định là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng định có duyên, không phải không có duyên.

10) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của định là gì?*

- Lạc là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lạc có duyên, không phải không có duyên.

11) Này các Tỷ-kheo, *duyên của lạc là gì?*

- Khinh an là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khinh an có duyên, không phải không có duyên.

12) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của khinh an là gì?*

- Hỷ là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hỷ có duyên, không phải không có duyên.

13) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của hỷ là gì?*

- Hân hoan là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hân hoan có duyên, không phải không có duyên.

14) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của hân hoan là gì?*

- Lòng tin là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lòng tin có duyên, không phải không có duyên.

15) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của lòng tin là gì?*

- Khổ là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khổ có duyên, không phải không có duyên.

16) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của khổ là gì?*

- Sanh là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng sanh có duyên, không phải không có duyên.

17) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của sanh là gì?*

- Hữu là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hữu có duyên, không phải không có duyên.

18) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của hữu là gì?*

- Thủ là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng thủ có duyên, không phải không có duyên.

19) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của thủ là gì?*

- Ái là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ái có duyên, không phải không có duyên.

20-25) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của ái là gì?*

- **Thọ** là câu trả lời... (như trên)...

- Xúc là câu trả lời...
- Sáu xứ là câu trả lời...
- Danh sắc là câu trả lời...
- Thức là câu trả lời...

- Hành là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hành có duyên, không phải không có duyên.

26) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của hành là gì?*

- Vô minh là câu trả lời.

Như vậy, này các Tỷ-kheo,

1. ***Vô minh*** *duyên hành;*
2. ***Hành*** *duyên thức;*
3. ***Thức*** *duyên danh sắc;*
4. ***Danh sắc*** *duyên sáu xứ;*
5. ***Sáu xứ*** *duyên xúc;*
6. ***Xúc*** *duyên thọ;*
7. ***Thọ*** *duyên ái;*
8. ***Ái*** *duyên thủ;*
9. ***Thủ*** *duyên hữu;*
10. ***Hữu*** *duyên sanh;*
11. ***Sanh*** *duyên khổ;*
12. ***Khổ*** *duyên tín;*
13. ***Tín*** *duyên hân hoan;*
14. ***Hân hoan*** *duyên hỷ;*
15. ***Hỷ*** *duyên khinh an;*
16. ***Khinh an*** *duyên lạc;*
17. ***Lạc*** *duyên định;*
18. ***Định*** *duyên tri kiến như chân;*
19. ***Tri kiến như chân*** *duyên yếm ly;*
20. ***Yếm ly*** *duyên ly tham;*
21. ***Ly tham*** *duyên giải thoát;*
22. ***Giải thoát*** duyên ***Trí về đoạn diệt***.

27) *Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đỉnh núi trời mưa nặng hột và nước chảy theo triền thấp, tràn đầy hang núi, khe núi, thung lũng. Khi các hang núi, khe núi, thung lũng được tràn đầy, thời ao nhỏ được tràn đầy; ao nhỏ được tràn đầy thời ao lớn được tràn đầy; ao lớn tràn đầy thời sông nhỏ được tràn đầy; sông nhỏ được tràn đầy thời sông lớn được tràn đầy; sông lớn được tràn đầy thời biển lớn, đại dương được tràn đầy.*

28) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; tín duyên hân hoan; hân hoan duyên hỷ; hỷ duyên khinh an; khinh an duyên lạc; lạc duyên định; định duyên tri kiến như chân; tri kiến như chân duyên yểm ly; yểm ly duyên ly tham; ly tham duyên giải thoát; giải thoát duyên trí về đoạn diệt.

115 Minh và Vô Minh - Kinh Tập Pháp – Tương III, 305

Tập Pháp 1 – *Tương* III, 305

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- *"Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?*

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu, không như thật biết rõ: "**Sắc** chịu sự tập khởi" là sắc chịu sự tập khởi, không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diệt" là sắc chịu sự đoạn diệt, không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

5-7) ... "Thọ... Tưởng... Các hành..".

8) ... không như thật biết rõ: "**Thức** chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi, không như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diệt" là thức chịu sự đoạn diệt,

không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

9) Như vậy, này Tỷ-kheo, gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- *"Minh, minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, bạch Thế Tôn? Cho đến như thế nào được gọi là minh?*

11) -- Ở đây, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ: "**Sắc** chịu sự tập khởi" là sắc chịu sự tập khởi, như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diệt" là sắc chịu sự đoạn diệt, như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

12-14) ... "Thọ... Tưởng... Các hành..".

15) ... như thật biết rõ: "**Thức** chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi, như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diệt" là thức chịu sự đoạn diệt, như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

16) Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là minh, cho đến như vậy được gọi là minh.

Tập Pháp 2 – *Tương* III, 307

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, vườn Lộc Uyển.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- *"Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả Sàruputta? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?*

(... như kinh trên).

Tập Pháp 3 – *Tương* III, 307

1-2) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), tại vườn Lộc Uyển.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- *"Minh, minh", thưa Tôn giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả Sàriputta? Cho đến như thế nào được gọi là minh?*

(... như kinh trên).

116 Minh và Vô Minh - các Kinh Vô Minh – Tương III, 289

Vô Minh – Hay Vị Tỷ kheo – *Tương* III, 289

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- *"Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh?*

4-8) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không biết rõ **sắc**, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, không biết rõ **thọ**... không biết rõ **tưởng**... không biết rõ các **hành**... không biết rõ **thức**, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Này Tỷ-kheo, **đây gọi là vô minh**. Và cho đến như vậy, một người là vô minh.

Minh – Hay Vị Tỷ kheo – *Tương* III, 290

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi... Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- *"Minh, minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, như thế nào là minh? Cho đến như thế nào, một người là minh?*

5) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử biết rõ **sắc**, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

6-8)... biết rõ **thọ**... biết rõ **tưởng**... biết rõ các **hành**... biết rõ **thức**, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Này Tỷ-kheo, **đây gọi là minh**. Và cho đến như vậy, một người là minh.

Vị Ngọt – *Tương* III, 308

1-2) Tại Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **sắc**.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **thức**.

9) Đây là vô minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

Vị Ngọt – *Tương* III, 309

1-2) Tại Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- *"Minh, minh", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Như thế nào được gọi là minh?*

4-8) Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **sắc**... của **thọ**... của **tưởng...** của các **hành**... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **thức**.

9) Đây gọi là minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

Vị Ngọt – *Tương* III, 309

1-2) Tại Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- *"Minh, minh", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Như thế nào được gọi là minh?*

4-8) Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **sắc**... của **thọ**... của **tưởng**... của các **hành**... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **thức**.

9) Đây gọi là minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

Tập Khởi 1 – *Tương* III, 310

1-2) Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- *"Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputa, được nói đến là như vậy. Và thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?*

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **sắc**.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **thức**.

9) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

Tập Khởi 2 – *Tương* III, 310

1-2) Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- *"Minh, minh" thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?*

4) -- Ở đây, thưa Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **sắc**.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **thức**.

9) Như vậy được gọi là minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

Màra –*Tương* III, 329

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Màra, Màra", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là Màra?*

4) -- Nếu có **sắc**, này Ràdha, thời có chết (Màra) hay có sát giả (Màretà), hay có sự chết (Mìyati). Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy **sắc** là sự chết, hãy thấy là sát giả, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. **Những ai thấy sắc như vậy là thấy chơn chánh.**

5-7) ... Thọ... tưởng... các hành...

8) Nếu có **thức**, này Ràdha, thời có chết, hay có sát giả, hay có bị chết. Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy thức là sự chết, hãy thấy là sát giả, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh hoạn, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy **thức** như vậy là thấy chơn chánh.

9) -- *Bạch Thế Tôn, **chánh quán** với mục đích gì?*

-- Chánh quán, này Ràdha, với mục đích **nhàm chán**.

10) -- *Bạch Thế Tôn, nhàm chán với mục đích gì?*

-- Nhàm chán, này Ràdha, với mục đích **ly tham**.

11) -- *Bạch Thế Tôn, ly tham với mục đích gì?*

-- Ly tham, này Ràdha, với mục đích **được giải thoát**.

12) -- *Bạch Thế Tôn, giải thoát với mục đích gì?*

-- Giải thoát, này Ràdha, với mục đích **Niết-bàn**.

13) -- *Bạch Thế Tôn, Niết-bàn với mục đích gì?*

-- Này Ràdha, Ông đi quá xa với câu hỏi này, không thể nắm được giới hạn của câu hỏi. Nhập vào Niết-bàn, này Ràdha, là sự thực hành Phạm hạnh; Niết-bàn là mục tiêu cuối cùng; Niết-bàn là cứu cánh.

Màra – *Tương* III, 339

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Màra, Màra", bạch Thế Tôn, như vậy được gọi đến. Thế nào là Màra, bạch Thế Tôn?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là Màra. **Thọ** là Màra. **Tưởng** là Màra. **Hành** là Màra. **Thức** là Màra.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Tánh Chất Của Màra. – *Tương* III, 340

(Như kinh trước,chỉ thay Màra bằng tánh chất của Màra (Màradhamma)).

Vô Thường – *Tương* III, 340

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Vô thường, vô thường", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô thường?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là vô thường. **Thọ** là vô thường. **Tưởng** là vô thường. **Hành** là vô thường. **Thức** là vô thường.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Vô Thường Tánh – *Tương* III, 340

*(Kinh như trên, chỉ thay "vô thường" bằng "**vô thường tánh**").*

Khổ – *Tương* III, 341

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Khổ, khổ", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là khổ?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là khổ. **Thọ** là khổ. **Tưởng** là khổ. Các **hành** là khổ. **Thức** là khổ.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Khổ Tánh – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**khổ tánh**").*

Vô Ngã – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**vô ngã**").*

Vô Ngã Tánh – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**vô ngã tánh**").*

Tận Pháp – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**tận pháp**" (khayadhamma: chịu sự đoạn tận)).*

Diệt Pháp – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**diệt pháp**" (vayadhamma: chịu sự đoạn diệt)).*

Tập Khởi Pháp (Samudayadhamma) – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**tập khởi pháp**").*

Đoạn Diệt Pháp (Nirodhadhamma) – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**đoạn diệt pháp**").*

118 Nghe thuyết pháp về năm thủ uẩn và Tu tập 7 Giác chi - Kinh Udàyi – Tương V, 141

Udàyi – *Tương* V, 141

1) Một thời Thế Tôn trú ở giữa những người Sumbha, tại một thị trấn của những người Sumbha tên là Setaka.

2) Rồi Tôn giả Udàyi, đi đến Thế Tôn... ngồi xuống một bên, Tôn giả Udàyi bạch Thế Tôn:

3) -- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! *Xúc động nhiều thay (bahukatam), bạch Thế Tôn, là lòng ái mộ, tôn kính, lòng tàm và quí của con đối với Thế Tôn.* Bạch Thế Tôn, trước khi con còn là người tại gia, con không có nhiều xúc động (bahukata) đối với Pháp, không có nhiều xúc động đối với Tăng. Nhưng, bạch Thế Tôn, khi con cảm thấy (sampassamàno) lòng ái mộ, tôn kính, lòng tàm và quí đối với Thế Tôn, thời con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. *Và Thế Tôn thuyết pháp cho con: "Đây là sắc*, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt, đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây

là thức đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thức đoạn diệt".

4) Rồi, bạch Thế Tôn, con đi đến chỗ nhà trống, và *trong khi tùy quán (samparivattento) theo sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, con như thật thắng tri*: "Đây là khổ". Con như thật thắng tri: "Đây là khổ tập khởi". Con như thật thắng tri: "Đây là khổ diệt". Con như thật thắng tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

5) Pháp, bạch Thế Tôn, được con hoàn toàn chứng tri (abhisamito). Con đường được con chứng đắc, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đắc như vậy (tathattàya). Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Bạch Thế Tôn, *con chứng được niệm giác chi*. Niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết được rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"... Con chứng được, bạch Thế Tôn, xả giác chi. Xả này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự

chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Bạch Thế Tôn, con đường này được con chứng đắc, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

6) -- Lành thay, lành thay, này Udàyi! Con đường này, này Udàyi, Ông chứng được, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn sẽ dắt dẫn Ông, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, Ông sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

119 Nguyên nhân sanh khởi lạc khổ - Kinh Nội – Tương III, 319

Nội – *Tương* III, 319

1-2) Ở Sàvatthi...

3) -- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì,* ***nội lạc, khổ*** *khởi lên?*

4) -- Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...,...

5) -- Này các Tỷ-kheo, do có **sắc**, do chấp thủ **sắc**, nội lạc, khổ khởi lên.

6-8)... **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

9) Do có **thức**, do chấp thủ thức, nội lạc, khổ khởi lên.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, nội lạc, khổ có thể khởi lên không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

11-13) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

14) -- **Thức** là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời nội lạc, khổ có thể sanh khởi không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc*

nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

120 Nguyên nhân sanh ra Ngã - Kinh Ngã – Tương III, 322

Ngã – *Tương* III, 322

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- *Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì,* ***tà kiến này khởi lên****: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?*

4) -- Đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

5) -- Này các Tỷ-kheo, do có **sắc**, chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nên khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

6-9) ... **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

10) Do có **thức**, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

-- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

11-14) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: " Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ

thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại "?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

121 Nguyên nhân sanh ra Thân kiến - Kinh Cái Này Là Của Tôi – Tương III, 320

Cái Này Là Của Tôi – *Tương* III, 320

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- *Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì mà* ***quán****: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?*

4) -- Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

5-9) -- Này các Tỷ-kheo, do có **sắc**, do chấp thủ **sắc**, do thiên chấp **sắc**... do có **thức**, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức nên quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn...

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

11-13) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

14) -- **Thức** là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và quán cái ấy là: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

122 Nguyên nhân sanh ra các Tà kiến - Kinh Tà Kiến – Tương III, 325

Tà Kiến – *Tương* III, 325

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- *Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ gì, do thiên chấp gì,* ***tà kiến*** *khởi lên?*

4) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

5) -- Này các Tỷ-kheo, do có **sắc**, có chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc nên **tà kiến khởi lên**.

6-9)... thọ... tưởng... các hành...

Do có **thức**, do có chấp thủ thức, do thiên chấp thức nên tà kiến khởi lên.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

11-14) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

VI. Hữu Thân – *Tương* III, 327

*(Giống như kinh trước, chỉ thế "**hữu thân**"* cho "tà *kiến").*

VII. Ngã Kiến – *Tương* III, 327

*(Giống như kinh trước, chỉ thế "**ngã kiến**" (attànuditthi) cho "hữu thân").*

VIII. Thiên Kiến – *Tương* III, 327

*(Giống như kinh trước, chỉ thế "**bị trói buộc, thiên chấp kiết sử**" cho "ngã kiến").*

IX. Thiên Kiến – *Tương* III, 327

*(Giống như kinh trước, chỉ thêm: "**Sự tham trước về sự trói buộc, thiên chấp các kiết sử**").*

123 Nguyên nhân sanh ra các kiến chấp về tự ngã - Kinh Quán Kiến – Tương III, 90

Quán Kiến – *Tương* III, 90

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào **quán tự ngã** dưới nhiều hình thức sai khác, quán cả năm thủ uẩn hay quán một trong năm thủ uẩn.

4) Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, ở đây kẻ vô văn phàm phu không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. **Nếu quán như vậy, thời đi đến chấp kiến: "Tôi là".**

5) Này các Tỷ-kheo, khi đi đến chấp kiến: "Tôi là", **thời năm căn nhập vào avakkanti (hiện hữu)**, tức là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

6) ***Này các Tỷ-kheo,*** *có* ***ý,*** *có các* ***pháp,*** *có* ***vô minh giới. Cảm xúc bởi cảm thọ, (cảm thọ này) sanh do xúc chạm với vô minh; kẻ vô văn phàm phu đi đến chấp kiến:*** *"Tôi là", đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ là", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ không là" đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với không tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".*

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do năm căn an trú ở đây, nhưng đối với vị Đa văn Thánh đệ tử, vô minh được đoạn trừ và **minh** khởi lên. Do vô minh được viễn ly, do minh sanh khởi, **không** đi đến chấp kiến: "Tôi là", không đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu"... "Tôi sẽ không hiện hữu"... "Tôi sẽ hiện hữu với sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng"... "Tôi sẽ hiện hữu với vô tưởng", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".

124 Nguyên nhân ô nhiễm và thanh tịnh của chúng sanh - Kinh Mahàli – Tương III, 129

Mahàli – *Tương* III, 129

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, trong rừng Đại Lâm, tại Trùng Các đại giảng đường.

2) Rồi Mahàli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahàli, người Licchavi, bạch Thế Tôn:

3) -*Puràna Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp), bạch Thế Tôn, thuyết như sau: "Không nhân, không duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Không nhân, không duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh được thanh tịnh". Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết như thế nào?*

4) *-Này Mahàli,* ***có nhân, có duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh****. Này Mahàli, có nhân, có duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Này Mahàli,* ***có nhân có***

duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. *Có nhân, có duyên, chúng sanh được thanh tịnh.*

5) -*Nhưng bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì là sự nhiễm ô của chúng sanh?* ***Do có nhân gì, do có duyên gì chúng sanh bị nhiễm ô****?*

6) Này Mahàli, nếu **sắc** nhứt hướng khổ, rơi trên đau khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, này Mahàli, **sắc là lạc**, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho **nên** chúng sanh **tham đắm** đối với sắc. Do tham đắm nên **bị triền phược**, do bị triền phược nên **bị nhiễm ô**. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

7) Và này Mahàli, nếu **thọ** nhứt hướng khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời các chúng sanh không tham đắm đối với thọ. Và vì rằng, này Mahàli, thọ là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với thọ. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

8-9) Và này Mahàli, nếu **tưởng** nhứt hướng khổ... nếu các **hành** nhứt hướng khổ...

10) Và này Mahàli, nếu **thức** nhứt hướng khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với thức. Vì rằng, này Mahàli, thức là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, do vậy chúng sanh tham đắm đối với thức. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahali, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

11) -*Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân, thế nào là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh?* ***Do có nhân như thế nào, có duyên như thế nào, chúng sanh được thanh tịnh****?*

12) Này Mahàli, nếu **sắc** là nhứt hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhàm chán đối với sắc. Và vì rằng, này Mahàli, **sắc là khổ**, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới **yếm ly** đối với sắc. Do yếm ly nên **ly tham**; do ly tham nên **giải thoát**. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có

nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

13) Này Mahàli, nếu thọ là nhứt hướng lạc...

14) Này Mahàli, nếu tưởng là nhứt hướng lạc...

15) Này Mahàli, nếu các hành là nhứt hướng lạc...

16) Này Mahàli, nếu thức là nhứt hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhàm chán đối với thức. Và vì rằng, này Mahàli, thức là khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

125 Ngã tư tâm sở hoạt động nên có sự mệnh chung - Kinh ĐƯỢC NGÃ TÁNH – Tăng II, 118

ĐƯỢC NGÃ TÁNH – *Tăng* II, 118

1.- Này các Tỷ-kheo, có bốn cách này để được ngã tánh. Thế nào là bốn?

- *Có cách được ngã tánh, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của người khác.*
- *Có cách được ngã tánh, trong cách được ngã tánh ấy, tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải tư tâm sở của mình.*
- *Có cách được ngã tánh, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động.*
- *Có cách được ngã tánh, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác không hoạt động.*

Này các Tỷ-kheo, có bốn cách này để được ngã tánh.

2. Khi được nói vậy, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn con hiểu ý nghĩa một cách như sau:

- Tại đấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của người khác. *Do nhân ngã tư tâm sở, có sự mệnh chung từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy.*
- Tại đấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải ngã tư tâm sở. *Do nhân tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy.*
- Tại đấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động. *Do nhân ngã tư tâm sở và do nhân tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung, từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy.*
- Tại đấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở cùng với tư tâm sở của người khác không có hoạt động.

3. *Trong trường hợp ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác không có hoạt động, thời hạng chư Thiên nào cần được xem là trong trường hợp này?*

- Này Sàriputta, hạng chư Thiên đi đến *Phi tưởng phi phi tưởng xứ* cần được xem là trong trường hợp ấy.

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mạng chung từ bỏ thân ấy, đã trở lui lại, trở lui lại trong trạng thái này? Do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mạng chung từ bỏ thân ấy, đã không trở lui lại, đã không trở lui lại trong trạng thái này?

4. - Ở đây, này Sàriputta, đối với hạng người trong hạ phần kiết sử chưa đoạn tận, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về đấy, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thối đọa, khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ (thân ái), đã trở lui lại, đã trở lui lại trạng thái này.

5. Ở đây, này Sàriputta, đối với hạng người trong hạ phần kiết sử đã đoạn tận, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị

ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về đấy, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thối đọa, khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ (thân ái), nhưng không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này.

Này Sàriputta, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mạng chung, từ bỏ thân ấy … đã không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này.

126 Người này có 6 giới, 6 xúc, 18 ý hành, 4 thắng xứ... - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541

KINH GIỚI PHÂN BIỆT

(Dhatuvibhanga suttam)

– Bài kinh số 140 –* Trung *III, 541

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gốm Bhaggava:

– Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.

– Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati; sau khi đến nói với Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?

– Thưa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– *Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?*

– Thưa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện này đang ở.

– *Này Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?*

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý hành, bốn thắng xứ, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy độ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến **"Người này có sáu giới"**, do duyên gì được nói đến như vậy?* Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến **"Người này có sáu xúc xứ"**, do duyên gì được nói đến như vậy?* Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xứ ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến **"Người này có mười tám ý hành"**, do duyên gì được nói đến như*

vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương.. lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến* ***"Người này có bốn thắng xứ "****, do duyên gì được nói đến như vậy?* Tuệ thắng xứ, đế thắng xứ, huệ thí thắng xứ, tịch tịnh thắng xứ. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xứ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Khi được nói đến* ***"Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh"****, do duyên gì được nói đến như vậy?*

- ***Thế nào là không buông lung trí tuệ?*** Có sáu giới này: **địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.**

– Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội địa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. ***Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.***

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội thủy giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở

khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

– Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc

về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

– Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong

giới, tâm tư từ bỏ phong giới.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hư không giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

– Lại nữa, khi **thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy**. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.

- Này Tỷ-kheo, duyên **lạc xúc**, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".
- Này Tỷ-kheo, duyên **khổ xúc**, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".
- Này Tỷ-kheo, duyên **bất khổ bất lạc xúc**, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ

xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vị ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Này Tỷ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, **xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng.** *Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kềm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sủa, thanh tịnh, gột sạch, các uế*

tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyến, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng. Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả

này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". ***Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri***: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

➨ Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

➨ Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vi ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

➨ Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

➨ Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị

ấy cảm giác thọ ấy.

- ➨ Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.
- ➨ Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.
- ➨ Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương".

Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt...

...Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương". Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối

thắng **TUỆ THẮNG XỨ** này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh tuệ**, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ.

Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào **CHÂN ĐẾ**, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **ĐẾ** thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh đế**, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng.

Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **HUỆ THÍ** thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh huệ thí**, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phẫn nộ vô trí thức trước của nó, thuộc

sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng **TỊCH TỊNH** thắng xứ. Này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh tịch tịnh**, tức là sự tịch tịnh tham sân si.

Khi được nói đến **"Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh"**, chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Khi được nói đến* ***"Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh"****, do duyên gì được nói đến như vậy?*

– Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng.
– "Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.
– "Tôi sẽ có tưởng", như vậy là vọng tưởng.
– "Tôi sẽ không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.
– "Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

☞ Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, **khi vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh**.

☞ Nhưng này Tỷ-kheo, **vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu**. Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được? Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh" do chính duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt

của Ta về **sáu giới.**

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau: **"Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!"** Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Này Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng này Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Này Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia nam tử Pukkusati, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết

sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời ấy nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

127 Như Lai có tồn tại... - Kinh Anuràdha – Tương IV, 584

Anuràdha – *Tương* IV, 584

1) Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha đang ở một ngôi chòi trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Rồi rất nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, các ngoại đạo du sĩ ấy thưa với Tôn giả Anuràdha:

-- Này Hiền giả Anuràdha, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như

Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

-- Thưa chư Hiền, Như Lai ấy là bậc Thượng nhân, bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy được trình bày ngoài bốn trường hợp sau đây: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Anuràdha:

-- Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia không bao lâu. Hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh.

5) Các du sĩ ngoại đạo ấy, sau khi chê trách (apasàdetvà) Tôn giả Anuràdha là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

6) Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các du sĩ ngoại đạo ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ: "Nếu các du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu ta trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy là đúng với lời Thế Tôn, ta không có xuyên tạc

Thế tôn với điều không thật. Ta trả lời đúng pháp, thuận pháp, và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích".

7) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con trú trong một ngôi chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi, bạch Thế Tôn, rất nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến con, sau khi đến, nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với con: "Này Hiền giả Anuràdha, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'". Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thắng. Bậc Như Lai ấy được trình

bày ngoài bốn trường hợp như sau: ‘Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"". Khi được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với con: "Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia chưa bao lâu. Hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh". Các du sĩ ngoại đạo ấy, sau khi chê trách con là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

9) Bạch Thế Tôn, khi các vị du sĩ ngoại đạo ấy đi không bao lâu con suy nghĩ như sau: *"Nếu các vị du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu trả lời của ta cho các du sĩ ngoại đạo ấy là đúng với lời Thế Tôn, ta không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật. Ta trả lời đúng pháp, thuận pháp và những ai nói lời tương ưng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích".*

10)-- *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ***có hợp lý chăng*** *khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- ***Thọ*** *là thường hay vô thường?...* ***Tưởng*** *là thường hay vô thường?... Các* ***hành*** *là thường hay vô thường?...* ***Thức*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

11) -- **Do vậy**, này Anuràdha, **phàm có sắc gì** quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm có **thọ** gì, quá khứ, vị lai, hiện tại... Phàm có **tưởng** gì... Phàm

có các **hành** gì... Phàm có **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi".

12) ***Thấy vậy,*** này Anuràdha, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán **sắc** là Như Lai không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán **thọ** là Như Lai không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán **tưởng** là Như Lai không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán các* ***hành*** *là Như Lai không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán* ***thức*** *là Như Lai không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14-18) -- *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán Như Lai* ***ở trong*** *sắc không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai* ***ở ngoài*** *sắc không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai ở trong thọ không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai ở ngoài thọ không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai ở trong tưởng không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai ở ngoài tưởng không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai ở trong các hành không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai ở ngoài các hành không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai ở trong thức không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai ở ngoài thức không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

19-20) -- *Ông nghĩ như thế nào, này Anuràdha, Ông có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Ông có quán Như Lai* là không có *sắc, không có thọ, không có tưởng, không có các hành, không có thức hay không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

21) -- Ở đây, này Anuràdha, Ông ngay trong hiện tại không có nắm được Như Lai một cách chân thật, một cách xác chứng, thời có hợp lý chăng khi Ông tuyên bố về Như Lai rằng: "Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy được biết đến ngoài bốn trường hợp sau đây: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết''".

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

22) -- Lành thay, lành thay! Này Anuràdha. *Trước đây và hiện nay, này Anuràdha, Ta chỉ nói lên* ***sự khổ và sự diệt khổ.***

128 Như Lai có tồn tại... - Kinh Sabhiya – Tương IV, 321

Sabhiya – *Tương* IV, 321

1) Một thời, Tôn giả Sabhiya Kaccàna trú ở Nàtika, tại ngôi nhà bằng gạch.

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Tôn giả Sabhiya Kaccàna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sabhiya Kaccàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta nói với Tôn giả Sabhiya Kaccàna như sau:

-- Thưa Tôn giả Kaccàna, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

4) -- *Thế là, thưa Tôn giả Kaccàna, Như Lai không tồn tại sau khi chết?*

-- Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết".

5) *Thế là, thưa Tôn giả Kaccàna, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?*

-- Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

6) -- *Thế là, thưa Tôn giả Kaccàna, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?*

-- Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

7) -- Thưa Tôn giả Kaccàna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn không có trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết'".

8) Thưa Tôn giả Kaccàna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết".

9) Thưa Tôn giả Kaccàna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết'".

10) Thưa Tôn giả Kaccàna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?" Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: ‘Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

11) *Thưa Tôn giả Kaccàna, do nhân gì, do duyên gì, Sa-môn Gotama lại không trả lời về vấn đề ấy?*

12) -- *Này Vaccha, do nhân gì, do duyên gì, mà trình bày người ấy là có sắc, hay không có sắc, có tưởng hay không có tưởng, không có tưởng hay không không có tưởng, thì khi nhân ấy, duyên ấy được đoạn diệt không có dư tàn, một cách toàn diện, một cách hoàn toàn, khi ấy lấy cái gì để trình bày người ấy là có sắc, hay không có sắc, có tưởng hay không có tưởng, không có tưởng hay không không có tưởng?*

13) -- *Này Tôn giả Kaccàna, Tôn giả xuất gia đã bao lâu?*

-- Thưa Hiền giả, không lâu, chỉ có ba năm.

14) -- Hãy xem, với thời gian ngắn như vậy, lại được thấy nhiều như vậy. Còn nói gì đến các vấn đề vi diệu!

129 Như Lai có tồn tại... - Kinh Trưởng Lão Ni Khemà – Tương IV, 577

Trưởng Lão Ni Khemà – *Tương* IV, 577

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Khemà đang đi du hành giữa dân chúng Kosala và trú ở tại Toranavatthu, giữa Sàvatthi và Sàketà.

3) Vua Pasenadi nước Kosala cũng đang đi từ Sàketa đến Sàvatthi và trú một đêm ở Toranavatthu, giữa Sàketa và Sàvatthi.

4) Rồi vua Pasenadi nước Kosala gọi một người và nói:

-- Hãy đến, này Người kia. Ông có biết vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào ở tại Toranavatthu để hôm nay ta có thể đến yết kiến vị ấy?

-- Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, đi tìm khắp Toranavatthu không thấy có vị Sa-môn hay Bà-

la-môn nào để vua Pasenadi nước Kosala có thể đến yết kiến.

5) Rồi người ấy thấy Tỳ-kheo-ni Khemà đến trú ở Toranavatthu; sau khi thấy, người ấy đi đến vua Pasenadi nước Kosala và thưa:

-- Tâu Đại vương, tại Toranavatthu không có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào để Đại vương có thể yết kiến. Nhưng tâu Đại vương, có Tỳ-kheo-ni Khemà là đệ tử của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về bậc nữ Tôn giả ấy: "Nữ Tôn giả là bậc hiền trí, thông minh, có trí, nghe nhiều, lời nói đến tâm, ứng đáp lanh lợi". Đại vương có thể đến yết kiến vị ấy.

6) Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Tỳ-kheo-ni Khemà; sau khi đến, đảnh lễ vị ấy rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tỳ-kheo-ni Khemà:

-- *Thưa Nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?*

-- Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

8) -- *Thế là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết?*

-- Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".

9) -- *Thế là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?*

-- Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

10) -- *Thế là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?*

-- Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

11) -- *Được hỏi: "Thưa Nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thế là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thế là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi*

chết?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết"". Được hỏi: "Thế là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"". ***Thưa Nữ Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại không trả lời?***

12)-- Vậy thưa Đại vương, ở đây, tôi sẽ hỏi Đại vương. Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy.

13) *Đại vương nghĩ thế nào, thưa Đại vương, Đại vương có người kế toán nào, chưởng ấn nào (muddiko), toán số nào có thể đếm được cát sông Hằng có số hột cát như vậy, có số trăm hột cát như vậy, có số ngàn hột cát như vậy, có số trăm ngàn hột cát như vậy?*

-- Thưa không, thưa Nữ Tôn giả.

14) -- *Đại vương có người kế toán nào, có người chưởng ấn nào, có người toán số nào có thể đong lường được nước của biển lớn có số đấu nước như vậy, có số trăm đấu nước như vậy, có số ngàn đấu nước như vậy, có số trăm ngàn đấu nước như vậy?*

-- Thưa không, thưa Nữ Tôn giả.

-- *Vì sao?*

-- Thưa Nữ Tôn giả, vì rằng biển lớn thâm sâu, vô lường, khó dò đến đáy.

15) -- Cũng vậy, thưa Đại vương, *nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua **sắc** thân (rupeena), nhưng sắc thân ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của sắc thân. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận*. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

16) *Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua **cảm thọ**, nhưng cảm thọ ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ,* làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước

lượng của cảm thọ. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận... Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

17-19) *Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai qua các **tưởng**... qua các **hành**... qua các **thức**; nhưng thức ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ,* làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của thức. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

20) Rồi vua Pasanadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời của Tỷ-kheo-ni Khemà, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Khemà, thân phía hữu hướng về Nữ Tôn giả rồi ra đi.

21) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau một thời gian, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

22) Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?*

-- Thưa Đại vương, Ta không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

23) *Thế là, thưa Thế Tôn, Như Lai không có tồn tại sau khi chết?*

-- Thưa Đại vương, Ta cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".

24-25)... (Như trên)...

26-34... (Như trên, từ số 11 đến số 19, với những thay đổi cần thiết)...

35) -- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

36) Một thời, bạch Thế Tôn, con đi đến Tỷ-kheo-ni Khemà và hỏi về ý nghĩa này. Nữ Tôn giả ấy đã trả lời cho con về ý nghĩa này với những câu này, với những lời này, giống như Thế Tôn. Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Bạch Thế Tôn, nay con phải đi, con có nhiều công vụ, nhiều việc phải làm.

-- Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

37) Rồi vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

130 Như Lai có tồn tại... Ai còn ái lạc sắc thọ - Kinh Sàriputta Kotthika 4 – Tương IV, 600

Sàriputta – Kotthika 4 – *Tương* IV, 600 (hay Vườn)

I

1) Một thời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàranasì, tại Isipatana, ở vườn Nai.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kotthika; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Kotthika những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- Thưa Tôn giả Kotthika, Như Lai có tồn tại sau khi chết?... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?... Được hỏi vậy, Hiền giả trả lời: "Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"".

Do nhân gì, thưa Hiền giả, do duyên gì, Thế Tôn không trả lời vấn đề ấy?

4) -- Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc sắc, ưa thích sắc, hoan hỷ sắc, không như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc thọ, ưa thích thọ, hoan hỷ thọ, không như thật biết, như thật thấy thọ đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"... tưởng... các hành... Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc thức, ưa thích thức, hoan hỷ thức, không như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

5) Này Hiền giả, đối với ai không ái lạc sắc, không ưa thích sắc, không hoan hỷ sắc, như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. .. Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Thưa Hiền giả, với ai không còn ái lạc thọ... tưởng... các hành... không ái lạc thức, không ưa thích thức, không hoan hỷ thức, như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

6) Này Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

II

7) -- *Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do đấy Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy?*

-- Thưa có, này Hiền giả.

8) *Ai còn ái lạc* ***hữu****, thưa Hiền giả, ưa thích hữu, hoan hỷ hữu, không như thật biết, không như thật thấy hữu đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm:* "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

9) *Ai không còn ái lạc hữu, thưa Hiền giả, không ưa thích hữu, không hoan hỷ hữu, như thật biết, như thật thấy hữu đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm:* "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

10) Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

III

11) -- Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

-- Thưa có, này Hiền giả.

12) *Ai còn ái lạc **thủ**, thưa Hiền giả, ưa thích thủ, hoan hỷ thủ, không như thật biết, như thật thấy thủ đoạn diệt, thời người ấy có những quan điểm:* "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

13) Ai không còn ái lạc thủ, thưa Hiền giả, không ưa thích thủ, không hoan hỷ thủ, như thật biết, như thật thấy thủ đoạn diệt, thời người ấy không có những quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

14) Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

IV

15) -- Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

-- Thưa có, này Hiền giả.

16) *Với ai còn ái lạc* ***ái****, thưa Hiền giả, ưa thích ái, hoan hỷ ái, không như thật biết, không như thật thấy ái đoạn diệt, thời người ấy có những quan điểm:* "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

17) Với ai, thưa Hiền giả, không còn ái lạc ái, không ưa thích ái, không hoan hỷ ái, và như thật biết, như thật thấy ái đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

18) Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

V

19) -- Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

-- Ở đây, thưa Hiền giả Sàriputta, sao Hiền giả còn muốn hỏi thêm chi nữa. Đối với Tỷ-kheo đã được

giải thoát nhờ đoạn tận ái, thời không còn gì để nêu rõ là được tăng trưởng.

131 Như Lai có tồn tại... Do không như thật thấy biết sắc thọ - Kinh Sàriputta Kotthika 2 – Tương IV, 596

Sàriputta – Kotthika 2 – *Tương* IV, 596 (hay Tập khởi)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàranasi (Ba-la-nại), tại Isipatana, chỗ vườn Nai...

2-7) -- *Thưa Hiền giả, do nhân gì Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy?*

8) -- *Thưa Hiền giả, do không như thật biết, như thật thấy **sắc**; do không như thật biết, như thật thấy **sắc tập khởi**; do không như thật biết, như thật thấy **sắc đoạn diệt**; do không như thật biết, như thật thấy **con đường đưa đến sắc đoạn diệt** nên mới có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết..".*

9-11). .. ***thọ**... **tưởng**... các **hành**...*

12) *Do <u>không</u> như thật biết, như thật thấy **thức**; do không như thật biết, như thật thấy thức tập khởi; do không như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt; do không như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến thức đoạn diệt <u>nên</u> <u>mới có quan điểm rằng</u>: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".*

13) *Do <u>như</u> thật biết, như thật thấy **sắc**; do như thật biết, như thật thấy sắc tập khởi; do như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt; do như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến sắc đoạn diệt <u>nên không</u> có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".*

14-16). .. thọ... tưởng... các hành...

17) *Do <u>như</u> thật biết, như thật thấy **thức**; do như thật biết, như thật thấy thức tập khởi; do như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt; do như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến thức đoạn diệt <u>nên không</u> có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay*

Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

18) Thưa Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời vấn đề ấy.

132 Như Lai có tồn tại... Quán sắc như là tự ngã - Kinh Vaccha – Tương IV, 611

Vaccha – *Tương* IV, 611 (hay Trói buộc)

1) ...

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

-- *Thưa Tôn giả Gotama, thế giới có phải là thường còn?*

-- Này Vaccha, Ta không có trả lời: "Thế giới là thường còn..".

4-11)... (như trên)...

12) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Ta không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

13) -- *Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, thời* ***trả*** *lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?*

Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy, lại ***không*** *trả lời: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?*

14) -- Này Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Họ quán thọ như là tự ngã... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

15) Như Lai, này Vaccha, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có sắc, hay sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ không phải tự ngã... quán tưởng... quán các hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có thức, hay thức không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi

như vậy, lại không trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

16) Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Moggalàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

17) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta nói với Tôn giả Mahà Moggalàna:

-- Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải thế giới là thường còn?

-- Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Thế giới là thường còn".

18-26)... (như trên)...

27) -- Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Thế Tôn không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

28) -- Thưa Tôn giả Moggalàna, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy,

liền trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Moggalàna, Sa-môn Gotama khi được hỏi như vậy, lại không trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

29) -- Này Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Họ quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

30) Còn Như Lai, này Vaccha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có sắc, quán sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không có trả lời như vầy: "Thế

giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

31) -- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Moggalàna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

32) Thưa Tôn giả Moggalàna, nay tôi đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến tôi hỏi về ý nghĩa này. Sa-môn Gotama với những câu văn, với những lời văn đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Moggalàna. Thật vi diệu thay, Tôn giả Moggalàna! Thật hy hữu thay, Tôn giả Moggalàna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

133 Như Lai có tồn tại... là chấp trước sắc, thọ - Kinh Sàriputta Kotthika 1 – Tương IV, 592

Sàriputta – Kotthika 1 – *Tương* IV, 592 (hay Trú trước)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Barànasi, tại Isipatana, trong vườn Nai.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tôn giả Mahà Kotthika nói với Tôn giả Sàriputta:

-- *Thưa Hiền giả Sàriputta, Như Lai có tồn tại sau khi chết hay không?*

-- Thưa Hiền giả, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

4)-- *Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết?*

-- Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết".

5)-- *Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?*

-- Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

6)-- *Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?*

-- Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

7) -Được hỏi:"Thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?", Hiền giả trả lời: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết"". Được hỏi: "Thưa Hiền giả, thế là Như Lai không tồn tại sau khi chết?", Hiền giả trả lời: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?", Hiền giả trả lời: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn

cũng không trả lời: ‘Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thưa Hiền giả, thế là Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?", Hiền giả trả lời: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: ‘Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'". *Thưa Hiền giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại không trả lời?*

8) *"Như Lai có tồn tại sau khi chết", thưa Hiền giả,* ***là chấp trước sắc***. "Như Lai không có tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc.

9) *"Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước* ***thọ***. "Như Lai không có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ.

10) *"Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước* ***tưởng***. "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng.

11) *"Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước các **hành**.* "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước các hành. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước các hành. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước các hành.

12) *"Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước **thức**.* "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức.

13) Này Hiền giả, do nhân này, do duyên này, Thế Tôn không trả lời.

134 Như Lai có tồn tại... Đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với sắc thọ - Kinh Sàriputta Kotthika 3 – Tương IV, 598

Sàriputta – Kotthika 3 – *Tương* IV, 598 (hay Ái)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàranasi (Ba-la-nại), tại Isipatana, chỗ vườn Nai...

2-7) -- *Thưa Hiền giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy?*

8) -- Thưa Hiền giả, đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với **sắc**, chưa đoạn trừ dục, chưa đoạn trừ ái, chưa đoạn trừ khát, chưa đoạn trừ nhiệt tâm, chưa đoạn trừ khát ái, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

9-11). .. đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**...

12) Thưa Hiền giả, đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với thức, chưa đoạn trừ dục, chưa đoạn trừ ái chưa

đoạn trừ khát, chưa đoạn trừ nhiệt tâm, chưa đoạn trừ khát ái, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

13) Này Hiền giả, đối với ai đã đoạn trừ tham đối với **sắc**, đã đoạn trừ dục, đã đoạn trừ ái, đã đoạn trừ khát, đã đoạn trừ nhiệt tâm, đã đoạn trừ khát ái, người ấy sẽ không có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

14-16) ... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

17) Này Hiền giả, đối với ai đã đoạn trừ lòng tham đối với thức, đã đoạn trừ dục, đã đoạn trừ ái, đã đoạn trừ khát, đã đoạn trừ nhiệt tâm, đã đoạn trừ khát ái, thời người ấy không có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

18) Này Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời vấn đề ấy.

135 Như lý tác ý về 5 uẩn như thế nào - Kinh Vị Giữ Giới – Tương III, 298

Vị Giữ Giới – *Tương* III, 298

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

2-3) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta... thưa như sau:

-- Thưa Hiền giả Sàriputta, những pháp gì **Tỷ-kheo giữ giới** cần phải như lý tác ý?

4) -- Này Hiền giả Kotthika, Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

5) Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Hiền giả Kotthika, vị Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

6) Này Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỷ-kheo giữ giới **do** như tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Dự lưu.**

7) -- *Với **Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu**, này Hiền giả Sàriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý?*

8-9) -- Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Nhứt lai.**

10) -- *Nhưng **Tỷ-kheo Nhứt lai**, này Hiền giả Sàriputta, phải như lý tác ý các pháp gì?*

11) -- Tỷ-kheo Nhứt lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Nhứt lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Bất lai.**

12) -- *Nhưng **Tỷ-kheo Bất lai**, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì?*

13-15) -- Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Bất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả A-la-hán.**

16) -- *Nhưng **vị A-la-hán**, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì?*

17) -- Vị A-la-hán, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

18) Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Vị Có Nghe – *Tương* III, 300

(Hoàn toàn như kinh trước, chỉ thay thế vị có nghe cho vị giữ giới).

136 Những pháp nào sự sanh khởi, tồn tại, hoại diệt được thấy rõ - Kinh Ananda – Tương III, 75

Ananda – *Tương* III, 75

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

- Này Ananda, nếu có người hỏi Ông: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào ***sự sanh khởi*** *được thấy rõ,* ***sự diệt mất*** *được thấy rõ,* ***trong khi tồn tại, sự biến đổi*** *được thấy rõ?" Nếu được hỏi vậy, này Ananda, Ông trả lời như thế nào?*

4) -Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn,con sẽ trả lời như sau:

5) "Trong sắc, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong các hành... Trong thức, này Hiền giả, sự sanh khởi

được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ". Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

6) -Lành thay, lành thay, này Ananda! Này Ananda, trong sắc sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong các hành... Trong thức, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Này Ananda, trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Được hỏi vậy, Này Ananda, Ông phải trả lời như vậy.

Ananda – *Tương* III, 76

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) *Này Ananda, nếu Ông được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ananda,* ***sự sanh khởi*** *đã được thấy rõ,* ***sự diệt mất*** *đã được thấy rõ****, trong khi tồn tại, sự biến đổi*** *đã được thấy rõ? Trong những pháp nào sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi*

được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi như vậy, này Ananda, Ông trả lời như thế nào?

4) -Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

5) "Đối với sắc quá khứ, này Hiền giả, **đã đoạn diệt**, đã biến hoại, đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thọ ấy được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thức ấy đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong những pháp này, Này Hiền giả, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất

đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

6) Đối với sắc chưa sanh, này Hiền giả, **chưa hiện hữu**, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ chưa sanh, chưa hiện hữu, trong thọ ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức chưa sanh, chưa hiện hữu, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

7) Đối với sắc đã sanh, này Hiền giả, **đã hiện hữu**, trong sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ đã sanh, đã hiện hữu... Đối với tưởng đã sanh, đã hiện hữu... Đối với các hành đã sanh, đã hiện hữu... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ ".

Nếu con được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

8) -Lành thay, lành thay, này Ananda! Này Ananda, đối với sắc thuộc quá khứ đã đoạn diệt, đã biến hoại; đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức, thuộc quá khứ đã đoạn diệt, đã biến hoại, trong thức ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự biến mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong các pháp này, này Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự biến mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

9) Đối với sắc chưa sanh, này Ananda, chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức chưa sanh khởi, chưa hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với những pháp này, này Ananda, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

10) Đối với sắc đã sanh, này Ananda, đã hiện hữu, đối với sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, đối với thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Được hỏi như vậy, này Ananda, Ông cần phải trả lời như vậy.

137 Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua sắc, thọ... - Trưởng Lão Ni Khemà – Tương IV, 577

Trưởng Lão Ni Khemà – *Tương* IV, 577

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Khemà đang đi du hành giữa dân chúng Kosala và trú ở tại Toranavatthu, giữa Sàvatthi và Sàketà.

3) Vua Pasenadi nước Kosala cũng đang đi từ Sàketa đến Sàvatthi và trú một đêm ở Toranavatthu, giữa Sàketa và Sàvatthi.

4) Rồi vua Pasenadi nước Kosala gọi một người và nói:

-- Hãy đến, này Người kia. Ông có biết vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào ở tại Toranavatthu để hôm nay ta có thể đến yết kiến vị ấy?

-- Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, đi tìm khắp Toranavatthu không thấy có vị Sa-môn hay Bà-

la-môn nào để vua Pasenadi nước Kosala có thể đến yết kiến.

5) Rồi người ấy thấy Tỷ-kheo-ni Khemà đến trú ở Toranavatthu; sau khi thấy, người ấy đi đến vua Pasenadi nước Kosala và thưa:

-- Tâu Đại vương, tại Toranavatthu không có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào để Đại vương có thể yết kiến. Nhưng tâu Đại vương, có Tỷ-kheo-ni Khemà là đệ tử của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về bậc nữ Tôn giả ấy: "Nữ Tôn giả là bậc hiền trí, thông minh, có trí, nghe nhiều, lời nói đến tâm, ứng đáp lanh lợi". Đại vương có thể đến yết kiến vị ấy.

6) Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Tỷ-kheo-ni Khemà; sau khi đến, đảnh lễ vị ấy rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tỷ-kheo-ni Khemà:

-- *Thưa Nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?*

-- Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

8) -- *Thế là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết?*

-- Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".

9) -- *Thế là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?*

-- Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

10) -- *Thế là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?*

-- Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

11) -- *Được hỏi: "Thưa Nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thế là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thế là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi*

chết?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết"". Được hỏi: "Thế là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"". ***Thưa Nữ Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại không trả lời?***

12)-- Vậy thưa Đại vương, ở đây, tôi sẽ hỏi Đại vương. Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy.

13) *Đại vương nghĩ thế nào, thưa Đại vương, Đại vương có người kế toán nào, chưởng ấn nào (muddiko), toán số nào có thể đếm được cát sông Hằng có số hột cát như vậy, có số trăm hột cát như vậy, có số ngàn hột cát như vậy, có số trăm ngàn hột cát như vậy?*

-- Thưa không, thưa Nữ Tôn giả.

14) -- *Đại vương có người kế toán nào, có người chưởng ấn nào, có người toán số nào có thể đong lường được nước của biển lớn có số đấu nước như vậy, có số trăm đấu nước như vậy, có số ngàn đấu nước như vậy, có số trăm ngàn đấu nước như vậy?*

-- Thưa không, thưa Nữ Tôn giả.

-- *Vì sao?*

-- Thưa Nữ Tôn giả, vì rằng biển lớn thâm sâu, vô lường, khó dò đến đáy.

15) -- Cũng vậy, thưa Đại vương, *nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua **sắc** thân (rupeena), nhưng sắc thân ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của sắc thân. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận*. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

16) *Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua **cảm thọ**, nhưng cảm thọ ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ,* làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước

lượng của cảm thọ. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận... Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

17-19) *Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai qua các **tưởng**... qua các **hành**... qua các **thức**; nhưng thức ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ,* làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của thức. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

20) Rồi vua Pasanadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời của Tỷ-kheo-ni Khemà, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Khemà, thân phía hữu hướng về Nữ Tôn giả rồi ra đi.

21) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau một thời gian, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

22) Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?*

-- Thưa Đại vương, Ta không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

23) *Thế là, thưa Thế Tôn, Như Lai không có tồn tại sau khi chết?*

-- Thưa Đại vương, Ta cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".

24-25)... (Như trên)...

26-34... (Như trên, từ số 11 đến số 19, với những thay đổi cần thiết)...

35) -- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

36) Một thời, bạch Thế Tôn, con đi đến Tỷ-kheo-ni Khemà và hỏi về ý nghĩa này. Nữ Tôn giả ấy đã trả lời cho con về ý nghĩa này với những câu này, với những lời này, giống như Thế Tôn. Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Bạch Thế Tôn, nay con phải đi, con có nhiều công vụ, nhiều việc phải làm.

-- Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

37) Rồi vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

138 Nếu sắc nhất hướng khổ... - Kinh Mahàli – Tương III, 129

Mahàli – *Tương* III, 129

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, trong rừng Đại Lâm, tại Trùng Các đại giảng đường.

2) Rồi Mahàli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahàli, người Licchavi, bạch Thế Tôn:

3) -*Puràna Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp), bạch Thế Tôn, thuyết như sau: "Không nhân, không duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Không nhân, không duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh được thanh tịnh". Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết như thế nào?*

4) *-Này Mahàli,* ***có nhân, có duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh****. Này Mahàli, có nhân, có duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Này Mahàli,* ***có nhân có***

duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. *Có nhân, có duyên, chúng sanh được thanh tịnh.*

5) -*Nhưng bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì là sự nhiễm ô của chúng sanh?* ***Do có nhân gì, do có duyên gì chúng sanh bị nhiễm ô****?*

6) Này Mahàli, nếu **sắc** nhứt hướng khổ, rơi trên đau khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, này Mahàli, **sắc là lạc**, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho **nên** chúng sanh **tham đắm** đối với sắc. Do tham đắm nên **bị triền phược**, do bị triền phược nên **bị nhiễm ô**. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

7) Và này Mahàli, nếu **thọ** nhứt hướng khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời các chúng sanh không tham đắm đối với thọ. Và vì rằng, này Mahàli, thọ là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với thọ. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

8-9) Và này Mahàli, nếu **tưởng** nhứt hướng khổ... nếu các **hành** nhứt hướng khổ...

10) Và này Mahàli, nếu **thức** nhứt hướng khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với thức. Vì rằng, này Mahàli, thức là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, do vậy chúng sanh tham đắm đối với thức. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahali, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

11) -*Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân, thế nào là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh? **Do có nhân như thế nào, có duyên như thế nào, chúng sanh được thanh tịnh**?*

12) Này Mahàli, nếu **sắc** là nhứt hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhàm chán đối với sắc. Và vì rằng, này Mahàli, **sắc là khổ**, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới **yếm ly** đối với sắc. Do yếm ly nên **ly tham**; do ly tham nên **giải thoát**. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có

nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

13) Này Mahàli, nếu thọ là nhứt hướng lạc...

14) Này Mahàli, nếu tưởng là nhứt hướng lạc...

15) Này Mahàli, nếu các hành là nhứt hướng lạc...

16) Này Mahàli, nếu thức là nhứt hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhàm chán đối với thức. Và vì rằng, này Mahàli, thức là khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

139 Phàm có dục, tham, hỷ, khát ái nào đối với 5 uẩn, hãy từ bỏ chúng, như vậy sắc sẽ được đoạn tận - Kinh Dục Tham – Tương III, 337

Dục Tham – *Tương* III, 337

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Thế Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- Này Ràdha, phàm có **dục** nào, **tham** nào, **hỷ** nào, **khát ái** nào đối với **sắc**, hãy từ bỏ chúng. Như vậy, sắc sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

5-7) ... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**...

8) Này Ràdha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, đối với **thức**, hãy từ bỏ chúng. Như vậy, thức sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Dục Tham – *Tương* III, 338

(Như kinh trên, chỉ thêm vào: "Phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên").

140 Phản quan tự kỷ ntn - Kinh KHẤT THỰC THANH TỊNH – 151 Trung III, 655

KINH KHẤT THỰC THANH TỊNH

(Pindapataparisuddhi suttam)

– Bài kinh số 151 –* Trung *III, 655

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Rồi Tôn giả Sariputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sariputta đang ngồi một bên:

– Này Sariputta, các căn của Ông rất sáng suốt, sắc da của Ông thanh tịnh trong sáng. Này Sariputta, Ông nay đang phần lớn an trú với loại an trú nào?

– Bạch Thế Tôn, con nay đang phần lớn an trú với **không trú**.

– Lành thay, lành thay! Này Sariputta, Ông nay đang phần lớn an trú với sự an trú của bậc Đại nhân. Này Sariputta, **sự an trú của bậc Đại nhân tức là không tánh.**

- Do vậy, này Sariputta, nếu Tỷ-kheo ước mong rằng:: "Mong rằng tôi nay phần lớn an trú với sự an trú không tánh", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: *"Trên con đường ta đã đi vào làng để khất thực, tại trú xứ ta đã đi khất thực, và trên con đường từ làng ta đi khất thực trở về, tại chỗ ấy, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên ở nơi ta dục, tham, sân, si, hay hận tâm không?"*

  – Này Sariputta, nếu Tỷ-kheo sau khi tư duy biết rằng: "Trên con đường ta đã đi vào làng để khất thực, tại trú xứ ta đã đi khất thực và trên con đường từ làng ta đi khất thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, **có khởi lên** nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy.

  – Nhưng này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi.. ta đi khất thực trở về, đối với các sắc do

mắt nhận thức, **không có khởi lên** nơi dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khất thực trở về đối với các tiếng do tai nhận thức, ... đối với các hương do mũi nhận thức, ... đối với các vị do lưỡi nhận thức, ... đối với các xúc do thân nhận thức, ... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên dục, tham, sân, si hay hận tâm không?"

Này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư biết được như sau: "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khất thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si, hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy.

Nhưng này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khất thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, không có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

- ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng chưa?***

  – Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm dục trưởng dưỡng.

  – Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

- ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái chưa?"***

Nếu, này Sariputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm triền cái", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm triền cái.

Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện

pháp.

- ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta có liễu tri năm thủ uẩn chưa?"***

Này Sariputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa có liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tán liễu tri năm thủ uẩn.

Nhưng nếu, này Sariputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo ấy được biết như sau: "Ta đã liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sariputta, vị Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

- ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập bốn niệm xứ chưa?"***

  – Này Sariputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết: "Ta chưa tu tập bốn niệm xứ", thời này Sariputta, vị Tỷ-kheo cần phải tinh tấn tu tập bốn niệm xứ.

  – Nhưng nếu, này Sariputta, trong khi suy tư Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta đã tu tập bốn niệm xứ ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học

trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập ***bốn chánh cần*** chưa? " Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bốn chánh cần. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập ***bốn như ý túc*** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bốn như ý túc. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập ***năm căn*** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập năm căn. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **năm lực** chưa?" Nếu... phải tinh tấn tu tập năm lực . Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **bảy giác chi** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bảy giác chi. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

- ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo Tám ngành***

chưa?"

– Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sariputta Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Thánh đạo Tám ngành.

– Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú trong hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➢ ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập chỉ và quán chưa? "***

– Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa tu tập chỉ và quán ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập chỉ và quán.

– Nhưng nếu, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập chỉ và quán ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➢ ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư***

như sau: "Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát chưa? "

– Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa chứng ngộ minh và giải thoát", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập minh và giải thoát.

– Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

→ Này Sariputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ đã làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khất thực được thanh tịnh bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

→ Này Sariputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời gian tương lai sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

→ Và này Sariputta, những Sa-môn, Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khất thực được

thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Vậy này Sariputta, các Ông **cần phải học tập như sau:** **"Sau khi suy tư, suy tư, chúng ta sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh"**. Này Sariputta, các Ông phải tu tập như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

141 Phần lớn Thế Tôn giảng dạy về 5 uẩn - TIỂU Kinh SACCAKA – 35 Trung I, 499

TIỂU KINH SACCAKA

(Culasaccaka suttam)

– Bài kinh số 35 – *Trung* I, 499

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Vesali, rừng Đại Lâm, tại giảng đường Trùng Các. Lúc bấy giờ Niganthaputta Saccaka ở tại Vesali tánh ưa luận chiến, biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính. Vị này thường xuyên bố cho hội chúng ở Vesali: "Ta không thấy một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường".

Rồi Tôn giả Assaji vào buổi sáng đắp y, cầm bát vào Vesali để khất thực. Niganthaputta Saccaka, thường hay ngao du thiên hạ, thấy Tôn giả Assaji từ xa đi lại. Sau khi thấy, Niganthaputta Saccaka liền đến gần Tôn giả Assaji, nói lên những lời hỏi thăm, chào đón, xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Niganthaputta Saccaka nói với Tôn giả Assaji:

– Này Tôn giả Assaji, Sa-môn Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Và có những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Này Aggivessana, như thế này, Thế Tôn huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn như thế này, phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã". Như vậy này Aggivessana, Thế Tôn huấn luyện các đệ tử. Như vậy là các bộ môn mà phần lớn Thế Tôn giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Này Tôn giả Assaji, thật sự chúng tôi đã thất

vọng khi nghe Sa-môn Gotama thuyết giảng như vậy. Rất có thể chúng tôi sẽ gặp Tôn giả Gotama một thời nào đó và tại một chỗ nào đó. Rất có thể sẽ có một cuộc thảo luận. Rất có thể chúng tôi sẽ đoạn trừ ác tà kiến ấy.

Lúc bấy giờ, có khoảng độ năm trăm vị Licchavi tập hợp tại giảng đường vì một vài công vụ. Rồi Niganthaputta Saccaka đến chỗ các Licchavi ấy, sau khi đến, liền nói các vị ấy như sau:

– Hãy đến, các Tôn giả Licchavi; hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta. Nếu Sa-môn Gotama đứng đối thoại với ta như Tỷ-kheo Assaji, một vị đệ tử danh tiếng của ông ta đã làm, thì như một lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, dặc lui, vần quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng có thể kéo tới, dặc lui, vần quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một lực sĩ nghiện rượu, sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh. Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama. Và

cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, ta nghĩ ta sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Hãy đến, các Tôn giả Licchavi. Hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta.

Một số Licchavi nói như sau:

– Làm sao Sa-môn Gotama có thể luận thắng Niganthaputta Saccaka? Niganthaputta Saccaka sẽ luận thắng Sa-môn Gotama.

Một số Licchavi lại nói như sau:

– Làm sao chỉ là Niganthaputta Saccaka lại có thể luận thắng Thế Tôn? Thế Tôn sẽ luận thắng Niganthaputta Saccaka.

Rồi Niganthaputta Saccaka với khoảng năm trăm Licchavi vây quanh, cùng đi đến Đại Lâm, giảng đường Trùng Các.

Lúc bấy giờ một số đông các Tỷ-kheo đang đi qua lại giữa trời. Niganthaputta Saccaka đến các Tỷ-kheo, sau khi đến, liền nói với các vị ấy:

– Chư Tôn giả, nay Tôn giả Gotama ở đâu?

Chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Thế Tôn sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi Niganthaputta Saccaka cùng với đại chúng Licchavi, sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đến tại chỗ Thế Tôn. Sau khi đến Niganthaputta Saccaka nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Một số Licchavi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi chấp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi xưng tên họ của mình rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi im lặng ngồi xuống một bên.

Niganthaputta Saccaka sau khi ngồi xuống một bên nói với Thế Tôn:

– Tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama một vấn đề, nếu Tôn giả Gotama cho phép tôi được hỏi.

– Này Aggivessana, hãy hỏi như Ông muốn.

– Tôn giả Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào?

Những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Này Aggivessana, như thế này Ta huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn này, phần lớn Ta giảng dạy được dành cho đệ tử: *"Này các Tỷ-kheo, **sắc là vô thường**, **thọ** là vô thường, **tưởng** là vô thường, **hành** là vô thường, **thức** là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã".* Như vậy này Aggivessana, Ta huấn luyện các đệ tử. Các bộ môn như vậy, phần lớn ta giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Này Tôn giả Gotama, tôi có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Aggivessana, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Như các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh là vì tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh. Tôn giả Gotama, như các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác, tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy, các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác. Cũng

vậy, này Tôn giả Gotama, như người này mà tự ngã là sắc, nhờ nương tựa sắc làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thọ, nhờ nương tựa thọ làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là tưởng, nhờ nương tựa tưởng làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là các hành, nhờ nương tựa các hành làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thức, nhờ nương tựa thức làm thiện sự hay ác sự.

– Này Aggivessana, như vậy có phải ông nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta"?

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta". Và như đại chúng này cũng vậy.

– Này Aggivessana, đại chúng này có quan hệ gì với Ông? Này Aggivessana, hãy giải thích lời nói của Ông.

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta".

– Này Aggivessana, Ta sẽ hỏi Ông trở lại về vấn đề này. Ông có thể trả lời nếu Ông muốn. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất không?

– Tôn giả Gotama, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu, con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất. Này Tôn giả Gotama, cho đến các giáo đoàn, các đoàn thể, như các Vajji, các Malla, vẫn có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất, còn nói gì một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha. Này Tôn giả Gotama, vị ấy có quyền hành ấy và xứng đáng có quyền hành ấy.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như

Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

Được nói vậy Niganthaputta Saccaka giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Lần thứ hai, Niganthaputta Saccaka vẫn giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, nay Ông phải trả lời. Nay không phải lúc Ông giữ im lặng nữa. Này Aggivessana, ai được Như Lai hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

Lúc bấy giờ thần Dạ xoa Vajirapani (Kim Cang Thủ) đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng

chói, đứng trên không trên đầu Niganthaputta Saccaka với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến câu hỏi thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà Niganthaputta Saccaka không trả lời, thì ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và Niganthaputta Saccaka mới thấy thần Dạ xoa Vajirapani. Niganthaputta Saccaka sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng, ngược, chỉ tìm thấy sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự an ổn nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự nương tựa nơi Thế Tôn, liền bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama hãy hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", thì Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thọ là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với thọ ấy và có nói được, rằng: "Thọ của tôi

phải như thế này, thọ của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Tưởng là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với tưởng ấy và có nói được rằng: "Tưởng của tôi phải như thế này, tưởng của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Các hành là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Các hành của tôi phải như thế này, các hành của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thức là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Thức của tôi phải như thế này, thức của tôi không phải như thế này" không?

- Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông.

Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý

chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thọ... (như trên)... tưởng... (như trên)... các hành... (như trên)... Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ, tham đắm khổ, quán khổ và nói: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Người ấy có thể liễu tri cái khổ của tự mình hay có thể sống trừ diệt khổ không?

– Làm sao có thể được, Tôn giả Gotama? Không thể như vậy, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi chỗ này chỗ kia tìm kiếm lõi cây. Người ấy cầm một cái búa sắc bén, đi vào rừng. Người ấy có thể thấy ở đây thân một cây chuối lớn thẳng đứng, còn trẻ, không có khúc đốt. Người ấy có thể chặt gốc cây ấy. Sau khi chặt gốc cây, người ấy chặt ngọn cây. Sau khi chặt ngọn cây, người ấy có thể lột ra các lá cuộn tròn. Nhưng khi lột ra các lá cuộn tròn, người ấy không tìm được giác cây, còn nói gì đến lõi cây.

Cũng vậy này Aggivessana, khi được Ta hỏi, Ta cật vấn, Ta chất vấn về những lời của Ông, Ông đã tự tỏ ra trống rỗng, trống không, thất bại. Nhưng này Aggivessana, những lời nói mà Ông tuyên bố cho hội chúng ở Vesali: *"Ta không thấy một Sa-môn hay Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu có tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với Ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không bị toát mồ hôi nách. Dầu Ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường"*. Nhưng chính

từ nơi trán của Ông, này một người thường. Nhưng chính từ nơi trán của ông, này Aggivessana, những giọt mồ hôi đang chảy xuống, sau khi thấm qua thượng y, đang rơi xuống đất. Còn Ta, này Aggivessana, nay không có mồ hôi nào trên thân Ta.

Rồi Thế Tôn để lộ kim thân cho Hội chúng ấy thấy. Khi nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời.

Rồi Dummukha, một người con Licchavi, biết được Niganthaputta Saccaka im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Dummukha, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Bạch Thế Tôn, như một hồ sen không xa làng hay thị trấn bao nhiêu, ở đây có con cua. Bạch Thế Tôn, rồi một số đông con trai hay con gái đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, đến tại hồ sen kia, sau khi đến, lặn xuống hồ nước ấy bắt con cua lên và đặt nó trên đất khô. Bạch Thế Tôn, khi con cua này thò ra cái

càng nào, thì các đứa con trai hay con gái ấy, với cái gậy hay miếng sành, chặt, bẻ gãy và đập nát cái càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con cua ấy bị chặt, bị bẻ gãy, bị đập nát tất cả càng, không thể lội xuống hồ sen ấy như trước.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, mọi khúc thuyết, gian kế, tranh luận của Niganthaputta Saccaka đã bị Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy, đập tan. Và nay, bạch Thế Tôn, Niganthaputta Saccaka, không thể đến gặp Thế Tôn, chớ đừng nói là có ý định đàm luận.

Khi được nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka nói với Licchavi Dummukha:

– Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Chúng tôi không đàm luận với Ông. Chúng tôi đang đàm luận với Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama, hãy để yên những lời nói của chúng tôi và lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Tôi nghĩ cuộc đàm luận vô bổ này thật đáng hối tiếc! *Cho đến mức độ nào, một đệ tử Thanh văn của Tôn giả Gotama trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bổn Sư, khỏi phải nương tựa vào ai?*

– Ở đây, này Aggivessana, đệ tử Thanh văn của

Ta, đối với mọi sắc pháp, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: *"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"*. Đối với mọi cảm thọ... đối với mọi tưởng... đối với mọi hành... đối với mọi thức, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Cho đến mức độ như vậy, này Aggivessana, một đệ tử Thanh văn của Ta trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bổn Sư, khỏi phải nương tựa một ai.

– *Cho đến mức độ nào, này Tôn giả Gotama, Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát?*

– Ở đây, này Aggivessana, Tỷ-kheo đối với bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các sắc pháp, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải

là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chứng được vô chấp thủ giải thoát. Đối với bất cứ thọ nào... bất cứ tưởng nào... bất cứ hành nào... đối với bất cứ thức nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", **chứng được vô chấp thủ giải thoát**. Cho đến mức độ này, này Aggivessana, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát. *Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo thành tựu ba pháp vô thượng: Kiến vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng*. **Được giải thoát như vậy, này Aggivessana, vị ấy chỉ kính lễ, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường Như Lai**: "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn".

Được nghe nói vậy, Niganthaputta bạch với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chúng tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con voi điên, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu chống đám lửa hừng, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con rắn độc dữ tợn, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu với Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, chúng tôi thật lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh xuất. Chúng tôi đã dám nghĩ, dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả Gotama nhận lời, ngày mai dùng bữa ăn của tôi cùng với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Niganthaputta Saccaka, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền nói với các Licchavi:

– Các Tôn giả Licchavi hãy nghe tôi. Sa-môn Gotama ngày mai được mời ăn với chúng Tỷ-kheo. Hãy đem đến cho tôi những gì quý vị nghĩ là hợp

thời.

Rồi những Licchavi ấy, sau khi đêm ấy đã mãn cho đem đến Niganthaputta Saccaka khoảng năm trăm phần cơm cúng dường nấu với sữa. Rồi Niganthaputta Saccaka, tại vườn của mình, cho soạn các món ăn thịnh soạn, loại cứng và loại mềm, rồi cho báo tin giờ cho Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ. Cơm đã sửa soạn xong.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến khu vườn của Niganthaputta Saccaka, sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi Niganthaputta Saccaka, tự tay hầu hạ các món ăn thịnh soạn loại cứng và loại mền cho chúng Tỷ-kheo, cầm đầu là đức Phật. Rồi Niganthaputta sau khi biết Thế Tôn dùng bữa ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Niganthaputta Saccaka bạch Thế Tôn:

– Này Tôn giả Gotama, trong cuộc bố thí này, nếu có công đức và công đức địa, mong rằng những vị bố thí sẽ được hưởng hạnh phúc.

– Này Aggivessana, sẽ có (công đức) cho những

người bố thí, đối với người đáng được cúng dường như Ông, dầu Ông không phải là không có tham, không phải là không có sân, không phải là không có si; sẽ có (công đức) cho Ông, này Aggivessana, đối với người đáng được cúng dường như Ta, và Ta là người không có **tham**, không có **sân**, không có **si**.

142 Quan trọng - Kinh MAGANDIYA – 75 Trung II, 353

KINH MAGANDIYA

(Magandiya suttam)

– *Bài kinh số 75* – Trung *II, 353*

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammasadhamma, trên thảm cỏ trong nhà lửa của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Kammasadhamma để khất thực. Đi khất thực ở Kammasadhamma xong, sau bữa ăn, trên đường khi khất thực về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Thế Tôn đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi du sĩ Magandiya, trong khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc họ Bharadvaja. Du sĩ Magandiya thấy thảm cỏ đã soạn sẵn trong nhà lửa của vị Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, khi thấy vậy liền nói với Bà-la-môn

thuộc dòng họ Bharadvaja:

– Tấm thảm cỏ này trong nhà lửa của Tôn giả Bharadvaja đã được sửa soạn cho ai, hình như là chỗ nằm ngủ của một Sa-môn?

– Thưa Tôn giả Magandiya, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca). Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Chỗ nằm này được sửa soạn cho Tôn giả Gotama ấy.

– Thật sự, này Tôn giả Bharadvaja, chúng tôi thấy một sự bất hạnh khi chúng tôi thấy chỗ ngủ của Tôn giả Gotama, một vị phá hoại sự sống (bhunahuno).

– Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Nhiều vương tộc trí giả, nhiều Bà-la-môn trí giả, nhiều Cư sĩ trí giả, nhiều Sa-môn trí giả có lòng tin nơi Tôn giả Gotama ấy, và đã tu tập theo Thánh đạo, theo Pháp và theo (chí) Thiện.

– Này Tôn giả Bharadvaja, nếu chúng tôi thấy

mặt Tôn giả Gotama, chúng tôi sẽ nói như sau trước mặt vị ấy: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Nếu Tôn giả Magandiya hoan hỷ, tôi sẽ tin lại sự tình này cho Sa-môn Gotama biết.

– Tôn giả Bharadvaja hãy yên lòng, và hãy nói lên những điều gì đã được nói.

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe được câu chuyện giữa Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja và du sĩ Magandiya. Và Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, sau khi đến liền ngồi trên thảm cỏ đã soạn sẵn. Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đang ngồi một bên:

– Này Bharadvaja, có phải có cuộc nói chuyện giữa du sĩ Magandiya với Ông về vấn đề thảm cỏ này?

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Bharadvaja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, bạch Thế Tôn:

– Chính là điều chúng con muốn thưa với Tôn giả Gotama và Tôn giả Gotama đã đoán trước chúng con.

Nhưng cuộc nói chuyện này giữa Thế Tôn và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja nói chưa xong, du sĩ Magandiya, khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Magandiya đang ngồi một bên:

– *Này Magandiya, con mắt ưa thích sắc, ái lạc sắc, hoan hỷ sắc, và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì con mắt và thuyết pháp để phòng hộ con mắt. Này Magandiya, có phải vì vậy mà Ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?"*

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Này Magandiya, tai ưa thích tiếng... Này

Magandiya, mũi ưa thích hương... Này Magandiya, lưỡi ưa thích vị... Này Magandiya, thân ưa thích xúc... Này Magandiya, ý ưa thích pháp, ái lạc pháp, hoan hỷ pháp và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì ý và thuyết pháp để phòng hộ ý. Này Magandiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Ông nghĩ thế nào, này Magandiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các sắc pháp, sau khi đoạn tận sắc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với sắc pháp, ***người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.*** *Này Magandiya, Ông có nói gì về người này?*

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào? Này Magandiya, ở đây, có người trước kia đam mê các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận

thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các xúc, sau khi đoạn tận xúc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với các xúc, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Magandiya, Ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Magandiya, Ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Này Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy. Rồi Ta sau một thời gian, **sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng**, ***sau khi***

đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác, ***chưa xả ly tham ái đối với các dục***, đang bị các **dục ái** nhai nghiến, đang bị **dục nhiệt não** thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém, ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một gia chủ hay con một người gia chủ, giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vị ấy, sau khi làm thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau khi làm thiện ý hành, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này, cọng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Vị ấy ở đây, trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một

cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Thiên tử ấy, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vị ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy; hay năm dục trưởng dưỡng thuộc loài Người, hay trở lui về với các dục thuộc loài Người?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Vì thiên dục, thưa Tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia. Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn các dục trưởng dưỡng các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với

khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi; với thân (đầy) những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc, được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Người ấy thấy một người bị bệnh cùi khác, với thân (đầy) những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị cái loài trùng đục khoét, ***đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng****. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có ước vọng được như người cùi kia, hố than hừng, hay sự thọ dụng dược liệu không?*

– Không, thưa Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, khi có bệnh thời cần thuốc trị bệnh, khi không bệnh, thời không cần thuốc trị bệnh.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, các dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, **sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục**, **sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.** Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi, với thân (đầy) những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Rồi có hai lực sĩ, nắm chặt (hai) cánh tay người ấy và lôi kéo người ấy đến hố than hừng. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rút thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

– Thưa Tôn giả Gotama, có. Vì sao vậy? Vì sự xúc phạm với lửa, là đau khổ, thưa Tôn giả Gotama, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não.

– Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, hay là trước đây, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não?

– Thưa Tôn giả Gotama, hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và xưa kia, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau

khổ, rất là nồng cháy và rất là nhiệt não. Tuy vậy, thưa Tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này, với thân (đầy) những lở lói, với thân hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, với các căn bị hư hoại do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, lại có phản tưởng là được lạc thọ.

– Cũng vậy, này Magandiya, **sự xúc chạm với các dục** trong thời quá khứ cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện lại cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não. Và này Magandiya, những chúng sanh này chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, **do sự xúc chạm đau khổ với các dục,** **lại có phản tưởng là được lạc thọ.**

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi thân (đầy) lở lói, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Này Magandiya, người bị bệnh cùi với thân (đầy) lở lói, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, ***càng cào rách miệng các vết thương với các***

móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than hừng chừng nào thời miệng các vết thương ấy lại càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng thêm thối nát*, và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết thương.*

Cũng vậy, này Magandiya, các chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, chạy theo các dục. Này Magandiya, các chúng sanh, chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, ***càng chạy theo dục chừng nào, thời dục ái các chúng sanh ấy càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt não thiêu đốt****, và họ chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do duyên năm dục trưởng dưỡng.*

Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Ông có thấy hay nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Lành thay, này Magandiya! Này Magandiya,

Ta cũng không thấy, cũng không nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.

☞ Nhưng này Magandiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã sống, đang sống hay sẽ **sống với khát ái được đoạn trừ**, **với nội tâm an tịnh**, tất cả những vị này, sau khi như chơn biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục ấy, với dục ái được đoạn tận, với dục nhiệt não được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm được an tịnh.

Rồi Thế Tôn, thời ấy nói lên cảm hứng ngữ như sau:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.

Khi được nghe vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Lời này được Tôn giả Gotama khéo nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,

Niết-bàn, lạc tối thắng,

Con cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama, con cũng đã được nghe lời này, do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,

Niết-bàn, lạc tối thắng,

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, lời nói này lời nói kia phù hợp nhau.

– Nhưng này Magandiya, điều mà Ông đã được nghe do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,

Niết-bàn, lạc tối thắng,

Thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?

Khi được nói vậy, du sĩ Magandiya, tự lấy tay xoa bóp chân tay của mình và nói:

– Thế nào là không bệnh, thưa Tôn giả Gotama?

Thế nào là Niết-bàn, thưa Tôn giả Gotama? Tôi nay không bệnh, an lạc, không có bệnh tật gì ở tôi.

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh". Và người ấy tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy, sau khi lấy, đắp trên mình. Sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh".

Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Kẻ sanh ra đã mù kia, do biết, do thấy, lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình; người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay, tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh, hay là do lòng tin người có mắt?

– Thưa Tôn giả Gotama, do không biết, không thấy, kẻ sanh ra đã mù kia lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" là do lòng tin người có mắt.

– Cũng vậy, này Magandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết-bàn nhưng nói lên câu kệ này:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.

☞ **Này Magandiya, câu kệ này trong thời quá khứ đã được các bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên:**

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.

Và câu kệ ấy này được dần dần lan tràn đến dân chúng phàm phu.

Nhưng này Magandiya, thân này trở thành bệnh

khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng và với thân trở thành bệnh khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng này, Ông nói: "Thưa Tôn giả Gotama, cái này là không bệnh ấy, cái này là Niết-bàn ấy". Như vậy, này Magandiya, Ông không có Thánh nhãn ấy, với Thánh nhãn ấy Ông có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt không khởi lên, mắt không được sáng tỏ. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải vị thầy thuốc ấy cảm thấy mệt mỏi, phiền não không?

– Thưa vâng, Tôn giả Gotama.

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", và Ông không biết không bệnh, không biết Niết-bàn thời như vậy làm Ta mệt mỏi, làm Ta phiền não.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", và người ấy đi tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy. Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình người ấy, các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. <u>Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, cho thuốc qua lỗ mũi</u>. Người ấy

sau khi dùng thuốc, mắt được khởi lên, mắt được sáng tỏ. Với mắt được khởi lên, người ấy đoạn trừ tham dục đối với tấm y thô, dính dầu và dính đất kia, và người ấy có thể xem người kia là không phải bạn, có thể xem người kia là thù địch và nghĩ đến sát hại sinh mạng (của người kia): "Thật sự trong một thời gian dài, Ta bị người này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt với tấm y thô, dính dầu và đất: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn".

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", Ông có thể biết không bệnh, Ông có thể thấy Niết-bàn. **Và với mắt được khởi lên cho Ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ**; và Ông có thể nghĩ như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ, chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ, chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ, chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ, chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, nên có hữu; do duyên hữu, có sanh; do duyên sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ uẩn".

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn

giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta khiến ta có thể từ chỗ ngồi này đứng dậy, không còn mù nữa".

– Vậy này Magandiya, hãy thân cận các vị chân nhân. Này Magandiya, do Ông thân cận các vị chân nhân, thời này Magandiya, Ông sẽ được nghe diệu pháp. Này Magandiya, do ông được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp. Này Magandiya, do Ông sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: "Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên **được trừ diệt, không có dư tàn**. Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối

để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được các Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Con xin xuất gia với Tôn giả Gotama, con xin thọ đại giới.

– Này Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau.

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới; thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, hãy cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo.

Và du sĩ Magandiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Magandiya ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này

chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là mục đích của vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Tôn giả Magandiya hiểu biết như vậy.

Và Tôn giả Magandiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

143 Quán - Chánh quán - Kinh Giải Thoát – Tương III, 295

Giải Thoát – *Tương* III, 295

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Các Ông có quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông **cần phải như thật quán với chánh trí tuệ**: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

3-5) ... thọ... tưởng... các hành...

6) ... các Ông có quán thức: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: " Cái này không phải

của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

7) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Giải Thoát – *Tương* III, 296

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các Ông có quán sắc: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông **cần phải như thật quán sắc với chánh trí tuệ:** "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

3-5) ... thọ... tưởng... các hành...

6) ... các Ông có quán thức: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: " Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

7) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

144 Quán - Chánh quán thế nào về 5 uẩn Chánh quán để làm gì - Kinh Màra – Tương III, 329

Màra – *Tương* III, 329

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Màra, Màra", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là Màra?*

4) -- Nếu có **sắc**, này Ràdha, thời có chết (Màra) hay có sát giả (Màretà), hay có sự chết (Mìyati). Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy **sắc** là sự chết, hãy thấy là sát giả, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. **Những ai thấy sắc như vậy là thấy chơn chánh.**

5-7) ... Thọ... tưởng... các hành...

8) Nếu có **thức**, này Ràdha, thời có chết, hay có sát giả, hay có bị chết. Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy thức là sự chết, hãy thấy là sát giả, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh hoạn, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy **thức** như vậy là thấy chơn chánh.

9) -- *Bạch Thế Tôn, **chánh quán** với mục đích gì?*

-- Chánh quán, này Ràdha, với mục đích **nhàm chán**.

10) -- *Bạch Thế Tôn, nhàm chán với mục đích gì?*

-- Nhàm chán, này Ràdha, với mục đích **ly tham**.

11) -- *Bạch Thế Tôn, ly tham với mục đích gì?*

-- Ly tham, này Ràdha, với mục đích **được giải thoát**.

12) -- *Bạch Thế Tôn, giải thoát với mục đích gì?*

-- Giải thoát, này Ràdha, với mục đích **Niết-bàn**.

13) -- *Bạch Thế Tôn, Niết-bàn với mục đích gì?*

-- Này Ràdha, Ông đi quá xa với câu hỏi này, không thể nắm được giới hạn của câu hỏi. Nhập vào Niết-bàn, này Ràdha, là sự thực hành Phạm hạnh; Niết-bàn là mục tiêu cuối cùng; Niết-bàn là cứu cánh.

145 Quán - Chánh quán vô thường, cục bướu - ĐẠI Kinh MALUNKYAPUTTA – 64 Trung II, 205

ĐẠI KINH MALUNKYAPUTTA

(Mahamalunkyaputta suttam)

– Bài kinh số 64 –* Trung *II, 205

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn". Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy không?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Malunkyaputta bạch Thế Tôn:

– Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy, này Malunkyaputta, Ông thọ trì như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì thân kiến là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn con thọ trì nghi là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì giới cấm thủ là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì dục tham là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sân là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Này Malunkyaputta, vì vấn đề gì (hay vì ai) Ông thọ trì năm hạ phần kiết này do Ta giảng dạy?

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cật vấn Ông với ví dụ này về đứa con nít? Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngủ không có tự thân, thời đâu nó có thể khởi lên thân kiến? Thân kiến tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ, đang nằm ngửa không có các pháp, thời từ đâu nó có thể khởi lên nghi hoặc đối với các pháp? Nghi tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có giới, thời từ đâu nó có thể khởi

lên giới cấm thủ trong các giới? Giới cấm thủ tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có những dục, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng dục tham trong các dục? Dục tham, tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có các loài hữu tình, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng sân đối với các loài hữu tình? Sân tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó.

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cật vấn Ông với ví dụ này về đứa con nít?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết giảng năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn

giảng như sau:

☞ Ở đây, này Ananda, **có kẻ vô văn phàm phu**, không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân:

– **Vị ấy sống với tâm bị triền phược bởi thân kiến**, bị chi phối bởi thân kiến, và không như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. **Thân kiến này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử**.

– Vị ấy sống với tâm bị nghi hoặc triền phược, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

– Vị ấy sống với tâm bị giới cấm thủ triền phược, bị giới cấm thủ chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

– Vị ấy sống với tâm bị dục tham triền phược, bị dục tham chi phối và không như thật biết sự

xuất ly dục tham đã khởi lên, dục tham này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

– Vị ấy sống với tâm bị sân triền phược, bị sân chi phối và không như thật tuệ tri, sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

☞ Và này Ananda, **có vị Đa văn Thánh đệ tử**, đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân:

– **Vị này sống với tâm không bị thân kiến triền phược**, không bị thân kiến chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

– Vị này sống với tâm không bị nghi hoặc triền phược, không bị nghi hoặc chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

– Vị ấy sống với tâm không bị giới cấm thủ triền

phược, không bị giới cấm thủ chi phối và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên, giới cấm thủ của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

– Vị này sống với tâm không bị dục tham triền phược, không bị dục tham chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

– Vị này sống với tâm không bị sân triền phược, không bị sân chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly sân được khởi lên. Sân này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

❖ **Này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây nếu người ấy không đẽo vỏ trong, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây, sự tình này không xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy,

lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

❖ **Và này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hãy sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẻo vỏ trong, sau khi đẻo giác cây, thời sẽ đẻo được lõi cây, sự tình này xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất**

cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thời vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu kia.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người lực sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Người ta có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thời vị ấy được xem là giống như người lực sĩ kia**

☞ Và này Ananda, **thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử?**

– Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (Upadhiviveka) do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ

lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

– Vị này **chánh quán** mọi **sắc** pháp, **thọ** pháp, **tưởng** pháp, **hành** pháp, **thức** pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. **Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy.**

– Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung tâm vào **bất tử giới** (Amatadhatu) và nghĩ rằng: "*Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*".

⇨ Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

⇨ Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, thời do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm...

...**Thiền thứ ba**...

...chứng và trú **Thiền thứ tư**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Hư không vô biên xứ**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**... (như trên)...

... vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không,

là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung vào **bất tử giới** và nghĩ rằng: *"Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn"*. Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, **đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**.

➲ *Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng **tâm giải thoát**, một số chứng **tuệ giải thoát**?*

– Ở đây, này Ananda, **Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

146 Quán - Chánh quán về 5 uẩn - Kinh Màra – Tương III, 339

Màra – *Tương* III, 339

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Màra, Màra", bạch Thế Tôn, như vậy được gọi đến. Thế nào là Màra, bạch Thế Tôn?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là Màra. **Thọ** là Màra. **Tưởng** là Màra. **Hành** là Màra. **Thức** là Màra.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Tánh Chất Của Màra. – *Tương* III, 340

(Như kinh trước,chỉ thay Màra bằng tánh chất của Màra (Màradhamma)).

Vô Thường – *Tương* III, 340

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Vô thường, vô thường", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô thường?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là vô thường. **Thọ** là vô thường. **Tưởng** là vô thường. **Hành** là vô thường. **Thức** là vô thường.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Vô Thường Tánh – *Tương* III, 340

*(Kinh như trên, chỉ thay "vô thường" bằng "**vô thường tánh**").*

Khổ – *Tương* III, 341

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Khổ, khổ", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là khổ?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là khổ. **Thọ** là khổ. **Tưởng** là khổ. Các **hành** là khổ. **Thức** là khổ.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

Khổ Tánh – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**khổ tánh**").*

Vô Ngã – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**vô ngã**").*

Vô Ngã Tánh – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**vô ngã tánh**").*

Tận Pháp – *Tương* III, 341

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**tận pháp**" (khayadhamma: chịu sự đoạn tận)).*

Diệt Pháp – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**diệt pháp**" (vayadhamma: chịu sự đoạn diệt)).*

Tập Khởi Pháp (Samudayadhamma) – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**tập khởi pháp**").*

Đoạn Diệt Pháp (Nirodhadhamma) – *Tương* III, 342

*(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "**đoạn diệt pháp**").*

147 Quán - Chánh định để quán 5 uẩn - Kinh SÀLHA – Tăng II, 204

SÀLHA – *Tăng* II, 204

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli (Tỳ-xá-ly) tại Đại Lâm, trong ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Licchavì Sàlha và Licchavì Abhaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Licchavì Sàlha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có những Sa-môn, Bà-la-môn trình bày sự vượt qua dòng nước mạnh với hai pháp môn: nhân giới thanh tịnh và nhân khổ hạnh nhàm chán. Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có nói gì?

- Này Sàlha, Ta nói rằng giới thanh tịnh là một chi phần của Sa-môn hạnh. Các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, này Salha, sống chủ trương nhân khổ hạnh nhàm chán, xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây, chấp chặt vào khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy không thể nào vượt qua dòng nước mạnh.

Các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, này Sàlha, thân hành không thanh tịnh, lời nói không thanh tịnh, ý hành không thanh tịnh, sanh sống không thanh tịnh, những

vị ấy không có thể đạt được tri kiến vô thượng Bồ-đề.

3. Ví như, này Sàlhà, một người muốn vượt qua sông, cầm một cây búa sắc bén đi vào rừng. Tại đấy, nó thấy một cây sàla lớn, cao, thẳng, còn trẻ, không có lồi lõm. Nó chặt cây ấy tại gốc, sau khi chặt ở gốc, nó đốn ngọn. Sau khi đốn ngọn, nó tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru. Sau khi tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru, nó gọt đẽo với cái búa. Sau khi gọt đẽo với cái búa, nó gọt đẽo với con dao. Sau khi gọt đẽo với con dao, nó bào sạch với cái bào. Sau khi bào sạch với cái bào, nó bào sạch với hòn đá mài. Sau khi bào sạch với hòn đá mài, nó đem cây ấy xuống sông. Ý Ông nghĩ thế nào, này Sàlhà người ấy có thể vượt qua sông được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

4. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì cây sàla ấy, tuy bề ngoài rất khéo làm, nhưng bề trong không được làm sạch. Do vậy, sự việc chờ đợi rằng: "Cây sàla ấy chìm xuống và người ấy rơi vào ách nạn".

- Cũng vậy, này Sàlhà, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sống khổ hạnh nhàm chán, xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây, chấp chặt lấy khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy không có thể vượt qua dòng

nước mạnh. Này Sàlhà, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, thân hành không thanh tịnh, lời nói không thanh tịnh, ý hành không thanh tịnh, sinh sống không thanh tịnh, chúng không có thể chứng được tri kiến vô thượng Bồ-đề.

Này Sàlhà, những Sa-môn, Bà-la-môn nào sống không chủ trương khổ hạnh nhàm chán, không xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây, không chấp chặt lấy khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy có thể vượt qua dòng nước mạnh. Này Sàlhà, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, thân hành thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sinh sống thanh tịnh, những vị ấy có thể chứng được tri kiến vô thượng Bồ-đề.

5. Ví như, này Sàlhà, một người muốn vượt qua sông, cầm một cây búa sắc bén đi vào rừng. Tại đấy, người ấy thấy một cây sàla lớn, cao, thẳng, còn trẻ, không có lồi lõm. Nó chặt cây ấy tại gốc, sau khi chặt ở gốc, người ấy đốn ngọn. Sau khi đốn ngọn, người ấy tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru. Sau khi tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru, người ấy gọt đẽo với cái búa. Sau khi gọt đẽo với cái búa, người ấy gọt đẽo với con dao. Sau khi gọt đẽo với con dao, người ấy bào sạch với cái bào. Sau khi bào sạch với cái bào, người ấy bào sạch với hòn đá mài. Sau khi bào sạch với hòn đá mài, người ấy làm thành chiếc

thuyền, cột với cái chèo và bánh lái, rồi cuối cùng người ấy thả xuống sông. Ý Ông nghĩ thế nào, này Sàlhà người ấy có thể vượt qua sông được không?

- Thưa được, bạch Thế Tôn.

6. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì cây sàla ấy, bề ngoài rất khéo làm, bề trong được làm sạch, được cột với cái chèo và bánh lái. Do vậy, sự việc chờ đợi rằng: "Chiếc thuyền ấy không chìm, và người ấy sẽ đến bờ bên kia an toàn".

- Cũng vậy, này Sàlhà, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không chủ trương khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy có thể vượt qua dòng nước mạnh. Này Sàlhà, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, thân hành thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sinh sống thanh tịnh, những vị ấy có thể chứng được tri kiến vô thượng Bồ-đề".

7. Ví như, này Sàlhà, một chiến sĩ dầu nó biết được nhiều cung thuật, nhưng về ba phương diện nó xứng đáng là của vua, thuộc sở hữu của vua, đi đến làm biểu tượng của vua. Thế nào là ba?

- Bắn xa,
- Bắn nhanh như chớp nhoáng,
- Và bắn thủng được vật lớn.

8. *Ví như, này Sàlhà, người chiến sĩ bắn xa*, cũng vậy, này Sàlhà, là Thánh đệ tử có **chánh định**. Phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Phàm có thọ gì … phàm có tưởng gì … phàm có hành gì … phàm có thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, *cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng*: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi".

9. *Ví như, này Sàlhà, người chiến sĩ bắn như chớp nhoáng*. Cũng vậy, này Sàlhà là vị Thánh đệ tử có **chánh tri kiến**. Vị Thánh đệ tử này Sàlhà, có chánh tri kiến như thật quán tri: "Đây là khổ … Đây là khổ tập…, Đây là khổ diệt …, Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

10. *Ví như, này Sàlhà, người chiến sĩ đâm thủng được thân hình lớn*. Cũng vậy, này Sàlhà là vị Thánh đệ tử có **chánh giải thoát**. Vị Thánh đệ tử này Sàlhà, có chánh giải thoát đâm thủng được vô minh uẩn to lớn

148 Quán - Cách quán nhìn 5 uẩn - Kinh Bọt Nước – Tương III, 252

Bọt Nước – *Tương* III, 252

1) Một thời Thế Tôn ở Ayujjàya, trên bờ sông Hằng.

2) Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng này chảy mang theo **đống bọt nước lớn**. Có người có mắt nhìn đống bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, đống bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. **Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong đống bọt nước được?***

4) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có **sắc** gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ-kheo thấy sắc, chuyên chú, như lý quán sát sắc. Do vị Tỷ-kheo **nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc** ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. **Làm sao,** này các Tỷ-kheo, **lại có lõi cứng trong sắc được?***

5) *Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mưa những giọt mưa lớn, trên mặt nước,* ***các bong bóng nước hiện ra rồi tan biến****. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, bong bóng nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong bong bóng nước được?*

6) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có* ***thọ*** *gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thọ ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó,* ***thọ*** *ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng.* ***Làm sao,*** *này các Tỷ-kheo****, lại có lõi cứng trong thọ được?***

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng,* ***một ráng mặt trời*** *rung động hiện lên. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, nên ráng mặt trời ấy hiện rõ ra là trống không, rỗng không, không có lõi cứng... Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ráng mặt trời được?*

8) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có* ***tưởng*** *gì...*

9) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần có lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cái búa sắc bén đi vào ngôi rừng. Ở đây, người ấy thấy* ***một cụm cây chuối lớn****, mọc thẳng, mới lớn, cao vút. Người ấy chặt rễ cây ấy. Sau khi chặt rễ, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ chuối ngoài.* ***Khi lột vỏ chuối ngoài, giác cây còn tìm không được, tìm đâu cho có được lõi cây?***

10) *Một người có mắt nhìn* ***chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy****. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy, cụm chuối ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong cụm chuối được?*

11) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm các* ***hành*** *gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát hành ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát,* ***hành*** *ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong các hành được?*

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một ảo thuật sư hay đệ tử* ***một ảo thuật sư, tại ngã tư đường bày trò ảo thuật****. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý*

quán sát trò ảo thuật ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, ảo thuật ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ảo thuật được?

13) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm **thức** gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát, **thức** ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong thức được?*

14) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

15) Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*1) **Sắc** ví với **đống bọt**,*
***Thọ** ví **bong bóng nước**,*
***Tưởng** ví **ráng mặt trời**,*
***Hành** ví với **cây chuối**,*

Thức *ví với* ***ảo thuật****,*
Đấng bà con mặt trời,
Đã thuyết giảng như vậy.

2) Nếu như vậy chuyên chú,
Như lý chơn quán sát,
Như lý nhìn (các pháp),
Hiện rõ ***tánh trống không****.*

3) Bắt đầu với thân này,
Bậc Đại Tuệ thuyết giảng,
Đoạn tận cả ba pháp,
Thấy ***sắc*** *bị quăng bỏ.*

4) Thân bị quăng, vô tri,
Không thọ, sức nóng, thức,
Bị quăng đi, nó nằm,
Làm đồ ăn kẻ khác.

5) Cái thân liên tục này,
Ảo sư, kẻ ngu nói,
Được gọi kẻ sát nhân,
Không tìm thấy lõi cây.

6) Hãy quán ***uẩn*** *như vậy,*
Vị Tỷ-kheo tinh cần,
Suốt cả đêm lẫn ngày,

Tỉnh giác, chánh tư niệm.

7) Hãy bỏ mọi kiết sử,
Làm chỗ mình nương tựa,
Sống như lửa cháy đầu,
Cầu chứng cảnh ***bất động***.

149 Quán - Cần phải quán ntn - ĐẠI Kinh GIÁO GIỚI LAHẦULA – 62 Trung II, 183

ĐẠI KINH GIÁO GIỚI LAHẦULA

(Maha Rahulovada suttam)

– *Bài kinh số 62* – Trung *II, 183*

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá Ànathapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khất thực. Tôn giả Rahula vào buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát, đi sau lưng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, sau khi đưa mắt ngó xung quanh, bảo Tôn giả Rahula:

– Này Rahula, bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, **tất cả sắc pháp phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ**: Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta.

– Bạch Thế Tôn, có phải chỉ sắc mà thôi. Bạch

Thiện Thệ, có phải chỉ sắc mà thôi?

– Cả sắc, này Rahula; cả thọ, này Rahula; cả tưởng, này Rahula, cả hành, này Rahula; và cả thức, này Rahula.

Rồi Tôn giả Rahula tự nghĩ: "Ai có thể hôm nay được Thế Tôn trực tiếp giảng dạy với bài giáo giới, còn có thể đi vào làng để khất thực? Rồi Tôn giả từ chỗ ấy đi trở lui về, ngồi xuống một gốc cây, kiết già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Tôn giả Sariputta thấy Tôn giả Rahula đang ngồi dưới một gốc cây, kiết-già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Sau khi thấy vậy, Ngài nói với Tôn giả Rahula:

– Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập **nhập tức xuất tức niệm** (niệm hơi thở vô, hơi thở ra). Này Rahula, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn.

Rồi Tôn giả Rahula, vào buổi chiều, sau khi từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Rahula bạch Thế Tôn:

➲ *Bạch Thế Tôn, niệm hơi thở vô hơi thở ra được tu tập như thế nào? Làm cho sung mãn, (pháp môn*

này) như thế nào là để được quả lớn, được lợi ích lớn?

– Này Rahula, thế nào là địa giới? Có nội địa giới, có ngoại địa giới. Và này Rahula, thế nào là nội địa giới? Cái gì thuộc nội nhân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ; như vậy, này Rahula, được gọi là **nội địa giới**. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. **Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau**: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự là ngã của ta". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

Và này Rahula, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Rahula, thế nào là nội thủy giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm, niêm dịch, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá

nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như vậy, này Rahula, được gọi là **nội thủy giới**. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Rahula, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Rahula, thế nào là nội hỏa giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; này Rahula, như vậy được gọi là **nội hỏa giới**. Những gì thuộc nội hỏa giới, và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Rahula, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Rahula, thế nào là nội phong giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ; này Rahula, như vậy được gọi là **nội phong giới**. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

Và này Rahula, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Rahula, thế nào là nội hư không giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn và được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được uống được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì

được nhai, được uống, được ăn và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ; này Rahula, như vậy được gọi là **nội hư không giới**. Những gì thuộc nội hư không giới và những gì thuộc ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta," Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như đất**. Này Rahula, **do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại**. Này Rahula, ví như trên đất người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ không tịnh, quăng phân uế, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; **tuy vậy đất không lo âu, không dao động, hay không nhàm chán**. Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập như đất. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như nước**.

Này Rahula, do tu tập sự tu tập như nước, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như trong nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ không tịnh, rửa sạch phân uế, rửa sạch nước tiểu,, rửa sạch nước miếng, rửa sạch mủ, rửa sạch máu; tuy vậy nước không lo âu, không dao động, không nhàm chán. Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tụ tập như nước... (như trên)... không có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như lửa**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như lửa, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ không tịnh, đốt phân uế, đốt nước tiểu, đốt nước miếng, đốt mủ, đốt máu; tuy vậy lửa không lo âu, không dao động, không nhàm chán. Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như lửa... (như trên)... không có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như gió**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như gió, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như gió thổi các đồ tịnh, thổi các đồ không tịnh, thổi phân uế, thổi nước tiểu, thổi nước miếng, thổi mủ, thổi máu, tuy vậy gió không lo âu, không dao động, không nhàm chán.

Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như gió... (như trên).... không có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như hư không**. Này Rahula, **do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.** Này Rahula, ví như hư không không bị trú tại một chỗ nào. Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như hư không. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

– Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về lòng từ**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng từ, cái gì thuộc sân tâm sẽ được trừ diệt .

– Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về lòng bi**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng bi, cái gì thuộc hại tâm sẽ được trừ diệt.

– Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về hỷ**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về hỷ, cái gì thuộc bất lạc sẽ được trừ diệt.

– Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về xả**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về xả, cái gì thuộc hận tâm sẽ được trừ diệt.

– Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về bất tịnh**.

Này Rahula, do tu tập sự tu tập về bất tịnh, cái gì thuộc tham ái được trừ diệt.

– Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về vô thường**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về vô thường, cái gì thuộc ngã mạn được trừ diệt.

– Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về niệm hơi thở vô hơi thở ra**. Này Rahula, do tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn, nên được quả lớn, được lợi ích lớn.

❖ ***Và này Rahula, thế nào là tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn nên được quả lớn, được lợi ích lớn?***

Ở đây, này Rahula, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

– Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra.

1. Hay **thở vô dài**, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài";
2. Hay **thở vô ngắn**, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn".
3. "**Cảm giác toàn thân**, tôi sẽ thở vô," vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

4. "**An tịnh thân hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
5. "**Cảm giác hỷ thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
6. "**Cảm giác lạc thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
7. "**Cảm giác tâm hành** (Cittasankhara), tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
8. "**An tịnh tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
9. "**Cảm giác về tâm**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
10. "**Với tâm hân hoan**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập.
11. "**Với tâm định tĩnh**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập.
12. "**Với tâm giải thoát**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
13. "**Quán vô thường**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
14. "**Quán ly tham**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

15. "**Quán đoạn diệt**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập

16. "**Quán từ bỏ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra như vậy, này Rahula, làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn.

Này Rahula, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra như vậy, làm cho sung mãn như vậy, **thời khi những hơi thở vô, hơi thở ra tối hậu chấm dứt, chứng được giác tri, không phải không được giác tri.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

150 Quán - Mục đích của quán sanh diệt 5 uẩn - Kinh TÔN GIẢ NÀGITA – Tăng II, 347

TÔN GIẢ NÀGITA – *Tăng* II, 347

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn bộ hành giữa các người Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến một làng Bà-la-môn tên là Icchànangalam. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Icchànangalam, trong khóm rừng Icchànangalam.

Các Bà-la-môn gia chủ ở Icchànangalam được nghe: "Sa-môn Tôn giả Gotama là Thích tử xuất gia từ gia đình họ Thích, đã đến Icchànangalam, trú ở Icchànanagalam trong khóm rừng Icchànangalam. Về Tôn giả Gotama ấy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi: " « Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn các loài Trời và Người. Sau khi đã chứng ngộ, Ngài tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy

đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy! » " .

Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Icchànangalam, sau khi đêm ấy đã mãn, cầm theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm, đi đến khóm rừng Icchànangalam, sau khi đến, đứng ở ngoài cổng vào, và lớn tiếng làm huyên náo.

2. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nàgita là thị giả của Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bảo Tôn già Nàgita:

- Này Nàgita, những ai đã đến, và làm ồn ào như những hàng cá với đống cá lớn?

- Các người ấy, bạch Thế Tôn, là các Ba-la-môn gia chủ ở Icchànangalam, đang đứng ở ngoài cổng vào, đem theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm cho Thế Tôn và chúng Tăng.

- Này Nàgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nàgita, những ai tìm được không có khó khăn, tìm được không có mệt nhọc, tìm được không có phí sức, tìm được an ổn, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, mà Ta đã tìm được không có khó khăn, tìm được không có mệt nhọc, tìm được không có phí sức. Hãy

để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

3. - Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy chấp nhận! Thiện Thệ hãy chấp nhận! Nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ cũng sẽ đi đến với tâm hướng về cúng dường. Ví như trời mưa nặng hạt, và nước mưa được chảy tùy theo chiều dốc. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy các Ba-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ họ cũng sẽ đi đến, với tâm hướng về cúng đường. Vì cớ sao? Bạch Thế Tôn, do vì giới hạnh và trí tuệ của Thế Tôn.

4. - Này Nagita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng, và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nàgita, những ai tìm được không có khó khăn, tìm được không có mệt nhọc, tìm được không có phí sức, tìm được an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, mà Ta đã tìm được không có khó khăn, tìm được không phí sức. Hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

Này Nàgita,

- Với ai ăn, uống, nhai, nếm, thời đại tiện, tiểu tiện, là kết quả tất nhiên cho người ấy.

- **Với ai nặng nề về ái lạc**, thời sự biến hoại, đổi khác, sầu bi khổ ưu não khởi lên. Đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.
- Ai sống **chuyên chú tâm về tướng bất tịnh,** thời sự nhàm chán đối với tịnh tướng được an trú. Đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.
- Ai sống **tùy quán vô thường trong sáu xúc xứ,** thời sự nhàm chán đối với xúc được an trú. Đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.
- Ai sống **tùy quán sanh diệt đối với năm thủ uẩn**, thời sự nhàm chán đối với chấp thủ được an trú. Đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.

151 Quán - Quán sắc là vô thường, khổ, vô ngã, hữu vi, biến diệt - Kinh Lời Cảm Hứng – Tương III, 105

Lời Cảm Hứng – *Tương* III, 105

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Ở đấy, Thế Tôn nói lên lời cảm hứng như sau:

Nếu trước, Ta không có,
Thời nay không có Ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ ***không*** *Ta.*
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn.

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:
- *Như thế nào bạch Thế Tôn:*
Nếu trước, Ta không có,
Thời nay không có Ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không Ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn?

4) Ở đây, này Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phàm phu** không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

5) Vị ấy **không** như thật biết rõ (pajànàti) ***sắc vô thường*** là sắc vô thường, không như thật biết rõ **thọ vô thường** là thọ vô thường, không như thật biết rõ **tưởng vô thường** là tưởng vô thường, không như thật biết rõ **hành vô thường** là hành vô thường, không như thật biết rõ **thức vô thường** là thức vô thường.

6) Không như thật biết rõ ***sắc khổ*** là sắc khổ, không như thật biết rõ thọ khổ... tưởng khổ... hành khổ... không như thật biết rõ thức khổ là thức khổ.

7) Không như thật biết rõ ***sắc vô ngã*** là sắc vô ngã, không như thật biết rõ thọ vô ngã... tưởng vô ngã... hành vô ngã... không như thật biết rõ thức vô ngã là thức vô ngã.

8) Không như thật biết rõ ***sắc hữu vi*** là sắc hữu vi, không như thật biết rõ thọ hữu vi... tưởng hữu vi... hành hữu vi... không như thật biết rõ thức hữu vi là thức hữu vi.

9) Không như thật biết rõ ***sắc sẽ biến diệt***... thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biết diệt... các hành sẽ biến diệt... không như thật biết rõ thức sẽ biến diệt.

10) Còn **bậc Đa văn Thánh đệ tử**, này các Tỷ-kheo thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

11) Vị ấy **như thật** thấy rõ ***sắc vô thường*** là vô thường, thọ vô thường... tưởng vô thường... hành vô thường... thức vô thường là thức vô thường.

12) Vị ấy như thật thấy rõ ***sắc khổ*** là sắc khổ, thọ khổ... tưởng khổ... hành khổ... như thật thấy rõ thức khổ là thức khổ.

13) Vị ấy như thật thấy rõ ***sắc vô ngã*** là sắc vô ngã, thọ vô ngã... tưởng vô ngã... các hành vô ngã... thức vô ngã là thức vô ngã.

14) Vị ấy như thật thấy rõ ***sắc hữu vi*** là sắc hữu vi, thọ hữu vi... tưởng hữu vi... các hành hữu vi... thức hữu vi là thức hữu vi.

15) Vị ấy như thật thấy rõ ***sắc sẽ biến diệt*** là sắc sẽ biến diệt, thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biến diệt... các hành sẽ biến diệt... thức sẽ biến diệt là thức sẽ biến diệt.

16) Do sắc biến diệt, thọ biến diệt, tưởng biến diệt, hành biến diệt, thức biến diệt, **vị Tỷ-kheo nói lên lời cảm hứng**:

Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn.

17) - *Dầu cho quyết tâm như vậy, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo có thể cắt đứt hạ phần kiết sử. Nhưng bạch Thế Tôn,* ***biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?***

18) Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu hoảng sợ tại **chỗ không có gì đáng hoảng sợ**; kẻ vô văn phàm phu hoảng sợ như sau:

Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sẽ có.
Tương lai sẽ không ta.

19) Và vị Đa văn Thánh đệ tử, này Tỷ-kheo, không hoảng sợ tại **chỗ không có gì đáng hoảng sợ**; vị Đa văn Thánh đệ tử không có hoảng sợ như sau:

Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.

20) Này Tỷ-kheo, do tham luyến **sắc**, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

21-33) Do tham luyến thọ... do tham luyến tưởng... do tham luyến hành... do tham luyến thức, này Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

24) *Này Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài **sắc**, ngoài **thọ**, ngoài **tưởng**, ngoài các **hành**, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh của **thức**", sự việc như vậy không xảy ra.*

25) Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo **đoạn tận tham** đối với sắc giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, **chỗ y chỉ của thức** không hiện hữu.

26) Này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới...

27) Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với tưởng giới...

28) Này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với hành giới...

29) Này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, **chỗ y chỉ của thức** không hiện hữu.

30) Không có chỗ y chỉ như vậy **thức** không tăng trưởng, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu não; do không có ưu não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết:

"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

152 Quán - Sắc, thọ, tưởng... là than đỏ - Kinh Than Đỏ Hực – Tương III, 315

Than Đỏ Hực – *Tương* III, 315

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Sắc** là than đỏ, này các Tỷ-kheo! **Thọ** là than đỏ! **Tưởng** là than đỏ! Các **hành** là than đỏ! **Thức** là than đỏ!

4) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức.

5) Do nhàm chán nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

153 Quán - Sự nguy hiểm khi quán 5 uẩn là mình - Kinh Dòng Sông – Tương III, 247

Dòng Sông – *Tương* III, 247

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông từ núi cao chảy xuống, từ xa chảy đến, dòng nước chảy xiết. Trên hai bờ con sông ấy, nếu cỏ lau kàsà mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống; nếu các loại cỏ kàsà mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống; nếu các loại lau babbakjà mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống; nếu các loại cỏ bìranà mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống; nếu các loại cây mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống.

4) Và một người bị dòng nước của con sông ấy cuốn trôi, nếu người ấy nắm lấy cỏ lau kàsà, cỏ này có thể bựt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại cỏ kàsà, cỏ này có thể bựt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại lau babbakjà, cỏ này có thể bựt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy các loại cây, loại cây này có thể bựt đứt.

Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. ***Khi sắc ấy của người ấy bị bựt đứt, do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn.***

6-8). .. quán thọ... quán tưởng... quán các hành...

9). ..quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. ***Thức ấy của người ấy bị bựt đứt, do nhân duyên ấy, người ấy rơi vào tai ách khổ nạn.***

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

11-14) Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

15-16) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

Yamaka – *Tương* III, 199

1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú tại Sàvatthi, Jetavena, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: *"Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".*

3) Nhiều Tỷ-kheo nghe Tỷ-kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".*

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Yamaka:

- Có thật chăng, này Hiền giả Yamaka, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

6) - Này chư Hiền, tôi đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp như vầy: "Như ta hiểu lời Thế Tôn... sau khi chết".

7) - Chớ có nói vậy, Hiền giả Yamaka! Chớ có xuyên tạc Thế Tôn! Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt lành. Thế Tôn không có nói như sau: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

8) Dầu được các Tỷ-kheo ấy nói như vậy, Tôn giả Yamaka vẫn kiên trì, kiên cố chấp nhận ác tà kiến ấy, nói rằng: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại

mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

9) Vì rằng các Tỷ-kheo không thể làm cho Tôn giả Yamaka rời bỏ ác tà kiến ấy, các Tỷ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, thưa với Tôn giả Sàriputta:

- Tỷ-kheo Yamaka, thưa Hiền giả Sàriputta, có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết". Lành thay, nếu Tôn giả Sàriputta vì lòng lân mẫn đi đến Tỷ-kheo Yamaka.

10) Tôn giả Sàriputta im lặng nhận lời.

11) Rồi Tôn giả Sàsriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

12) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Yamaka:

- Có thật chăng, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp... không còn gì nữa sau khi chết ".

13) - Thưa Hiền giả, tôi hiểu như vậy lời Thế Tôn thuyết pháp: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết ".

14) - *Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka,* ***sắc*** *là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, này Hiền giả.

15-18) Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, này Hiền giả.

19-20) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: ***"Ta đã được giải thoát"***. Vị ấy biết rõ: ***"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".***

21) *Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai là* ***sắc*** *không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

22-26) - *Hiền giả có quán Như Lai là* ***thọ... tưởng... hành... thức*** *không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

27) *Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai ở trong **sắc** không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

- Hiền giả có quán Như Lai ở ngoài sắc không?

- Thưa không, này Hiền giả.

28) *Hiền giả, có quán Như Lai ở trong **thọ** không?...*

20) *Hiền giả có quán Như Lai ở trong **tưởng** không?...*

30) *Hiền giả có quán Như Lai ở trong các **hành** không?...*

31) *Hiền giả có quán Như Lai ở trong **thức** không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

*- Hiền giả có quán Như Lai là ngoài **thức** không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

32) *Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

33) *Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán cái không sắc, không thọ, không tưởng, không hành, không thức là Như Lai không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

34) -*Và ở đây, Hiền giả Yamaka, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không thể tìm được một Như Lai thường chơn, thường trú, thời hợp lý chăng khi Hiền giả trả lời: "Như ta đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ tận diệt, không còn gì nữa sau khi chết".*

35) -Trước đây tôi **vô trí** nên có ác tà kiến ấy. Nay sau khi nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ác tà kiến ấy được đoạn trừ, và pháp được tôi hoàn toàn chứng tri.

36) -*Hiền giả Yamaka, nếu có người hỏi Hiền giả: "Hiền giả Yamaka, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận,* ***sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì****?"; được hỏi như vậy, Hiền giả Yamaka, Hiền giả trả lời như thế nào?*

37) -Thưa Hiền giả, nếu có người hỏi tôi: "Này Hiền giả Yamaka, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ

trở thành gì?"; được hỏi như vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời: "Sắc là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diệt. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diệt". Được hỏi vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời như vậy.

38-39) -Lành thay, lành thay, Hiền giả Yamaka! Hiền giả Yamaka, ta sẽ cho Hiền giả một **ví dụ** để ý nghĩa này được hiểu rõ thêm nữa.

Ví như, này Hiền giả Yamaka, một người gia chủ hay con của người gia chủ, là nhà hào phú, tiền nhiều,của nhiều, lại được bảo vệ. Rồi có người đến, muốn điều bất lợi, muốn điều bất hạnh, muốn điều bất an, muốn đoạt mạng sống người kia. Người ấy suy nghĩ: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. ***Thật không dễ gì đoạt mạng sống nó bằng sức mạnh. Vậy ta hãy tìm cách xâm nhập rồi sẽ đoạt mạng sống****". Người ấy đi đến người gia chủ hay con của người gia chủ kia, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, tôi xin được hầu hạ Tôn giả". Người gia chủ hay con của người gia chủ kia chấp nhận cho người ấy hầu hạ. Người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái.*

Người gia chủ hay con của người gia chủ kia tin tưởng người ấy, xem người ấy như thân hữu, tin tưởng người ấy, xem như tâm hữu, và đặt lòng tín cẩn vào người ấy. Này Hiền giả, khi người ấy đã tin tưởng rằng: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này đã tín cẩn ta", khi bắt gặp người con của gia chủ ở một chỗ thanh vắng, liền lấy con dao sắc bén, đoạt mạng sống người con của gia chủ.

40) *Hiền giả Yamaka, Hiền giả nghĩ thế nào? Khi người ấy đến với người gia chủ hay con của người gia chủ kia và nói: "Thưa Tôn giả, tôi muốn hầu hạ Tôn giả"; khi ấy người ấy có phải là kẻ giết người không? Và dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người".*

41) *Khi người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái, khi ấy dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người".*

- Thưa vâng, này Hiền giả.

42-43)- Cũng vậy, này Hiền giả, ***kẻ vô văn phàm phu***, không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc

Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, **quán sắc như là tự ngã**, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

44) "Sắc là **vô thường**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô thường"; "Thọ là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thọ là vô thường"; "Tưởng là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Tưởng là vô thường"; "Các hành là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Các hành là vô thường"; "Thức là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô thường".

45) "Sắc là **khổ**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là khổ"; "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Các hành là khổ"... "Thức là khổ", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là khổ".

46) "Sắc là **vô ngã**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"; "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Các hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô ngã".

47) "Sắc là **hữu vi**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"; "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Các hành là hữu vi"; "Thức là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là hữu vi".

48) "Sắc là **kẻ giết người**", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"; "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng là kẻ giết người"... "Các hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người ".

49) **Người ấy đến với sắc, chấp thủ, nhiếp trì:** "Sắc là tự ngã của ta". Người ấy đến với thọ... với tưởng... với các hành... người ấy đến với thức, chấp thủ và nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta". **Năm thủ uẩn** này được người ấy đi đến chấp thủ, sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu dài cho người ấy.

50) Này Hiền giả, ***bậc Đa văn Thánh đệ tử*** thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

51) "Sắc là **vô thường**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô thường"; "Thọ là vô thường"... "Tưởng là vô thường"... "Các hành là vô thường"... "Thức là vô thường", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô thường".

52) "Sắc là **khổ**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là khổ"... "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Các hành là khổ"... "Thức là khổ", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là khổ".

53) "Sắc là **vô ngã**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"... "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Các hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô ngã".

54) "Sắc là **hữu vi**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"... "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Các hành là hữu vi"... "Thức là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là hữu vi".

55) "Sắc là **kẻ giết người**", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"... "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng là kẻ giết người"... "Các hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người".

56) **Vị ấy không đến với sắc**, không chấp thủ, không nhiếp trì: "Sắc là tự ngã của ta". Không đến với thọ...

với tưởng... với các hành... Không đến với thức, không chấp thủ, không nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta". Đối với **năm thủ uẩn** này, vị ấy không đi đến, không chấp thủ, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho vị ấy trong một thời gian dài.

57) -Như vậy, này Hiền giả Sàriputta, các Tôn giả ấy có được người như Hiền giả làm đồng Phạm hạnh, có lòng lân mẫn như vậy, muốn họ được hạnh phúc như vậy, bậc giáo giới như vậy, bậc giảng dạy như vậy.

58) Và nay, sau khi được nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

154 Quán - Tuệ quán chính là đây - Kinh NHỨT DẠ HIỀN GIẢ – 131 Trung III, 441

KINH NHỨT DẠ HIỀN GIẢ

(Bhaddekaratta suttam)

– Bài kinh số 131 –* Trung *III, 441

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông Nhứt dạ Hiền giả (Bhaddekaratta), tổng thuyết và biệt thuyết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ thuyết giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây.

Không động, không rung chuyển
Biết vậy, nên tu tập,
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết,
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong

ấy, "Như vậy, là thức của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là truy tìm quá khứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là tưởng của tôi... Như vậy là hành của tôi... Như vậy là thức của tôi trong quá khứ"; và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không truy tìm quá khứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào ước vọng tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Mong rằng như vậy là tưởng của tôi... là hành của tôi... Như vậy là thức của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và không truy tìm hân

hoan trong ấy; "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và không truy tìm hân hoan trong ấy; "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng... sẽ là hành... sẽ là thức của tôi trong tương lai, "và không truy tìm hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu không đi đến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc là tự ngã, hay quán tự ngã là có sắc, hay quán sắc là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong sắc, hay vị ấy quán thọ là tự ngã, hay quán tự ngã là có thọ; hay quán thọ là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thọ, hay vị ấy quán tưởng là trong tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay vị ấy quán tưởng là tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay vị ấy quán hành là tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là có hành, hay vị ấy quán hành là trong tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là trong hành; hay vị ấy quán thức là tự ngã, hay quán tự ngã là có thức, hay quán thức là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị này không quán sắc là tự ngã, không quán tự ngã là có sắc, không quán sắc là trong tự ngã, không quán tự ngã trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức là tự ngã, không quán tự ngã là có thức, không quán thức trong tự ngã, không quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
xứng gọi Nhứt dạ hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Khi ta nói: "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Nhứt dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết", chính duyên ở đây mà nói vậy.

155 Quán - Tác dụng của Vô thường tưởng - Kinh Vô Thường Tánh – Tương III, 277

Vô Thường Tánh – Hay Tưởng – *Tương* III, 277

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) - Do tu tập, làm cho sung mãn **vô thường tưởng**, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn **được tận trừ**.

4) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm ruộng, vào mùa thu, dùng một cái cày lớn cắt đứt tất cả rễ mọc trong khi cày*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

5) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cắt cỏ cắt đứt cây cỏ, nắm lấy đầu ngọn đập lên, đập xuống, đập tả, đập hữu, rồi quăng một bên*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ.

6) *Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một chùm xoài bị cắt đứt từ cành, thời các trái xoài cùng dính vào cành đều bị đứt theo*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ.

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn, phàm có rui kèo nào, tất cả đều đi đến nóc nhọn, hướng đến nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, và nóc nhọn là tối thượng hơn chúng*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng... tất cả ngã mạn được tận trừ.

8) *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những rễ hương gì, hương anusàri đen là tối thượng*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

9) *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương gì, hương chiên-đàn đỏ là tối thượng*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

10) *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hoa hương gì, hương vassika là tối thượng hơn những hương ấy*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. .. tất cả ngã mạn được tận trừ.

11) *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào, tất cả những vua ấy đều tùy thuộc vua*

Chuyển luân vương. Vua Chuyển luân vương được gọi là vua tối thượng đối với họ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo, ánh sáng các loại sao gì, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng được xem là tối thượng trong các ánh sáng ấy.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

13) *Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mở rộng và gột sạch mây, mặt trời mọc lên trên bầu trời, đuổi sạch tất cả u ám khỏi hư không, bừng sáng, chói sáng và rực sáng.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

14) ***Tu tập vô thường tưởng như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào mà tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ?***

15) - ***Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.*** *Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức; đây là thức tập khởi; đây là thức đoạn diệt.*

16) **Vô thường tưởng được tu tập như vậy**, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận; tất cả hữu tham được đoạn tận; tất cả vô minh được đoạn tận; **tất cả** ngã mạn **được tận trừ.**

156 Quán - Đoạn tận ngã mạn trong khi tuỳ quán sự sanh diệt 5 uẩn - Kinh ĐẠI KHÔNG – 122 Trung III, 301

KINH ĐẠI KHÔNG

(Mahasunnata suttam)

– Bài kinh số 122 –* Trung *III, 301

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa các dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tu viện Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kapilavatthu để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường đi khất thực trở về, Thế Tôn đi đến trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka để ở ban ngày. Lúc bấy giờ, tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka, có sắp đặt rất nhiều sàng tọa. Thế Tôn thấy rất nhiều sàng tọa tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka, thấy vậy Thế Tôn suy nghĩ: "Rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết ở đấy có rất nhiều Tỷ-kheo ở không?"

Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda cùng với rất nhiều vị Tỷ-kheo đang làm y (civarakamma) ở trú xứ của Thích-ca Ghataya.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến trú xứ của Thích-ca Ghataya, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết có nhiều Tỷ-kheo trú ở đấy không.

– Bạch Thế Tôn, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt ở trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka; có rất nhiều Tỷ-kheo trú tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, nay là thời chúng con làm y.

→ Này Ananda, một Tỷ-kheo không chói sáng nếu thích thú trong hội chúng của mình, nếu hân hoan trong hội chúng của mình, nếu hoan hỷ trong hội chúng của mình, nếu thích thú trong hội chúng của người, nếu hân hoan trong hội chúng của người, nếu hoan hỷ trong hội chúng của người.

→ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng

của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy không xảy ra.

→ Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy có thể xảy ra.

→ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy không xảy ra.

→ Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một

mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoái mái, hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy có xảy ra.

→ **Này Ananda, Ta không quán thấy một sắc pháp nào trong ấy có hoan hỷ, trong ấy có hoan lạc, chịu sự biến dịch, chịu sự đổi khác mà không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.**

→ Nhưng sự (an) trú này, này Ananda, đã được Như Lai hoàn toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chứng đắc và (an) trú nội không. Và nếu, này Ananda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này, nếu có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo, ngoại đạo đệ tử đến yết kiến, trong khi ấy, này Ananda, Như Lai với tâm hướng đến viễn ly, thiên về viễn ly, nặng về viễn ly, sống độc cư, hoan hỷ trong ly dục, làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc an trú, nói lên tại chỗ ấy những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ.

→ **Do vậy, này Ananda, nếu Tỷ-kheo ước vọng: "Sau khi chứng đạt nội không, ta sẽ an trú", vị Tỷ-kheo ấy, này Ananda, cần phải an chỉ,**

an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

- ***Và này Ananda, như thế nào Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm?***

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng và trú Nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhứt tâm... Tam thiền... chứng và trú Tứ thiền. *Như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.*

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi vị ấy tác ý nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy tác ý bất động thời tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm không thích thú, không tịnh

tín, không an trú, không hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ananda, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú, an tọa, chuyên nhất, và an định nội tâm trên định tướng (samadhinimitte) đã đề cập về trước ấy.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi vị ấy tác ý nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú hướng đến bất động. Sự kiện là như vậy, này Ananda, vị Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đi kinh hành, vị ấy đi kinh hành (cankamati), và nghĩ rằng: *"Trong khi ta **đang đi** kinh hành, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào"*. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đứng lại, vị ấy đứng lại và nghĩ rằng: *"Trong khi ta* ***đang đứng*** *lại, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào"*. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngồi, vị ấy ngồi và nghĩ rằng: *"Trong khi ta* ***đang ngồi****, tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào"*. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nằm, vị ấy nằm và nghĩ rằng: *"Trong khi ta* ***đang nằm****, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không chảy vào"*. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, **tâm vị ấy hướng đến nói**, vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta sẽ không nói những câu chuyện hạ liệt, đê tiện, thuộc phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly dục, đoạn tiệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ. Niết-bàn, như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm liệu luận, y phục luận, ngọa cụ

luận, hoan man luận, hương liệu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào khắc khổ, khai tâm, đưa đến nhứt hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như thiểu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ nói các luận như vậy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi an trú với sự an trú này, **tâm hướng đến suy tầm** (vitakka), vị ấy suy nghĩ: "Đối với những suy tầm hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như là dục tầm, sân tầm, hại tầm, ta sẽ không suy nghĩ các loại suy tầm ấy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nhưng này Ananda, đối với những suy tầm này, thuộc bậc Thánh, có khả năng cầu tiến, hướng dẫn

(người suy nghĩ các suy tầm ấy) đến sự đoạn trừ hoàn toàn đau khổ, như là ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ suy tư các loại suy tầm này". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

❖ **Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này**. Thế nào là năm?

– Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức; các hương do mũi nhận thức; các vị do lưỡi nhận thức; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. Từ đây Tỷ-kheo cần phải thường thường quán sát tự tâm như sau: ***"Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành gì với xứ (ayatana) này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng?"***.

➔ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: *"Trong tâm ta, **có** khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng"*. Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: ***"Dục ái (chandaraga) này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, chưa đoạn diệt được"***. Ở đây, vị ấy ý thức rõ

ràng như vậy.

➔ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: *"Trong tâm ta, **không có** khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng"*. Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: *"Dục tham này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, đã được đoạn diệt"*. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

❖ **Này Ananda, có năm thủ uẩn.**

– Ở đây, Tỷ-kheo cần phải đoạn tận chúng, khi vị ấy tùy quán sự sanh diệt. Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc. Đây là thọ, đây là sự tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức.

➔ Trong khi vị ấy an trú, tùy quán sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, nếu có ngã mạn nào (asmimmano) (khởi lên) đối với năm thủ uẩn, ngã mạn ấy được đoạn tận. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: *"Phàm có ngã mạn nào đối với năm thủ uẩn (khởi lên) nơi ta, ta đã đoạn tận ngã mạn ấy"*. Ở đây, vị

ấy ý thức rõ ràng như vậy. Những pháp này, này Ananda, thuần nhất liên hệ đến thiện, đều thuộc hiền, Thánh, siêu thế, vượt ngoài tầm của ác ma.

– Này Ananda, Ông nghĩ thế nào? Vì thấy lý do gì, một Thanh văn Đệ tử tự nghĩ là xứng đáng (hợp lý) để đi theo một Đạo sư dầu cho bị hất hủi?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Này Ananda, thật không xứng đáng cho một đệ tử bám sát theo vị đạo sư, nếu vì lý do được nghe giải thích khế kinh và phúng tụng. Vì cớ sao? Trong một thời gian lâu dài, các pháp đã được các Ông nghe, thọ trì, đọc lớn tiếng, suy tư với ý, khéo thấu hiểu với chánh trí. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào, khắc khổ, khai tâm đưa đến nhất hướng viễn ly, ly tham, đoạn diệt an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như là thiểu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận. Này Ananda, do nhân duyên những loại

thuyết luận như vậy, thật xứng đáng cho một Thanh văn đệ tử bám sát vị Đạo sư dầu cho bị hất hủi. Sự kiện là như vậy, này Ananda, thời có sự phiền lụy (upaddava) cho vị Đạo sư; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy do đệ tử; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy cho các vị tu Phạm hạnh.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy cho vị Đạo sư? Ở đây, này Ananda, có Đạo sư lựa một trú xứ (senasanam) xa vắng trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đống rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của Đạo sư. Vì sự phiền lụy của Đạo sư, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của Đạo sư.

Này Ananda, thế nào là sự phiền lụy của đệ tử? Này Ananda, đệ tử của một Đạo sư, bắt chước đời sống viễn ly của Đạo sư mình, lựa một trú xứ xa

vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đống rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân với quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây cung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của đệ tử. Vì sự phiền lụy của đệ tử, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai; các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của đệ tử.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh? Ở đây, này Ananda, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đống rơm. Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung

quanh, Ngài không khởi lên nhiễm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc.

Nhưng này Ananda, vị đệ tử của bậc Đạo sư chủ tâm theo (hạnh) viễn ly của bậc Đạo sư, bắt chước (theo hạnh ấy) lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời, trên một đống rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh. Vì sự phiền lụy của Phạm hạnh, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh.

Nhưng này Ananda, sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh là nhiều quả khổ hơn, nhiều quả não hơn đối với phiền lụy của Đạo sư này và phiền lụy của đệ tử này, hơn nữa nó dẫn đến đọa lạc.

❖ **Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch, và như vậy các Ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.**

Và như thế nào là các đệ tử đối xử vị Đạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lóng tai, chú tâm vào hướng khác (annan), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu.

Và như thế nào, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, tìm cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Các đệ tử của vị ấy chịu nghe theo, chịu lóng tai, không chú tâm vào hướng khác, và không ngược lại đi xa lời dạy của bậc Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không phải với tâm thù nghịch.

Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, chớ với tâm thù nghịch và như vậy sẽ là hạnh phúc, là an lạc lâu dài cho các Ông. Ta không sách tấn các Ông như người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín. Ta sẽ nói hết lời chỉ trích này đến lời chỉ trích khác, hết lời tán thán này đến lời tán thán khác. **Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

157 Quán 5 uẩn - 7 Thánh quả - Kinh KHÔNG THƯỜNG XUYÊN – Tăng III, 292

KHÔNG THƯỜNG XUYÊN –*Tăng* III, 292

1. - Có bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

2. Thế nào là bảy?

Ở đây, có hạng người sống: Tùy quán vô thường trong tất cả **hành**, **Tưởng** vô thường, **Cảm thọ** vô thường; trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải với tuệ thể nhập. *Vị ấy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú*. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. *Với vị ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau*. Đây

là hạng người thứ hai, này các Tỷ-kheo... vô thượng ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. *Vị ấy, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Niết-bàn...*

…*chứng được Tổn hại Niết-bàn...*

...chứng được Vô hành Niết-bàn...

...chứng được Hữu hành Niết-bàn...

...chứng được Thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh. Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... vô thượng ở đời.

KHỔ – VÔ NGÃ – TỊCH TỊNH –*Tăng* III, 293

1. - Có bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... ở đời. Thế nào là bảy?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống: *tùy quán khổ trong tất cả các **hành**... sống tùy quán vô ngã trong tất cả các pháp... sống tùy quán lạc trong Niết-bàn, **tưởng** lạc, **cảm thọ** lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập.* Vị ấy với sự đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán khổ trong tất cả hành... sống tuỳ quán vô ngã trong tất cả pháp... quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc cảm thọ lạc, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Với vị ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau. Đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

4. Lại nữa , này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán... quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy với sự đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Niết-bàn...,

...chứng được Tổn hại Niết-bàn...

...chứng được Vô hành Niết-bàn...

...chứng được Hữu hành Niết-bàn...

....chứng được Thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh. Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy hạng người ở đời đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

158 Quán 5 uẩn - Chứng Alahan, hay Bất lai - Kinh THIỀN – Tăng IV, 173

THIỀN – *Tăng* IV, 173

1. - Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng:

- *"Y chỉ nơi **sơ Thiền**, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào **Thiền thứ hai**, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào **Thiền thứ ba**, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào **Thiền thứ tư**, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào **Không vô biên xứ**...*
- *"Y chỉ vào **Thức vô biên xứ**...*
- *"Y chỉ vào **Vô sở hữu xứ**...*
- *"Y chỉ vào **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**, các lậu hoặc được đoạn tận".*

2. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào **sơ Thiền**, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên gì, được nói đến như vậy?*

- *Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, **chứng và trú sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.*
- *Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về **sắc**, thuộc về **thọ**, thuộc về **tưởng**, thuộc về **hành**, thuộc về **thức**, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.*
- *Vị ấy **tránh né tâm** mình khỏi những pháp ấy.*
- *Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp áy, vị ấy hướng dẫn đến **giới bất tử**: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây đạt đến **sự diệt tận các lậu hoặc**.*
- *Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, là vị **hóa sanh**, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.*

*Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung, **tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ** hay trên đống đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú sơ Thiền. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khác lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào sơ Thiền, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

3. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ* ***Thiền thứ hai****... y chỉ* ***Thiền thứ ba****... y chỉ* ***Thiền thứ tư****, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc, đoạn tận khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú ***Thiền thứ tư***, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về *sắc*, thuộc về *thọ*, thuộc về *tưởng*, thuộc về *hành*, thuộc về *thức*, các pháp ấy, vị ấy ***tùy quán*** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy ***tránh né*** tâm mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp áy, vị ấy ***hướng dẫn đến giới bất tử***: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung ***tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ*** *hay trên đống đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khác lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.

Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy. Sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Thiền thứ hai... y chỉ Thiền thứ ba... y chỉ Thiền thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

4. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào* ***Không vô biên xứ Thiền****, các lậu hoặc được đoạn tận, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vượt khỏi các *sắc tưởng* một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về *thọ*, thuộc về *tưởng*, thuộc về *hành*... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: "Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

5. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào **Thức vô biên xứ**... y chỉ vào **Vô sở hữu xứ**... các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua ***Thức vô biên xứ*** một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về *thọ*, thuộc về *tưởng*... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Vô sở hữu xứ, các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến.

*Như vậy, xa cho đến các tưởng Thiền chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy **trí** để thể nhập.*

*Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các xứ này, như **Phi tưởng phi phi tưởng** Thiền chứng và **Diệt thọ tưởng** là những xứ, các Tỷ-kheo Thiền quán, khéo léo chứng nhập, khéo léo khởi xuất Thiền chứng. Ta nói rằng: "Sau khi chứng nhập và khởi xuất, **các xứ ấy cần phải được chơn chánh làm cho biết rõ**".*

159 Quán 5 uẩn - Sanh ở Tịnh cư Thiên - Kinh CÁC HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 – Tăng II, 57

HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 – *Tăng* II, 57

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly ác pháp, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**. Ở đây, về các pháp thuộc **sắc**, thuộc **thọ**, thuộc **tưởng**, thuộc **hành**, thuộc **thức**, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, ***không*** có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ … **Thiền thứ hai** … **Thiền thứ ba** … **Thiền thứ tư** và an trú. Vị ấy, ở đây về các pháp thuộc **sắc**, thuộc **thọ**, thuộc **tưởng**, thuộc **hành**, thuộc **thức**, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống

không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, ***không*** có chung cùng các hàng phàm phu.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

160 Samôn sen trắng, sen hồng - Kinh CÁC HẠNG SAMÔN 1 – Tăng I, 717

CÁC HẠNG SA MÔN 1 – *Tăng* I, 717

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- **Sa-môn bất động,**
- **Sa-môn sen trắng,**
- **Sa-môn sen hồng,**
- **Sa-môn tinh luyện trong các Sa-môn.**

2. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là hạng hữu học, đang đi trên con đường, sống cố gắng hướng đến vô thượng an ổn khỏi các ách nạn. Ví như, này các Tỷ-kheo, vị trưởng nam vua Sát-đế-ly, xứng đáng để được làm lễ quán đảnh, nhưng chưa làm lễ quán đảnh, và đạt đến địa vị bất động. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học, đang đi trên con đường, sống cố gắng hướng đến vô thượng an ổn khỏi các ách nạn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng chưa với thân cảm giác được tám giải thoát và an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, và với thân cảm giác được tám giải thoát và an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện trong các hàng Sa-môn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần

được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu.

- Vị ấy sống với những vị đồng Phạm hạnh nào, các vị này đối với vị ấy, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít không khả ái, với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít không khả ái, với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít không khả ái, giúp đỡ với nhiều giúp đỡ khả ái, với ít giúp đỡ không khả ái.
- Ở đây, một số cảm thọ khởi lên phát sanh từ mật hay phát sanh từ đàm, hay phát sanh từ gió, hay phát sanh từ sự gặp gỡ các nước trong thân thể; hay phát sinh từ sự thay đổi thời tiết, hay phát sanh từ sự gặp gỡ các nghịch vận, hay phát sanh từ các công kích thình lình bên ngoài vào, hay do quả dị thục của nghiệp; những số cảm thọ ấy không khởi lên nhiều, vị ấy ít bị bệnh tật.
- Đối với bốn Thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức;
- Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn tinh luyện trong các hàng Sa-môn.

6. Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, thời

này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

- Này các Tỷ-kheo, Ta nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu.
- Ta sống với các Tỷ-kheo nào, các vị ấy đối với Ta, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít thân nghiệp không khả ái; với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái; với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái; giúp đỡ với nhiều giúp đỡ khả ái, với ít giúp đỡ không khả ái.
- Phàm có những cảm thọ nào khởi lên, phát sanh từ mật, hay phát sinh từ đàm, hay phát sanh từ gió, hay phát sanh từ sự gặp gỡ các nước trong thân thể, hay phát sanh từ sự thay đổi thời tiết, hay phát sanh từ sự gặp gỡ các nghịch vận, hay phát sanh từ sự công kích thình lình bên ngoài vào, hay do quả dị thục các nghiệp; những cảm thọ ấy không khởi lên nhiều nơi Ta.
- Ta ít bị bệnh tật. Đối với bốn Thiền, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta có được không khó

khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tai, với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, nếu có nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, thời này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

CÁC HẠNG SA MÔN 2 – *Tăng* I, 721

1. - Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- ***Sa-môn bất động,***
- ***Sa-môn sen trắng,***
- ***Sa-môn sen hồng,***
- ***Sa-môn tinh luyện.***

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc hướng đến giác ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, là bậc Nhất lai, chỉ có một lần trở lui đời này rồi chấm dứt khổ đau. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị Bất lai, từ đấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, do đoạn tận các lậu hoặc, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải

thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng Sa-môn này có mặt, xuất hiện ở đời.

CÁC HẠNG SA MÔN 3 – *Tăng* I, 723

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- Sa-môn bất động,
- Sa-môn sen trắng,
- Sa-môn sen hồng,
- Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có chánh tri kiến ..., chánh định, chánh trí, chánh giải thoát, nhưng không có an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có chánh tri kiến ... chánh giải thoát, an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít không được yêu cầu ...

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

CÁC HẠNG SA MÔN 4 – *Tăng* I, 724

1. - Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Sa-môn bất động,
- Sa-môn sen trắng,
- Sa-môn sen hồng,
- Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị hữu học, ý chưa đạt được mục đích, đang sống hướng đến vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ ... đây là tưởng ... đây là các hành ... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt". Nhưng vị ấy chưa an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống, tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc ... đây là thức chấm dứt". Và vị ấy an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu ...

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, người ấy này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

161 Sanh - Thế nào đoạn diệt sợi dây tái sanh - Kinh Sợi Dây Tái Sanh – Tương III, 333

Sợi Dây Tái Sanh – *Tương* III, 333

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"**Đoạn diệt sợi dây tái sanh**. Đoạn diệt sợi dây tái sanh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là sợi dây tái sanh, bạch Thế Tôn? Thế nào là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh?*

4) -- Này Ràdha, phàm **dục** gì, **tham** gì, **hỷ** gì, **khát ái** gì, phàm những **chấp thủ** phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên gì đối với **sắc**, như vậy gọi là sợi dây tái sanh. **Sự đoạn diệt chúng** là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh.

5-7)... đối với **thọ**... với **tưởng**... với các **hành**...

8) Phàm dục gì, tham gì, hỷ gì, khát ái gì, phàm những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên gì đối với **thức**, đó gọi là sợi dây tái sanh. **Sự đoạn diệt chúng** là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh.

162 Sanh già chết- Sự diệt của khổ, sự lắng dịu của bệnh hoạn... - Kinh Mắt – Tương III, 373

Mắt – *Tương* III, 373

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, sự ***sanh***, sự ***trú***, sự ***thành***, sự ***xuất hiện*** của **mắt** là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết.

4-8) Sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của **tai**... của **mũi**... của **lưỡi**... của **thân**... của **ý** là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết.

9) Sự ***diệt***, sự ***lắng dịu***, sự ***chấm dứt*** của **mắt** là sự diệt của khổ, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết.

10-14) Sự diệt, sự lắng dịu, sự chấm dứt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự diệt của khổ, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết.

II. Sắc – *Tương* III, 373

(Như kinh trên, chỉ thế vào ***sắc****, thanh, hương, vị, xúc, pháp*).

III. Thức – *Tương* III, 374

(Như kinh trên, chỉ thế vào *nhãn* ***thức****, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*).

IV. Xúc

(Như kinh trên, chỉ thế vào *nhãn* ***xúc****, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc*).

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thế vào ***thọ*** *do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh*).

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc* ***tưởng****, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng*).

VII. Tư – *Tương* III, 374

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc* ***tư****, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư*).

VIII. Ái – *Tương* III, 375

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc* ***ái****, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái*).

IX. Giới – *Tương* III, 375

(Như kinh trên, chỉ thế vào ***địa*** *giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới*).

X. Uẩn (S.iii,231) – *Tương* III, 375

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc* ***uẩn****, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*).

163 Sắc sanh là Khổ sanh, Bệnh Tật trú, Già Chết hiện hữu - Kinh Sanh Khởi – Tương III, 64

Sanh Khởi – *Tương* III, 64

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy là **khổ** sanh, **bệnh tật** trú, **già chết** hiện hữu.

4-6) Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thọ sanh, trú, khởi, hiện hữu... tưởng sanh, trú, khởi, hiện hữu... các hành sanh, trú, khởi, hiện, hữu...

7) Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thức sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy gọi là khổ sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu.

8) Này các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc đoạn diệt, an chỉ, biến mất; cái ấy gọi là **khổ** đoạn diệt, **bệnh tật** an chỉ, **già chết** biến mất.

9-11) Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thọ đoạn diệt... tưởng đoạn diệt... các hành đoạn diệt...

12) Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thức đoạn diệt, an chỉ, biến mất; cái ấy là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chỉ, già chết biến mất.

164 Sự sai khác giữa Như Lai và các Tỷ kheo lậu tận - Kinh Chánh Đẳng Giác – Tương III, 122

Chánh Đẳng Giác – *Tương* III, 122

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) ***Như Lai****, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác,* ***do*** *yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, được gọi là* ***bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác****.*

Còn ***vị Tỷ-kheo****, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, được gọi là* ***bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.***

4) Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

5-7) Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt tưởng... đoạn diệt các hành... đoạn diệt thức, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

8) *Ở đây, này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***sự sai biệt****, thế nào là sự đặc thù, thế nào là* ***sự sai khác giữa*** *bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ?*

9) Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu được Thế Tôn nói lên ý nghĩa của lời này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì!

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

10) Thế Tôn nói như sau:

- Như Lai, *này các Tỷ-kheo,* ***là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường (trước kia) chưa khởi, là bậc đem lại con đường (trước kia) chưa được đem lại, là bậc tuyên thuyết con đường (trước kia) chưa được tuyên thuyết, bậc tri đạo, bậc ngộ đạo, bậc thuần thục về đạo***. *Còn nay, này các Tỷ-kheo, các vị đệ tử là những vị* ***sống theo đạo, tiếp tục thành tựu (đạo).***

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sự sai biệt, sự đặc thù, sự sai khác giữa Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ.

165 Sự sanh khởi và đoạn diệt của 5 uẩn - Kinh Thiền Định – Tương III, 31

Thiền Định –*Tương* III, 31

1) Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi...

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **hãy tu tập Thiền định.** Vị Tỷ-kheo có Thiền định, này các Tỷ-kheo, **hiểu biết một cách như thật.**

3) Hiểu biết gì một cách như thật?

- **Sắc tập khởi và đoạn diệt**;
- **Thọ** tập khởi và đoạn diệt;
- **Tưởng** tập khởi và đoạn diệt;
- Các **hành** tập khởi và đoạn diệt;
- **Thức** tập khởi và đoạn diệt.

4) ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi?***

Thế nào là các hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú**. Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước và an trú gì?

6) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **sắc**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do hỷ đối với sắc, thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

7-10) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **thọ**... rồi an trú **tưởng**... rồi an trú các **hành**... rồi an trú **thức**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thức, hỷ khởi lên. Do hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi, đây là tưởng tập khởi, đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi.

12) ***Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc đoạn diệt, thế nào là thọ đoạn diệt, thế nào là tưởng đoạn diệt, thế nào là các hành đoạn diệt, thế nào là thức đoạn diệt?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy **không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú.**

13) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú gì?

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

14) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

15-16) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú các hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan

nghênh, không đắm trước và an trú các hành, hỷ đối với các hành đoạn diệt. Do hỷ đối với các hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

17) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú **thức**. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

18) Này các Tỷ-kheo, đây là **sắc** đoạn diệt, đây là **thọ** đoạn diệt, đây là **tưởng** đoạn diệt, đây là các **hành** đoạn diệt, đây là **thức** đoạn diệt.

166 Thuyết pháp vắn tắt - Ai chấp trước người ấy bị - Kinh Chấp Trước – Tương III, 137

Chấp Trước – *Tương* III, 137

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn* ***hãy thuyết pháp tóm tắt*** *cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) - **Ai chấp trước,** này Tỷ-kheo, **người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.**

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu, bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -*Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?*

- Ai chấp trước sắc, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước các hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

6) -Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Ai chấp trước sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ... Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước các hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

8) Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, vì mục đích gì mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình mong cầu chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh; vị ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

167 Thuyết pháp vắn tắt - Ai hoan hỷ, người ấy bị ... - Kinh Hoan Hỷ – Tương III, 141

Hoan Hỷ – *Tương* III, 141

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3). .. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

*- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy **thuyết pháp tóm tắt** cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) - **Ai hoan hỷ,** này Tỷ-kheo**, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.**

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) - *Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?*

6) - **Ai hoan hỷ sắc**, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... các

hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông đã hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt. Ai hoan hỷ sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... các hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

168 Thuyết pháp vắn tắt - Ai suy tưởng, người ấy bị... - Kinh Suy Tưởng – Tương III, 139

Suy Tưởng – *Tương* III, 139

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

*- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn **hãy thuyết pháp tóm tắt** cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) - **Ai suy tưởng,** này Tỷ-kheo, **người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.**

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -*Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?*

6) -**Ai suy tưởng sắc**, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải

thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... hành... thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Này Tỷ-kheo, ai suy tưởng sắc, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... các hành... Ai suy tưởng thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

169 Thuyết pháp vắn tắt - Cái gì không đáng thuộc tự ngã.. - Kinh Không Đáng Thuộc Tự Ngã – Tương III, 146

Không Đáng Thuộc Tự Ngã – *Tương* III, 146

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ***thuyết pháp vắn tắt*** *cho con....*

4) - ***Cái gì không đáng thuộc tự ngã,*** *ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.*

- Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

5) - Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) - **Sắc** không đáng thuộc tự ngã, bạch Thế Tôn, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** không đáng thuộc tự ngã, ở đây, con cần phải từ bỏ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời dạy vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) - Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn tắt này của Ta, Ông đã hiểu một cách rộng rãi. Sắc không đáng thuộc tự ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ.. Tưởng... Các hành...Thức không đáng thuộc tự ngã, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa

170 Thuyết pháp vắn tắt - Cái gì khổ, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục - Kinh Khổ – Tương III,144

Khổ – *Tương* III, 144

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

*- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy **thuyết pháp vắn tắt** cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) - **Cái gì khổ,** này Tỷ-kheo, **ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.**

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) Sắc là khổ, bạch Thế Tôn. Ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là khổ, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là khổ, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là khổ, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

171 Thuyết pháp vắn tắt - Cái gì là Màra, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục, lòng tham - Kinh Về Màra – Tương III, 343

Về Màra – *Tương* III, 343

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy **thuyết pháp vắn tắt** cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịch, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4-23) -- *Cái gì là Màra, này Ràdha, ở đây Ông **cần phải đoạn trừ** lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham.*

Và cái gì là Màra, này Ràdha?

- **Sắc**, này Ràdha, là Màra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.
- **Thọ** là Màra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.

- **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là Màra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.

24) *Cái gì thuộc về Ma tánh (Màradhamma), này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham...*

25) Cái gì là vô thường...

26) Cái gì là vô thường tánh...

27) Cái gì là khổ...

28) Cái gì là khổ tánh...

29) Cái gì là vô ngã...

30) Cái gì là vô ngã tánh...

31) Cái gì là đoạn tận...

32) Cái gì là đoạn diệt...

33) Cái gì là tập khởi tánh, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

172 Thuyết pháp vắn tắt - Cái gì là đoạn diệt pháp, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục và tham - Kinh Đoạn Diệt Tánh – Tương III, 344

Đoạn Diệt Tánh – *Tương* III, 344

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy* ***thuyết pháp vắn tắt*** *cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) -- *Cái gì là* ***đoạn diệt pháp****, này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham.*

Và cái gì là đoạn diệt pháp, này Ràdha?

- **Sắc**, này Ràdha, là đoạn diệt pháp; ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.
- Thọ... Tưởng... Các hành...

- **Thức** là đoạn diệt pháp; ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

173 Thuyết pháp vắn tắt - Cái gì làm chỗ trú cho ô nhiễm.. - Kinh Chỉ Trú Cho Ô Nhiễm – Tương III, 147

Chỉ Trú Cho Ô Nhiễm – *Tương* III, 147

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

*- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy **thuyết pháp vắn tắt** cho con....*

4) - **Cái gì làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm,** này Tỷ-kheo, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

- Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu bạch Thiện Thệ.

5) - Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) - Sắc làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, bạch Thế Tôn, ở đây con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch

Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo. Lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng.. Các hành... Thức là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa!

174 Thuyết pháp vắn tắt - Cái gì vô ngã, ở đấy ông cần phải .. - Kinh Vô Ngã – Tương III, 145

Vô Ngã – *Tương* III, 145

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

*- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy **thuyết pháp vắn tắt** cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) - **Cái gì vô ngã,** này Tỷ-kheo, **ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.**

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) - *Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?*

6) - **Sắc** là vô ngã, bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô ngã, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) - Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

175 Thuyết pháp vắn tắt - Cái gì vô thường, ở đấy ông phải đoạn trừ lòng dục - Kinh Vô Thường – Tương III, 142

Vô Thường – *Tương* III, 142

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

*- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy **thuyết pháp vắn tắt** cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần...*

4) - **Cái gì vô thường**, này Tỷ-kheo, **ở đây, Ông phải đoạn trừ lòng dục**.

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) - *Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?*

6) **Sắc** là vô thường, bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là vô thường, ở đây, con phải đoạn trừ lòng

dục. Lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) - Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ là vô thường... Tưởng là vô thường... Các hành là vô thường... Thức là vô thường, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

176 Thuyết pháp vắn tắt - Sắc là thường hay vô thường... - Kinh Ananda – Tương III, 327

Ananda – *Tương* III, 327

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn:

3) -- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để sau khi nghe pháp, con sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- *Ông nghĩ thế nào, này Ananda,* ***sắc*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại,* ***có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là****: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này tự ngã của tôi"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

5-8) -- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

9) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

177 Thuốc trị bá bệnh - Kinh PHẨM NIỆM XỨ – Tăng IV, 225

PHẨM NIỆM XỨ – *Tăng* IV, 225

HỌC TẬP – *Tăng* IV, 225

1. - Này các Tỷ-Kheo, có năm pháp làm suy yếu học tập này.

2. Thế nào là năm?

- Sát sanh,
- Lấy của không cho,
- Tà hạnh trong các dục,
- Nói láo,
- Đắm say rượu men, rượu nấu.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú tùy quán thọ trên các cảm thọ.... trú tùy quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập này, Bốn niệm xứ cần phải tu tập

TRIỀN CÁI – *Tăng* IV, 226

1. - Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái này.

2. Thế nào là năm?

- Dục tham triền cái,
- Sân triền cái,
- Hôn trầm thụy miên triền cái,
- Trạo hối triền cái,
- Nghi triền cái

Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm triền cái này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú quán thân trên thân... trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm triền cái, Bốn niệm xứ cần phải tu tập.

DỤC TRƯỞNG DƯỠNG – *Tăng* IV, 226

1.- Này các Tỷ-khao, có năm dục trưởng dưỡng này.

2. Thế nào là năm?

- Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.
- Các tiếng do tai nhận thức
- Các hương do mũi nhận thức...
- Các vị do lưỡi nhận thức...
- Các xúc do thân nhận thức, khả lạc... hấp dẫn.

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm dục trưởng dưỡng này, **Bốn niệm xứ** này phải tu tập.

THỦ UẨN – *Tăng* IV, 227

1. - Này các Tỷ-kheo có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm?

2. Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức uẩn.

Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm thủ uẩn này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn? .... Bốn niệm xứ cần phải tu tập.

NĂM HẠ PHẦN KIẾT SỬ – *Tăng* IV, 227

1. - Này các Tỷ-kheo có năm hạ phần kiết sử này. Thế nào là năm?

2. Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân.

Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm hạ phần kiết sử này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn? ...Bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

SANH THÚ – *Tăng* IV, 228

1. - Này các Tỷ-kheo, có năm sanh thú này. Thế nào là năm?

2. Địa ngục, loài bàng sanh, cõi ngạ quỷ, loài Người, chư Thiên. Này các Tỷ-kheo, có năm sanh thú này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm sanh thú này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập...

XAN THAM – *Tăng* IV, 228

1. - Này các Tỷ-kheo, có năm xan tham này. Thế nào là năm?

2. Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham dung sắc, xan tham pháp.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm xan tham này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập... Bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

NĂM THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ – *Tăng* IV, 229

1. - Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm?

2. Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, cần phải tu tập **Bốn niệm xứ**... Bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

NĂM TÂM HOANG VU – *Tăng* IV, 229

1. - Có năm tâm hoang vu này. Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín đối với bậc Đạo Sư. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất.

2. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, vị Tỷ-kheo nghi ngờ đối với Pháp.... (như trên...) đối với Tăng... (như trên..) đối với Học pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu. Này các Tỷ-kheo, khi một vị Tỷ-kheo phẫn nộ đối với vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ,

tâm dao động, trở thành hoang vu, Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh thần. Như vậy gọi là tân hoang vu thứ năm.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm tâm hoang vu này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập.

TÂM PHIỀN TRƯỢC – *Tăng* IV, 230

1. - Này các Tỷ-kheo, có năm triền phược này. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với **các dục**. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với các dục, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng về... (như trên)... như vậy là tâm triền phược thứ nhất.

3. Này các Tỷ-kheo, lại nửa, Tỷ-kheo tâm không ly tham đối với **thân**... không ly tham đối với **sắc**... ăn quá sức bao tử có thể chịu nổi, hưởng thọ sung sướng về giường nằm, sung sướng về thụy miên... Này các

Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng mong được thành một loại chư Thiên, "Với giới này, với luật này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành loại chư Thiên này hay loại chư Thiên khác". Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng được thành một loại chư Thiên, "Với giới này, với luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành loại chư Thiên này hay loại chư Thiên khác", tâm vị này không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm vị nào... như vậy là tâm triền phược thứ năm.

4. Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược, muốn đoạn tận năm tâm triền phược này, **Bốn niệm xứ** này cần phải tu tập.

VIII. PHẨM CHÁNH CẦN

BỐN CHÁNH CẦN – *Tăng* IV, 232

(Giống như phẩm Bốn niệm xứ trước, chỉ khác ở đây Bốn chánh cần thế cho Bốn niệm xứ ở trên, và Bốn chánh cần được diễn tả như sau).

Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn cố gắng ... trì tâm.

Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn… trì tâm.

Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

IX. PHẨM BỐN NHƯ Ý TÚC

BỐN NHƯ Ý TÚC – *Tăng* IV, 233

(Giống như phẩm Bốn niệm xứ trước, chỉ khác ở đây Bốn như ý túc thế cho Bốn niệm xứ ở trên. Và Bốn như ý túc được diễn tả như sau).

Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành.... câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành, tu tập như ý túc câu hữu với tâm định… với tư duy định tinh cần hành.

178 Thấy 5 uẩn trước, rồi mới thấy được các dục - Kinh Khổ Pháp – Tương IV, 306

Khổ Pháp – *Tương* IV, 306

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết *sự tập khởi, sự chấm dứt* của tất cả **khổ pháp,** khi ấy, các **dục được thấy**. Khi vị ấy thấy dục (kàmà), thời dục (kàmachanda), dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo* ***như thật rõ biết*** *sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp?*

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.
- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.

- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi... các hành đoạn diệt.
- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

5) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục?*

*Khi các **dục** được thấy, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, có một **hố than sâu hơn thân người**, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có khói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lực sĩ đến, kẹp người ấy vào trong các cánh tay, và kéo người ấy đến hố than hừng. Người ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết".*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các dục, thời***

dục, dục ái, *dục mê, dục nhiệt não đối với các dục* không có tùy miên.

6) *Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri?*

Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, ***một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc****, trước mặt người ấy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người ấy là gai, phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai".*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sự vật gì khả ái, khả lạc, sự vật ấy được gọi là ***gai*** *trong giới luật của bậc Thánh.*

7) **Sau khi biết vậy, này các Tỷ-kheo, hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.**

8) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết ***tâm*** *giải thoát,* ***tuệ*** *giải*

thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên <u>không</u> được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là <u>được</u> hộ trì?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, <u>không thiên chấp</u> các sắc khả ái, <u>không ghét bỏ</u> các sắc không khả ái, sống với thân niệm <u>an</u> trú, với tâm vô lượng. Vị ấy <u>như thật rõ biết</u> **tâm** giải thoát, **tuệ** giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.*

... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi mùi... khi lưỡi nếm vị...

... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có hộ trì.

10) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo <u>sở hành</u> như vậy, <u>sở trú</u> như vậy, **đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát,** khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. **Chậm chạp**, này các Tỷ-kheo, là

niệm được khởi lên. **Mau lẹ**, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm **rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ nóng cả ngày**. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ*

hưởng tài sản và làm các công đức". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo, **sông Hằng hướng về phía Đông**, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với xuổng, cuốc, giỏ và nói: "Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có thể làm cho sông Hằng hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây và nghiêng nhập vào phía Tây không?*

-- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

-- *Vì sao?*

-- *Vì sông Hằng này, bạch Thế Tôn, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông; không có dễ gì làm cho hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chuốc lấy mệt mỏi và thất vọng thôi.*

13) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương

hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn. Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"*. Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra. Vì sao? Này các Tỳ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly, do vậy **sự hoàn tục** không xảy ra.

179 Thế Pháp đã được Như Lai hoàn toàn chứng tri - Kinh Bông Hoa – Tương III, 249

Bông Hoa – hay Tăng trưởng – *Tương* III, 249

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta. Này các Tỷ-kheo, **người nói Pháp không tranh luận bất cứ với một ai** ở đời.

4) Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không". Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có".

5) *Và này các Tỷ-kheo, **cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không"**?*

6) Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

7-9) Thọ... tưởng... các hành...

10) Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

11) Này các Tỷ-kheo, đây là cái gì ở đời người có trí chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không".

12) *Và này các Tỷ-kheo**, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có"**?*

13) Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

14-16). .. thọ... tưởng... các hành...

17) Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận thức là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

18) Này các Tỷ-kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

19) ***Ở trong đời**, này các Tỷ-kheo, **có thế pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri**. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn*

chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

20) *Này các Tỷ-kheo,* ***thế pháp ở trong đời là gì****, thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri; sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ?*

21) ***Sắc****, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời.* Thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri, sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, (vẫn) không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

22-24) **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

25) ***Thức****, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời.* Thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri. Sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, (vẫn) không biết, không thấy, thì đối với người ấy, ***Ta xem là vô tích sự****, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.*

26) *Ví như, này các Tỷ-kheo, bông sen* ***xanh****, hay bông sen* ***hồng****, hay bông sen* ***trắng*** *sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước nhiễm ướt.*

27) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *Như Lai sanh ra ở trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm.*

180 Thế Tôn chánh đẳng giác điều gì - Kinh Chánh Đẳng Giác – Tương III, 122

Chánh Đẳng Giác – *Tương* III, 122

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) ***Như Lai****, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác,* ***do*** *yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, được gọi là* ***bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác****.*

Còn ***vị Tỷ-kheo****, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, được gọi là* ***bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.***

4) Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

5-7) Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt tưởng... đoạn diệt các hành... đoạn diệt thức, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

8) *Ở đây, này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***sự sai biệt****, thế nào là sự đặc thù, thế nào là* ***sự sai khác giữa*** *bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ?*

9) Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu được Thế Tôn nói lên ý nghĩa của lời này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì!

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

10) Thế Tôn nói như sau:

- Như Lai, *này các Tỷ-kheo,* ***là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường (trước kia) chưa khởi, là bậc đem lại con đường (trước kia) chưa được đem lại, là bậc tuyên thuyết con đường (trước kia) chưa được tuyên thuyết, bậc tri đạo, bậc ngộ đạo, bậc thuần thục về đạo****.* *Còn nay, này các Tỷ-kheo, các vị đệ tử là những vị* ***sống theo đạo, tiếp tục thành tựu (đạo).***

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sự sai biệt, sự đặc thù, sự sai khác giữa Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ.

181 Thế giới này phần lớn dựa vào 2 quan điểm - Kinh Channa – Tương III, 239

Channa – *Tương* III, 239

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo Trưởng lão trú ở Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển.

2) Rồi Tôn giả Channa, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, cầm chìa khóa, đi từ tịnh xá này đến tịnh xá khác và nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả, hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy được pháp.

3) Được nói vậy, các vị Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Channa:

- Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ là vô thường; tưởng là vô thường; các hành là vô thường; thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã.

4) *Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vầy: 'Sắc là vô thường; thọ... tưởng...*

các hành... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả pháp là vô ngã.'

5) *Nhưng tâm của ta <u>không</u> hướng tiến đến **sự chỉ tịnh** tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn, <u>không</u> có thoải mái, <u>không</u> có an trú, không có hướng về. Do sự tham luyến (paritassanà?), chấp thủ khởi lên. Tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt?' Như vậy thời ta <u>không</u> thể thấy pháp. **Ai có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp?"***

6) Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ: "Đây là Tôn giả Ànanda, hiện trú ở Kosambi, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo Sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ànanda có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp. Và cho đến như vậy, ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ànanda. Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ànanda! "

7) Rồi Tôn giả Channa, sau khi dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát đi đến Kosambi, vườn Ghosita, chỗ Tôn giả Ànanda ở, sau khi đến, nói với Tôn giả Ànanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Channa nói với Tôn giả Ànanda:

- Một thời, này Hiền giả Ànanda, tôi ở Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển. Rồi vào buổi chiều, này Hiền giả, tôi từ chỗ tịnh cư đứng dậy, cầm chiếc chìa khóa, đi từ tịnh xá này đến tịnh xá khác, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão: "Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy pháp".

9) Được nghe nói vậy, này Hiền giả, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với tôi: "Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ... tưởng... các hành... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã".

10) Về vấn đề ấy, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vầy: ‘Sắc là vô thường... thức là vô thường. Sắc là vô ngã, thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã’.

11) Nhưng tâm của ta không hướng tiến đến sự chỉ tịnh tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt

khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn, không có thoải mái (?), không có an trú, không có hướng về. Do sự tham luyến, chấp thủ khởi lên. Tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt?' Như vậy thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp?"

12) Rồi về vấn đề này, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Đây là Tôn giả Ànanda, hiện trú ở Kosambi, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo Sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ànanda có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp! Và cho đến như vậy, ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ànanda! Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ànanda".

13) -Tôn giả Ànanda hãy giáo giới cho tôi! Tôn giả Ànanda hãy giảng dạy cho tôi! Tôn giả Ànanda hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy pháp.

14) -Cho đến như vậy, thật sự tôi rất hoan hỷ đối với Tôn giả Channa. Tôn giả Channa đã làm cho sự việc rõ ràng. Tôn giả Channa đã phá vỡ chướng ngại. **Hãy lóng tai,** này Hiền giả Channa! **Hiền giả có thể hiểu được Chánh pháp.**

15) Ngay lúc ấy, Tôn giả Channa khởi lên hoan hỷ, hân hoan thù thắng khi nghe đến: "Ta có thể hiểu được pháp".

16) - Này Hiền giả Channa, tôi tận mặt nghe Thế Tôn, tận mặt nhận lãnh từ Thế Tôn lời giáo giới này cho Kaccànaghotta: *"Thế giới này dựa trên hai (quan điểm), này Kaccàna,* ***hiện hữu*** *và* ***không hiện hữu****. Ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự tập khởi của thế giới, thì không chấp nhận là thế giới không hiện hữu! Nhưng này Kaccàna, ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự đoạn diệt của thế giới, thì cũng không chấp nhận là thế giới có hiện hữu. Thế giới này phần lớn, này Kaccàna,* ***là chấp thủ các phương tiện và bị trói buộc bởi thành kiến***. Với ai không đi đến, không chấp thủ, không an trú vào chấp thủ các phương tiện, tâm không an trú và thiên kiến tùy miên, vị ấy không nói: 'Đây là tự ngã của tôi". Với ai nghĩ rằng: 'Cái gì khởi lên là đau khổ, cái gì diệt là đau khổ', vị ấy không có phân vân, nghi hoặc. Trí ở đây không mượn nhờ người khác. Cho đến như vậy, này Kaccàna, là chánh trí ".

17) "'Tất cả đều có', này Kaccàna, là một cực đoan. 'Tất cả đều không có' là một cực đoan. Không chấp nhận hai cực đoan ấy, này Kaccàna, Như Lai thuyết pháp một cách trung đạo. **Do duyên vô minh, nên hành khởi**. Do duyên hành, nên thức khởi... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. **Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn nên các**

hành diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

18) - Như vậy, này Hiền giả Ananda, là điều sẽ đến với các bậc Tôn giả nào có được những đồng Phạm hạnh như vậy, những vị có lòng từ mẫn, những vị muốn sự lợi ích, những vị giáo giới, những vị giảng dạy, nghe được lời thuyết pháp này từ Tôn giả Ànanda, tôi được an trú vững chắc trong Chánh pháp.

182 Thế nào là GAI trong giới luật của bậc Thánh - Kinh Khổ Pháp – Tương IV, 306

Khổ Pháp – *Tương* IV, 306

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết *sự tập khởi, sự chấm dứt* của tất cả **khổ pháp, khi ấy, các dục được thấy**. Khi vị ấy thấy dục (kàmà), thời dục (kàmachanda), dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **như thật rõ biết** sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp?*

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.
- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.

- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi... các hành đoạn diệt.
- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

5) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục?*

*Khi các **dục** được thấy, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, có một **hố than sâu hơn thân người**, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có khói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lực sĩ đến, kẹp người ấy vào trong các cánh tay, và kéo người ấy đến hố than hừng. Người ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết".*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các dục, thời***

dục, dục ái, *dục mê, dục nhiệt não đối với các dục* không có tùy miên.

6) *Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri?*

Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, **một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc**, trước mặt người ấy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người ấy là gai, phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai".*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sự vật gì khả ái, khả lạc, sự vật ấy được gọi là **gai** trong giới luật của bậc Thánh.*

7) **Sau khi biết vậy, này các Tỷ-kheo, hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.**

8) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết **tâm** giải thoát, **tuệ** giải*

thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là được hộ trì?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết ***tâm*** *giải thoát,* ***tuệ*** *giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.*

... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi mùi... khi lưỡi nếm vị...

... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có hộ trì.

10) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy, **đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát,** khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. **Chậm chạp**, này các Tỷ-kheo, là

niệm được khởi lên. **Mau lẹ**, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm **rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ nóng cả ngày**. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ*

hưởng tài sản và làm các công đức". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo, **sông Hằng hướng về phía Đông**, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với xuổng, cuốc, giỏ và nói: "Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có thể làm cho sông Hằng hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây và nghiêng nhập vào phía Tây không?*

-- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

-- *Vì sao?*

-- *Vì sông Hằng này, bạch Thế Tôn, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông; không có dễ gì làm cho hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chuốc lấy mệt mỏi và thất vọng thôi.*

13) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương

hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn. Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"*. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly, do vậy **sự hoàn tục** không xảy ra.

183 Thế nào là các pháp bị trói buộc và sự trói buộc - Kinh Kiết Sử – Tương III, 297

Kiết Sử – *Tương* III, 297

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về **các pháp bị trói buộc và sự trói buộc**. Hãy lắng nghe.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị trói buộc? Thế nào là sự trói buộc?*

- Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc.
- **Dục** và **tham** đối với sắc là sự trói buộc của sắc.

5-8) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

- Thức, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc.
- **Dục** và **tham** đối với thức là sự trói buộc của thức.

9) Này các Tỷ-kheo, các pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là các pháp bị trói buộc. Đây là sự trói buộc.

184 Thế nào là người bị trói buộc và người không bị trói buộc - Kinh Trói Buộc – Tương III, 293

Trói Buộc – *Tương* III, 293

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

*3) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán **sắc** như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phàm phu, **bị trói buộc** bởi các trói buộc của **sắc**, bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, kẻ không thấy bờ bên này, kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc.*

4-6) ... quán **thọ**... quán **tưởng**... quán các **hành**...

7) *Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán **thức** như là tự ngã, tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phàm phu, bị trói buộc bởi các trói*

buộc của thức, bị trói buộc bởi các trói buộc của nội ngoại, kẻ không thấy bờ bên này, kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc.

8) *Còn vị Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Đa văn Thánh đệ tử,* ***không bị trói buộc*** *bởi các trói buộc của* ***sắc****, không bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, vị đã thấy bờ bên này, vị đã thấy bờ bên kia.* ***Ta nói, vị ấy được giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ.***

9-11) ... Đối với thọ... với tưởng.... với các hành...

12) ... *không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi sự trói buộc của thức, không bị trói buộc bởi sự trói buộc nội ngoại; vị đã thấy bờ bên này, đã thấy bờ bên kia.* ***Ta nói, vị ấy đã giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ.***

185 Thế nào là pháp cần phải biến tri, sự biến tri và người đã chánh biến tri - Kinh Sở Biến Tri – Tương III, 334

Sở Biến Tri – *Tương* III, 334

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- *Này Ràdha, Ta sẽ thuyết về các **pháp cần phải biến tri, sự biến tri, và người đã được biến tri.** Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.*

4) -- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ràdha vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- *Này Ràdha, thế nào là **pháp cần phải biến tri**?*

- **Sắc**, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri.
- **Thọ**, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri.
- **Tưởng**, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri.
- Các **hành**, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri.
- **Thức**, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri.

Những pháp này, này Ràdha, là những pháp cần phải biến tri.

5) *Và này Ràdha, thế nào là **sự biến tri**?*

Này Ràdha, sự đoạn diệt **tham**, sự đoạn diệt **sân**, sự đoạn diệt **si**. Như vậy, này Ràdha, gọi là chánh biến tri.

6) *Và này Ràdha, thế nào là **người đã chánh biến tri**?*

Bậc A-la-hán, cần phải trả lời như vậy. Bậc Tôn giả với tên như thế này, với dòng họ như thế này. Như vậy, này Ràdha, là người đã được chánh biến tri.

186 Thế nào là tự thân - TIỂU Kinh PHƯƠNG QUẢNG – 44 Trung I, 655

TIỂU KINH PHƯƠNG QUẢNG

(Culavedalla suttam)

– Bài kinh số 44 – *Trung* I, 655

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), tai Veluvana (Trúc Lâm), chỗ Kalandaka Nivapa. Rồi nam cư sĩ Visakha đến chỗ Tỷ-kheo-ni Dhammadinna ở, sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Dhammadinna rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Visakha thưa với Tỷ-kheo ni Dhammadinna:

*– Thưa Ni sư, **tự thân**, tự thân, (Sakkaya), được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, Thế Tôn gọi **năm thủ uẩn** là tự thân, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Hiền giả Visakha, năm thủ uẩn này, Thế Tôn gọi là tự thân.

– Lành thay, thưa Ni sư.

Nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinna nói, rồi hỏi Tỷ-kheo-ni Dhammadinna thêm một câu hỏi nữa:

*– Tự thân tập khởi, **tự thân tập khởi**, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân tập khởi (Sakkayasamudaya) là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, khát ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái. Hiền giả Visakha, **khát ái** này, Thế Tôn gọi là tự thân tập khởi.

*– Tự thân diệt, **tự thân diệt**, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thế Tôn gọi tự thân diệt là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, sự đoạn diệt, không tham đắm, không có dư tàn của khát ái ấy, sự xả ly, sự vất bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp. Hiền giả Visakha, sự **đoạn diệt khát ái** này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt.

*– Thưa Ni sư, **tự thân diệt đạo**, tự thân diệt đạo, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân diệt đạo là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, **Con đường Thánh tám ngành** này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt đạo, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

*– Thưa Ni sư, **thủ** này tức là **năm thủ uẩn** kia hay thủ này khác với năm thủ uẩn?*

– Không phải, Hiền giả Visakha. Thủ này tức là năm thủ uẩn kia, thủ này không khác với năm thủ uẩn kia, Hiền giả Visakha, phàm có dục tham đối với năm thủ uẩn, tức là (chấp) thủ đối với chúng ở đây vậy.

*– Thưa Ni sư, thế nào là **thân kiến**?*

– Ở đây, Hiền giả Visakha, kẻ vô văn phàm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, **xem** sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có sắc, hay xem sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong sắc; xem thọ là tự ngã, hay xem tự ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem tưởng là trong tự ngã, hay

xem tự ngã là trong tưởng; xem hành là tự ngã, xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành; xem thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là thân kiến.

*– Thưa Ni sư, thế nào là **không phải thân kiến**?*

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Đa văn Thánh đệ tử đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, **không** xem sắc là tự ngã, không xem tự ngã là có sắc, không xem sắc là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong sắc; không xem thọ là tự ngã, không xem tự ngã là có thọ, không xem thọ là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thọ; không xem tưởng là tự ngã, không xem tự ngã là có tưởng, không xem tưởng là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong tưởng; không xem các hành là tự ngã, không xem tự ngã là có các hành, không xem các hành là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong các hành; không xem thức là tự ngã, không xem tự ngã là có thức, không xem thức là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là không có thân kiến.

– Thưa Ni sư, thế nào là Thánh đạo Tám ngành?

– Hiền giả Visakha, đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

– Thưa Ni sư, Thánh đạo Tám ngành này là hữu vi hay vô vi?

– Hiền giả Visakha, Thánh đạo Tám ngành này là **hữu vi**.

– Thưa Ni sư, ba uẩn được Thánh đạo Tám ngành thâu nhiếp hay Thánh đạo Tám ngành được ba uẩn thâu nhiếp?

– Hiền giả Visakha, ba uẩn không bị Thánh đạo Tám ngành thâu nhiếp. Hiền giả Visakha, **Thánh đạo Tám ngành bị ba uẩn thâu nhiếp**. Hiền giả Visakha:

- Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, những pháp này được thâu nhiếp trong **giới uẩn**.
- Chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định, những pháp này được thâu nhiếp trong **định**

uẩn.

- Chánh tri kiến và chánh tư duy, những pháp này được thâu nhiếp trong **tuệ uẩn**

- *Thưa Ni sư thế nào là **định**, thế nào là **định tướng**, thế nào là **định tư cụ**, thế nào là **định tu tập**?*

  Hiền giả Visakha:

  - *Nhất tâm là định,*
  - *Bốn Niệm Xứ là định tướng,*
  - *Bốn Tinh cần là định tư cụ,*
  - *Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy.*

- *Thưa Ni sư, có bao nhiêu **hành**?*

  - Hiền giả, có ba loại hành này: thân hành, khẩu hành, và tâm hành.

- *Thưa Ni sư, thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là tâm hành?*

  - ***Thở vô, thở ra** là thân hành,*
  - ***Tầm tứ** là khẩu hành,*
  - ***Tưởng và thọ** là tâm hành.*

- *Thưa Ni sư, **vì sao** thở vô thở ra là thân hành, vì sao tầm tứ là khẩu hành, vì sao tưởng và thọ là tâm hành?*

  - ***Thở vô, thở ra, thuộc về thân**, những pháp này lệ thuộc với thân, nên thở vô thở ra thuộc về thân hành.*
  - ***Trước phải tầm và tứ rồi sau mới phát lời nói**, nên tầm tứ thuộc về khẩu hành.*
  - ***Tưởng và thọ và tâm sở, các pháp này lệ thuộc với tâm**, nên tưởng và thọ thuộc về tâm hành.*

- *Thưa Ni sư, như thế nào là chứng nhập **Diệt thọ tưởng định**?*

  - Hiền giả Visakha, Tỳ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, vị ấy **không** nghĩ rằng: "Tôi sẽ chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định" hay "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định". Vì rằng, tâm của vị này trước đã được tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.

- *Thưa Ni sư, Tỳ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, những pháp gì diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay tâm hành?*

– Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, ***khẩu hành diệt trước****, rồi đến thân hành, rồi đến tâm hành.*

- *Thưa Ni sư, làm thế nào xuất khởi Diệt thọ tưởng định?*

– Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, **không** có nghĩ rằng: "Tôi sẽ xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đang xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã xuất khởi Diệt thọ tưởng định". Vì rằng tâm của vị này trước đã tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.

- *Thưa Ni sư, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, những pháp nào khởi lên trước, thân hành, hay khẩu hành hay tâm hành?*

– Hiền giả Visakha, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, ***tâm hành khởi lên trước nhất****, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.*

- *Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác những xúc nào?*

– Hiền giả Visakha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác ba loại xúc: ***không xúc, vô tướng xúc, vô nguyện xúc***.

- *Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, tâm của vị ấy thiên về gì, hướng về gì, khuynh hướng về gì?*

– Hiền giả Visakha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, ***tâm của vị ấy thiên về độc cư, hướng về độc cư, khuynh hướng về độc cư.***

- ***Thưa Ni sư, có bao nhiêu thọ?***

– Hiền giả Visakha, có ba thọ này, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

- *Thưa Ni sư, thế nào là lạc thọ, thế nào là khổ thọ, thế nào là bất khổ bất lạc thọ?*

  - Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách khoái lạc, khoái cảm, như vậy là lạc thọ.
  - Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách đau khổ, không khoái cảm, như vậy là khổ thọ.
  - Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm không khoái cảm, không khoái cảm như vậy là bất khổ bất lạc thọ.

- *Thưa Ni sư, đối với lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ?*

Đối với khổ thọ, cái gì khổ, cái gì lạc? Đối với bất khổ bất lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ?

- Đối với lạc thọ, cái gì trú là lạc, cái gì biến hoại là khổ.
- Đối với khổ thọ, cái gì trú là khổ, cái gì biến hoại là lạc.
- Đối với bất khổ bất lạc thọ, có trí là lạc, vô trí là khổ.

▪ *Thưa Ni sư, trong lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong khổ thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong bất khổ bất lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại?*

- Trong lạc thọ, có tham tùy miên tồn tại;
- Trong khổ thọ, có sân tùy miên tồn tại;
- Trong bất khổ bất lạc thọ, có vô minh tùy miên tồn tại.

▪ *Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?*

– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả

bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại.

– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, cái gì phải từ bỏ. Trong khổ thọ, cái gì phải từ bỏ. Trong bất khổ bất lạc thọ, cái gì phải từ bỏ?

– Hiền giả Visakha, trong lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ. Trong khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ. Trong bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ. Trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ. Trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ?

– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm và tứ. Do vậy tham đã được từ bỏ, không còn tham tùy miên tồn tại ở đây.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo suy tư như

sau: "Chắc chắn ta sẽ chứng và an trú trong trú xứ mà nay các vị Thánh đang an trú". Vì muốn phát nguyện hướng đến các cảnh giải thoát vô thượng, do ước nguyện ấy, khởi lên ưu tư. Do vậy, sân được từ bỏ, không còn sân tùy miên tồn tại ở đây.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Do vậy vô minh đã được từ bỏ, không còn vô minh tùy miên tồn tại ở đây.

– *Thưa Ni sư, lạc thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, lạc thọ lấy khổ thọ làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, khổ thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, khổ thọ lấy lạc thọ làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, bất khổ bất lạc thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, bất khổ bất lạc thọ lấy vô minh làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, vô minh lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, vô minh lấy minh làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, minh lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, minh lấy giải thoát làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, giải thoát lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, giải thoát lấy Niết-bàn làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, Niết-bàn lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, câu hỏi đi quá xa, vượt ra ngoài giới hạn câu trả lời. Hiền giả Visakha, phạm hạnh là để thể nhập vào Niết-bàn, để vượt qua đến Niết-bàn, để đạt cứu cánh Niết-bàn. Hiền giả Visakha, nếu Hiền giả muốn, hãy đến chỗ Thế Tôn ở, và hỏi ý nghĩa này. Và Thế Tôn trả lời cho Hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinna giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy,

đảnh lễ Tỷ-kheo ni Dhammadinna, thân bên phải hướng về phía Tỷ-kheo-ni rồi từ biệt, đi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, nam cư sĩ Visakha thuật lại cho Thế Tôn tất cả câu chuyện đàm đạo với Tỷ-kheo-ni Dhammadinna. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với nam cư sĩ Visakha:

– Này Visakha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna là bậc Hiền trí! Này Visakha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna là bậc Đại tuệ. Này Visakha, nếu Ông hỏi Ta ý nghĩa ấy, Ta cũng trả lời như Tỷ-kheo-ni Dhammadinna đã trả lời. Ông đối với nghĩa này, hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

187 Thủ - 4 loại thủ được Thế Tôn Chánh Đẳng Giác - TIỂU Kinh SƯ TỬ HỐNG – 11 Trung I, 151

TIỂU KINH SƯ TỬ HỐNG

(Culasihanada suttam)

– Bài kinh số 11 – *Trung* I, 151

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), trong vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn,

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết như sau:

– Này các Tỷ-kheo, chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, các Ông hãy

chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra khi ở đây những Du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Tôn giả có tin tưởng gì, có sức lực gì mà chư Tôn giả tuyên bố: "Chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác không có Sa-môn"?

Này các Tỷ-kheo, nếu được các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau: "Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nên chúng tôi nói: "Chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất, ở đây là có Sa-môn thứ hai; Sa-môn thứ ba; Sa-môn thứ tư". Thế nào là bốn? Chư Hiền, chúng tôi có lòng tin bậc Đạo Sư, có lòng tin Pháp, có sự thành tựu viên mãn các Giới luật, và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và những người xuất gia, được chúng tôi thương, chúng tôi mến. Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nên chúng tôi nói: "Chỉ ở đây là Sa-môn... Sa-môn thứ tư".

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở đây, những Du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Hiền, chúng tôi cũng có lòng tin bậc Đạo Sư, vị ấy là Đạo Sư của chúng tôi. Chúng tôi có lòng tin Pháp, Pháp ấy là Pháp của chúng tôi, chúng tôi thành tựu viên mãn các Giới luật, những Giới luật ấy là Giới luật của chúng tôi. Và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và cả những người xuất gia, được chúng tôi thương, được chúng tôi mến. Chư Hiền, như vậy có sự sai biệt gì, có sự đặc thù gì, có sự khác biệt gì giữa quý vị và chúng tôi?".

Chư Tỷ-kheo, nếu được các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau:

– "Chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là đa diện?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh là một, cứu cánh không phải đa diện"
– "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có tham, hay cho người không tham?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời:- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không tham, không phải cho người có tham"
– "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có sân, hay cho người không sân?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền,

cứu cánh ấy cho người không sân, không phải cho người có sân"

- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có si hay cho người không si? Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không si, không phải cho người có si"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có ái, hay cho người không ái?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không ái, không phải cho người có ái"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có chấp thủ, hay cho người không chấp thủ?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không chấp thủ, không phải cho người chấp thủ".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có trí, hay cho người không có trí?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Cứu cánh ấy cho người có trí, không phải cho người không có trí".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người thuận ứng, nghịch ứng hay cho người không thuận ứng, không nghịch ứng?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không thuận ứng, không nghịch ứng, không phải cho người thuận ứng, nghịch ứng".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người ưa hý luận, thích hý luận hay cho người không ưa hý luận,

không thích hý luận?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo cần phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, không phải cho người ưa hý luận, thích hý luận".

Chư Tỷ-kheo, có hai loại tri kiến này: hữu kiến và phi hữu kiến.

- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước hữu kiến, thân thiết hữu kiến, cố chấp hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại đối với phi hữu kiến.
- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước phi hữu kiến, thân thiết phi hữu kiến, cố chấp phi hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại bởi hữu kiến.
- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của chúng, những vị này là những vị có tham, có sân, có si, có ái, có chấp thủ, không có trí, có thuận ứng, có nghịch ứng, có ưa hý luận, có thích hý luận; những vị ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy không giải thoát khỏi đau khổ.

– Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật tuệ tri sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly của chúng; những vị này là những vị không tham, không sân, không si, không ái, không chấp thủ, có trí, không có thuận ứng, không có nghịch ứng, không ưa hý luận, thích hý luận; những vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

Chư Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.

– Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri ba sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ.

– Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri hai sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ; nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

– Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri một sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận

thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với Đạo Sư, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các Giới luật, sự thành tựu ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với những pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là không hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật không khéo thuyết giảng, không khéo hiển thị, không có hướng thượng, không dẫn đến tịch tịnh, không được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

Và này chư Tỷ-kheo, bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tự xưng liễu tri tất cả thủ, chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Như Lai hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong một pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các Giới luật, sự thành tựu ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với các pháp hữu, sự

thương mến ấy được xem là hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật khéo thuyết giảng, khéo hiển thị, có hướng thượng, dẫn đến tịch tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

- Chư Tỷ-kheo, bốn loại chấp thủ này, lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Bốn loại chấp thủ này lấy ái làm duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm chủng, lấy ái làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, ái này lấy thọ làm duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm chủng, lấy thọ làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy xúc làm duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm chủng, lấy xúc làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy sáu nhập làm duyên... lấy sáu nhập làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy danh sắc làm duyên... lấy danh sắc làm

nhân.

– Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy thức làm duyên... lấy thức làm nhân.
– Chư Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thức này lấy hành làm duyên... lấy hành làm nhân.
– Chư Tỷ-kheo, hành này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, hành này lấy vô minh làm duyên... lấy vô minh làm nhân.

Và Chư Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã làm minh sanh khởi, vị ấy do vô minh được đoạn trừ, do minh sanh khởi, nên không chấp thủ dục thủ, không chấp thủ kiến thủ, không chấp thủ giới cấm thủ, không chấp thủ ngã luận thủ. Nhờ không chấp thủ nên không tháo động. Nhờ không tháo động, nên tự thân chứng được Niết-bàn; vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

188 Thủ - 62 tà kiến, kiến thủ - Kinh PHẠM VÕNG – 1 Trường I, 11

KINH PHẠM VÕNG
– *Bài kinh số 1* – **Trường *I, 11***

1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Tại đây, du sĩ ngoại đạo

Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

- Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. <u>Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.</u>

4. Lúc bấy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống,

Thế Tôn nói với các vị Tỷ-Kheo:

- Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các ngươi ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: "Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! ... (xem số 3). . Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến!

5. - Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các ngươi. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi công phẫn và phiền muộn, thời các ngươi có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Này các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các ngươi phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: - "Như thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi".

6. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các ngươi không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời sẽ có hại cho các ngươi. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Như thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi".

7. Này các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

❖ ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề***

không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. - Này các Tỷ-kheo, **đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.**

– Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

– Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

– Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói

hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

– Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

– Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ;

- Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận vàng và bạc.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận các hạt giống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận thịt sống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận đàn bà, con gái.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận cừu và dê.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận gia cầm và heo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái.

– Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai.

– Sa-môn Gotama từ bỏ không phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới.

– Sa-môn Gotama từ bỏ không buôn bán.

– Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường.

– Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo.

– Sa-môn Gotama từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

– - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Xong Tiểu giới.

----

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ ngành cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn Sa-môn Gotama thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. - Này các

Tỷ-kheo, như vầy người phàm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật. Như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cất chứa các vật trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, **vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng** thần tiên, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi

trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đống thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lầu che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã

dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm. Như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên*. Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện

trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. *Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; lời nói của ngươi không tương ưng, những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước, chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của ngươi đã bị thách đấu; ngươi đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí". *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-

đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia". *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cho đưa các tin tức và tự đứng làm môi giới.* Như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi cầu lợi. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên*. Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Xong Trung giới.

----

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muỗng, dùng miệng phun hột cải v. v... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thục tô, tế dầu, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa

bồ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. *Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tường đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thối; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ

thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhựt thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. *Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi*

sống bằng những tà mạng kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bịnh, sẽ không có bịnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình. *Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà hạnh kể trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. *Còn Sa-môn Gotama tránh xa các*

tà mạng kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bịnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bịnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. *Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, đấy là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới.

----

28. **Này các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấu, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.**

❐ ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến?***

29. Này các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, **chấp kiến về QUÁ KHỨ TỐI SƠ**, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với **mười tám luận chấp**. *Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?*

30. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn,

chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã về thế giới là thường còn" với **bốn luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?*

31. Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "*Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này*". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đảnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường

trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy

chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế

này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đảnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp". Nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đảnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đảnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, **chủ trương Thường trú luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với **bốn luận chấp**. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn", chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này**: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri

ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác**, với **bốn luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô*

thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp?

2. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Àbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đấy, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này!" Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc

thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đấy cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này - Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này". Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi. Còn chúng ta thì sanh sau".

6. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy

sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn. **Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình**. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yểu thọ và chịu sự biến dịch".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn

đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

9. Vị ấy nói rằng: "Những chư Thiên không bị nhiễm

hoặc bởi dục lạc, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Chúng sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy.

12. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống

thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi". Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi,

là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Này các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài

lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

----

16. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên, **chấp thế giới là Hữu biên Vô biên** với **bốn luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?*

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên**. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung

quanh. Vì sao vậy? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên. Vị ấy nói: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn". Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức

niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là Vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ

không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn" những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên", những vị ấy cũng nói

không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Hữu biên Vô biên luận với bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những

pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

----

23. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp?*

24. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện" không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi . Nếu dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể bị sai lầm. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn

đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? (1)

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị

phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chướng ngại cho tôi.

- Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

(1) Hỏi một đường đáp một ngã (trườn uốn như con lươn).

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như

thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc trả lời: "Đây là bất thiện", có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của chúng, chúng có thể đọ tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu chúng đọ tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho chúng. Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời. "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". - Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện

luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn đần độn ngu si. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề nay hay vấn đề khác, liền dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?" Nếu tôi nghĩ: "Không có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Không có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi "Không có một thế giới khác phải không?" (... như trên...) "Cũng có và cũng không có một thế giới khác?", "Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?", "Có loại hữu tình hóa sanh?", "Không có loại hữu tình hóa sanh?" , "Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?", "Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?", "Có kết quả dị thục của các nghiệp thiện và

ác?", "Không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng có và cũng không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?", "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?". Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Tôi có thể trả lời: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

-Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn

hay Bà-la-môn nào chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

----

30. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn

chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?*

31. Này các Tỷ-kheo, có những chư Thiên gọi là Vô tưởng hữu tình. Khi một tưởng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xẩy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tưởng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới vô nhân sanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

33. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Vô nhân luận**, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

34. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.

Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, chúng sẽ chấp cả **mười tám luận chấp** trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những

định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỳ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. **Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.**

----

37. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **LUẬN BÀN VỀ TƯƠNG LAI**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. *Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?*

38. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương hữu tưởng sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp?*

- Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",
- "Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Bản ngã là hữu biên...",
- "Bản ngã là vô biên ...",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên",
- "Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên ...",
- "Bản ngã là nhất tưởng ...",
- "Bản ngã là dị tưởng ...".
- "Bản ngã là thiểu tưởng ...",
- "Bản ngã là vô lượng tưởng ...",
- "Bản ngã là thuần lạc ...",

- "Bản ngã là thuần khổ ...",
- "Bản ngã là khổ lạc".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng".

39. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương hữu tưởng sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ HAI

1. Này các Tỳ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chế**t với **tám luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp?*

2. Những vị này chủ trương:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng",
- "Bản ngã không có sắc ...",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",

- "Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Là hữu biên ...", "Là vô biên ...",
- "Là hữu biên và vô biên ...".
- Các vị này chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng.

3. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết,** chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với **tám luận chấp**. - Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, **ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.**

4. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly

của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy nhưng ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

----

5. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng luận sau khi chết,** **chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng** với **tám luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp?*

6. Những vị này chấp:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng... ",
- "Bản ngã là vô sắc... ",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc... ",

- "Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc... ",
- "Bản ngã là hữu biên... ",
- "Bản ngã là vô biên... ",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên... ".

7. Những vị này chấp rằng: **Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bện**h, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng, với **tám luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tưởng phi vô tưởng, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. **Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh**. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu,

vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

-

9. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Đoạn diệt luận**, **chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình** với **bảy luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?*

10. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: "Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn

diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tưởng, diệt trừ các tưởng chống đối, không ức niệm

các dị tưởng, nhận hiểu hư không là vô biên. - Đạt đến <u>không vô biên xứ</u>. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên. - Đạt đến <u>Thức vô biên xứ</u>. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu. - Đạt đến <u>Vô sở hữu xứ</u>. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy

khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu. - Đạt đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, **chủ trương Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

----

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương HIỆN TẠI NIẾT BÀN LUẬN**, **chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với <u>năm luận chấp</u>.** *Và những Sa-môn, Bà-la-*

môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

20. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: "Khi nào bản ngã này tận hưởng, sung mãn năm món dục lạc, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết Bàn của loài hữu tình".

21. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết Bàn. Vì cớ sao? Vì rằng tính của dục lạc và vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào đệ nhất thiền; thiền định này có tầm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

22. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây thiền định ấy có tầm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi

nào bản ngã ấy có tầm và tứ, đạt đến và an trú đệ nhị thiền. Thiền định này nội tâm yên tỉnh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

23. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xã, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Hỷ niệm lạc trú - đạt đến và an trú đệ tam thiền". Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

24. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào đệ tứ thiền. Thiền này không khổ,

không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

25. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy **chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận**, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với **năm luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

----

27. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sư tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của

chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

29. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

30. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

----

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

34. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

35. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

36. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

37. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá

khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

38. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

39. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

40. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh*

nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

41. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

42. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

43. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích*

thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

44. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

----

45. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm** (của các căn).

46. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm** (của các căn).

47. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

48. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn).

49. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

50. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

52. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

53. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

54. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn biệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

55. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

56. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát

khởi do sự xúc chạm (của các căn).

57. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

----

58. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. **Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

59. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới, là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

60. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế

giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

61. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

62. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

63. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

64. Này các Tỷ-kheo , ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ

trương trên, nếu không có cảm xúc.

65. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

66. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

67. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương, trên, nếu không có cảm xúc.

68. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

69. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-

la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

70. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

----

71. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Ngụy biện luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, luân bàn về quá khứ tối sơ, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô

tưởng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương hiện tại Niết Bàn luận; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. **Tất cả những vị này có những cảm thọ (những chủ trương trên) do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ.**

Do duyên với những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi, do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xuất xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

72. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến

sai khác tất cả **những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.**

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây". Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

73. Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tài, những cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ananda bạch đức Thế Tôn:

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

- Này Ananda, pháp môn này gọi là "Lợi Võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Pháp Võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm Võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiếm Võng", hãy như vậy mà phụng trị; gọi là "Vô thượng Chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

189 Thủ - Chấp thủ vi tế cuối cùng - Kinh BẤT ĐỘNG LỢI ÍCH – 106 Trung III, 97

KINH BẤT ĐỘNG LỢI ÍCH

(Ananjasappaya suttam)

– Bài kinh số 106 –* Trung *III, 97

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru (Câu-lâu). Kammassadhamma (Kiềm-ma-sắt-đàm) là thị trấn của dân chúng Kuru. Tại đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, **các dục là vô thường, trống rỗng, giả dối, thuộc ngu si tánh.** Này các Tỷ-kheo, đây là lời chào xáo của kẻ ngu xây dựng trên giả dối. Các dục hiện tại, và các dục tương lai, các dục tưởng hiện tại và các dục tưởng tương lai, cả hai đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma. Ở

đây, các ác bất thiện ý này dẫn đến tham dục, sân hận, khích động, và chính những pháp ấy tác thành chướng ngại ở đây cho Thánh đệ tử học tập.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Các dục hiện tại và các dục tương lai… cho Thánh đệ tử học tập. Vậy ta hãy an trú với tâm quảng đại, đại hành, sau khi chiến thắng thế giới, sau khi xác định vị trí của ý. Khi ta an trú với tâm quảng đại, đại hành chiến thắng thế giới, xác định vị trí của ý, các ác bất thiện ý: tham dục, sân hận, khích động sẽ không khởi lên. Với các pháp ấy được đoạn trừ, tâm của ta không trở thành hạn hẹp, trái lại thành vô lượng, khéo tu tập". **Trong khi ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).** Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến** (samvattanikam vinnanam) có thể tùy theo đây đạt đến Bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Bất động".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại, và những dục tưởng tương lai, phàm bất cứ sắc pháp gì, là bốn đại

chủng và sắc do bốn đại tạo thành". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). **Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ**. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những sắc tưởng hiện tại và những sắc tưởng tương lai, cả hai đều vô thường. Cái gì vô thường thời không đáng để được hoan hỷ, không đáng để được hoan nghênh, không đáng để được chấp trước". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: *"Những dục hiện tại... và những sắc tưởng tương lai, và những bất động tưởng, tất cả tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là vô sở hữu".* Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đi đến khu rừng hay đi đến dưới gốc cây và suy nghĩ như sau: *"Trống không là tự ngã hay ngã này sở hữu"*. Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy

nghĩ như sau: *"Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, (cho ai) và trong hình thức nào".* Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ**. Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: *"Những dục hiện tại.. và những sắc tưởng và những Bất động tưởng, và những Vô sở hữu xứ tướng, tất cả các tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ"*. Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó). Với tâm an tịnh vị ấy có thể thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ ngay trong hiện tại, hoặc thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành đạo về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Khi được nói như vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

*– Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy, thời có thể không là của ta; nếu (nay) không có như vậy thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Và như vậy **vị ấy được xả**. Bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo như vậy có chứng được cứu cánh Niết-bàn không?*

– Ở đây, này Ananda, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn.

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng cứu cánh Niết-bàn?

– Ở đây, này Ananda, một Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Và như vậy vị ấy được xả. Vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy. Do vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy, **thức lệ thuộc xả ấy và**

thủ trước xả ấy. Có thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo không chứng cứu cánh Niết-bàn.

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước là thủ trước chỗ nào?

– Này Ananda, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng?

– Này Ananda, Vị Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng. Này Ananda, đây là thủ trước tối thượng, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thời có thể không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Như vậy, vị ấy được xả. Vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không chấp trước xả ấy. Do vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không thủ trước xả ấy, **thức không lệ thuộc xả ấy và không thủ trước xả ấy. Không thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo chứng cứu cánh Niết-bàn.**

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Chính mười y cứ sự này sự kia, bạch Thế Tôn, sự vượt thoát dòng nước mạnh đã được Thế Tôn nói lên. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là ***Thánh giải thoát****?*

– Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những Bất động tưởng, những Vô sở hữu xứ tưởng, và những Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, **cái gì thuộc tự thân, là tự thân. Đây là bất tử tức là tâm giải thoát không thủ trước**".

Này Ananda, đây là đạo lộ về lợi ích Bất động được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Vô sở hữu xứ được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ được Ta thuyết giảng, là sự vượt qua dòng nước mạnh do y cứ sự này sự kia được Ta thuyết giảng, Thánh giải thoát được Ta thuyết giảng. Những gì, này Ananda, vị Đạo sư cần phải làm, vì lòng từ mẫn mưu tìm hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy đã được Ta làm, vì lòng từ mẫn của Ta đối với Ông. Này Ananda, đây là những gốc cây, đây là những khoảng trống. Hãy tu Thiền, này Ananda, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời dạy

của Ta cho Ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

190 Thủ - Do hoan hỷ đối với sắc nên thủ đvới sắc khởi lên - Kinh Thiền Định – Tương III, 31

Thiền Định – *Tương* III, 31

1) Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi...

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **hãy tu tập Thiền định.** Vị Tỷ-kheo có Thiền định, này các Tỷ-kheo, **hiểu biết một cách như thật.**

3) Hiểu biết gì một cách như thật?

- **Sắc tập khởi và đoạn diệt**;
- **Thọ** tập khởi và đoạn diệt;
- **Tưởng** tập khởi và đoạn diệt;
- Các **hành** tập khởi và đoạn diệt;
- **Thức** tập khởi và đoạn diệt.

4) ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi? Thế nào là các hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi?***

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú**. Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước và an trú gì?

6) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **sắc**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do hỷ đối với sắc, thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

7-10) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **thọ**... rồi an trú **tưởng**... rồi an trú các **hành**... rồi an trú **thức**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thức, hỷ khởi lên. Do hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi, đây là tưởng tập khởi, đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi.

12) ***Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc đoạn diệt, thế nào là thọ đoạn diệt, thế nào là tưởng đoạn diệt, thế nào là các hành đoạn diệt, thế nào là thức đoạn diệt?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy **không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú.**

13) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú gì?

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

14) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

15-16) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú các hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú các hành, hỷ đối với các hành đoạn diệt. Do hỷ đối với các hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

17) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú **thức**. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

18) Này các Tỷ-kheo, đây là **sắc** đoạn diệt, đây là **thọ** đoạn diệt, đây là **tưởng** đoạn diệt, đây là các **hành** đoạn diệt, đây là **thức** đoạn diệt.

191 Thủ - Kinh ĐẠI Kinh ĐOẠN TẬN ÁI – 38 Trung I, 559

ĐẠI KINH ĐOẠN TẬN ÁI

(Mahatanha sankhaya suttam)

– Bài kinh số 38 – *Trung* I, 559

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, *Tỷ-kheo tên là Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau*: *"Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruỗi, luân chuyển nhưng không đổi khác".*

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruỗi, luân chuyển nhưng không đổi khác"". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá ở, khi đến xong liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá như sau:

– Này Hiền giả Sati, có đúng sự thật chăng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng... (như trên)... nhưng không đổi khác".

– Thật sự là vậy, chư Hiền, theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

– Hiền giả Sati, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sati, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi; không có duyên thì thức không hiện khởi.

Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, dù được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy.

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này dong ruổi, luân chuyển, nhưng không đổi khác.

Vì các Tỷ-kheo ấy không thể làm cho Tỷ-kheo

Sati, con người đánh cá từ bỏ ác tà kiến ấy, nên các vị ấy đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này dong ruỗi, luân chuyển, nhưng không đổi khác". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này dong ruỗi, luân chuyển, nhưng không đổi khác"". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá ở, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá:

"– Này Hiền giả Sati, có đúng sự thật chăng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... nhưng không đổi khác"".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá nói với chúng con như sau:

"– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... nhưng không đổi khác.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

"– Hiền giả Sati chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sati, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên thì thức không hiện khởi.

"Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá dầu cho được chúng con cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy:

"– Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, Thế Tôn thuyết giảng..., nhưng không đổi khác".

Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi là một Tỷ-kheo khác:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá: "Hiền giả Sati, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá:

– Hiền giả Sati, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá đang ngồi xuống một bên:

– *Này Sati, có thật chăng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác"?*

– Thật sư là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

– *Này Sati, thế nào là thức ấy?*

– Bạch Thế Tôn, *chính thức ấy nói cảm thọ, thọ*

lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác.

– Này kẻ mê mờ kia, vì ai mà Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Này kẻ mê mờ kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói là **thức** do duyên khởi, không có duyên, thì thức không hiện khởi? Và này kẻ mê mờ kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông còn tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ mê mờ kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong Pháp, Luật này không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể có được, không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn sau khi biết được Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, đang im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá.

– Này kẻ mê mờ kia, người ta sẽ biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng giống như Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức?*

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên, thức không hiện khởi.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo, lành thay, chư Tỷ-kheo, các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy! Chư Tỷ-kheo, **Ta đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi. Không có duyên, thức không hiện khởi.** Nhưng Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, còn tự pháp hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho kẻ mê mờ ấy.

Này các Tỷ-kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và

các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Này các Tỷ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức

sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Này các Tỷ-kheo, *các Ông có thấy sanh vật này không?*

– Bạch Thế Tôn, có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy sự tác thành sanh vật do món ăn ấy không?

– Bạch Thế Tôn có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy cũng bị đoạn diệt không?

– Bạch Thế Tôn, có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh.

– Sanh vật này có thể không có mặt?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh. Sự tác thành của món ăn ấy có thể có hay không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh. Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Sanh vật này có thể không có mặt.

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Sự tác thành của món ăn ấy có thể có hay không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy. (???)

– Này các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, sanh vật này có mặt, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, sự tác thành của món ăn ấy, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, sanh vật này có mặt, (đối với vấn đề này) có phải các Ông khéo thấy, nhờ như thật chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, sự hiện hữu của sanh vật ấy là do các món ăn ấy tác thành, có phải các Ông khéo thấy nhờ như thật chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, do sự đoạn diệt các món ăn

ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt, (đối với vấn đề này), có phải các Ông khéo thấy nhờ như thật chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– ***Này các Tỷ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các Ông chấp trước, lấy làm hãnh diện, truy cầu, xem là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ chiếc bè, nói Pháp được giảng dạy là để đưa vượt qua, không phải để nắm lấy.***

– Bạch Thế Tôn, không.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các Ông không chấp trước, không lấy làm hãnh diện, không truy cầu, không xem là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ là của mình (???), thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ chiếc bè, nói Pháp được giảng dạy là để đưa vượt qua, không phải để nắm lấy.

– Bạch Thế Tôn, có.

– Này các Tỷ-kheo, có ***bốn món ăn** giúp cho an trú các loài hữu tình đã sanh hay phò trợ các loài hữu tình sẽ sanh*. Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô hoặc tế, thứ hai là xúc thực, thứ ba là tư niệm thực, và thứ tư là thức thực.

Và này các Tỷ-kheo bốn món ăn này, lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Bốn món ăn này lấy **ái** làm nhân duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm sanh chủng, lấy ái làm nguyên nhân.*

Này các Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Ái lấy **thọ** làm nhân duyên*, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm sanh chủng, lấy thọ làm nguyên nhân.

Này các Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm nguyên nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Thọ lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm sanh chủng, lấy xúc làm nguyên nhân.*

Này các Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm nguyên duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Xúc lấy sáu nhập làm nhân duyên, lấy sáu nhập làm tập khởi, lấy sáu nhập làm*

sanh chủng, lấy sáu nhập làm nguyên nhân.

Này các Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Sáu nhập lấy danh sắc làm nhân duyên, lấy danh sắc làm tập khởi, lấy danh sắc làm sanh chủng, lấy danh sắc làm nguyên nhân.*

Này các Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Danh sắc lấy thức làm nhân duyên*, lấy thức là tập khởi, lấy thức làm sanh chủng, lấy thức làm nguyên nhân.

Này các Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Thức lấy hành làm nhân duyên*, lấy hành làm tập khởi, lấy hành làm sanh chủng, lấy hành làm nguyên nhân.

Này các Tỷ-kheo, các hành này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Các hành lấy vô minh làm sanh chủng*, lấy vô minh làm nguyên nhân.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ,

thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được hiện hữu. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

– *Trước đã nói: Sanh duyên già, chết (Do duyên sanh nên già, chết hiện khởi). Này các Tỷ-kheo, sanh duyên già, chết có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?*

– Bạch Thế Tôn, sanh duyên già, chết. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Sanh duyên già, chết.

- Trước đã nói: hữu duyên sanh. Này các Tỷ-kheo, hữu duyên sanh có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, hữu duyên sanh. Như vậy, đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Hữu duyên sanh.

- Trước đã nói: Thủ duyên hữu. Này các Tỷ-kheo, thủ duyên hữu có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thủ duyên hữu. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thủ duyên hữu.

– Trước đã nói: Ái duyên thủ. Này các Tỷ-kheo, ái duyên thủ có phải không? Hay ở đây, (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, ái duyên thủ. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Ái duyên thủ.

– Trước đã nói: Thọ duyên ái. Này các Tỷ-kheo, thọ duyên ái có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thọ duyên ái. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thọ duyên ái.

– Trước đã nói: Xúc duyên thọ. Này các Tỷ-kheo, xúc duyên thọ có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, xúc duyên thọ. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Xúc duyên thọ.

– Trước đã nói: Sáu nhập duyên xúc. Này các Tỷ-kheo, sáu nhập duyên xúc có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, sáu nhập duyên xúc. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Sáu nhập duyên xúc.

– Trước đã nói: Danh sắc duyên sáu nhập. Này các Tỷ-kheo, danh sắc duyên sáu nhập có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, danh sắc duyên sáu nhập. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Danh sắc duyên sáu nhập.

– Trước đã nói: Thức duyên danh sắc. Này các Tỷ-kheo, thức duyên danh sắc có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thức duyên danh sắc. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thức duyên danh sắc.

– Trước đã nói: Hành duyên thức: Này các Tỷ-kheo, hành duyên thức có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, hành duyên thức. Như vậy, đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Hành duyên thức.

– Trước đã nói: Vô minh duyên hành. Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, vô minh duyên hành. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Vô minh duyên hành.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các Ông nói như vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh", như vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não cùng sanh khởi. Như vậy, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. *Do vô minh đoạn diệt, xả ly một cách hoàn toàn nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt.* Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Trước đã nói: Do sanh diệt nên già, chết diệt. Này các Tỷ-kheo, do sanh diệt nên già, chết diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do sanh diệt nên già, chết diệt.

Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do sanh diệt nên già, chết diệt.

– Trước đã nói: Do hữu diệt nên sanh diệt. Này các Tỷ-kheo, do hữu diệt nên sanh diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do hữu diệt nên sanh diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do hữu diệt nên sanh diệt.

– Trước đã nói: Do thủ diệt nên hữu diệt. Này các Tỷ-kheo, do thủ diệt nên hữu diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thủ diệt nên hữu diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do thủ diệt nên hữu diệt.

– Trước đã nói: Do ái diệt nên thủ diệt. Này các Tỷ-kheo, do ái diệt nên thủ diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do ái diệt nên thủ diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do ái diệt nên thủ diệt.

– Trước đã nói: Do thọ diệt nên ái diệt. Này các

Tỷ-kheo, do thọ diệt nên ái diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thọ diệt nên ái diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do thọ diệt nên ái diệt.

– Trước đã nói: Do xúc diệt nên thọ diệt. Này các Tỷ-kheo, do xúc diệt nên thọ diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do xúc diệt nên thọ diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do xúc diệt nên thọ diệt.

– Trước đã nói: Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Này các Tỷ-kheo, do sáu nhập diệt nên xúc diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do sáu nhập diệt nên xúc diệt.

– Trước đã nói: Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Này các Tỷ-kheo, do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do danh sắc diệt nên sáu nhập

diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt.

– Trước đã nói: Do thức diệt nên danh sắc diệt. Này các Tỷ-kheo, do thức diệt nên danh sắc diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thức diệt nên danh sắc diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do thức diệt nên danh sắc diệt.

– Trước đã nói: Do hành diệt nên thức diệt. Này các Tỷ-kheo, do hành diệt nên thức diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do hành diệt nên thức diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do hành diệt nên thức diệt.

– Trước đã nói: Do vô minh diệt nên hành diệt. Này các Tỷ-kheo, do vô minh diệt nên hành diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do vô minh diệt nên hành diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do vô minh diệt nên hành diệt.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các Ông nói như

vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này không có nên cái kia không có, cái này diệt nên cái kia diệt", như vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên sáu nhập diệt, sáu nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, các Ông nên biết như vậy, thấy như vậy, *có còn chạy theo thời quá khứ, và suy nghĩ:* "Ta có mặt trong thời quá khứ hay không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta có mặt như thế nào trong thời quá khứ"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, *có còn chạy theo thời vị lai, và suy nghĩ:* "Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông *có nghi ngờ gì về mình trong thời hiện tại:* "Ta có mặt hay ta không có mặt. Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt, hình vóc như thế nào? Hữu tình này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nói như sau: "Bậc Đạo Sư quá nặng nề (?) đối với chúng ta. Chúng ta nói vì chúng ta tôn trọng bậc Đạo Sư"?*

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nói như sau: "Một Sa-môn nói với chúng tôi như vậy, các Sa-môn khác cũng vậy(?), và còn chúng tôi không có nói như vậy"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có tìm một vị Đạo Sư khác không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có trở lui lại các giới cấm, tế tự (?) đàn tràng của các tục tử Sa-môn, Bà-la-môn (và nghĩ rằng) chúng là căn bản không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, có phải các Ông chỉ nói những gì các Ông tự biết, tự thấy, tự ý thức được?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo,! Này các Tỷ-kheo, **các Ông đã được ta giới thiệu Chánh Pháp**, Pháp này thiết thực, hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Này các Tỷ-kheo, Pháp này thiết thực, hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. **Tất cả những gì đã nói là do duyên này mà nói.**

Này các Tỷ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình:

– Ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai

không thể thành hình.

– Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình.

– Và này các Tỷ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ấm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

Rồi này các Tỷ-kheo, người mẹ trong chín hay mười tháng mang bào thai ấy, với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Rồi này các Tỷ-kheo, sau chín hay mười tháng, người mẹ sinh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Khi đã sinh, người mẹ nuôi (hài nhi ấy) với máu của mình. Này các Tỷ-kheo, *trong luật của bậc Thánh, sữa của bà mẹ được xem là máu.* Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ ấy, sau khi lớn lên, sau khi các căn đã thuần thục, chơi với những trò chơi dành cho các đứa trẻ, như với cái cày nhỏ, chơi khăng, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đong bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ. Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ sau khi lớn lên, sau khi các căn do mắt nhận thức, được thuần thục, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc; các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... Các hương do

mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc; các xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục.

⇨ *Khi thấy sắc bằng mắt, người đó tham ái đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn.*

⇨ *Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước thọ ấy.*

⇨ *Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy, nên dục sanh hỷ, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, nên dục hỷ sanh.* ***Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ.***

⇨ *Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.*

Khi người đó nghe tiếng với tai... (như trên)... khi người đó ngửi hương với mũi... (như trên)... khi người đó nếm vị với lưỡi... (như trên)... khi người đó

cảm xúc với thân... (như trên)... khi người đó nhận thức pháp với ý, người đó tham ái đối với pháp tốt, ghét bỏ đối với pháp xấu. Người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không còn dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy. Vì người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Ở đời, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên thuyết điều Như Lai đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Như Lai truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy

đủ, thanh tịnh. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe Pháp ấy. Sau khi nghe Pháp, người ấy sanh lòng kính ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng, vị ấy suy nghĩ: *"Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình"*. Sau một thời gian, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống thành tựu học pháp chánh hạnh:

- Từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sống thanh tịnh, không có trộm cắp.

– Từ bỏ tà hạnh, sống theo phạm hạnh, sống hạnh viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ,

– Từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời,

– Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đến nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

– Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người.

– Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh Pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hột giống và các loại

cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời, từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, trình diễn, từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thơm và các thời trang, từ bỏ dùng giường cao và giường lớn, từ bỏ nhận vàng bạc, từ bỏ nhận các hạt sống, từ bỏ nhận thịt sống, từ bỏ nhận đàn bà, con gái, từ bỏ nhận nô tỳ, gái và trai, từ bỏ nhận cừu và dê, từ bỏ nhận gia cầm và heo, từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái, từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai, từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới, từ bỏ buôn bán, từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường, từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo, từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Vị ấy biết đủ với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỷ-kheo biết đủ với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát).

Vị ấy nhờ thành tựu Thánh giới uẩn này nên hưởng được lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng

chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... (như trên)... mũi ngửi hương... (như trên)... lưỡi nếm vị... (như trên)... thân cảm xúc... (như trên)... ý nhận thức các pháp; vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiểu tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy với sự thành tựu **Thánh giới uẩn** này, với sự thành tựu **Thánh hộ trì căn** này, và với **Thánh chánh niệm tỉnh giác** này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá,

bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

- Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.
- Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa, tâm hết sân hận.
- Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc.
- Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi từ bỏ năm triền cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai,

một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm giác sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

⇨ *Khi vị ấy thấy sắc bằng mắt, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu, vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn.*

⇨ *Như vậy từ bỏ (thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy.*

⇨ *Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt.*

⇨ *Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.*

Khi vị ấy nghe tiếng bằng tai... (như trên)... khi vị ngửi hương bằng mũi... (như trên)... Khi vị ấy nếm vị bằng lưỡi... (như trên)...Khi vị ấy cảm xúc bằng thân... (như trên)... Khi vị ấy nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không tham ái đối với pháp tốt, không ghét bỏ đối với pháp xấu. Vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, vị ấy đoạn trừ (thuận nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, các Ông hãy thọ trì **ái tận giải thoát** này, được Ta nói một cách tóm tắt, nhưng (phải nhớ là) Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, đã bị mắc trong cái lưới lớn của ái, trong sự rối loạn của ái.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy

hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

192 Thủ - Làm sao để không chấp thủ một sự vật gì ở đời - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541

KINH GIỚI PHÂN BIỆT

(Dhatuvibhanga suttam)

– Bài kinh số 140 –* Trung *III, 541

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gốm Bhaggava:

– Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.

– Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati; sau khi đến nói với Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?

– Thưa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– *Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?*

– Thưa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện này đang ở.

– *Này Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?*

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý hành, bốn thắng xứ, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy độ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến **"Người này có sáu giới"**, do duyên gì được nói đến như vậy?* Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến **"Người này có sáu xúc xứ"**, do duyên gì được nói đến như vậy?* Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xứ ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến **"Người này có mười tám ý hành"**, do duyên gì được nói đến như*

vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương.. lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến **"Người này có bốn thắng xứ "**, do duyên gì được nói đến như vậy?* Tuệ thắng xứ, đế thắng xứ, huệ thí thắng xứ, tịch tịnh thắng xứ. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xứ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Khi được nói đến **"Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh"**, do duyên gì được nói đến như vậy?*

- ***Thế nào là không buông lung trí tuệ?*** Có sáu giới này: **địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.**

– Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội địa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. ***Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.***

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội thủy giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở

khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

– Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc

về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

– Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong

giới, tâm tư từ bỏ phong giới.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hư không giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

– Lại nữa, khi **thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy**. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.

  - Này Tỷ-kheo, duyên **lạc xúc**, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".
  - Này Tỷ-kheo, duyên **khổ xúc**, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".
  - Này Tỷ-kheo, duyên **bất khổ bất lạc xúc**, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ

xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vị ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Này Tỷ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, **xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng.** *Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kềm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sủa, thanh tịnh, gột sạch, các uế*

tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyến, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng. Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả

này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". ***Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri***: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

- Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vi ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị

ấy cảm giác thọ ấy.

- ➡ Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.
- ➡ Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.
- ➡ Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương".

Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt...

...Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương". Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối

thắng **TUỆ THẮNG XỨ** này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh tuệ**, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ.

Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào **CHÂN ĐẾ**, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **ĐẾ** thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh đế**, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng.

Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **HUỆ THÍ** thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh huệ thí**, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phẫn nộ vô trí thức trước của nó, thuộc

sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng **TỊCH TỊNH** thắng xứ. Này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh tịch tịnh**, tức là sự tịch tịnh tham sân si.

Khi được nói đến **"Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh"**, chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Khi được nói đến **"Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh"**, do duyên gì được nói đến như vậy?*

– Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

☞ Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, **khi vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh**.

☞ Nhưng này Tỷ-kheo, **vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu**. Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được? Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh" do chính duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt

của Ta về **sáu giới.**

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau: **"Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!"** Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Này Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng này Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Này Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia nam tử Pukkusati, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết

sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời ấy nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

193 Thủ - Làm sao để không chấp thủ - TIỂU Kinh ĐOẠN TẬN ÁI – 37 Trung I, 549

TIỂU KINH ĐOẠN TẬN ÁI

(Culatanhasankhava suttam)

– Bài kinh số 37 – *Trung* I, 549

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Đông Viên (Pubbarama), giảng đường Lộc Mẫu (Migaramatu). Rồi Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Thiên chủ Sakka đứng một bên bạch Thế Tôn.

– Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: **"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp"**.

→ Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp", vị ấy *biết rõ tất cả pháp*.

→ Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy *biết một cách rốt ráo tất cả pháp.*

→ Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, *nếu có một* ***cảm thọ*** *nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy.*

→ Vị ấy *nhờ sống quán tánh vô thường*, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy, *nên không chấp trước một vật gì ở đời.*

→ *Do không chấp trước nên không phiền não, do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tr*i: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa". Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-Kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người.

Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn thuyết giảng, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên

hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahamoggallana ngồi cách Thế Tôn không xa. Rồi Tôn giả Mahamoggallana suy nghĩ: "Không hiểu Dạ-xoa (Yakkaha) kia, sau khi hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, có tín thọ hay không? Ta hãy tìm biết Dạ- xoa kia, sau khi hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, có tín thọ hay không?"

Rồi Tôn giả Mahamoggallana, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất ở Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường và hiện ra ở giữa chư thiên cõi trời Ba mươi ba. Lúc bấy giờ Thiên chủ Sakka, với đầy đủ năm trăm nhạc khí chư thiên, đang vui chơi tại vườn Nhất bạch liên. Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả từ xa đến, bảo năm trăm nhạc khí chư thiên dừng nghỉ, đi đến Tôn giả Mahamoggallana, sau khi đến, thưa với Tôn giả Mahamoggallana: "Hãy đến đây, Thiện hữu Moggallana; thiện lai, Thiện hữu Moggallana! Này Thiện Hữu Moggallana, lâu lắm Thiện hữu mới có dịp đến đây. Hãy ngồi, Thiện hữu Moggallana, trên chỗ đã soạn sẵn". Tôn giả Mahamoggallana, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Còn Thiên chủ Sakka lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Mahamoggallana nói với Thiên chủ Sakka đang ngồi xuống một bên:

– Này Kosiya, về lời thuyết giảng mà Thế Tôn đã nói cho Ông một cách tóm tắt, thật tốt lành cho chúng tôi, nếu được nghe chỉ một phần lời thuyết giảng ấy.

– Thiện hữu Moggallana, chúng tôi bận nhiều công việc, chúng tôi có nhiều việc phải làm, việc làm cho chúng tôi và việc làm cho chư thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Lại nữa, này Thiện hữu Moggallana, lời thuyết giảng ấy được khéo nghe, khéo nắm vững , khéo suy tư, khéo thẩm lự nên không thể mau quên được. Này Thiện hữu Moggallana, xưa kia phát khởi chiến tranh giữa chư Thiên và chúng Asura (A-tu-la). Này Thiện hữu Moggallana, trong trận chiến này, chư Thiên thắng, chúng Asura bại. Này thiện hữu Moggallana, sau khi thắng trận chiến ấy và nhân dịp thắng trận, chúng tôi, sau khi trở về, cho xây dựng một lâu đài tên là Vejayanta (Tối Thắng Điện). Này Thiện hữu Moggallana, lâu đài Vejayanta ó cđến một trăm vọng tháp, trong mỗi vọng tháp có bảy ngôi nhà có hình tam giác, trong mỗi nhà tam giác có bảy tiên nữ, và mỗi tiên nữ có đến bảy thị nữ. Này thiện hữu Moggallana, Thiện hữu có muốn xem những điều khả ái của lâu đài Vejayanta không?

Tôn giả Mahamoggallana im lặng nhận lời. Rồi Thiên chủ Sakka cùng với đại vương Vessavana để

Tôn giả Mahamoggallana đi trước và đi đến lâu đài Vejayanta. Các thị nữ của Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả Mahamoggallana đi từ xa đến, sau khi thấy, liền hổ thẹn, bẽn lẽn, rồi bước vào phòng của mình. Ví như cô dâu khi thấy cha chồng liền hổ thẹn, bẽn lẽn; cũng như vậy, các thị nữ của Thiên chủ Sakka, khi thấy Tôn giả Mahamoggallana liền hổ thẹn, bẽn lẽn, vào phòng riêng của mình. Rồi Thiên chủ Sakka và đại vương Vessavana đưa Tôn giả Mahamoggallana đi thăm và xem khắp lâu đài Vejayanta: "Này Thiện hữu Moggallana, xem điều khả ái này của lâu đài Vejayanta; xem điều khả ái này của lâu đài Vejayanta. Cái này chói sáng nhờ các công đức do Tôn giả Kosiya đã làm thời xưa; và loài Người, khi thấy cái gì khả ái liền nói: "Thật sự, cái này chói sáng từ chư thiên cõi trời Ba mươi ba. Cái này chói sáng nhờ các công đức do Tôn giả Kosiya đã làm thời xưa".

Rồi Tôn giả Mahamoggallana suy nghĩ: "Dạ-xoa này sống phóng dật một cách quá đáng. Ta hãy làm cho vị này hoảng sợ". Tôn giả Mahamoggallana liền thị hiện thần thông lực, *dùng ngón chân cái làm cho lầu Vejayanta rung động, chuyển động, chấn động mạnh*. Thiên chủ Sakka, đại vương Sessavana và chư thiên ở cõi trời Ba mươi ba, tâm cảm thấy kỳ diệu, hy hữu: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay

đại thần thông lực, đại oai lực của Tôn giả Sa-môn! Với ngón chân cái, vị này làm cho thiên cung này rung động, chuyển động, chấn động mạnh!" Tôn giả Mahamoggallana sau khi biết Thiên chủ Sakka đã hoảng sợ, lông tóc dựng ngược liền nói với Thiên chủ Sakka:

– Này Kosiya, về lời thuyết giảng mà Thế Tôn đã nói cho Ông một cách tóm tắt, thật tốt lành cho chúng tôi, nếu được nghe chỉ một phần lời thuyết giảng ấy.

Ở đây, này Thiện hữu Moggallana, tôi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Này Thiện hữu Moggallana, sau khi đứng một bên, tôi bạch với Thế Tôn như sau:

"– Bạch Thế Tôn, một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo là ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

Khi nghe nói vậy, này Thiện hữu Moggallana, Thế Tôn nói với tôi như sau:

"– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối

với tất cả pháp". Vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp". Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy nên không chấp trước một vật gì ở đời; do không chấp trước nên không phiền não; do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa". "Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người".

Như vậy, này Thiện hữu Moggallana, Thế Tôn nói một cách tóm tắt cho tôi về ái tận giải thoát.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana, sau khi hoan hỷ, tín cho lời Thiên chủ Sakka nói, như một nhà lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất giữa chư thiên ở cõi trời Ba mươi

ba, và hiện ra tại Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường. Sau khi Tôn giả Mahamoggallana đi chẳng bao lâu, các thị nữ của Thiên chủ Sakka nói với Thiên chủ Sakka như sau:

– Thưa Thiên chủ, có phải vị ấy là Thế Tôn, bậc Đạo sư của Thiên chủ?

– Không, vị ấy không phải là Thế Tôn, bậc Đạo Sư của ta. Vị ấy là đồng phạm hạnh với ta, Tôn giả Mahamoggallana.

– Thưa Thiên chủ, thật là điều tốt lành cho Thiên chủ, có một vị đồng phạm hạnh có đại thần thông, có đại oai lực như vậy. Chắc chắn vị ấy là Thế Tôn, bậc Đạo Sư của Thiên chủ.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahamoggallana bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có biết chăng, Thế Tôn vừa mới nói về ái tận giải thoát một cách tóm tắt cho một Dạ-xoa có đại oai lực?

– Này Moggallana, Ta biết. Ở đây, Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Ta ở, sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi

đứng một bên. Sau khi đứng một bên, này Moggallana, Thiên chủ Sakka bạch với Ta:

"– Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận, giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

Khi nghe nói vậy, này Mahamoggallana, Ta nói với Thiên chủ Sakka:

"– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp". Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp". Vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp. Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có một cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy nên không chấp trước một vật gì ở đời. Do không chấp trước nên không phiền não, do không

phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa".

Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận, giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cảnh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người".

Như vậy, này Moggallana, Ta biết Ta vừa nói một cách tóm tắt về ái tận giải thoát cho Thiên chủ Sakka.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahamoggallana hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

194 Thủ - Ngã luận thủ - Làm sao phá bỏ Ngã luận thủ - Kinh AGGIVACCHAGOTTA – 72 Trung II, 313

KINH AGGIVACCHAGOTTA

(Aggivacchagotta suttam)

– *Bài kinh số 72* – Trung *II, 313*

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là

thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

... (như trên)...

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi:

"Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

– Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết- bàn.

Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... (như trên)... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Như Lai có tồn tại sau khi chết"... "Như Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Này Vaccha, nghĩ rằng: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ,

với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. **Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.**

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, **đây là điều Như Lai đã thấy:** *"Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt"*. **Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.**

– Thưa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". *Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở*

thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại, nay đã biến mất nơi tôi.

– Này Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Này Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác. Và này Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn. Này Vaccha, Ông nghĩ thế nào? *Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?"*

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".

– Nhưng nếu, này Vaccha, có người hỏi Ông như sau: *"Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?"*, nếu được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời như thế nào?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn

lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do duyên nhiên liệu cỏ và củi".

– Này Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".

– Này Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: *"Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?",* được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, này Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.

– Cũng vậy, này Vaccha, do **sắc** pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận

gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **sắc**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do **thọ** này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **thọ**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do **tưởng** này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, tưởng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **tưởng**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên

không có áp dụng.

Do những **hành** này nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi những cái gọi là **hành**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng.

Do **thức** này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt được tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng,** không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và

sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại **lõi cây**.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

195 Thủ - Như Lai dùng chúng nhưng không chấp trước chúng - Kinh POTTHAPADA – 9 Trường I, 311

KINH POTTHAPADA

– *Bài kinh số* 9 – Trường *I, 311*

1. Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Sàvatthi (Xá-vệ), rừng Jetavana (Kỳ viên), vườn Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Potthapada (Bố-sá-bà-lâu) cùng với đại chúng du sĩ ngoại đạo khoảng ba trăm vị, ở tại vườn của hoàng hậu Mallika (Mạt-lê-viên) tên là Ekasàlaka có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến.

2. Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y cầm bát vào Sàvatthi khất thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khất thực tại Sàvatthi, Ta hãy đi đến vườn của hoàng hậu Mallika tên là Ekasàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn chánh kiến, tà kiến, để gặp du sĩ ngoại đạo Potthapàda". Và Thế Tôn đi đến vườn của hoàng hậu Mallika, tên là Ekasàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận về chánh kiến, tà kiến.

3. Lúc bấy giờ du sĩ ngoại đạo Potthapàda ngồi với đại chúng du sĩ ngoại đạo, đang ồn ào, la lối, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa; câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần; câu chuyện về binh lính; các câu chuyện về hãi hùng; câu chuyện về chiến tranh; câu chuyện về đồ ăn; câu chuyện về đồ uống; câu chuyện về đồ mặc; câu chuyện về giường nằm; câu chuyện về vòng hoa; câu chuyện về hương liệu; câu chuyện về bà con; câu chuyện về xe cộ; câu chuyện về làng xóm; câu chuyện về thị trấn; câu chuyện về thành phố; câu chuyện về quốc độ; câu chuyện về đàn bà; câu chuyện về đàn ông; câu chuyện về vị anh hùng; câu chuyện bên lề đường; câu chuyện tại chỗ lấy nước; câu chuyện về người đã chết; các câu chuyện tạp thoại; câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương; câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

4. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda thấy Thế Tôn từ xa đến, liền khuyến cáo chúng của mình: "Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng, các Tôn giả hãy đừng làm ồn. Nay Sa-môn Gotama đang đến, Ngài ưa mến sự trầm lặng, vị Đại đức này tán thán sự trầm lặng. Nếu biết chúng này yên tịnh, Ngài có thể ghé đến đây". Nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền im lặng.

5. Rồi Thế Tôn đến du sĩ ngoại đạo Potthapàda. Và du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn: "Thiện lai Thế Tôn! Hoan nghênh Thế Tôn! Đã lâu Thế Tôn không quá bộ đến đây. Mời Thế Tôn ngồi. Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn".

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Potthapàda đã ngồi một bên: "Này Potthapàda, vấn đề gì các vị đang ngồi thảo luận? Vấn đề gì đang nói mà bị gián đoạn?"

6. Khi nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên câu chuyện chúng tôi đang ngồi bàn luận, bạch Thế Tôn, lát nữa Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì. Bạch Thế Tôn, thuở xưa xưa lắm, nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo tụ họp, ngồi hội thảo trong giảng đường nêu lên vấn đề sự diệt tận các tăng thượng tưởng. *"Này Tôn giả, tăng thượng tưởng diệt tận như thế nào?"* Một vài vị trả lời: "Không nhân, không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt! Khi tưởng sanh con người có tưởng, khi tưởng diệt con người không có tưởng". Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, tưởng là tự ngã của con người, chính tưởng ấy đến và đi. Khi tưởng ấy đến thì con người có tưởng, khi tưởng ấy đi thì con người không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những Sa-môn, Bà-la-môn có đại thần thông và đại oai lực. Chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và cũng kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng, khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những vị thiên thần có đại thần thông, có đại oai lực, chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng, khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ con

tưởng niệm đến Thế Tôn: "Mong Thế Tôn có mặt ở đây! Mong Thiện thệ có mặt ở đây! Ngài rất tinh thông những pháp này. Chắc chắn Thế Tôn biết rõ sự diệt tận các tăng thượng tưởng". *Bạch Thế Tôn, sự diệt tận các tăng thượng tưởng như thế nào?*

7. Này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Không nhân, không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt". Những vị này đã sai lạc ngay từ ban đầu. Vì sao vậy? Này Potthapàda, **chính vì có nhân, có duyên, các tưởng của con người sinh và diệt**. Chính do sự học tập, một loại tưởng sanh, chính do sự học tập, một loại tưởng diệt.

Và Thế Tôn nói:

- Sự học tập ấy là gì? Này Potthapàda, nay ở đời Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (như kinh Sa-môn Quả số 40-43 trừ đoạn kết của mỗi đoạn) thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. Này Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh đầy đủ? Ở đây này Potthapàda, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong

giới luật ... (như kinh Sa-môn Quả số 43-62)... như dùng ảo thuật để yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa... ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên... như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

8. Này Potthapàda, và như vậy Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Này Potthapàda, như một Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

9. ***Này Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?*** Này Potthapàda, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm

giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiệt hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo hộ trì các căn... (Như kinh Sa-môn Quả số 65-74)...

10. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan, nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm, với tứ. **Dục tưởng** xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi **tưởng hỷ lạc vi diệu chân thật do ly dục sanh** khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi diệu chân thật, do ly dục sanh. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói:_**"Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".**

11. Lại nữa, này Potthapàda, Tỷ-kheo diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú **thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do ly dục sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng hỷ lạc vi**

diệu chơn thật do định sanh khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do định sanh. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: **"Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".**

12. "Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và trú **thiền thứ ba**. Tưởng hỷ lạc chơn thật vi diệu do định sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng xả lạc** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng xả lạc vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên và cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

13. Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ, ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy xả lạc chơn thật vi diệu xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng xả lạc, xả khổ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng xả lạc, xả khổ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập một tưởng khởi lên, cũng do học tập một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

14. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi

sắc tưởng, với sự diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, với sự không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Như vậy sắc tưởng xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng Không vô biên xứ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do sự học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

15. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Không vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ. Như vậy tưởng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi **tưởng Thức vô biên xứ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

16. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Thức vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy tưởng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng Vô sở hữu xứ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Vô sở hữu xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên,

cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

17. Lại nữa này Potthapàda, ***khi Tỷ-kheo ở nơi đây tự mình khởi tưởng, vị này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này khi đứng tại tưởng tột đỉnh có thể nghĩ: "Tâm còn suy tưởng có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tưởng, khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên, ta hãy đừng có suy tưởng". Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác không khởi lên, vị ấy cảm thọ sự diệt tận.*** Như vậy, này Potthapàda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng.

18. Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Trước đây ngươi đã nghe sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng này không?

- Bạch Thế Tôn, con không có nghe. Bạch Thế Tôn, nhưng nay con hiểu lời nói của Thế Tôn.

- Này Potthapàda, khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tưởng, vị này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này, khi đứng tại tưởng tột đỉnh có thể nghĩ: "Tâm còn **suy tưởng**, có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tốt cho ta. Nếu

ta cứ tiếp tục suy tưởng khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên. Vậy ta hãy đừng có suy tưởng". Và vị này không có suy tưởng. Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác cũng không khởi lên. Vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy này Potthapàda là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng.

19. - *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chỉ nói đến một tưởng tuyệt đỉnh hay nhiều tưởng tuyệt đỉnh?*

- Này Potthapàda, Ta nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh.

- *Bạch Thế Tôn, làm sao Thế Tôn nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh?*

- Này Potthapàda, tùy theo vị ấy cảm thọ sự diệt tận (của một tưởng) sau một tưởng khác, vị ấy đạt tới nhiều tuyệt đỉnh sai khác, cái này tiếp theo cái kia cho đến tuyệt đỉnh cuối cùng mà Ta nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh. Này Potthapàda như vậy Ta nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh.

20. - *Bạch Thế Tôn, tưởng khởi trước, trí khởi sau; hay trí khởi trước tưởng khởi sau; hay tưởng và trí*

cùng khởi một lần không trước không sau?

- Này Potthapàda, **tưởng khởi trước trí mới khởi sau, do tưởng sanh, trí mới sanh**. Vị ấy tuệ tri: "Do duyên tưởng, trí sanh ra nơi ta". Này Potthapàda, với lời dạy này cần phải hiểu tưởng sanh trước trí sanh sau, tưởng sanh trí mới sanh.

21. - *Bạch Thế Tôn, tưởng có phải là tự ngã của con người hay tưởng khác, tự ngã khác?*

- Này Potthapàda, ngươi hiểu tự ngã như thế nào?

- *Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành, và do đoàn thực nuôi dưỡng.*

- Này Potthapàda, nếu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, như vậy này Potthapàda, tưởng khác và tự ngã khác. Này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu, tưởng khác và tự ngã khác. Này Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt xuống. Này Potthapàda, với sự nhận thức này cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

22. - Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn.

- Này Potthapàda, nếu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, như vậy này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Này Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt xuống. Này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

- Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành.

23. - Này Potthapàda, nếu tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành, với sự nhận thức này Potthapàda, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Này Potthapàda, giả sử tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành, tuy vậy, một vài tưởng khác của người khởi lên, một vài tưởng khác diệt xuống. Này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

24. - *Bạch Thế Tôn, con có thể hiểu được chăng "tưởng là tự ngã của người" hay "tưởng khác, tự ngã khác"?*

- Này Potthapàda, thật khó cho ngươi biết được "tưởng là tự ngã của con người" hay "tưởng khác, tự ngã khác", vì ngươi có dị kiến, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác.

25. - *Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con biết được "tưởng là tự ngã của con người", hay "tưởng khác, tự ngã khác" vì con có dị kiến khác, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác, thời bạch Thế Tôn, thế giới có phải là thường còn không? Chỉ có quan niệm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Thế giới là thường còn, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới này là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra*

là mê muội không?

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: Thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

26. - *Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng và thân thể là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thật, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Thân thể và sinh mạng là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng khác, thân thể khác? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Sinh mạng khác, thân thể khác. Chỉ có quan điểm này là

đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

27. - *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại sau khi chết? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Như Lai tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan*

điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

- Này Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

28. - *Bạch Thế Tôn,* ***vì sao Thế Tôn không trả lời?***

- Này Potthapàda, **câu hỏi này không thuộc về đích giải thoát**, không thuộc về Pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy, Ta không trả lời.

29. - *Bạch Thế Tôn,* ***vậy Thế Tôn trả lời những gì?***

- Này Potthapàda, **Ta trả lời: "Đây là khổ".** Ta trả lời: "Đây là khổ tập". "Ta trả lời: "Đây là khổ diệt". Ta trả lời: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

30. - *Bạch Thế Tôn,* ***vì sao Thế Tôn trả lời?***

- Này Potthapàda, câu hỏi này thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp, thuộc căn bản của phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến

thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy Ta trả lời.

- Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Ngài làm gì Ngài xem là phải làm.

Và Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

31. Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo ấy liền bao vây xung quanh du sĩ ngoại đạo Potthapàda và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: *"Potthapàda này là như vậy, những gì Sa-môn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ như vậy là phải"*. Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", "hay Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết".

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Potthapàda nói với các du sĩ ngoại đạo kia:

- Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc. Và khi một vị tuyên bố một phương pháp như thực, chân chánh, chân thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại không tán thành?

32. Hai ba ngày sau, Citta Hatthisàriputta và du sĩ ngoại đạo Potthapàda đi đến chỗ Thế Tôn. Khi đi đến nơi, Citta Hatthisàriputta đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn du sĩ ngoại đạo Potthapàda, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu những du sĩ ngoại đạo liền bao vây xung

quanh con và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: "Potthapàda này là như vậy. Những gì Sa-môn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải, Bạch Thiện Thệ như vậy là phải". Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo kia: "Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường con", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác" hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc.

Và khi một vị đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại có thể không tán thành?".

33. - Này Potthapàda, những du sĩ ngoại đạo ấy là mù, không có mắt, chỉ có ngươi là người có mắt độc nhất giữa chúng. Này Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. Này Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

Này Potthapàda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát? "Thế giới là thường còn", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là vô thường", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là hữu biên", này Potthapàda... "Thế giới là vô biên", này Potthapàda... "Sinh mạng và thân thể là một", này Potthapàda... "Sinh mạng khác, thân thể khác", này Potthapàda... "Như Lai có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda... "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda... "Như Lai có tồn tại và cũng không có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda ... "Như Lai không có tồn tại và cũng không không có tồn tại sau

khi chết", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapàda, vì sao những pháp ấy lại được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát? Này Potthapàda, những pháp này không thuộc về đích giải thoát, không thuộc về pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết- bàn. Vì vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapàda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát? "Đây là khổ", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ tập", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ diệt", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát.

Này Potthapàda, vì sao những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát? Này Potthapàda, những pháp ấy thuộc về đích giải thoát,

thuộc về Pháp, thuộc căn bản phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

34. Này Potthapàda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: **"Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh".**

- Ta đến những vị ấy và hỏi: *"Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh"*. Khi được Ta hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải.

- Ta nói: *"Chư Đại đức có sống và đã biết đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?".* Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.

- Ta nói với các vị ấy: *"Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?"*. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.

- Ta nói với các vị ấy: *"Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?"* Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không?

- Ta nói với các vị ấy: *"Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. "Này các vị, hãy cố gắng khéo thực hành. Này các vị hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị, chúng tôi đã thiệt hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không?* Khi được hỏi vậy, các vị ấy không trả lời không.

Này Potthapàda, *ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác hợp lý?*

35. Như có một người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da

ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: ***"Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và ái luyến một người Ông không biết, Ông không thấy?"*** Được hỏi vậy vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

36. - Như vậy này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh", Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói: "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự nhận cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là

không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không? Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc: "Này các vị, hãy cố gắng thực hành! Này các vị, hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc! Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn sự kiện là như vậy, theo lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

37. - Này Potthapàda, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: ***"Này bạn, như vậy có phải, Ông xây một cái thang***

để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

38. - Như vậy này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự tâm cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nữa ngày không? Khi

được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không". Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc". Này các vị, hãy cố gắng thực hành! Này các vị, hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc "không?" Khi được nói vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapàda, ngươi nghĩ như thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn, kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh đáng, hợp lý.

39. - Này Potthapàda, **có ba loại ngã chấp**: thô phù ngã chấp, ý sở thành ngã chấp, vô sắc ngã chấp.

- Này Potthapàda, thế nào là thô phù ngã chấp? *Có sắc, do bốn đại hình thành, do đoàn thực nuôi dưỡng* là thô phù ngã chấp.

- Thế nào ý sở thành ngã chấp? *Có sắc, do ý sở thành, đầy đủ chi tiết lớn nhỏ, các căn đầy đủ*, là ý sở thành ngã chấp.

- Thế nào là vô sắc ngã chấp? *Không có sắc, do tưởng sở thành* là vô sắc ngã chấp.

40. Này Potthapàda, **Ta thuyết pháp để diệt thô phù ngã chấp**. Nếu các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại. Này Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Này Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

41. Này Potthapàda, **Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ ý sở thành ngã chấp**. Nếu các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Này Potthapàda, rất có thể các ngươi nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng

đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Này Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, khi ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quãng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác là lạc trú sanh.

42. Này Potthapàda, **Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ vô sắc ngã chấp**. Nếu các ngươi thực hành theo pháp này, thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Này Potthapàda, rất có thể các ngươi nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Này Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

43. Này Potthapàda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực

hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?"

Khi được chúng hỏi như vậy, chúng tôi trả lời "Này Hiền giả, chính thô phù ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này, thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

44. Này Potthapàda, có những người ngoài hỏi: "Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp này được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại?"

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính ý sở thành ngã chấp ấy chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiệt hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn

quảng đại".

45. Này Potthapàda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiệt hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?".

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý?

46. Này Potthapàda, ví như một người xây một cái thang để leo lên lầu, từ dưới chân lầu ấy. Người ấy được hỏi: "Này bạn, Ông xây cái thang để leo lên lầu, cái lầu ấy về hướng Đông hay hướng Nam, hay hướng Tây, hay hướng Bắc? Nhà lầu ấy cao, hay thấp, hay trung bình? Nếu người ấy trả lời: **"Này**

Hiền giả, cái lầu mà tôi xây thang để leo lên chính tại dưới chân lầu này". Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp chăng?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý!

47. - Như vậy, này Potthapàda, và có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?" Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy mà chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

- Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thời

lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý!

48. Khi nghe nói vậy, Citta Hatthisàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, trong khi có thô phù ngã chấp, phải chăng không có ý sở thành ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Thô phù ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.
- Bạch Thế Tôn, trong khi sở thành ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Ý sở thành ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.
- Bạch Thế Tôn, trong khi có vô sắc ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có ý sở thành ngã chấp? Vô sắc ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.

49. - Này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp.

Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp.

Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

Này Citta, nếu có người hỏi Người: "Ngươi đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Ngươi sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Ngươi có tồn tại ở hiện tại không?" Này Citta, được hỏi vậy, ngươi trả lời như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Ngươi đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Ngươi sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Ngươi có tồn tại ở hiện tại hay không?" Bạch Thế Tôn được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Tôi đã có tồn tại ở quá khứ, không phải không tồn tại; tôi sẽ tồn tại ở tương lai, không phải không không tồn tại; tôi tồn tại ở hiện tại, không phải không tồn tại". Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy.

50. - Này Citta, nếu có người hỏi lại ngươi: *"**Quá khứ ngã chấp** mà Ngươi đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp tương lai, không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? **Tương lai ngã chấp mà Ngươi sẽ có**, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn*

*tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? **Hiện tại ngã chấp mà Ngươi hiện có**, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?"* Này Citta, được hỏi vậy, Ngươi trả lời thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Quá khứ ngã chấp mà Ngươi đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà Ngươi sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Hiện tại ngã chấp mà Ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Quá khứ ngã chấp mà tôi đã có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà tôi sẽ có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại. Hiện tại ngã chấp mà tôi hiện có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại". Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con sẽ trả lời như vậy.

51. - Như vậy này Citta, trong khi có thô phù ngã

chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

52. Này Citta, ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sinh ra lạc, từ lạc sanh ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thục tô, từ thục tô sanh ra đề hồ. **Khi thành sữa thời sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô**, không thuộc thục tô, không thuộc đề hồ, chính khi ấy thuộc sữa; khi thành lạc... khi thành sanh tô... khi thành thục tô... khi thành đề hồ thời đề hồ không thuộc sữa, không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thục tô, chính khi ấy thuộc đề hồ.

53. Như vậy này Citta trong khi có thô phù ngã chấp... Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp... Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. Này Citta, chúng chỉ là danh tự thế gian, ngôn ngữ thế gian, danh xưng thế gian, ký pháp thế gian. **Như**

Lại dùng chúng nhưng không chấp trước chúng.

54. Được nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

55. Và Citta Hatthisàriputta cũng bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn,

mong cho con thọ đại giới.

56. Citta Hatthisàriputta được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Đại đức Citta Hatthisàriputta ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú: sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa. Đại đức Citta Hatthisàriputta hiểu biết như vậy.

Và đại đức Citta Hatthisàriputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

196 Thủ - Thế nào là bị chấp thủ quấy rối - Kinh TỔNG THUYẾT VÀ BIỆT THUYẾT – 138 Trung III, 513

KINH TỔNG THUYẾT VÀ BIỆT THUYẾT

(Uddesavibhanga suttam)

– Bài kinh số 138 –* Trung *III, 513

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Tổng thuyết và Biệt thuyết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn

nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để <u>thức</u> của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu <u>thức</u> đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ <u>không</u> có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết, trong tương lai.

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bước vào tịnh xá.

Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, sau khi đọc lên bài tổng thuyết một cách vắn tắt, không có giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong

tương lai". Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi phần tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) này đã được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahakaccana có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahakaccana; sau khi đến, chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này". Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Mahakaccana; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahakaccana những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– Thưa Hiền giả Kaccana, sau khi đọc tổng thuyết này, không giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không chấp thủ, không sợ hãi. Nay không biết có ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói

lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi". Rồi này Hiền giả Kaccana, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana này đã được Thế Tôn tán thán.. (như trên).. chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này, Tôn giả Mahakaccana hãy giải thích cho".

– Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây... Cũng vậy là việc làm của chư Tôn giả.. Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn, và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc có mắt, bậc Trí giả, bậc Pháp giả, bậc Phạm thiên, bậc Thuyết giả, bậc Tuyên thuyết giả, bậc dẫn đến mục đích, bậc đem cho bất tử, bậc Pháp chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩ này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

– Thưa Hiền giả Kaccana, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết... Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ

trì. Nhưng Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Mong Tôn giả Mahakaccana giải thích cho, nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức.

– Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahakaccana. Tôn giả Mahakaccana nói như sau:

– Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không chấp thủ, không sợ hãi. Này chư Hiền, lời tổng thuyết này được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi", tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

➲ ***Chư Hiền, sao gọi là thức đối với (ngoại) trần, bị tán loạn, bị tản rộng?***

Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức truy cầu sắc tướng, bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, bị cột chặt bởi vị của sắc tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng, như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) bị tán loạn, tản rộng.

Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai ... ngửi hương với mũi ... nếm vị với lưỡi ... cảm xúc với thân ... nhận thức pháp với ý, thức truy cầu pháp tướng, bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) bị tán loạn, tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức bị tán loạn, tản rộng.

➲ ***Chư Hiền, sao gọi là thức đối với (ngoại) trần, không bị tán loạn, không bị tản rộng?***

Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức không **truy cầu** sắc tướng, không bị **trói buộc** bởi vị của sắc tướng, không bị **cột chặt** bởi vị của sắc tướng; không bị **triền phược** bởi kiết sử vị của sắc tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) không bị tán loạn, không bị tản rộng.

Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai... ngửi hương với mũi... nếm vị với lưỡi.. cảm xúc với thân.... nhận thức pháp với ý, thức không truy cầu pháp tướng,

không bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, không bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, không bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) không bị tán loạn, không bị tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức không bị tán loạn, không bị tản rộng.

➲ ***Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm trú trước nội (trần)?***

– Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Thức vị ấy **truy tìm** hỷ lạc do ly dục sanh, **bị trói buộc** bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị **cột chặt** bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị **triền phược** bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

– Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo đình chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Thức của vị ấy truy tìm hỷ lạc do định sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh; bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

– Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy truy tìm xả, bị trói buộc bởi vị xả và lạc, bị cột chặt bởi vị xả và lạc, bị triền phược bởi vị xả và lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

– Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Thức của vị ấy truy tìm không khổ không lạc, bị trói buộc bởi vị không khổ không lạc, bị cột chặt bởi vị không khổ không lạc, bị triền phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần). Như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

➲ ***Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm không bị trú trước nội (trần)?***

– Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, không tầm không tứ. Thức của vị ấy **không truy tìm** hỷ lạc do ly dục sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị triền phược bởi

kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh, như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

– Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo đình chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do định sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

– Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy không truy tìm xả, không bị trói buộc bởi vị xả và lạc, không bị cột chặt bởi vị xả và lạc, không bị triền phược bởi vị xả và lạc, như vậy được gọi là tâm không trú trước nội (trần).

– Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Thức của vị ấy không truy tìm không khổ không lạc, không bị trói buộc bởi vị của không khổ không lạc, không bị cột chặt bởi vị của không khổ không lạc, không bị triền

phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần). Như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

➲ ***Và thế nào, này chư Hiền, là bị chấp thủ quấy rối?***

→ Ở đây, này chư Hiền, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc.

→ Sắc pháp ấy của nó có biến hoại, đổi khác.

→ Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp ấy của nó, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy.

→ Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên **pháp quấy rối** khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại.

→ Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát => Và vị ấy bị chấp thủ quấy rối.

Vị ấy xem cảm thọ.. tưởng... các hành... thức như là tự ngã hay tự ngã, như là có thức, hay thức như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong thức. Thức ấy của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức ấy của vị ấy, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong pháp, nên các pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát. Và vị ấy bị chấp thủ, quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là bị chấp thủ, quấy rối.

➲ ***Và thế nào, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối?***

→ Ở đây, này chư Hiền, có Đa văn Thánh đệ tử yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay không thấy sắc như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong sắc.

→ Sắc pháp của vị ấy biến hoại, đổi khác.

→ Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp của vị ấy, thức của vị ấy không bị tùy chuyển bởi

sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy.

→ Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên các pháp quấy rối khởi lên, không xâm nhập tâm và tồn tại.

→ Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối.

Vị ấy không xem cảm thọ.. tưởng... các hành.. thức như là tự ngã hay tự ngã là có thức, hay không thấy thức như là trong tự ngã hay tự ngã như là trong thức. Thức của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức của vị ấy, thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức, nên các pháp quấy rối không khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối.

Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi,

sự sanh khởi của khổ về sanh, già chết trong tương lai". Phần tổng thuyết này, này chư Hiền, được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi; này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Và nếu như Tôn giả muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích các Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahakaccana giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn - Bạch Thế Tôn, sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải thích nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi vào tịnh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai".

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng ta, không giải nghĩa một cách rộng rãi, và đã đi vào tinh xá: "Vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai ". Nay

không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên)... (như trên)... nay chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này". Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến chúng con hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này. Ý nghĩa của những (chữ) ấy đã được Tôn giả Mahakaccana giải thích cho chúng con với những phương pháp (akara) này, với những câu này, với những chữ này.

– Này các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Hiền giả. Này các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc đại trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng giải thích cho các Ông như vậy, như Mahakaccana đã giải thích. Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các Ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

197 Thủ - Thủ duyên Hữu - Do chấp thủ nên mới có tư tưởng Tôi là - Kinh Ananda – Tương III, 191

Ananda – *Tương* III, 191

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Ở đây, Tôn giả Ananda gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau:

3) - Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantaniputta, lúc chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta nhiều. Vị ấy giáo giới chúng ta với lời giáo giới này: ***Này Hiền giả Ananda, do chấp thủ, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.***

4) *Do chấp thủ gì, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ?*

Do chấp thủ **sắc**, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... các hành... Do chấp thủ thức, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

5) *Này Hiền giả Ananda, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, hay người trẻ tuổi, ưa thích trang điểm, ngắm bóng mặt của mình trong một tấm gương sạch sẽ, trong sáng, hay trong một bát nước trong, thấy được do duyên chấp thủ, không phải không chấp thủ*. Cũng vậy, này Hiền giả Ànanda, do chấp thủ sắc, nên có (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... các hành... do chấp thủ thức, nên có (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

6) *Hiền giả Ananda, Hiền giả nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, Hiền giả.

7-10) Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, Hiền giả.

11-12) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với

các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantàniputta, khi chúng tôi mới tu học, đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Tôn giả ấy giảng cho chúng tôi lời giáo giới này. Sau khi nghe Tôn giả Punna Mantàniputta thuyết pháp, chúng tôi hoàn toàn chứng tri (Chánh) pháp.

198 Thủ - Thủ duyên Hữu - Do duyên chấp thủ 6 giới nên có nhập thai - Kinh SỞ Y XỨ – Tăng I, 310

SỞ Y XỨ – *Tăng* I, 310

❖ *Này các Tỷ-kheo, có ba y xứ này của ngoại đạo, dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).*

Thế nào là ba?

- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: *"Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều* ***do nhân nghiệp quá khứ****"*.
- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: *"Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân* ***một tạo hóa*** *tạo ra"*.
- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: *"Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ*

*hay không khổ, không lạc, tất cả đều **do không nhân**, không duyên".*

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: *"Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ"*. Đối với các vị ấy, Ta đến và nói: "Chư Tôn giả, có thật chăng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ? "".

Được Ta hỏi Như vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

*Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân **nghiệp quá khứ,** sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tâm sân;*

do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến".

Nhưng này các Tỷ-kheo, <u>với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm"</u>, hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ nhất của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: *"Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều <u>do nhân một tạo hóa tạo ra</u>"*. Ta đến họ và nói: "Chư Tôn giả, có thật chăng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, có chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra? " ".

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

*Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân **một vị tạo hóa** tạo ra, sẽ trở thành*

người sát sanh ... Do nhân một vị tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến".

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị tạo hóa tạo ra là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm, không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ hai của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: *"Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân không duyên"*. Ta đến họ và nói: "Chư Tôn giả, có thật chăng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, có chấp kiến như sau: " Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên? " ".

Được Ta hỏi như vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

*Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, **do không nhân không duyên**, sẽ trở thành người sát sanh ... Do không nhân không duyên, sẽ trở thành người theo tà kiến".*

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào không nhân, không duyên là lý do kiên thực, với những người ấy, sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không phải làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm, không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ ba của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là ba y xứ của ngoại đạo, dù có được các bậc Tôn giả cật vấn, nạn vấn lý do thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).

➔ **Và này các Tỷ-kheo, đây là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách.** *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích,*

không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách?

- **Sáu giới** này, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.
- **Sáu xúc xứ** này, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.
- **Mười tám ý cận hành** này, là pháp Ta thuyết giảng, không bị quở trách
- **Bốn Thánh đế** này, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.

▪ ***Sáu giới** này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng... có trí quở trách, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?*

- Này các Tỷ-kheo, có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới.
- Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

▪ *Có **sáu xúc xứ** này, này các Tỷ-kheo, là pháp ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?*

- Này các Tỷ-kheo, có sáu xúc xứ này: nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ.
- Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng..... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

▪ ***Có mười tám ý cận hành*** *này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng......không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?*

- Khi con mắt thấy sắc, tư tưởng hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho hỷ, hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho ưu, hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho xả.
- Khi tai nghe tiếng, tư tưởng hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho hỷ, hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho ưu, hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho xả. Khi mũi ngửi hương … khi lưỡi nếm vị … khi thân cảm xúc … khi ý nhận thức pháp, tư tưởng hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho hỷ, hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho ưu, hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho xả.

- Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng … không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

- ***Bốn Thánh đế*** *này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?*

  → ***Do chấp thủ Sáu giới, nên có Nhập thai.***

  → ***Do có nhập thai, nên có Danh sắc.***

  → ***Do duyên danh sắc, nên có Sáu xứ.***

  → *Do duyên sáu xứ, nên có xúc.*

  → *Do duyên xúc, nên có thọ.*

  → *Với người có cảm thọ, này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là Khổ", Ta nêu rõ: "Đây là Khổ tập", Ta nêu rõ: "Đây là Khổ diệt", Ta nêu rõ: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt".*

- *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?*

  - Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỷ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

- *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?*

- Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vầy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

• *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?*

  - Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt.
  - Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vầy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

• *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về con Đường đưa đến Khổ diệt?*

  - Đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh

định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con Đường đưa đến Khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, do Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

199 Thủ - Thủ duyên Hữu - Ta tuyên bố sự sanh khởi đối với người có chấp thủ, không phải... - Kinh Luận Nghị Đường – Tương IV, 616

Luận Nghị Đường – *Tương* IV, 616 (Kutùhalasàlà)

1). ..

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, những ngày về trước, những ngày về trước nữa, rất nhiều Sa-môn, Bà-la-môn là du sĩ ngoại đạo ngồi tụ tập, tụ hội tại Luận nghị đường, và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Vị Pùrana Kassapa này là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng". Khi nói về một đệ tử từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại

chỗ này". Nếu đệ tử là vị thượng nhân, tối thượng nhân, đã đạt địa vị tối thắng, khi vị này từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này".

4-9) Makkhali Gosàla... Nigantha Nàtaputta... Sanjaya Belatthiputta... Pakuddha Kaccàyana... vị Ajita Kesakambala này là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Khi nói về một đệ tử từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này". Nếu đệ tử là vị thượng nhân, tối thượng nhân, đã đạt địa vị tối thắng, khi vị này từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này".

10) *Còn Sa-môn Gotama này là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Khi nói về một đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, Sa-môn Gotama nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này". Nếu đệ tử là bậc thượng nhân, tối thắng nhân đã đạt địa vị tối thượng, khi vị này từ trần, mệnh chung, Sa-môn Gotama không có trả lời: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này". Nhưng Ngài nói về vị ấy*

như sau: "Vị ấy đã chặt đứt ái, đã phá hủy các kiết phược, nhờ chơn chánh thấy rõ kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau".

11) Thưa Tôn giả Gotama, con có khởi lên phân vân và nghi ngờ như sau: "Như thế nào, cần phải thấu hiểu pháp của Sa-môn Gotama?"

12) -- Này Vaccha, thôi vừa rồi sự phân vân của Ông. Thôi vừa rồi sự nghi ngờ của Ông. Chính do trên điểm Ông phân vân mà nghi ngờ được khởi lên. Ta tuyên bố sự sanh khởi, này Vaccha, đối với những ai có chấp thủ, không phải đối với ai không có chấp thủ.

13) *Ví như, này Vaccha, một ngọn lửa cháy đỏ khi nào có nhiên liệu (saupàdàna), không phải không có nhiên liệu.*

Cũng vậy, này Vaccha, *Ta tuyên bố về sanh khởi đối với người có chấp thủ (sanh y), không phải với người không có chấp thủ.*

14) -- Thưa Tôn giả Gotama, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho ngọn lửa này?

-- Này Vaccha, trong khi có **gió** thổi ngọn **lửa** đi thật xa, thời Ta nói chính ***gió*** *là nhiên liệu*. Trong khi ấy, này Vaccha, chính gió là nhiên liệu (upàdàna).

15) -- *Thưa Tôn giả Gotama, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này để sanh vào một thân khác, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho thân này?*

-- Này Vaccha, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này và sanh vào một thân khác, này Vaccha, *Ta tuyên bố rằng trong khi ấy chính* ***ái*** *(tanhà) là nhiên liệu (upàdànam).*

200 Thủ - Ái duyên Thủ - Do duyên gì mà thủ đối với 5 uẩn khởi lên - Kinh Thiền Định – Tương III, 31

Thiền Định – *Tương* III, 31

1) Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi...

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **hãy tu tập Thiền định.** Vị Tỷ-kheo có Thiền định, này các Tỷ-kheo, **hiểu biết một cách như thật.**

3) Hiểu biết gì một cách như thật?

- **Sắc tập khởi và đoạn diệt**;
- **Thọ** tập khởi và đoạn diệt;
- **Tưởng** tập khởi và đoạn diệt;
- Các **hành** tập khởi và đoạn diệt;
- **Thức** tập khởi và đoạn diệt.

4) ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi? Thế nào là các hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi?***

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú**. Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước và an trú gì?

6) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **sắc**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do hỷ đối với sắc, thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

7-10) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú **thọ**... rồi an trú **tưởng**... rồi an trú các **hành**... rồi an trú **thức**. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thức, hỷ khởi lên. Do hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi, đây là tưởng tập khởi, đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi.

12) ***Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc đoạn diệt, thế nào là thọ đoạn diệt, thế nào là tưởng đoạn diệt, thế nào là các hành đoạn diệt, thế nào là thức đoạn diệt?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy **không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú.**

13) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú gì?

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

14) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

15-16) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú các hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú các hành, hỷ đối với các hành đoạn diệt. Do hỷ đối với các hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

17) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú **thức**. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

18) Này các Tỳ-kheo, đây là **sắc** đoạn diệt, đây là **thọ** đoạn diệt, đây là **tưởng** đoạn diệt, đây là các **hành** đoạn diệt, đây là **thức** đoạn diệt.

201 Thủ - Định nghĩa - Thế nào là các pháp bị chấp thủ và sự chấp thủ - Kinh Chấp Thủ – Tương III, 297

Chấp Thủ – *Tương* III, 297

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về **các pháp bị chấp thủ và sự chấp thủ**. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ? Thế nào là sự chấp thủ?

- Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ.
- **Dục và tham đối với sắc** là sự chấp thủ đối với sắc.

5-8) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

- Thức, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ.
- **Dục và tham** đối với thức là sự chấp thủ đối với thức.

9) Này các Tỷ-kheo, các pháp này, được gọi là các pháp bị chấp thủ. Đây là sự chấp thủ.

202 Trước kia và này Ta chỉ tuyên bố về Khổ và Con đường diệt Khổ - Kinh Anuràdha – Tương III, 210

Anuràdha – *Tương* III, 210

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha ở một cái chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Rồi nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các ngoại đạo du sĩ ấy nói với Tôn giả Anuràdha:

- Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy, được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như

lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

5) Được nói vậy, Tôn giả Anuràdha nói với các ngoại đạo du sĩ ấy:

- Này Chư Hiền, bậc Như Lai, Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, bậc đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

6) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với Tôn giả Anuràdha như sau:

- Hoặc là vị Tỷ-kheo này mới tu học, xuất gia không bao lâu. Hay vị này là vị Trưởng lão, nhưng ngu dốt không có học tập.

7) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích Tôn giả Anuràdha là mới tu học, là ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

8) Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ như sau: *"Nếu*

ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn, ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; ***và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách****"*.

9) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con ở trong một cái chòi trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn, nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến con; sau khi đến... nói với con như sau: "Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: 'Như Lai tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'".

11) Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các ngoại đạo du sĩ ấy như sau: "Này chư Hiền. .. không tồn tại sau khi chết".

12) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với con: "Hoặc là Tỷ-kheo này mới học... nhưng ngu dốt, không có học tập".

13) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích con là mới tu học... liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

14) Rồi bạch Thế Tôn, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, con liền suy nghĩ như sau: "Nếu các ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn. Ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời với tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách ".

15) - *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, **sắc** là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

16-17) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: ***"Ta đã được giải thoát"***. Vị ấy biết rõ: ***"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".***

18) - *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Sắc là Như Lai không?"*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Thọ... tưởng... các hành... thức là Như Lai không?"

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

19) *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Như Lai ở trong sắc không?"*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: " Như Lai ở ngoài sắc không "?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

*- Ông có quán: "Như lai ở trong thọ... ở ngoài thọ... ở trong tưởng... ở ngoài tưởng... ở trong các hành... ở ngoài các hành... ở trong **thức** không"?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

*- Ông có quán: "Như Lai ở ngoài **thức** không"?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai không"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

20) - *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Cái phi sắc, phi thọ, phi tưởng, phi hành, phi thức là Như Lai không"?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

21) Và ở đây, này Anuràdha, **ngay trong hiện tại không** tìm được một Như Lai thường còn, thường

trú, **thời có hợp lý chăng khi Ông trả lời**: "Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bậc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: 'Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

22) -Lành thay, lành thay, này Anuràdha! **Trước kia và nay,** này Anuràdha, **Ta chỉ tuyên bố khổ và đoạn diệt khổ.**

203 Trước là trí về pháp trú, sau là trí về Niết bàn, Ăn trộm pháp - Kinh Susìma – Tương II, 211

Susìma – *Tương* II, 211

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng con sóc.

I

2) Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và Ngài nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

3) Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và cũng nhận được các vật cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

4) Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, không được tôn trọng, không được kính lễ, không được cúng dường, không được tôn sùng và cũng

không nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

II

5) Lúc bấy giờ du sĩ Susìma trú ở Ràjagaha cùng với đại chúng du sĩ.

6) Rồi hội chúng du sĩ của Susìma nói với du sĩ Susìma:

- *Thưa Hiền giả Susìma, ngài hãy đi đến và sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama.* ***Sau khi ngài học Chánh pháp xong hãy nói lại cho chúng tôi. Sau khi chúng tôi học pháp ấy chúng tôi sẽ nói lại với các gia chủ. Như vậy chúng tôi sẽ được cung kính****, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và chúng tôi sẽ nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.*

7) - Thưa vâng, các Hiền giả.

Du sĩ Susìma nghe theo hội chúng của mình, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Ananda; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

III

8) Ngồi xuống một bên, du sĩ Susìma nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này.

9) Rồi Tôn giả Ananda đưa du sĩ Susìma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, du sĩ Susìma này nói như sau: "Này Hiền giả Ananda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này".

11) Vậy Ananda, hãy cho Susìma xuất gia.

12) Và du sĩ Susìma được xuất gia dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn và được thọ đại giới.

13) Lúc bấy giờ nhiều vị Tỷ-kheo ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." "

IV

14) Tôn giả Susìma được nghe: Nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rõ rằng: ‘Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.’"

15) Rồi Tôn giả Susìma đi đến các Tỷ-kheo; sau khi đến nói lên với những Tỷ-kheo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

16) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susìma nói với các Tỷ-kheo ấy:

- *Có đúng sự thật chăng, chư Tôn giả ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng con biết rõ rằng: ‘Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa’"?*

- Thưa có vậy, này Hiền giả.

17) Nhưng, *chư Tôn giả* ***biết như vậy, thấy như vậy chắc chứng được*** *nhiều loại thần thông khác nhau:* Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua

tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ vào mặt trăng và mặt trời, những vật có oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?.

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

18) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, chứng được thiên nhĩ thông thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: chư Thiên và loài Người, xa và gần?*

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

19) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của các chúng sanh khác, các loài Người khác: Tâm có tham biết là tâm có tham; tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân; tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si; tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú; tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm biết không phải là đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô*

thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định biết là tâm Thiền định; tâm không Thiền định biết là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát?

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

20) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, nhớ được nhiều đời quá khứ. Như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, chư Tôn giả nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết?*

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

21) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự*

sống và chết của chúng sanh. Chư Tôn giả biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, làm những thiện hạnh về lời nói, làm những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, các vị thấy sự sống chết của chúng sanh. Các vị biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ?

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

22) *Vậy có phải chư Tôn giả* ***biết như vậy, thấy như vậy***, *sau khi vượt khỏi Sắc giới, thân cảm xúc Vô sắc giới, an trú vào tịch tịnh giải thoát*?

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

23) *Hay ở đây, có phải chư Tôn giả vừa trả lời như vậy, vừa không chứng được các pháp này?*

24) --Này Hiền giả, không có chứng được gì.

25) *Như thế nào?*

- Thưa Hiền giả Susìma, chúng tôi chứng được **tuệ giải thoát.**

26) - Tôi không biết được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả. Lành thay nếu được chư Tôn giả nói lên cho tôi, để tôi có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả!

27) - Này Hiền giả Susìma, dù cho Ông có biết hay Ông không biết, chúng tôi chứng được **Tuệ giải thoát**.

V

28) Rồi Tôn giả Susìma từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

29) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susìma trình bày lên Thế Tôn tất cả câu chuyện với các Tỷ-kheo ấy.

30) - *Này Susìma,* ***trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.***

31) - Bạch Thế Tôn, con không hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn!

32) - Này Susìma, dù cho Ông có biết hay Ông không có biết, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.

Này Susìma, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

33) **Cái gì vô thường là khổ hay lạc?**

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, **có hợp lý chăng khi chúng ta quán vật ấy là:** " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

34) Thọ là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

35) Tưởng là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

36) Các hành là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

37) Thức là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu chúng ta quán vật ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

38) Do vậy, này Susìma, cái gì thuộc **sắc** pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc pháp cần phải được quán như chơn như sau: *"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".*

39) Cái gì thuộc thọ quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

40) Cái gì thuộc tưởng quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

41) Cái gì thuộc hành quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

42) Cái gì thuộc thức quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, **tất cả thức cần phải quán như chơn với chánh trí tuệ như sau:** *"Cái này **không** phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".*

43) *Này Susìma, thấy như vậy, **vị Đa văn Thánh đệ tử** nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

Này Susìma, Ông có thấy chăng: "Do duyên sanh, già chết sanh khởi"?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

44). ..

45) *"Do duyên thủ, hữu sanh khởi?" Này Susmìa, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

46) *Này Susìma, Ông có thấy chăng: "Do duyên ái, thủ sanh khởi"?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

47) *"Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên hành thức sanh khởi. Do duyên vô minh, hành sanh khởi". Này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

48) *"**Do sanh diệt, già chết diệt**", này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

49) *"**Do hữu diệt, nên sanh diệt**", này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

50) *"Do thủ diệt, nên hữu diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do danh sắc diệt, nên sáu xứ diệt. Do thức diệt, nên danh sắc diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do vô minh diệt, nên hành diệt!". Này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

51) ***Nhưng này, biết như vậy, thấy như vậy, Ông có chứng được các thần thông nhiều loại sai khác:*** Một thân hiện ra nhiều thân; nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

52) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, Ông có thể nghe hai loại tiếng, tiếng chư Thiên và tiếng loài Người, tiếng xa và tiếng gần?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

53) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của chúng sanh sai khác, của loài Người sai khác. Với tâm có tham, Ông biết được tâm có tham... với tâm không giải thoát, Ông biết được là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, Ông biết được là tâm giải thoát?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

54) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, Ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác. Như một đời... (như trên)... Ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác cùng với các nét đại cương và các chi tiết?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

55) *Này Susìma, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ông có thể thấy các chúng sanh chết đi sanh lại... Ông có thể biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

56) *Này Susma, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, có phải sau khi vượt khỏi các sắc pháp, với thân cảm thọ vô sắc pháp Ông an trú với tịch tịnh giải thoát?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

57) *Nay ở đây, này Susìma, với câu trả lời như vậy, với những pháp này không chứng được, này Susìma, có phải Ông không làm được điều này?*

VI

58) Rồi Tôn giả Susìma cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Một tội lỗi con đã vi phạm, bạch Thế Tôn, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. ***Con đã xuất gia như một người ăn trộm pháp*** *trong Pháp và Luật khéo giảng này. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai!*

59) Này Susìma, thật sự Ông đã phạm tội, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện, Ông đã xuất gia như người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này.

60) *Ví như, này Susìma, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho vua và thưa: "Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muốn". Vua ấy nói như sau: "Các Ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt về phía sau, cạo đầu người ấy đi, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngả ba này đến ngả ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam".*

Những người kia vâng theo lời vua dạy, lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngả ba này tới ngả ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam.

61) *Này Susìma, Ông nghĩ thế nào? Người ấy do nhân duyên như vậy có cảm thọ khổ ưu hay không?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

62) *Này Susìma, dù cho người ấy do nhân duyên như vậy cảm thọ khổ ưu, hay không cảm thọ khổ ưu, thời*

<u>sự xuất gia với tư cách ăn trộm pháp</u> *<u>trong Pháp và Luật khéo thuyết này, do nhân duyên ấy phải rơi vào và chịu đựng khổ báo còn kịch liệt hơn và quả báo còn đau đớn hơn.</u>*

63) Này Susìma, Ông thấy phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ, nên chúng ta chấp nhận tội ấy cho Ông. Này Susìma, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi thấy được phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai.

204 Tu tập 4 niệm xứ để đoạn tận 5 thủ uẩn - Kinh THỦ UẨN – Tăng IV, 227

THỦ UẨN – *Tăng* IV, 227

1. - Này các Tỷ-kheo có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm?

2. Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức uẩn.

Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm thủ uẩn này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn? .... Bốn niệm xứ cần phải tu tập.

205 Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh Cán Búa – Tương III, 272

Cán Búa – Hay Chiếc Thuyền – *Tương* III, 272

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) - **Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc, không phải do không biết, do không thấy.**

4) Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.
- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.
- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi, đây là các hành đoạn diệt.
- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Do **biết** như vậy, do **thấy** như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

5) Này các Tỷ-kheo, như có Tỷ-kheo sống không chí tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: *"Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu, hoặc không có chấp thủ!".* Tuy vậy, tâm của vị ấy cũng **không** giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

6) Vì sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì?

- Không có tu tập **Bốn niệm xứ**.
- Không có tu tập **Bốn chánh cần**.
- Không có tu tập **Bốn như ý túc**.
- Không có tu tập **Năm căn**.
- Không có tu tập **Năm lực**.
- Không có tu tập **Bảy bồ đề phần**.
- Không có tu tập **Thánh đạo Tám ngành**.

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai **trứng gà**, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.*

8) *Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh*

đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

9) *Vì sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

10) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

11) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... Không có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

12) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ". Tuy vậy, tâm vị ấy **được** giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

13) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì?

- **<u>Có</u>** tu tập **Bốn niệm xứ**.
- Có tu tập **Bốn chánh cần**.
- Có tu tập **Bốn như ý túc**.
- Có tu tập **Năm căn**.
- Có tu tập **Năm lực**.
- Có tu tập **Bảy giác chi**.
- Có tu tập **con đường Thánh đạo Tám ngành**.

14) *Ví như, này các Tỳ-kheo, có tám, mười hay mười hai **trứng gà.** Các trứng ấy <u>được</u> con gà mái ấp nằm một <u>cách đúng</u> đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

<u>Dầu</u> cho con gà mái ấy <u>không</u> khởi lên ước muốn: "Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy <u>có thể</u> với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

15) *Vì sao? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà <u>được</u> con gà mái ấy ấp nằm <u>một cách đúng đắn</u>, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

16) Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy sống <u>chí tâm</u> tu tập. Dầu cho vị ấy <u>không</u> khởi lên ước muốn:

"Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ". Tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

17) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

18) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một **người thợ đá** hay đệ tử người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn; hôm nay từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.*

19) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập **không** có biết như sau: "Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được (các lậu hoặc) được hao mòn trên sự hao mòn (các lậu hoặc).

20) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một **chiếc thuyền** đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng,*

rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát (?).

21) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát.

206 Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh PHÙ–DI – 126 Trung III, 353

KINH PHÙ–DI

(Bhùmija suttam)

– *Bài kinh số 126* – Trung *III, 353*

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Rồi Tôn giả Bhumija vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi vương tử Jayasena đi đến Tôn giả Bhumija, sau khi đến nói lên với Tôn giả Bhumija những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Jayasena thưa với Tôn giả Bhumija:

– Thưa Tôn giả Bhumija, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu có và

không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị". Ở đây, bậc Đạo sư của Tôn giả Bhumija có nói gì, và có lập luận gì?

– Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Và sự việc này xảy ra, Thế Tôn có giải thích như sau:

- "Nếu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng (ayoniso), thời không đạt được quả vị;
- Nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;
- Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;
- Nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng thời không đạt được quả vị.
- Còn nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;

→ Nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh

một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;

→ Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;

→ Nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị".

Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Sự việc xảy ra, Thế Tôn có giải thích như vậy.

– Nếu Đạo sư của Tôn giả Bhumija thuyết lý như vậy, lập luận như vậy, thời tôi nghĩ rằng chắc chắn vị Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường.

Rồi vương tử Jayasena mời Tôn giả Bhumija, dùng với bát ăn (thalipaka) của mình.

Rồi Tôn giả Bhumija, sau bữa ăn khất thực trở về đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhumija bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena,

sau khi đến con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, bạch Thế Tôn, vương tử Jayasena đến chỗ con, sau khi đến nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn vương tử Jayasena nói với con như sau: "Thưa Tôn giả Bhumija, một số Sa-môn, Bà-la-môn, ... bậc Đạo sư của Tôn giả có nói gì, có lập luận gì?" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con có nói với vương tử Jayasena, như sau: "Này Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn, được nghe như sau, được ghi nhớ như sau... ". , ... Tôi nghĩ rằng chắc chắn Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường". *Bạch Thế Tôn, không hiểu hỏi như vậy, trả lời như vậy, con có nói đúng lời Thế Tôn nói, con không xuyên tạc lời Thế Tôn với điều không đúng sự thực, nhưng con đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp sẽ không có lý do để chỉ trích?*

– Thật vậy, này Bhumija, được hỏi vậy, được trả lời vậy, Ông nói đúng lời Thế Tôn nói, Ông không xuyên tạc Thế Tôn với điều không đúng sự thực, Ông đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp không có lý do gì để chỉ trích.

➔ Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có **tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định**, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời không đạt được quả vị. Vì sao vậy? **Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.**

*Ví như, này Bhumija, **một người cần dầu**, tìm cầu dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu. Sau khi **đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu)**. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy có và không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. **Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này***

Bhumija, để lấy được dầu. Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy... tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không ước nguyện... có và không có ước nguyện... không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, ***một người cần sữa****, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa,* ***nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa****. Nếu người ấy có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, người ấy không lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện... Nếu người ấy có và không có ước nguyện... Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, nó không lấy được sữa.* ***Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sữa***. Cũng vậy, này Bhumija, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn, có tà kiến... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt

được quả vị.

Ví như, này Bhumija, ***một người cần sanh tô****, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia để tìm cầu sanh tô,* ***sau khi đổ nước vào một cái ghè, rồi lấy que khuấy đánh****. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô.* ***Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sanh tô****.* Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, ***một người cần lửa****, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa. Người ấy* ***đem phần phía trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa****, nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một*

khúc que ướt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa; nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện, nếu người ấy không có và không không có ước nguyện đem phần trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa. ***Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để lấy được lửa***. Cũng vậy, này Bhumija, có những Sa-môn, hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không thể đạt được quả vị. Vì cớ sao? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.

➔ Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. **Vì cớ sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.**

*Ví như, này Bhumija, **một người cần dầu**, cầu tìm dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu, **sau khi đổ những hột giống dầu vào cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu)**. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ những giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. **Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được dầu**.* Cũng vậy, này Bhumija những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp có thể đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, **một người cần sữa**, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa. Và người ấy **vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ**. Nếu người ấy có ước nguyện, vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Nếu người ấy không có*

*ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. **Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sữa**.*
Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... (như trên)... có chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, **một người cần sanh tô**, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia tìm cầu sanh tô; **sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh**. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh, thời người ấy lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, thời sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy que khuấy, đánh, người ấy lấy được sanh tô. **Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sanh tô**.*
Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-

môn nào có chánh kiến... có chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, **có một người cần lửa**, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa, **sau khi mang phần trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa**. Nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được lửa.* Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt kết quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây là phương pháp đưa đến

quả vị.

Nếu bốn ví dụ này, này Bhumija, khởi đến từ nơi Ông cho vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông, và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, bốn ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Bhumja hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

207 Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh SỰ TU TẬP – Tăng III, 454

SỰ **TU TẬP** –*Tăng* III, 454

1. *- Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!". Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.*

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? - Không có tu tập ***Bốn niệm xứ****, không có tu tập* ***Bốn chánh cần****, không có tu tập* ***Bốn như ý túc****, không có tu tập* ***Năm căn****, không có tu tập* ***Năm lực****, không có tu tập* ***Bảy Bồ-đề phần****, không có tu tập* ***Thánh đạo tám ngành****.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.

Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn", ***tuy vậy, các con gà con***

ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn! Vì cớ sao? - Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà mái ấy không được con gà mái nằm ấp một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, dầu cho có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

2. *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, dầu cho không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.*

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ, có tu tập Bốn chánh cần, có tu tập Bốn như ý túc, có tu tập Năm căn, có tu tập Năm lực, có tu tập Bảy Bồ-đề phần, có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy <u>không khởi lên ý muốn</u>: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn!", ***tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn****. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm tu tập, dầu cho vị ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nề hay đệ tử người thợ nề, khi nhìn vào cán búa, thấy dấu các ngón tay và dấu ngón tay cái. Người ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay từng ấy cán búa của

ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận trên sự đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển, có đầy đủ cột buồm và dây buồm bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa đông, các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng. Rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng bị hư dần và mục nát một cách dễ dàng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và mục nát.**

208 Tuyên bố chánh trí cần được hỏi về 5 uẩn - Kinh SÁU THANH TỊNH – 112 Trung III, 161

KINH SÁU THANH TỊNH

(Chabbisodhana suttam)

– *Bài kinh số 112* – Trung *III, 161*

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo, "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói lên chánh trí (annam) như sau: "Ta tuệ tri như vầy: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"". Này các Tỷ-kheo, lời nói của vị Tỷ-kheo ấy, không nên tán thán cũng không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, cần hỏi câu hỏi: *"Này Hiền giả, có bốn hình thức tuyên bố này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến*

*Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Thế nào là bốn? **Cái gì được thấy được nói lên như là được thấy**. Cái gì được nghe được nói lên là được nghe. Cái gì được cảm giác được nói lên như là cảm giác. Cái gì được nhận thức được nói lên như là được nhận thức. Bốn hình thức tuyên bố này, Này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với **bốn hình thức tuyên bố** này, Tôn giả có thể nói là tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ?"*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp (anudhamma) của vị ấy phải như sau: **"Này chư Hiền, tôi không cảm thấy luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế, đối với những vật được thấy... được nghe... được cảm giác... được nhận thức**. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với bốn hình thức tuyên bố này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay! Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay, một câu hỏi nữa cần phải được hỏi.: *"Này Hiền giả, **năm thủ uẩn** này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, thọ thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Năm thủ uẩn này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với **năm thủ uẩn** này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: **"Này chư Hiền, sau khi biết sắc này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với những sắc là những chấp thủ phương tiện (upayupadana), là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên, đối với những sắc ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát.** Này chư Hiền, sau khi biết thọ này... Này chư Hiền,

sau khi biết tưởng này.. Này chư Hiền, sau khi biết hành này.. Này chư Hiền, sau khi biết thức này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với thức là những chấp thủ phương tiện, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên. Đối với những thức ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với năm thủ uẩn này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay". Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm: *"Này Hiền giả, sáu giới này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Sáu giới này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì với* ***sáu giới*** *này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã

làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Chư Hiền, tôi đã đi đến địa giới như là không phải tự ngã, và (đi đến) tự ngã như là không tùy thuộc địa giới. Đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc địa giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến thủy giới.. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến hỏa giới… Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến phong giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến không giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến **thức giới như là không phải tự ngã,** và (đi đến) tự ngã như là không tùy thuộc thức giới. Đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc thức giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu giới này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay". Sau khi tán thán tùy hỷ với lời nói: "Lành

thay", <u>một câu hỏi nữa cần phải được hỏi</u>: *"Này Hiền giả, sáu nội ngoại xứ này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu? Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Sáu nội ngoại xứ này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, thấy cái gì đối với **<u>sáu nội ngoại xứ</u>** này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: *"Chư Hiền, đối với mắt, đối với sắc, đối với nhãn thức, đối với những pháp được nhận thức bởi nhãn thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những pháp chấp thủ phương tiện, những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên. Đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Chư Hiền, đối*

với tai, đối với tiếng, đối với nhĩ thức; chư Hiền, đối với mũi, đối với hương, đối với tỷ thức; chư Hiền, đối với lưỡi, đối với vị, đối với thiệt thức; chư Hiền, đối với thân, đối với xúc, đối với thân thức; chư Hiền, đối với ý, đối với pháp, đối với ý thức, đối với các pháp được nhận thức bởi ý thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những chấp thủ phương tiện, những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay", <u>một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm</u>: *"Nhưng này Hiền giả, do biết gì, thấy gì, do đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, Tôn giả có thể nói về mạn tùy miên: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", **<u>mạn tùy miên</u>** của Tôn giả được đoạn trừ một cách hoàn toàn"?*

Chư Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã

đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm, đã làm, đã đặt gánh xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: *"Chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia, tôi còn ngu muội. Tôi được Như Lai, đệ tử Như Lai thuyết pháp. Sau khi nghe pháp. Tôi có lòng tịnh tín đối với Như Lai. Thành tựu được tịnh tín ấy, tôi suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình".*

"Chư Hiền, một thời gian sau, tôi từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi đã xuất gia như vậy, tôi thành tựu học giới và nếp sống các vị Tỷ-kheo, tôi từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót tất cả chúng sanh và các loại hữu tình. Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh không có

trộm cướp. Tôi từ bỏ phi Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống tránh xa (phi Phạm hạnh), từ bỏ dâm dục tục pháp. Tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời. Tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều này ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sinh chia rẽ ở những người kia. Tôi sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Tôi từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, tôi nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, tôi nói những lời nói như vậy. Tôi từ bỏ nói lời phù phiếm, tránh xa nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Tôi từ bỏ không làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời. Tôi từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn. Tôi từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, các thời trang, các thời sức. Tôi từ bỏ không dùng giường cao và

giường lớn. Tôi từ bỏ không nhận các hạt sống. Tôi từ bỏ không nhận thịt sống. Tôi từ bỏ không nhận đàn bà, con gái. Tôi từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai. Tôi từ bỏ không nhận cừu dê. Tôi từ bỏ không nhận gia cầm và heo. Tôi từ bỏ không voi, bò, ngựa và ngựa cái. Tôi từ bỏ không nhận ruộng nương và đất đai. Tôi từ bỏ không nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Tôi từ bỏ không buôn bán. Tôi từ bỏ các sự gian lận bằng cân tiền bạc và đo lường. Tôi từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Tôi từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Tôi bằng lòng (tri túc) với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y bát). Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, tôi bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y bát). Tôi thành tựu Thánh giới uẩn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không lỗi lầm. Khi mắt thấy sắc, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những

nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Tôi thành tựu Thánh hộ trì các căn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không vẩn đục. Khi đi tới, khi đi lui, tôi đều tỉnh giác. Khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh, tôi đều tỉnh giác. Khi co tay, khi duỗi tay, tôi đều tỉnh giác. Khi mang y kép, y bát, tôi đều tỉnh giác. Khi ăn, uống, nhai, nuốt, tôi đều tỉnh giác. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, tôi đều tỉnh giác. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng, tôi đều tỉnh giác.

"Và tôi đều thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này và thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này chọn một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, tôi ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Tôi từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, tôi sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rữa tâm hết sân hân. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, tôi sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trâm thụy miên. Trừ bỏ trạo cử

hối quá, tôi sống không trạo cử, hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, tôi sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

"**Tôi từ bỏ năm triền cái**, các pháp làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ muội lược này, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục, sanh có tầm có tứ. Tôi diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm. Tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tôi xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

"Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, **tôi dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí**. Tôi biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc được đoạn trừ", biết như thật: "Đây là con đường đưa

đến các lậu hoặc được diệt trừ".

"Tôi nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của tôi thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, tôi khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát"". Tôi biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

"Chư Hiền do biết như vậy, thấy như vậy, đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, mạn tùy miên: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", **mạn tùy miên** này được đoạn trừ một cách hoàn toàn".

Này các Tỷ-kheo Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay" vị ấy cần phải nói như sau: "Thật lợi ích thay cho chúng tôi, thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một vị sống Phạm hạnh như Tôn giả".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

209 Tà kiến - Do có cái gì mà các tà kiến khởi lên - Kinh Tương Ưng Kiến – Tương III, 349

Tương Ưng Kiến

I. Phẩm Dự Lưu

Gió – *Tương* III, 349

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà)* ***kiến*** *này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có **thọ**... có **tưởng**... có các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) ... ***Thức*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được* ***thấy****, được* ***nghe****, được* ***nghĩ*** *đến, được* ***biết****, được* ***đạt*** *đến, được* ***tìm*** *cầu, được* ***ý tư duy****, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

Cái Này Là Của Tôi – *Tương* III, 352

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này được khởi lên:*

"Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

5-7) Do có **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến

<u>này</u>: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) --. .. **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết**, được **tìm** cầu, được **ý tư duy**, <u>cái ấy là thường hay vô thường</u>?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

Cái Này Là Tự Ngã – *Tương* III, 355

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ*

thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

5-7) ... **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

8) Do có **thức**, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: " Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại ".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-13) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết**, được **đạt** tới, được **tìm** cầu, được **ý tư duy**, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

Có Thể Không Phải Của Tôi – *Tương* III, 357

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, *này các Tỷ-kheo,* ***do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên:*** *"Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?*

(Như kinh trên, chỉ có sự sai khác về "tà kiến").

Không Có – *Tương* III, 358

-- Do có cái gì, *này các Tỷ-kheo,* ***do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên****: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn chánh hạnh, chánh hướng, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới; thủy đại trở về trả lại cho thủy giới; hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới; phong đại trở về trả lại cho phong giới; các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi (đến chỗ hỏa táng), thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí. Lời nói của họ trống không, giả dối, khi họ thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như*

người hiền, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết"?

3)-- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) *(Như kinh trên, chỉ khác ở "tà kiến").*

Đối Với Người Hành Động – *Tương* III, 359

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, *này các Tỷ-kheo**, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên**: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chận đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà*

có tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo. Bố thí, điều phục, cấm giới, tự chế, tôn trọng sự thật, không có phước đức, không đưa đến phước đức"?

4) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến").

Nhân – *Tương* III, 360

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, *này các Tỷ-kheo****, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên:*** *"Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả chúng sanh, tất cả hữu tình, tất cả sinh vật, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của họ, bởi cá tánh của họ. Họ*

hưởng thọ khổ, lạc, y theo sáu loại thác sanh của họ"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như các kinh trên, chỉ khác phần "tà kiến").

Đạt Tà Kiến – *Tương* III, 361

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, *này các Tỷ-kheo****, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, khởi lên (tà) kiến như sau****: "Có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lăng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc"?*

3) Bảy thân ấy là gì? - Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lăng nhau, chúng

không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc.

4) Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi.

5) Có tất cả là 1.400.000 chủng loại thác sanh, lại có thêm 6.000 và có thêm 600 nữa. Có 500 loại nghiệp và năm nghiệp (theo 5 căn), lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu), và bán nghiệp (ý), có 62 đạo, 62 trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, 4.900 sanh nghiệp, 4.900 kẻ du hành, 4.900 chỗ ở của loài Nàga, 2.000 căn, 3.000 cảnh địa ngục, 36 trần giới, 7 tưởng thai, 7 vô tưởng thai, 7 tiết thai, 7 loài Thiên, 7 loài Người, 7 loài quỷ, 7 hồ nước, 7 pavutas (rừng hay hồ nhỏ), 7 papàta (vực thẳm), 700 papàta (vực thẳm), 7 mộng, 700 mộng, có 8 trăm 40 vạn đại kiếp, trong thời gian ấy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau.

6) Không có lời nguyền: "Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thục, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thục bởi những nhẫn thọ liên tục, không thể đo lường khổ

và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn.

7) Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ đoạn tận khổ đau ".

8) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến").

Thế Gian Là Thường – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến". Ở đây "tà kiến" được thay bằng "thế gian là thường").

Thế Gian Là Vô Thường (S.iii,214) – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến").

Hữu Biên – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Vô Biên – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Mạng Với Thân Là Một – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Mạng Với Thân Là Khác – *Tương* III, 363

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Như Lai Có Tồn Tại – *Tương* III, 364

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Như Lai Không Có Tồn Tại – *Tương* III, 364

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Như Lai Có Tồn Tại Và Không Có Tồn Tại – *Tương* III, 364

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

Như Lai Không Tồn Tại Và Không Không Tồn Tại – *Tương* III, 364

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- *Này các Tỷ-kheo,* ***do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên:*** *"Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4-8) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"... ... **thọ**... **tưởng**... các **hành**... Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, khởi lên (tà) kiến này: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?"*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-13) ... **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**... **Thức**...

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết** đến, được **đạt** tới, được **tìm** cầu, được **ý suy tư**; cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết "?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. Phẩm Trùng Thuyết (1)

I. Gió – *Tương* III, 367

(Những kinh I, II trong phẩm này là giống như những kinh trong Chương Ba, Kiến Tương Ưng từ số I cho đến số XVIII).

II. Phi Hữu Phi Vô (S.iii,218) – *Tương* III, 367

III. Phẩm Trùng Thuyết (2)

Tự Ngã Có Sắc – *Tương* III, 367

(Những kinh này giống như các kinh trước chỉ khác là "tà kiến" được thay bằng "Tự ngã có sắc, sau khi chết, không bệnh").

Tự Ngã Không Có Sắc.

(như trên, được thay bằng *"Tự ngã không có sắc, sau khi chết, không bệnh*").

Tự Ngã Có Sắc Và Không Sắc.

Tự Ngã Không Có Sắc Và Không Không Sắc

Thuần Lạc

(... *"Tự ngã là thuần lạc, sau khi chết, không bệnh*").

Thuần Khổ

Thuần Lạc Và Thuần Khổ

Chẳng Phải Khổ , Chẳng Phải Lạc (S.iii,220)

IV. Phẩm Trùng Thuyết (3)

I. (Như kinh Chương Một I, Kinh Nakulapità).

II- XXV. (Như kinh từ số I, Phẩm Trùng Thuyết 1, đến VII Phẩm Trùng Thuyết 2)

XXVI. Phi Lạc Phi Khổ (Như kinh VIII, Phẩm Trùng Thuyết 2).

V. Phẩm Trùng Thuyết (4)

I - XXVII. Như kinh (I-II) Phẩm Trùng Thuyết 3) (S.iii,222) – *Tương* III, 368

210 Tà kiến - Do có cái gì mà tà kiến khởi lên - Kinh Gió – Tương III, 349

Gió – *Tương* III, 349

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà)* ***kiến*** *này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có **thọ**... có **tưởng**... có các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo,* ***sắc*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) ... ***Thức*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết**, được **đạt** đến, được **tìm** cầu, được **ý tư duy**, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

211 Tà kiến - Do có cái gì tà kiến này khởi lên - Kinh Cái Này Là Của Tôi – Tương III, 352

Cái Này Là Của Tôi – *Tương* III, 352

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

5-7) Do có **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo,* ***sắc*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) --. .. **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được **thấy**, được **nghe**, được **nghĩ** đến, được **biết**, được **tìm** cầu, được **ý tư duy**, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

212 Tà kiến - Nguyên nhân khởi lên các tà kiến - Kinh Tương Ưng Vacchagota – Tương III, 415

Tương Ưng Vacchagota – *Tương* III, 415

Vô Tri 1 – *Tương* III, 415

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagota đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagota bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì*, do duyên gì, này Tôn giả Gotama, một số* ***tà kiến sai khác*** *như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là không thường còn"; hay "Thế giới hữu biên" hay "Thế giới vô biên"; hay "Sinh mạng và thân thể là một" hay "Sinh mạng và thân thể là khác"; hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại sau khi*

chết" hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

4) -- **Do vô tri** đối với **sắc**, này Vaccha, do vô tri đối với **sắc tập khởi**, do vô tri đối với **sắc đoạn diệt**, do vô tri đối với **con đường đưa đến sắc đoạn diệt**, cho nên có những (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên đời: "Thế giới là thường còn"... hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Do nhân này, do duyên này, này Vaccha, có một số (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn"... hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Vô Tri (2)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **thọ**").

Vô Tri (3)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **tưởng**").

Vô Tri (4)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với các **hành**").

Vô Tri (5)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **thức**").

II. Vô Kiến (1-5)

(Như trên, ở đây là "vô kiến đối với sắc" ... "...thọ, ...tưởng, ...các hành, ...thức").

III. Không Hiện Quán (anabhisamaya) **(1-5)**

(Như trên, ở đây là "không hiện quán năm uẩn").

IV. Không Liễu Tri (anubodha) **(1-5)**

(Như trên, ở đây là "không liễu tri năm uẩn")

V. Không Thông Đạt (appativebha) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không thông đạt năm uẩn")

VI. Không Đẳng Quán (asallakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đẳng quán năm uẩn")

VII. Không Tùy Quán (anupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không tùy quán năm uẩn")

VIII. Không Cận Quán (appaccupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận quán năm uẩn")

IX. Không Đẳng Sát (asamapekkana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đẳng sát năm uẩn").

X. Không Cận Sát (appaccupekkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận sát năm uẩn")

XI. Không Hiện Kiến (appaccakkhakamma) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không hiện kiến năm uẩn")

213 Tâm khéo giải thoát là gì - Kinh Hàliddikàni – Tương III, 29

Hàliddikàni – *Tương* III, 23

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahà Kaccàna (Ma-ha Ca-chiên-diên) sống giữa các dân chúng Avanti, tại Kulaghara bên bờ một vực núi.

2) Rồi gia chủ Hàliddikàni đi đến Tôn giả Mahà Kaccàna; sau khi đi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahà Kaccàna rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Hàliddikàni nói với Tôn Giả Mahà Kaccàna:

- Thưa Tôn Gỉa, Thế Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Màgandiya như sau:

Bậc Thánh bỏ gia đình,
Du hành không trú xứ,
Đối với dân trong làng,
Không tác thành hệ lụy.
Tuyệt không các dục vọng,
Không ước vọng hão huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận,

Bất cứ với một ai".

Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

4) Này Gia chủ,

- **Sắc giới** là nhà của **thức**. **Thức** bị lòng tham sắc giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là ***du hành có gia đình.***
- **Thọ** giới là nhà của thức. Thức bị lòng tham thọ giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình.
- **Tưởng** giới là nhà của thức. Thức bị lòng tham tưởng giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình.
- **Hành** giới là nhà của thức. Thức bị lòng tham hành giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình.
- **Thức** giới là nhà của thức. Thức bị lòng tham thức giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình.

Như vậy, này Gia chủ, là du hành có gia đình.

8) ***Và này Gia chủ, thế nào là du hành không gia đình?***

9) Đối với sắc giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không gia đình.

10) Đối với thọ giới, này Gia chủ...

11) Đối với tưởng giới, này Gia chủ...

12) Đối với hành giới, này Gia chủ...

13) Đối với thức giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không gia đình.

14) Như vậy, này Gia chủ, là du hành không gia đình.

15) ***Như thế nào, này Gia chủ, là du hành có trú xứ?***

Bị trói buộc bởi an trú chấp trước (niketa-visàra) vào sắc tướng, này Gia chủ, gọi là du hành có trú xứ...

vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng. Bị trói buộc bởi an trú chấp trước vào pháp tướng, này Gia chủ, gọi là du hành có trú xứ. Như vậy, này Gia chủ, là du hành có trú xứ.

16) ***Như thế nào là du hành không trú xứ?***

Sự trói buộc bởi an trú chấp trước vào sắc tướng, này Gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ.

Sự trói buộc bởi an trú chấp trước vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng... vào pháp tướng, này Gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ.

17) Như vậy, này Gia chủ, là du hành không trú xứ.

18) ***Như thế nào, này Gia chủ, là tác thành hệ lụy trong làng?***

Ở đây, này Gia chủ, có người sống thân mật với gia chủ, cùng vui, cùng buồn. Giữa những người sung

sướng, vị ấy sung sướng. Giữa những người buồn khổ, vị ấy buồn khổ. Khi có công việc phải làm khởi lên, tự liên hệ mình vào các công việc ấy. Như vậy, này Gia chủ, là tác thành hệ lụy trong làng.

19) ***Và như thế nào, này Gia chủ, là <u>không</u> tác thành hệ lụy trong làng?***

Ở đây, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo <u>không</u> sống quá thân mật với gia chủ, không cùng vui, không cùng buồn, không vui sướng giữa những người sung sướng, không buồn khổ giữa những người buồn khổ. Khi có công việc phải làm khởi lên, không tự mình liên hệ vào các công việc ấy. Như vậy, này Gia chủ, là không tác thành hệ lụy trong làng.

20) ***Như thế nào, này Gia chủ, là <u>không</u> tuyệt không đối với các dục vọng?***

Ở đây, này Gia chủ, có người <u>không</u> ly tham đối với các dục vọng, không ly dục, không ly ái, không ly khát, không ly nhiệt não, không ly khát ái. Như vậy, này Gia chủ, là không tuyệt không đối với các dục.

21) ***Như thế nào, này Gia chủ, là <u>tuyệt</u> không các dục vọng?***

Ở đây, này Gia chủ, có người ly tham đối với các dục, ly dục, ly ái, ly khát, ly nhiệt não, ly khát ái. Như vậy, này Gia chủ, là tuyệt không các dục.

22) ***Như thế nào, này Gia chủ, là hy vọng hão huyền?***

Ở đây, này Gia chủ, có người suy nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như vậy trong tương lai! Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai! Mong rằng có tưởng như vậy trong tương lai! Mong rằng có các hành như vậy trong tương lai! Mong rằng có thức như vậy trong tương lai!" Như vậy, này Gia chủ, là hư vọng hão huyền.

23) ***Như thế nào, này Gia chủ, là không hy vọng hão huyền?***

Ở đây, này Gia chủ, có người không có suy nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như vậy trong tương lai! Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai! Mong rằng có tưởng như vậy trong tương lai! Mong rằng có các hành như vậy trong tương lai! Mong rằng có thức như vậy trong tương lai!" như vậy, này Gia chủ, là không hy vọng hão huyền.

24) ***Như thế nào, này Gia chủ, là tranh luận với người?***

Ở đây, này Gia chủ, có người nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này. Ta biết Pháp và Luật này. Sao Ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông đã phạm vào tà kiến. Ta mới thật đúng chánh kiến. Những điều đáng nói trước, Ông lại nói sau. Những điều đáng nói sau, Ông lại nói trước. Lời nói của ta mới tương ưng. Lời nói của Ông không tương ưng. Chủ kiến của Ông đã bị bài bác. Câu nói của Ông đã bị thách đố. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Ông đã bị thuyết bại. Nếu có thể được, hãy gắng thoát ra khỏi lối bí". Như vậy, này Gia chủ, là tranh luận với người.

25) ***Như thế nào, này Gia chủ, là không tranh luận với người?***

Ở đây, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo không nói lời nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này.... .. Hãy thoát ra khỏi lối bí". Như vậy, này Gia chủ, là không tranh luận với người.

26) Như vậy, này Gia chủ, Thế Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Màgandiya như sau:

Bậc Thánh bỏ gia đình,
Du hành không trú xứ,
Đối với dân trong làng,

Không tác thành hệ lụy.
Tuyệt không các dục vọng.
Không ước vọng hão huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận,
Bất cứ với một ai ".

Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, này Gia chủ, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

214 Tùy pháp hành đối với cái gì - Kinh Tùy Pháp – Tương III, 80

Tùy Pháp 1 – *Tương* III, 80

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Đối với vị Tỷ-kheo thực hành **pháp và tùy pháp**, **tùy pháp** này có mặt:

- Đối với sắc, vị ấy sống nhiều yếm ly;
- Đối với thọ, vị ấy sống nhiều yếm ly;
- Đối với tưởng, vị ấy sống nhiều yếm ly;
- Đối với các hành, vị ấy sống nhiều yếm ly;
- Đối với thức, vị ấy sống nhiều yếm ly.

4) Ai sống nhiều yếm ly đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... ai sống nhiều yếm ly đối với thức, vị ấy liễu tri sắc... liễu tri thọ... liễu tri tưởng... liễu tri các hành... liễu tri thức. Do liễu tri sắc... thọ... tưởng... các hành... do liễu tri thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi các hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. **Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.**

Tùy Pháp 2 – *Tương* III, 81

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Đối với vị Tỷ-kheo thực hành **pháp** và **tùy pháp**, tùy pháp này có mặt:

- Vị ấy sống tùy quán vô thường trong sắc.
- Vị ấy sống tùy quán vô thường trong thọ.
- Vị ấy sống tùy quán vô thường trong tưởng.
- Vị ấy sống tùy quán vô thường trong các hành.
- Vị ấy sống tùy quán vô thường trong thức.

4) Ai sống tuỳ quán vô thường trong sắc... trong thọ... trong tưởng... trong các hành... ai sống tuỳ quán vô thường trong thức, vị ấy liễu tri sắc... liễu tri thọ... liễu tri tưởng... liễu tri các hành... liễu tri thức. Do liễu tri sắc... thọ... tưởng... các hành... do liễu tri thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi các hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. **Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.**

Tùy Pháp 3 – *Tương* III, 81

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Đối với vị Tỷ-kheo thực hành **pháp** và **tùy pháp**, tùy pháp này có mặt:

- Vị ấy sống tùy quán khổ trong sắc.
- Vị ấy sống tùy quán khổ trong thọ.
- Vị ấy sống tùy quán khổ trong tưởng.
- Vị ấy sống tùy quán khổ trong các hành.
- Vị ấy sống tùy quán khổ trong thức.

4) Ai sống tuỳ quán khổ trong sắc... trong thọ... trong tưởng... trong các hành... ai sống tuỳ quán khổ trong thức, vị ấy liễu tri sắc... liễu tri thọ... liễu tri tưởng... liễu tri các hành... liễu tri thức. Do liễu tri sắc... thọ... tưởng... các hành... do liễu tri thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi các hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. **Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.**

Tùy Pháp 4 – *Tương* III, 81

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Đối với vị Tỷ-kheo thực hành **pháp** và **tùy pháp**, tùy pháp này có mặt:

- Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong sắc.
- Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong thọ.
- Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong tưởng.
- Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong các hành.
- Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong thức.

4) Ai sống tùy quán vô ngã trong sắc, trong thọ, trong tưởng, trong các hành, trong thức; vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri các hành, liễu tri thức. Do vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri các hành, liễu tri thức; vị ấy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi các hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. **Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.**

215 Tận cùng thế giới không thể đạt đến nhưng.. - Kinh ROHITASSA 1 – Tăng I, 641

ROHITASSA 1 – *Tăng* I, 641

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thiên tử Rohitassa sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chiếu sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

- *Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới không?*

- Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), **Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.**

2. - Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn,

lời nói này của Thế Tôn: *"Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới"*.

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nếm, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến 100 tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến 100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, nhưng giữa đường con đã chết.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này),

không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

3. - Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Nhưng này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những **tưởng**, những **tư duy** của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.

4. Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.

Do vậy, bậc có trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc đạt được an tịnh,
Biết tận cùng thế giới,

Không mong cầu đời này,
Không mong cầu đời sau.

ROHITASSA 2 – *Tăng* I, 644

1. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

- Đêm nay, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, thiên tử Rohitassa bạch với Ta:

"- Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới?"

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa như sau:

"- Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có

thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa nói với Ta như sau:

"- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới!".

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nếm, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến 100 tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến

100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, nhưng giữa đường con đã chết.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa:

"-Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Nhưng này Hiền giả, **trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tưởng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.**

2. Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,

Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.

Do vậy, bậc có trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc đạt được an tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,
Không mong cầu đời sau.

216 Tận cùng thế giới không thể đạt đến nhưng... - Kinh Rohita – Tương I, 143

Rohita – *Tương* I, 143

1) Tại Sàvatthi (Xá-vệ).

2) Đứng một bên, Thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

3) -- Này Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, **Ta nói rằng (tại chỗ ấy), không có thể với bộ hành, biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.**

4) -- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới".

5) *Bạch Thế Tôn, thuở trước, con tên là Rohita con của Bhoja, có thần thông, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lẹ cho đến con có thể bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây tala.*

6) Và bạch Thế Tôn, bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: "Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới".

7) Và bạch Thế Tôn, dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy, và dầu cho con có bước dài đến như vậy, và dầu cho con không có dừng để ăn, hay uống, hay nhai, hay nếm, dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện, dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ cấu uế, dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình, dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình, tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.

8) Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Ta nói rằng

tại chỗ ấy, không có thể bộ hành, biết được hay thấy được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy".

9) -- Này Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm dứt cuộc khổ đau. Này Hiền giả, chính trong cái thân thể dài một tầm có tưởng, có ý này, Ta tuyên bố thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

10) Bộ hành không bao giờ
Đạt được thế giới tận,
Không đạt thế giới tận,
Không thể thoát khỏi khổ.

Do vậy, bậc Hiền thiện,
Thế gian giải, Thiện tuệ,
Đạt đến thế giới tận,
Phạm hạnh được viên thành.

Với tâm tư định tĩnh,
Biết được thế giới tận,
Không ước vọng đời này,
Không ước vọng đời sau.

217 Tự mình làm hòn đảo - Kinh Tự Mình Làm Hòn Đảo – Tương III, 83

Tự Mình Làm Hòn Đảo – *Tương* III, 83

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình**, này các Tỷ-kheo, **hãy nương tựa nơi chính mình**, không nương tựa một ai khác. **Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa**, không nương tựa một ai khác.

4) Với những ai sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác, **hãy như lý quán sát**: ***"Sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?"***

5) Và này các Tỷ-kheo, sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các *bậc Thánh*, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh,

không thấy rõ các *bậc Chân nhân*, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán (samamupassati) sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi **sắc** của vị ấy biến hoại và đổi khác **thì** sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên.

7) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ...

8) Vị ấy quán tưởng như là tự ngã...

9) Vị ấy quán các hành như là tự ngã...

10) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Thức này của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi **thức** của vị ấy biến hoại và đổi khác **thì** sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên.

11) Này các Tỷ-kheo, **biết sắc là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt**; vị ấy thấy tất cả sắc xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khổ, ưu, não ***được đoạn tận***. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là

(Tadanganibbuto) **vị đã lắng dịu mọi tướng phần**, nhứt hướng Niết-bàn.

12) Này các Tỷ-kheo, biết **thọ** là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt, vị ấy thấy tất cả thọ xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phần.

13) Này các Tỷ-kheo, biết **tưởng** là vô thường...

14) Này các Tỷ-kheo, biết các **hành** là vô thường...

15) Này các Tỷ-kheo, **biết thức là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt**; vị ấy thấy **tất cả thức** xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, não ***được đoạn tận***. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là **vị đã lắng dịu mọi tướng phần**.

218 Vì sao 5 uẩn đi đến tích trữ trong tương lai - ĐẠI Kinh SÁU XỨ – 149 Trung III, 643

ĐẠI KINH SÁU XỨ

(Mahasalayatanika suttam)

– Bài kinh số 149 –* Trung *III, 643

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo",

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng Đại Kinh Sáu Xứ**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

Này các Tỷ-kheo, **không biết, không thấy như chơn** mắt, không biết không thấy như chơn các sắc, không biết không thấy như chơn nhãn thức, không biết không thấy như chơn nhãn xúc; do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, không biết không thấy như chơn cảm thọ ấy, vị ấy ái trước đối với mắt, ái trước đối với các sắc, ái trước đối với nhãn thức, ái trước đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy ái trước đối với cảm thọ ấy. Khi vị ấy trú, quán sát vị ngọt, bị ái trước, hệ lụy và tham đắm, **nên năm thủ uẩn đi đến tích trữ trong tương lai**. Và ái của vị ấy đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm sự hoan lạc chỗ này, chỗ kia; **ái ấy được tăng trưởng**; những thân ưu não tăng trưởng; những tâm ưu não tăng trưởng; những thân nhiệt não tăng trưởng; những tâm khổ não tăng trưởng. Vị ấy cảm thọ thân khổ và tâm khổ.

Này các Tỷ-kheo, **không thấy và không biết như chơn tai**; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn mũi; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn lưỡi; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn thân; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn ý; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn các pháp; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết

như chơn ý thức; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; không thấy và không biết như chơn cảm thọ ấy, vị ấy ái trước đối với ý, ái trước đối với pháp, ái trước đối với ý thức, ái trước đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, ... (như trên)... vị ấy cảm thọ thân khổ và tâm khổ.

Này các Tỷ-kheo, **thấy và biết như chơn mắt**, thấy và biết như chơn các sắc, thấy và biết như chơn nhãn thức, thấy và biết như chơn nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, thấy và biết như chơn cảm thọ ấy; vị ấy **không ái trước** đối với con mắt, không ái trước đối với các sắc, không ái trước đối với nhãn thức, không ái trước đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không ái trước đối với cảm thọ ấy. Khi vị ấy trú, quán sát vị ngọt, không bị ái trước, hệ lụy và tham đắm, nên **năm thủ uẩn đi đến tàn diệt trong tương lai**. Và ái của vị ấy, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm sự hoan lạc chỗ này chỗ kia; **ái ấy được đoạn tận**; những thân ưu não của vị ấy được đoạn tận; những tâm ưu não được đoạn tận; những thân nhiệt não được đoạn tận; những tâm nhiệt não

được đoạn tận; những thân khổ não được đoạn tận; những tâm khổ não được đoạn tận; vị ấy cảm thọ thân lạc và tâm lạc.

- **Kiến <u>gì như chơn của vị ấy, kiến ấy là chánh kiến.</u>**
- Tư duy gì như chơn của vị ấy, tư duy ấy là chánh tư duy.
- Tinh tấn gì như chơn của vị ấy, tinh tấn ấy là chánh tinh tấn.
- Niệm gì như chơn của vị ấy, niệm ấy là chánh niệm.
- Định gì như chơn của vị ấy, định ấy là chánh định.
- Thân nghiệp, ngữ nghiệp, sinh mạng của vị ấy được thanh tịnh tốt đẹp.
- Và **Thánh đạo Tám ngành** này đi đến tu tập và phát triển sung mãn cho vị ấy.

→ Do sự tu tập Thánh đạo Tám ngành này như vậy, **bốn niệm xứ** đi đến tu tập và phát triển sung mãn; **bốn chánh tinh tấn** cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; **bốn như ý túc** cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; **năm căn** cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; **năm lực** cũng đi đến

tu tập và phát triển sung mãn; **bảy giác chi** cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn.

→ Và nơi vị ấy, hai pháp này được chuyển vận song hành: **chỉ và quán**.

→ Với thượng trí, vị ấy liễu tri những pháp cần phải liễu tri với thượng trí. Với thượng trí, vị ấy đoạn tận những pháp cần phải đoạn tận với thượng trí. Với thượng trí vị ấy, tu tập những pháp cần phải tu tập với thượng trí. Với thượng trí, vị ấy chứng ngộ những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri với thượng trí?* Cần phải trả lời là năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này là những pháp cần phải liễu tri với thượng trí.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải đoạn tận với thượng trí?* Vô minh và hữu ái, những pháp này cần phải đoạn tận với thượng trí.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần*

phải tu tập với thượng trí? Chỉ và quán, những pháp này cần phải tu tập với thượng trí.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí?* Minh và giải thoát, những pháp này cầu phải chứng ngộ với thượng trí.

Này các Tỷ-kheo, **thấy và biết như chơn tai**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **mũi**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **lưỡi**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **thân**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **ý**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **các pháp**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **ý thức**; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn **ý xúc**. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; thấy và biết như chơn **cảm thọ** ấy, nên vị ấy **không ái trước** đối với ý, không ái trước đối với các pháp, không ái trước đối với ý thức, không ái trước đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không ái trước đối với cảm thọ ấy... (như trên)... tâm khổ não được đoạn tận. Vị ấy cảm thọ thân lạc và tâm lạc. Kiến gì như chơn của vị ấy, kiến ấy là chánh kiến. Tư duy gì như chơn của vị ấy... (như trên)... hoạt mạng của vị ấy đi đến thanh tịnh tốt đẹp. Và Thánh đạo Tám ngành này đi đến tu

tập và phát triển sung mãn cho vị ấy. Do sự tu tập Thánh đạo Tám ngành này như vậy... (như trên)... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí? **Minh và giải thoát**, những pháp này cần phải chứng ngộ với thượng trí.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

219 Vì sao nói Sắc... là vô ngã - Kinh Năm Vị – Tương III, 125

Năm Vị – Vô ngã tưởng – *Tương* III, 125

1) Một thời Thế Tôn ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isìpatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

2) Ở đây Thế Tôn nói với đoàn năm vị Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) - **Sắc**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã, thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

4) Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã. Do vậy sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

5) **Thọ**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu thọ là ngã, thời thọ không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được thọ như sau: " Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này! "

6) Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã. Do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các thọ: " Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này! "

7) **Tưởng** là vô ngã...

8) Các **hành** là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu các hành là ngã, thời các hành không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các hành như sau: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!"

9) Và này các Tỷ-kheo, vì các hành là vô ngã. Do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các hành: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi không phải như thế này!"

10) **Thức** là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã, thời thức không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể có được thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như

thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

11) Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã. Do vậy, thức đi đến bệnh hoạn, và không có thể có được thức: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

12) *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, bạch Thế Tôn!

- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

*- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, **có hợp lý chăng khi quán cái ấy là**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

13-15) Thọ... Tưởng... Các hành...

16) Thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

17) Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm **sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc **cần phải như thật quán** với **chánh trí tuệ** như sau: *"Cái này không phải **của tôi**, cái này không phải **là tôi**, cái này không phải **tự ngã của tôi**".*

18) Phàm **thọ** gì...

19) Phàm **tưởng** gì...

20) Phàm các **hành** gì...

21) Phàm **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

22) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly

đối với tưởng, yếm y đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

23) Thế Tôn thuyết như vậy. Nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

220 Vì sao tâm không hứng khởi trong sự xuất ly 5 uẩn - Kinh TAPUSSA – Tăng IV, 195

TAPUSSA – *Tăng* IV, 195

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Malla, tại một thị trấn của dân chúng Malla tên là Uruvelakappa. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Uruvelakappa để khất thực. Khất thực ở Uruvelakappa xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về, Thế Tôn bảo Tôn giả Ànanda, nói rằng:

- Này Ànanda, Thầy hãy ở đây, chờ cho Ta vào trong rừng Đại Lâm để nghỉ ban ngày.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn đi vào rừng Đại Lâm ngồi nghỉ ban ngày tại một gốc cây.

2. Rồi gia chủ Tapussa đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ànanda và ngồi xuống một

bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Tapussa thưa với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Tôn giả Ànanda, chúng tôi là người gia chủ, thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tính, an trú, giải thoát, vì thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các vị Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này.

- Này Gia chủ, đây là một vấn đề để nói chuyện. Này Gia chủ, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Tapussa vâng đáp Thế Tôn Ànanda.

3. Rồi Tôn giả Ànanda cùng với gia chủ Tapussa đi đến Thế Tôn, sau khi đến... bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, gia chủ Tapussa này nói như sau: "Thưa Tôn giả Ànanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ, thọ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì được thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này".

4. - Như vậy là phải, này Ànanda! Như vậy là phải, này Ànanda!

Này Ànanda, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng được Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: **"Lành thay, sự xuất ly! Lành thay, sống viễn ly". Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi trong sự xuất ly ấy,** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "Đây là an tịnh". Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như

sau: *"Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Vì Ta không thấy **Nguy hiểm trong các dục**, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. **Lợi ích của xuất ly** chưa được chứng đắc, Ta chưa được **thưởng thức** lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi trong xuất ly ấy, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".*
- Này Ànanda, **về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau:** *Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".*
- Rồi này Ànanda, ***sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy.*** **Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong xuất ly**, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian Ta ly dục... chứng đạt và an trú sơ Thiền. *Do Ta trú với sự an trú này, các **tưởng** tác ý câu hữu với **dục** vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh.* *Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên, như là một chứng bệnh.* Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

5. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy chỉ tức các tầm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**". ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không có tầm ấy,*** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh". Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: *"Do nhân gì, do duyên gì, Tâm Ta không hứng khởi đối với không có tầm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi Ànanda, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Vì Ta không thấy nguy hiểm trong **các tầm**, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có tầm chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy". Do vậy, tâm*

Ta không hứng khởi đối với không có tầm, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.

- Này Ànanda, **về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau**: *"Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các tầm, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tầm, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có tầm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".*
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các tầm. Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích không có tầm, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không có tầm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian Ta diệt tầm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành*. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

6. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy ly hỷ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**. ***Nhưng***

này Ànanda, tâm của Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh". Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong **hỷ**, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có hỷ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát".*
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích

trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta ly hỷ... chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành.* *Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh.* Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

7. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy đoạn lạc, đoạn khổ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**". ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không khổ, không lạc***, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy nguy hiểm trong xả lạc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Lợi ích của không khổ, không lạc chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc ấy, không tịnh tín, không có an trú, không giải thoát".*
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không khổ, không lạc, Ta thưởng thức sự lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không khổ, không lạc, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không khổ, không lạc, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta xả lạc, xả khổ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với xả lạc vẫn hiện hành*. Như vậy, đối với Ta,

đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

8. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Không vô biên xứ,*** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?"*.

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Không vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên*

xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".

- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua các sắc tưởng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các sắc vẫn hiện hành*. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

9. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ**. ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Thức vô biên xứ***, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?"*.

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Thức vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát"*.
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự

kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành*. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

10. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ**. ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ***, không có tịnh tín, không có

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ , không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Vô sở hữu xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".*
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm

cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Thức vô biên xứ... chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các Thức vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh*. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

11. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có*

tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ,

tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Vô sở hữu xứ... chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh*. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

12. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**. Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Diệt thọ tưởng định chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".*
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tưởng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Diệt thọ tưởng định, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tưởng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Diệt thọ tưởng định, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ... chứng đạt và an

trú Diệt thọ tưởng định, *Ta thấy với trí tuệ và các lậu hoặc đi đến đoạn diệt.*

13. Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiền chứng này chưa được Ta thuận thứ nghịch thứ chứng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta chưa xác chứng rằng ta đã chứng **Chánh Đẳng Chánh giác**.

Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiền chứng này đã được Ta thuận thứ nghịch thứ chứng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cho đến khi ấy, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. *Tri và Kiến khởi lên nơi Ta. Ta biết rằng: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

221 Ví dụ Ngôi nhà bằng đất và những đứa trẻ - Kinh Chúng Sanh – Tương III, 331

Chúng Sanh – *Tương* III, 331

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"**Chúng sanh, chúng sanh**", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là chúng sanh?*

4) -- Này Ràdha, **dục** nào (chanda), **tham** nào, **hỷ** nào, khát **ái** nào đối với **sắc**, triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh (sattà).

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với **thức**, triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh.

9) *Ví như, này Ràdha, các đứa con trai hay các đứa con gái **chơi với cái nhà bằng đất**. Cho đến khi đối với những nhà bằng đất ấy, lòng tham **chưa** thoát ly, lòng dục chưa thoát ly, lòng ái chưa thoát ly, lòng*

*khát chưa thoát ly, lòng nhiệt tình chưa thoát ly, lòng khát ái chưa thoát ly, **thời chúng còn tham dính vào,** thích chơi, chất chứa, và đắm trước những nhà bằng đất ấy.*

*10) Nhưng khi nào các đứa con trai hay các đứa con gái ấy đối với những nhà bằng đất kia, lòng **tham** **đã** thoát ly, lòng **dục** đã thoát ly, lòng **ái** đã thoát ly, lòng **khát** đã thoát ly, lòng **nhiệt tình** đã thoát ly, lòng **khát ái** đã thoát ly, **thời với tay và với chân, chúng phá tan**, phá vỡ, phá sập, không chơi với những căn nhà bằng đất ấy.*

11) Cũng vậy, này Ràdha, **Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với sắc**, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với **sắc**.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập và không chơi với **thức**, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với **thức**.

16) **Đoạn diệt khát ái,** này Ràdha, **là Niết-bàn**.

222 Ví dụ người mù được sáng mắt thấy được 5u - Kinh MAGANDIYA – 75 Trung II, 353

KINH MAGANDIYA

(Magandiya suttam)

– Bài kinh số 75 –* Trung *II, 353

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammasadhamma, trên thảm cỏ trong nhà lửa của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Kammasadhamma để khất thực. Đi khất thực ở Kammasadhamma xong, sau bữa ăn, trên đường khi khất thực về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Thế Tôn đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi du sĩ Magandiya, trong khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc họ Bharadvaja. Du sĩ Magandiya thấy thảm cỏ đã

soạn sẵn trong nhà lửa của vị Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, khi thấy vậy liền nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja:

– Tấm thảm cỏ này trong nhà lửa của Tôn giả Bharadvaja đã được sửa soạn cho ai, hình như là chỗ nằm ngủ của một Sa-môn?

– Thưa Tôn giả Magandiya, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca). Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Chỗ nằm này được sửa soạn cho Tôn giả Gotama ấy.

– Thật sự, này Tôn giả Bharadvaja, chúng tôi thấy một sự bất hạnh khi chúng tôi thấy chỗ ngủ của Tôn giả Gotama, một vị phá hoại sự sống (bhunahuno).

– Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Nhiều vương tộc trí giả, nhiều Bà-la-môn trí giả, nhiều Cư sĩ trí giả, nhiều Sa-môn trí giả có lòng tin nơi Tôn giả Gotama ấy, và đã tu tập theo Thánh đạo, theo Pháp và theo (chí) Thiện.

– Này Tôn giả Bharadvaja, nếu chúng tôi thấy mặt Tôn giả Gotama, chúng tôi sẽ nói như sau trước mặt vị ấy: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Nếu Tôn giả Magandiya hoan hỷ, tôi sẽ tin lại sự tình này cho Sa-môn Gotama biết.

– Tôn giả Bharadvaja hãy yên lòng, và hãy nói lên những điều gì đã được nói.

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe được câu chuyện giữa Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja và du sĩ Magandiya. Và Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, sau khi đến liền ngồi trên thảm cỏ đã soạn sẵn. Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đang ngồi một bên:

– Này Bharadvaja, có phải có cuộc nói chuyện giữa du sĩ Magandiya với Ông về vấn đề thảm cỏ này?

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Bharadvaja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, bạch Thế Tôn:

– Chính là điều chúng con muốn thưa với Tôn giả Gotama và Tôn giả Gotama đã đoán trước chúng con.

Nhưng cuộc nói chuyện này giữa Thế Tôn và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja nói chưa xong, du sĩ Magandiya, khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Magandiya đang ngồi một bên:

– *Này Magandiya, con mắt ưa thích sắc, ái lạc sắc, hoan hỷ sắc, và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì con mắt và thuyết pháp để phòng hộ con mắt. Này Magandiya, có phải vì vậy mà Ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?"*

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Này Magandiya, tai ưa thích tiếng... Này

Magandiya, mũi ưa thích hương... Này Magandiya, lưỡi ưa thích vị... Này Magandiya, thân ưa thích xúc... Này Magandiya, ý ưa thích pháp, ái lạc pháp, hoan hỷ pháp và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì ý và thuyết pháp để phòng hộ ý. Này Magandiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

*– Ông nghĩ thế nào, này Magandiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các sắc pháp, sau khi đoạn tận sắc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với sắc pháp, **người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.** Này Magandiya, Ông có nói gì về người này?*

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào? Này Magandiya, ở đây, có người trước kia đam mê các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận

thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các xúc, sau khi đoạn tận xúc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với các xúc, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Magandiya, Ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Magandiya, Ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Này Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy. Rồi Ta sau một thời gian, **sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng,** ***sau khi***

đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác, ***chưa xả ly tham ái đối với các dục***, đang bị các **dục ái** nhai nghiến, đang bị **dục nhiệt não** thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém, ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một gia chủ hay con một người gia chủ, giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vị ấy, sau khi làm thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau khi làm thiện ý hành, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này, cọng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Vị ấy ở đây, trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một

cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Thiên tử ấy, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vị ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy; hay năm dục trưởng dưỡng thuộc loài Người, hay trở lui về với các dục thuộc loài Người?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Vì thiên dục, thưa Tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia. Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn các dục trưởng dưỡng các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với

khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi; với thân (đầy) những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc, được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Người ấy thấy một người bị bệnh cùi khác, với thân (đầy) những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị cái loài trùng đục khoét, ***đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng****. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có ước vọng được như người cùi kia, hố than hừng, hay sự thọ dụng dược liệu không?*

– Không, thưa Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, khi có bệnh thời cần thuốc trị bệnh, khi không bệnh, thời không cần thuốc trị bệnh.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, các dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, **sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục**, **sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.** Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi, với thân (đầy) những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Rồi có hai lực sĩ, nắm chặt (hai) cánh tay người ấy và lôi kéo người ấy đến hố than hừng. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rút thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

– Thưa Tôn giả Gotama, có. Vì sao vậy? Vì sự xúc phạm với lửa, là đau khổ, thưa Tôn giả Gotama, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não.

– Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, hay là trước đây, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não?

– Thưa Tôn giả Gotama, hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và xưa kia, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau

khổ, rất là nồng cháy và rất là nhiệt não. Tuy vậy, thưa Tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này, với thân (đầy) những lở lói, với thân hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, với các căn bị hư hoại do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, lại có phản tưởng là được lạc thọ.

– Cũng vậy, này Magandiya, **sự xúc chạm với các dục** trong thời quá khứ cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện lại cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não. Và này Magandiya, những chúng sanh này chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, **do sự xúc chạm đau khổ với các dục,** **lại có phản tưởng là được lạc thọ.**

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi thân (đầy) lở lói, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Này Magandiya, người bị bệnh cùi với thân (đầy) lở lói, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, ***càng cào rách miệng các vết thương với các***

móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than hừng chừng nào thời <u>miệng các vết thương ấy lại càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng thêm thối nát</u>, *và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết thương.*

Cũng vậy, này Magandiya, các chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, chạy theo các dục. Này Magandiya, các chúng sanh, chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, ***càng chạy theo dục chừng nào, thời dục ái các chúng sanh ấy <u>càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt não thiêu đốt</u>***, *<u>và họ chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do duyên năm dục trưởng dưỡng</u>.*

Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Ông có thấy hay nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, <u>đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh không</u>?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Lành thay, này Magandiya! Này Magandiya,

Ta cũng không thấy, cũng không nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.

☞ Nhưng này Magandiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã sống, đang sống hay sẽ **sống với khát ái được đoạn trừ**, **với nội tâm an tịnh**, tất cả những vị này, <u>sau khi như chơn biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục ấy</u>, với dục ái được đoạn tận, với dục nhiệt não được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm được an tịnh.

Rồi Thế Tôn, thời ấy nói lên cảm hứng ngữ như sau:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.

Khi được nghe vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Lời này được Tôn giả Gotama khéo nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,

Niết-bàn, lạc tối thắng,

Con cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama, con cũng đã được nghe lời này, do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,

Niết-bàn, lạc tối thắng,

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, lời nói này lời nói kia phù hợp nhau.

– Nhưng này Magandiya, điều mà Ông đã được nghe do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,

Niết-bàn, lạc tối thắng,

Thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?

Khi được nói vậy, du sĩ Magandiya, tự lấy tay xoa bóp chân tay của mình và nói:

– Thế nào là không bệnh, thưa Tôn giả Gotama?

Thế nào là Niết-bàn, thưa Tôn giả Gotama? Tôi nay không bệnh, an lạc, không có bệnh tật gì ở tôi.

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh". Và người ấy tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy, sau khi lấy, đắp trên mình. Sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh".

Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Kẻ sanh ra đã mù kia, do biết, do thấy, lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình; người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay, tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh, hay là do lòng tin người có mắt?

– Thưa Tôn giả Gotama, do không biết, không thấy, kẻ sanh ra đã mù kia lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" là do lòng tin người có mắt.

– Cũng vậy, này Magandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết-bàn nhưng nói lên câu kệ này:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.

☞ **Này Magandiya, câu kệ này trong thời quá khứ đã được các bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên:**

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.

Và câu kệ ấy này được dần dần lan tràn đến dân chúng phàm phu.

Nhưng này Magandiya, thân này trở thành bệnh

khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng và với thân trở thành bệnh khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng này, Ông nói: "Thưa Tôn giả Gotama, cái này là không bệnh ấy, cái này là Niết-bàn ấy". Như vậy, này Magandiya, Ông không có Thánh nhãn ấy, với Thánh nhãn ấy Ông có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– *Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt không khởi lên, mắt không được sáng tỏ. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải vị thầy thuốc ấy cảm thấy mệt mỏi, phiền não không?*

– Thưa vâng, Tôn giả Gotama.

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", và Ông không biết không bệnh, không biết Niết-bàn thời như vậy làm Ta mệt mỏi, làm Ta phiền não.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", và người ấy đi tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy. Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình người ấy, các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, cho thuốc qua lỗ mũi. Người ấy

sau khi dùng thuốc, mắt được khởi lên, mắt được sáng tỏ. Với mắt được khởi lên, người ấy đoạn trừ tham dục đối với tấm y thô, dính dầu và dính đất kia, và người ấy có thể xem người kia là không phải bạn, có thể xem người kia là thù địch và nghĩ đến sát hại sinh mạng (của người kia): "Thật sự trong một thời gian dài, Ta bị người này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt với tấm y thô, dính dầu và đất: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn".

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", Ông có thể biết không bệnh, Ông có thể thấy Niết-bàn. **Và với mắt được khởi lên cho Ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ**; và Ông có thể nghĩ như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ, chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ, chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ, chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ, chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, nên có hữu; do duyên hữu, có sanh; do duyên sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ uẩn".

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn

giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta khiến ta có thể từ chỗ ngồi này đứng dậy, không còn mù nữa".

– Vậy này Magandiya, hãy thân cận các vị chân nhân. Này Magandiya, do Ông thân cận các vị chân nhân, thời này Magandiya, Ông sẽ được nghe diệu pháp. Này Magandiya, do ông được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp. Này Magandiya, do Ông sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: "Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên **được trừ diệt, không có dư tàn**. Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối

để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được các Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Con xin xuất gia với Tôn giả Gotama, con xin thọ đại giới.

– Này Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau.

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới; thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, hãy cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo.

Và du sĩ Magandiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Magandiya ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này

chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là mục đích của vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Tôn giả Magandiya hiểu biết như vậy.

Và Tôn giả Magandiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

223 Vô thường - Thế nào là vô thường và vô thường tánh - Kinh Vô Thường – Tương III, 340

Vô Thường – *Tương* III, 340

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *"Vô thường, vô thường", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô thường?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là vô thường. **Thọ** là vô thường. **Tưởng** là vô thường. **Hành** là vô thường. **Thức** là vô thường.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Vô Thường Tánh – *Tương* III, 340

*(Kinh như trên, chỉ thay "vô thường" bằng "**vô thường tánh**").*

224 Vị ngọt của 5 uẩn - Kinh Vị Ngọt – Tương III, 57

Vị Ngọt – *Tương* III, 57

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

4) "Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của sắc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thọ? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của tưởng? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của các hành? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thức?"

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

6)

- "**Do duyên sắc, lạc hỷ sanh**; cái ấy gọi là vị ngọt của sắc.
- **Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại** của sắc; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của sắc.

- **Sự nhiếp phục dục và tham** đối với sắc, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là xuất ly của sắc".

7) "Do duyên thọ, lạc hỷ sanh.."..

8) "Do duyên tưởng, lạc hỷ sanh..".

9) "Do duyên các hành, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của các hành. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của các hành; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của các hành. Sự nhiếp phục dục và tham đối với hành, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của các hành ".

10) "Do duyên thức, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của thức. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của thức; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục và tham đối với thức, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuấy ly của thức ".

11) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với **năm thủ uẩn** này, Ta chưa như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

12) Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

13) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta: **"Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".**

225 Vị ngọt của 5 uẩn - Kinh Vị Ngọt – Tương III, 61

Vị Ngọt – *Tương* III, 61

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, nếu không có **vị ngọt** của sắc, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của sắc cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với sắc.

4) Này Tỷ-kheo, nếu không có **sự nguy hiểm** của sắc, thời các loài hữu tình không có yếm ly đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm của sắc cho nên các loài hữu tình có yếm ly đối với sắc.

5) Này các Tỷ-kheo, nếu không có **sự xuất ly** đối với sắc, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của sắc cho nên các loài hữu tình có sự xuất ly đối với sắc.

6-8) Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thọ...

9-11) Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của tưởng...

12-14) Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của các hành...

15) Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thức, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của thức cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với thức.

16) Này các Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm đối với thức cho nên các loài hữu tình có yếm ly đối với thức.

17) Này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly đối với thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly đối với thức cho nên các loài hữu tình có xuất ly đối với thức.

18) Này các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với **năm thủ uẩn** này không như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo,

với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, không thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát, với tâm tự tại.

19) Và này các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với **năm thủ uẩn** này, như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát, với tâm tự tại.

226 Ác ma - Kinh Bình Bát – Tương I, 249

Bình Bát – *Tương* I, 249

1) Trú ở Sàvatthi. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về **năm thủ uẩn**, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

2) Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về năm thủ uẩn, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt (các Tỷ-kheo ấy)".

3*) Lúc bấy giờ có nhiều bình bát được đặt ra ngoài trời (để phơi cho khô).*

4) Rồi Ác ma biến hình thành con bò đực và đi đến các bình bát ấy.

5) Rồi một Tỷ-kheo nói với một Tỷ-kheo khác:

-- Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, con bò đực này sẽ làm bể các bình bát.

6) Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

-- Này Tỷ-kheo, nó không phải con bò đực. Nó chính là Ác ma muốn đến làm mờ mắt các ông.

7) Và Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Cái ấy không phải tôi,
Cái ấy không của tôi,
Như vậy đây ly tham,
Ly tham vậy, tâm an,
Mọi kiết sử siêu thoát,
Dầu tìm mọi xứ sở,
Ma quân không gặp được.

8) Ác ma biết được: " Thế Tôn đã biết ta...", liền biến mất tại chỗ ấy.

227 Ác ma hỏi nàng ai tạo ra bong bóng thân này - Kinh Selà – Tương I, 295

Selà – *Tương* I, 295

1) Ở tại Sàvatthi. Tỷ-kheo-ni Selà vào buổi sáng đắp y... ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Selà run sợ... nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Selà:

Bởi vì bong bóng này,
Được tạo tác làm ra,
Ai là người sáng tạo,
Bong bóng như huyễn này?
Từ đâu bong bóng sanh?
Đi đâu bong bóng diệt?

3) Rồi Tỷ-kheo-ni Selà suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

4) Rồi Tỷ-kheo-ni Selà suy nghĩ: "Đây là Ác ma, muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ Thiền định, nên đã nói lên bài kệ ấy".

5) Rồi Tỷ-kheo-ni Selà được biết: "Đây là Ác ma", nên trả lời Ác ma với bài kệ:

Bong bóng như huyễn này,
Không phải tự ngã làm,
***Sự vật bạc phước** này,*
Không phải người khác làm.

Do nhân duyên quy tụ,
Sự vật được hình thành,
Do nhân duyên tán ly,
Sự vật bị tiêu diệt.

Hột giống gieo vào ruộng,
Được nẩy mầm, sinh lộc,
Khi nhiễm thấm cả hai,
Vị đất và khí ướt.

*Cũng vậy **uẩn** và **giới**,*
*Cùng với **sáu xứ** này,*
Do nhân duyên quy tụ,
Chúng sẽ được hình thành,
Do nhân duyên tán ly,
Chúng bị hoại, tiêu diệt.

6) Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Selà đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

228 Ác ma hỏi thế nào là hữu tình - Kinh Vajirà – Tương I, 297

Vajirà – *Tương* I, 297

1) Ở tại Sàvatthi. Tỷ-kheo-ni Vajirà vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về, Tỷ-kheo-ni Vajirà đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày, đi sâu vào rừng Andha và ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Vajirà run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ Thiền định, liền đi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Vajirà:

> *3) Do ai, hữu tình này,*
> *Được sanh, được tạo tác?*
> *Người tạo hữu tình này,*
> *Hiện nay ở tại đâu?*
> *Từ đâu hữu tình sanh?*
> *Đi đâu hữu tình diệt?*

4) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

5) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà lại suy nghĩ: "Chính là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ Thiền định, nên đã nói lên bài kệ này".

6) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà biết được: "Đây là Ác ma", liền trả lời Ác ma với bài kệ:

Sao Ông lại nói hoài,
Đến hai chữ chúng sanh?
Phải chăng, này Ác ma,
Ông rơi vào tà kiến?
Đây quy tụ các ***hành****,*
Chúng sanh được hình thành,
Như bộ phận quy tụ,
Tên xe được nói lên.
Cũng vậy, ***uẩn*** *quy tụ,*
Thông tục gọi chúng sanh.
Chỉ có khổ được sanh,
Khổ tồn tại, khổ diệt,
Ngoài khổ, không gì sanh,
Ngoài khổ không gì diệt.

7) Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Vajirà đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

229 Ông có quyền hành gì đv sắc - TIỂU Kinh SACCAKA – 35 Trung I, 499

TIỂU KINH SACCAKA

(Culasaccaka suttam)

– Bài kinh số 35 – *Trung* I, 499

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Vesali, rừng Đại Lâm, tại giảng đường Trùng Các. Lúc bấy giờ Niganthaputta Saccaka ở tại Vesali tánh ưa luận chiến, biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính. Vị này thường xuyên bố cho hội chúng ở Vesali: "Ta không thấy một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường".

Rồi Tôn giả Assaji vào buổi sáng đắp y, cầm bát

vào Vesali để khất thực. Niganthaputta Saccaka, thường hay ngao du thiên hạ, thấy Tôn giả Assaji từ xa đi lại. Sau khi thấy, Niganthaputta Saccaka liền đến gần Tôn giả Assaji, nói lên những lời hỏi thăm, chào đón, xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Niganthaputta Saccaka nói với Tôn giả Assaji:

– Này Tôn giả Assaji, Sa-môn Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Và có những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Này Aggivessana, như thế này, Thế Tôn huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn như thế này, phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã". Như vậy này Aggivessana, Thế Tôn huấn luyện các đệ tử. Như vậy là các bộ môn mà phần lớn Thế Tôn giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Này Tôn giả Assaji, thật sự chúng tôi đã thất vọng khi nghe Sa-môn Gotama thuyết giảng như

vậy. Rất có thể chúng tôi sẽ gặp Tôn giả Gotama một thời nào đó và tại một chỗ nào đó. Rất có thể sẽ có một cuộc thảo luận. Rất có thể chúng tôi sẽ đoạn trừ ác tà kiến ấy.

Lúc bấy giờ, có khoảng độ năm trăm vị Licchavi tập hợp tại giảng đường vì một vài công vụ. Rồi Niganthaputta Saccaka đến chỗ các Licchavi ấy, sau khi đến, liền nói các vị ấy như sau:

– Hãy đến, các Tôn giả Licchavi; hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta. Nếu Sa-môn Gotama đứng đối thoại với ta như Tỷ-kheo Assaji, một vị đệ tử danh tiếng của ông ta đã làm, thì như một lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, dặc lui, vần quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng có thể kéo tới, dặc lui, vần quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một lực sĩ nghiện rượu, sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh. Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn

xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, ta nghĩ ta sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Hãy đến, các Tôn giả Licchavi. Hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta.

Một số Licchavi nói như sau:

– Làm sao Sa-môn Gotama có thể luận thắng Niganthaputta Saccaka? Niganthaputta Saccaka sẽ luận thắng Sa-môn Gotama.

Một số Licchavi lại nói như sau:

– Làm sao chỉ là Niganthaputta Saccaka lại có thể luận thắng Thế Tôn? Thế Tôn sẽ luận thắng Niganthaputta Saccaka.

Rồi Niganthaputta Saccaka với khoảng năm trăm Licchavi vây quanh, cùng đi đến Đại Lâm, giảng đường Trùng Các.

Lúc bấy giờ một số đông các Tỷ-kheo đang đi qua lại giữa trời. Niganthaputta Saccaka đến các Tỷ-kheo, sau khi đến, liền nói với các vị ấy:

– Chư Tôn giả, nay Tôn giả Gotama ở đâu? Chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Thế Tôn sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi Niganthaputta Saccaka cùng với đại chúng Licchavi, sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đến tại chỗ Thế Tôn. Sau khi đến Niganthaputta Saccaka nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Một số Licchavi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi chấp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi xưng tên họ của mình rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi im lặng ngồi xuống một bên.

Niganthaputta Saccaka sau khi ngồi xuống một bên nói với Thế Tôn:

– Tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama một vấn đề, nếu Tôn giả Gotama cho phép tôi được hỏi.

– Này Aggivessana, hãy hỏi như Ông muốn.

– Tôn giả Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Này Aggivessana, như thế này Ta huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn này, phần lớn Ta giảng dạy được dành cho đệ tử: *"Này các Tỷ-kheo, **sắc là vô thường**, **thọ** là vô thường, **tưởng** là vô thường, **hành** là vô thường, **thức** là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã".* Như vậy này Aggivessana, Ta huấn luyện các đệ tử. Các bộ môn như vậy, phần lớn ta giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Này Tôn giả Gotama, tôi có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Aggivessana, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Như các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh là vì tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh. Tôn giả Gotama, như các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác, tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy, các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác. Cũng vậy, này Tôn giả Gotama, như người này mà tự ngã là sắc, nhờ nương tựa sắc làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thọ, nhờ nương tựa thọ làm

thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là tưởng, nhờ nương tựa tưởng làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là các hành, nhờ nương tựa các hành làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thức, nhờ nương tựa thức làm thiện sự hay ác sự.

– Này Aggivessana, như vậy có phải ông nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta"?

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta". Và như đại chúng này cũng vậy.

– Này Aggivessana, đại chúng này có quan hệ gì với Ông? Này Aggivessana, hãy giải thích lời nói của Ông.

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta".

– Này Aggivessana, Ta sẽ hỏi Ông trở lại về vấn đề này. Ông có thể trả lời nếu Ông muốn. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Một vị vua Sát-đế-

lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất không?

– Tôn giả Gotama, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu, con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất. Này Tôn giả Gotama, cho đến các giáo đoàn, các đoàn thể, như các Vajji, các Malla, vẫn có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất, còn nói gì một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha. Này Tôn giả Gotama, vị ấy có quyền hành ấy và xứng đáng có quyền hành ấy.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi như thế này, sắc của tôi không phải như thế này"

không?

Được nói vậy Niganthaputta Saccaka giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Lần thứ hai, Niganthaputta Saccaka vẫn giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, nay Ông phải trả lời. Nay không phải lúc Ông giữ im lặng nữa. Này Aggivessana, ai được Như Lai hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

Lúc bấy giờ thần Dạ xoa Vajirapani (Kim Cang Thủ) đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói, đứng trên không trên đầu Niganthaputta Saccaka với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến câu hỏi thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà Niganthaputta Saccaka

không trả lời, thì ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và Niganthaputta Saccaka mới thấy thần Dạ xoa Vajirapani. Niganthaputta Saccaka sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng, ngược, chỉ tìm thấy sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự an ổn nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự nương tựa nơi Thế Tôn, liền bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama hãy hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", thì Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thọ là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với thọ ấy và có nói được, rằng: "Thọ của tôi phải như thế này, thọ của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Tưởng là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với tưởng ấy và có nói được rằng: "Tưởng của tôi phải như thế này, tưởng của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Các hành là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Các hành của tôi phải như thế này, các hành của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời.

Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thức là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Thức của tôi phải như thế này, thức của tôi không phải như thế này" không?

- Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông.

Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thọ... (như trên)... tưởng... (như trên)... các hành... (như trên)... Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ, tham đắm khổ, quán khổ và nói: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Người ấy có thể liễu tri cái khổ của tự mình hay có thể sống trừ diệt khổ không?

– Làm sao có thể được, Tôn giả Gotama? Không thể như vậy, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi chỗ này chỗ kia tìm kiếm lõi cây. Người ấy cầm một cái búa sắc bén, đi vào rừng. Người ấy có thể thấy ở đây thân một cây chuối lớn thẳng đứng, còn trẻ, không có khúc đốt. Người ấy có thể chặt gốc cây ấy. Sau khi chặt gốc cây, người ấy chặt ngọn cây. Sau khi chặt ngọn cây, người ấy có thể lột ra các lá cuộn tròn. Nhưng khi lột ra các lá cuộn tròn, người ấy không tìm được giác cây, còn nói gì đến lõi cây.

Cũng vậy này Aggivessana, khi được Ta hỏi, Ta cật vấn, Ta chất vấn về những lời của Ông, Ông đã tự tỏ ra trống rỗng, trống không, thất bại. Nhưng này Aggivessana, những lời nói mà Ông tuyên bố cho hội chúng ở Vesali: *"Ta không thấy một Sa-môn hay Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu có tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với Ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không bị toát mồ hôi nách. Dầu Ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường"*. Nhưng chính từ nơi trán của Ông, này một người thường. Nhưng chính từ nơi trán của ông, này Aggivessana, những giọt mồ hôi đang chảy xuống, sau khi thấm qua

thượng y, đang rơi xuống đất. Còn Ta, này Aggivessana, nay không có mồ hôi nào trên thân Ta.

Rồi Thế Tôn để lộ kim thân cho Hội chúng ấy thấy. Khi nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời.

Rồi Dummukha, một người con Licchavi, biết được Niganthaputta Saccaka im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Dummukha, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Bạch Thế Tôn, như một hồ sen không xa làng hay thị trấn bao nhiêu, ở đây có con cua. Bạch Thế Tôn, rồi một số đông con trai hay con gái đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, đến tại hồ sen kia, sau khi đến, lặn xuống hồ nước ấy bắt con cua lên và đặt nó trên đất khô. Bạch Thế Tôn, khi con cua này thò ra cái càng nào, thì các đứa con trai hay con gái ấy, với cái gậy hay miếng sành, chặt, bẻ gãy và đập nát cái càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con cua ấy bị chặt, bị bẻ

gãy, bị đập nát tất cả càng, không thể lội xuống hồ sen ấy như trước.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, mọi khúc thuyết, gian kế, tranh luận của Niganthaputta Saccaka đã bị Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy, đập tan. Và nay, bạch Thế Tôn, Niganthaputta Saccaka, không thể đến gặp Thế Tôn, chớ đừng nói là có ý định đàm luận.

Khi được nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka nói với Licchavi Dummukha:

– Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Chúng tôi không đàm luận với Ông. Chúng tôi đang đàm luận với Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama, hãy để yên những lời nói của chúng tôi và lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Tôi nghĩ cuộc đàm luận vô bổ này thật đáng hối tiếc! *Cho đến mức độ nào, một đệ tử Thanh văn của Tôn giả Gotama trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bổn Sư, khỏi phải nương tựa vào ai?*

– Ở đây, này Aggivessana, đệ tử Thanh văn của Ta, đối với mọi sắc pháp, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "*Cái này*

không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Đối với mọi cảm thọ... đối với mọi tưởng... đối với mọi hành... đối với mọi thức, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Cho đến mức độ như vậy, này Aggivessana, một đệ tử Thanh văn của Ta trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bổn Sư, khỏi phải nương tựa một ai.

– *Cho đến mức độ nào, này Tôn giả Gotama, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát?*

– Ở đây, này Aggivessana, Tỷ-kheo đối với bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các sắc pháp, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chứng được vô chấp thủ giải thoát. Đối với bất cứ thọ nào... bất cứ tưởng nào... bất cứ hành nào... đối với bất cứ thức

nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", **chứng được vô chấp thủ giải thoát**. Cho đến mức độ này, này Aggivessana, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát. *Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo thành tựu ba pháp vô thượng: Kiến vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng*. **Được giải thoát như vậy, này Aggivessana, vị ấy chỉ kính lễ, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường Như Lai**: "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn".

Được nghe nói vậy, Niganthaputta bạch với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chúng tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Này

Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con voi điên, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu chống đám lửa hừng, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con rắn độc dữ tợn, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu với Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, chúng tôi thật lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh xuất. Chúng tôi đã dám nghĩ, dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả Gotama nhận lời, ngày mai dùng bữa ăn của tôi cùng với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Niganthaputta Saccaka, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền nói với các Licchavi:

– Các Tôn giả Licchavi hãy nghe tôi. Sa-môn Gotama ngày mai được mời ăn với chúng Tỷ-kheo. Hãy đem đến cho tôi những gì quý vị nghĩ là hợp thời.

Rồi những Licchavi ấy, sau khi đêm ấy đã mãn cho đem đến Niganthaputta Saccaka khoảng năm

trăm phần cơm cúng dường nấu với sữa. Rồi Niganthaputta Saccaka, tại vườn của mình, cho soạn các món ăn thịnh soạn, loại cứng và loại mềm, rồi cho báo tin giờ cho Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ. Cơm đã sửa soạn xong.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến khu vườn của Niganthaputta Saccaka, sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi Niganthaputta Saccaka, tự tay hầu hạ các món ăn thịnh soạn loại cứng và loại mền cho chúng Tỷ-kheo, cầm đầu là đức Phật. Rồi Niganthaputta sau khi biết Thế Tôn dùng bữa ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Niganthaputta Saccaka bạch Thế Tôn:

– Này Tôn giả Gotama, trong cuộc bố thí này, nếu có công đức và công đức địa, mong rằng những vị bố thí sẽ được hưởng hạnh phúc.

– Này Aggivessana, sẽ có (công đức) cho những người bố thí, đối với người đáng được cúng dường như Ông, dầu Ông không phải là không có tham, không phải là không có sân, không phải là không có si; sẽ có (công đức) cho Ông, này Aggivessana, đối

với người đáng được cúng dường như Ta, và Ta là người không có **tham**, không có **sân**, không có **si**.

230 Ý là chỗ dung nạp đối cảnh, hành cảnh của 5 căn - Kinh BàLaMôn Unnàbha – Tương V, 339

BàLaMôn Unnàbha – *Tương* V, 339

1) Ở Sàvatthi...

2) Rồi Bà-la-môn Unnàbha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Unnàbha thưa Thế Tôn:

3) -- *Có năm căn này, thưa Tôn giả Gotama, đối cảnh khác nhau (nànavisayàni), hành cảnh khác nhau (nànà - gocaràni), chúng không dung nạp (paccanubhoniti) hành cảnh đối cảnh của nhau. Thế nào là năm?* ***Nhãn*** *căn,* ***nhĩ*** *căn,* ***tỷ*** *căn,* ***thiệt*** *căn,* ***thân*** *căn. Thưa Tôn giả Gotama, năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau, thời cái gì làm chỗ quy tựa cho chúng? Và cái gì dung nạp hành cảnh đối cảnh của chúng?*

4) -- *Này Bà-la-môn, có năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp*

hành cảnh đối cảnh của nhau. Thế nào là năm? Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

*Này Bà-la-môn, năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau, **ý** làm chỗ quy tựa cho chúng, **ý** dung nạp hành cảnh đối cảnh của chúng.*

5) -- *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho ý?*

-- Này Bà-la-môn, ***niệm*** *là chỗ quy tựa cho ý.*

6) -- *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho niệm?*

-- Này Bà-la-môn, ***giải thoát*** *là chỗ quy tựa cho niệm*.

7) -- *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho giải thoát?*

-- Này Bà-la-môn, ***Niết-bàn*** là chỗ quy tựa cho giải thoát.

8) -- *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì là chỗ quy tựa cho Niết-bàn?*

-- *Này Bà-la-môn, câu hỏi đi quá xa (ajjhaparam) không thể nắm được chỗ tận cùng của câu hỏi. Này Bà-la-môn,* ***Phạm hạnh được sống để thể nhập Niết-bàn****, Phạm hạnh lấy Niết-bàn làm mục đích, lấy Niết-bàn làm cứu cánh.*

9) Rồi Bà-la-môn Unnàbha hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

10) Sau khi Bà-la-môn ra đi không bao lâu, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

11) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái nhà có nóc nhọn, hay một giảng đường có nóc nhọn, với cửa sổ hướng về phía Đông, khi mặt trời mọc và các tia nắng chiếu vào ngang qua cửa sổ, chúng dựa vào chỗ nào?*

-- Chúng dựa trên bức tường phía Tây, bạch Thế Tôn.

12) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, lòng tin của Bà-la-môn Unnàbha hướng về, căn cứ, được an trú trên Như Lai. Lòng tin ấy kiên cố, không bị Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chiếm đoạt. Nếu trong lúc này, này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Unnàbha bị mệnh chung, không có một

kiết sử nào có thể cột để kéo Bà-la-môn Unnàbha trở lui về đời này.

231 Đoạn diệt cái gì - Kinh Ananda – Tương III, 51

Ananda – *Tương* III, 51

1) Ở tại Sàvatthi... trong vườn...

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- "Đoạn diệt, đoạn diệt", bạch Thế Tôn, chúng con được nghe nói đến. Do đoạn diệt những pháp nào, bạch Thế Tôn, được gọi là đoạn diệt?

4) **Sắc**, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của sắc được gọi là đoạn diệt.

5) **Thọ**, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thọ được gọi là đoạn diệt.

6-7) **Tưởng**, này Ananda, là vô thường...

Các **hành**, này Ananda, là vô thường...

8) **Thức**, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thức được gọi là đoạn diệt.

9) Sự đoạn diệt của những pháp này, này Ananda, được gọi là đoạn diệt.

232 Đầu đuôi của sự tu tập - Kinh Khema – Tương III, 230

Khema – *Tương* III, 230

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo Trưởng lão sống ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Khemaka trú tại vườn Badarica, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi các Tỷ-kheo Trưởng lão, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy và gọi Tôn giả Dàsaka:

- Hãy đến đây, này Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Này Hiền giả Khemaka, các Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *'Này Hiền giả, Hiền giả có kham nhẫn được không? Hiền giả có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?'*"

4) -Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến, nói với Tôn giả Khemaka:

- Các Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: "Hiền giả có kham nhẫn được không? Này Hiền giả Khemaka... không phải tăng trưởng?"

5) -Tôi không có thể kham nhẫn, thưa Hiền giả... tôi không có thể chịu đựng... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!

6) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Thưa chư Hiền, Tỷ-kheo Khemaka nói như sau: "Tôi không có thể kham nhẫn, này Hiền giả... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!"

7) Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Này Hiền giả Khemaka, các bậc Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *'Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến **năm thủ uẩn**, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?'"*

8) -Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến...

- Các bậc Trưởng lão, này Hiền giả, nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?"

9) -Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả.

10) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả!"

11) - Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Các vị Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: *'Hiền giả Khemaka, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức*

là sắc thủ uẩn...thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, nếu Tôn giả Khemaka không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả, thời Tôn giả Khemaka là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận".

12) -Thưa vâng, chư Hiền giả.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

- Này Hiền giả Khemaka, các bậc Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Nếu Tôn giả Khemaka, trong năm thủ uẩn này, không quán cái nào là tự ngã hay ngã sở, thời Tôn giả Khemaka là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc".

13). .. - Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả. Nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn này, **dầu cho tôi có chứng được:** "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".

14) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến Tỷ-kheo Trưởng lão... nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, thưa Hiền giả, tôi không quán cái gì là ngã hay là ngã sở. Tuy vậy, tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn, dầu cho tôi chứng được: "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: " Cái này là tôi ".

15) Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: Thưa Hiền giả Khemaka, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *"Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?" Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc?. ..; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?". Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì?"*

16) - Thưa vâng.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

17) - Thôi vừa rồi, Hiền giả Dàsaka chạy qua, chạy lại như thế này để làm gì? Hãy đem gậy lại đây! Ta sẽ đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão!

18) Rồi Tôn giả Khemaka chống gậy đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo Trưởng lão những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

19) Các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka đang ngồi một bên:

- Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"...; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?"; Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói "Tôi là", là cái gì?

20) - Thưa chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc". Tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác thức". Dầu rằng, này các Hiền giả, Tôi có chứng được (tư tưởng): "Tôi là", nhưng tôi không có quán: "Cái này là tôi".

21) *Ví như, này chư Hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa trắng, nếu có người nói: "Hương thuộc về lá hay thuộc về sắc, hay thuộc về nhụy hoa", nói như vậy có nói đúng không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

- Vậy chư Hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn?

Chư Hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn.

22) Cũng vậy, này chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc"; tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "Tôi là thọ"... "Tôi là tưởng"... "Tôi là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi không nói: "Tôi là khác thức". Nhưng này chư Hiền, dầu rằng đối với năm thủ uẩn của tôi được có này, tôi không có quán: "Cái này là tôi".

23) ***Dầu cho*** *đối với vị Thánh đệ tử, này chư Hiền,* ***năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận****, nhưng vị ấy còn nghĩ: "Đối với năm thủ uẩn,* ***vẫn còn dư tàn tế nhị"****. Dư tàn* ***kiêu mạn*** *"Tôi là", dư tàn* ***dục*** *"Tôi là", dư tàn* ***tùy miên*** *"Tôi là" chưa được vị ấy đoạn trừ.* ***Vị ấy sau một thời gian, sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn:*** *"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi,*

đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt"

24) *Vì rằng vị ấy sống, **quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn** này, các **dư tàn** ngã mạn (?) "Tôi là", các dư tàn ngã dục "Tôi là", các dư tàn ngã tùy miên (?) "Tôi là", mà vị ấy chưa được đoạn trừ, nay đi đến đoạn tận.*

25) *Này chư Hiền, ví như một tấm vải nhớp nhúa dính bụi, những người chủ giao nó cho một người thợ giặt. Người thợ giặt sau khi nhồi nó, đập nó trong nước muối, hay trong nước tô đã, trong nước phân bò rồi giặt sạch nó trong nước trong. **Dầu cho tấm vải ấy nay được sạch sẽ, trong trắng, nhưng nó vẫn còn dư tàn mùi muối hay mùi tô đã, hay mùi phân bò**. Người thợ giặt giao lại tấm vải cho những người chủ. Những người chủ đem bỏ nó vào trong **một cái hòm có ướp hương thơm**. Như vậy cái dư tàn mùi muối hay mùi tô đã bay mùi phân bò chưa được đoạn tận, nay được đoạn trừ.*

26-27) *Cũng vậy, này chư Hiền, dầu cho vị Thánh đệ tử **đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử**, nhưng với vị ấy, cái dư tàn trong năm thủ uẩn, dư tàn ngã mạn "Tôi là", dư tàn ngã dục "Tôi là", dư tàn ngã tùy miên: "Tôi là" chưa được đoạn trừ. Vị ấy sau một*

*thời gian, **sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn**: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt". Vì rằng vị ấy <u>sống</u> tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này <u>nên</u> các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "Tôi là", ngã dục "tôi là", ngã tùy miên "Tôi là" <u>chưa</u> được đoạn tận <u>nay</u> đi đến đoạn trừ.*

28) Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka:

- Không phải chúng tôi vì muốn phiền nhiễu Tôn giả Khemaka mà chúng tôi hỏi. Nhưng vì chúng tôi nghĩ rằng: "Tôn giả Khemaka có thể giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi <u>giáo lý của Thế Tôn</u>".

29) Và rồi Tôn giả Khemaka đã giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn.

30) Tôn giả Khemaka thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo Trưởng lão hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Khemaka giảng.

31) Trong khi lời dạy này được nói lên, khoảng sáu mươi Tỷ-kheo được tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, kể cả Tôn giả Khemaka.

233 Đầu đuôi của sự tu tập - Kinh THIỀN – Tăng IV, 173

THIỀN – *Tăng* IV, 173

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng:*

- *"Y chỉ nơi sơ Thiền, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiền thứ hai, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiền thứ ba, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiền thứ tư, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Không vô biên xứ...*
- *"Y chỉ vào Thức vô biên xứ...*
- *"Y chỉ vào Vô sở hữu xứ...*
- *"Y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, các lậu hoặc được đoạn tận".*

2. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào sơ Thiền, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên gì, được nói đến như vậy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú sơ Thiền.

*Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về **sắc**, thuộc về **thọ**, thuộc về **tưởng**, thuộc về **hành**, thuộc về **thức**, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. **Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy.***

*Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp áy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn". **Vị ấy trú ở đây đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.***

Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung, tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ hay trên đống đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú sơ Thiền. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán

là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khác lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào sơ Thiền, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

3. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ Thiền thứ hai... y chỉ Thiền thứ ba... y chỉ Thiền thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc, đoạn tận khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.

Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.

Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp áy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ hay trên đống đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc... chứng đạt và an trú sơ Thiền... thứ tư. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt

nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khác lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.

Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy.

Sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào sơ Thiền, thứ hai... thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

4. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào* ***Không vô biên xứ Thiền****, các lậu hoặc được đoạn tận, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không

là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành... vị ấy... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: "Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

5. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào* ***Thức vô biên xứ****... y chỉ vào* ***Vô sở hữu xứ****... các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về thọ, thuộc về tưởng... vị ấy... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Vô sở hữu xứ, các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến.

*Như vậy, **xa cho đến các tưởng Thiền chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy trí để thể nhập.***

*Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các xứ này, như **Phi tưởng phi phi tưởng** Thiền chứng và **Diệt thọ tưởng** là những xứ, các Tỷ-kheo Thiền quán, khéo léo chứng nhập, khéo léo khởi xuất Thiền chứng. Ta nói rằng: **"Sau khi chứng nhập và khởi xuất, các xứ ấy cần phải được chơn chánh làm cho biết rõ".***

234 Đầu đuôi của sự tu tập - Kinh Vị Giữ Giới – Tương III, 298

Vị Giữ Giới – *Tương* III, 298

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

2-3) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta... thưa như sau:

-- Thưa Hiền giả Sàriputta, những pháp gì **Tỷ-kheo giữ giới** cần phải như lý tác ý?

4) -- Này Hiền giả Kotthika, Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

5) Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Hiền giả Kotthika, vị Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

6) Này Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỷ-kheo giữ giới **do** như tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Dự lưu.**

7) -- *Với **Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu**, này Hiền giả Sàriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý?*

8-9) -- Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Nhứt lai.**

10) -- *Nhưng **Tỷ-kheo Nhứt lai**, này Hiền giả Sàriputta, phải như lý tác ý các pháp gì?*

11) -- Tỷ-kheo Nhứt lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Nhứt lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả Bất lai.**

12) -- *Nhưng **Tỷ-kheo Bất lai**, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì?*

13-15) -- Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Bất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được **quả A-la-hán.**

16) -- *Nhưng **vị A-la-hán**, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì?*

17) -- Vị A-la-hán, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

18) Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Vị Có Nghe – *Tương* III, 300

(Hoàn toàn như kinh trước, chỉ thay thế vị có nghe cho vị giữ giới).